

# NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

HAI TRĂM NĂM CÁCH MẠNG PHÁP  
(1789 — 1989)

**2**  
**(245)**  
**1989**

**VIỆN SỬ HỌC**  
**ỦY BAN KHOA HỌC**  
**XÃ HỘI VIỆT NAM**

# NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

XUẤT BẢN 6 SỐ MỘT NĂM

Tổng biên tập:

CAO VĂN LƯỢNG

**Số 2**

**(245)**

**1989**

Trụ sở: 38, phố Hàng Chuối, Hà-nội

Điện thoại: 53200

## MỤC LỤC

|                  |                                                                                                      |    |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Phạm Như Cương   | : Kỷ niệm 200 Cách mạng Pháp 1789                                                                    | 1  |
| Michel Vovelle   | : Những cột mốc đặt cho một môn lịch sử các trạng thái tâm lý dưới thời Cách mạng                    | 6  |
| Dương Kinh Quốc  | : Vài nét về nước Pháp trước Cách mạng 1789 bùng nổ.                                                 | 12 |
| Văn Tạo          | : Cách mạng Pháp 1789: Tính chất, ý nghĩa, đặc điểm.                                                 | 19 |
| Daniel Hémery    | : Qua 200 năm: Những vấn đề về Cách mạng Pháp.                                                       | 26 |
| Nguyễn Ngọc Minh | : Tuyên ngôn 1789 về quyền con Người và quyền của người Dân - Ý nghĩa lịch sử và thời đại của nó.    | 36 |
| Nguyễn Xuân Trúc | : "Tự do - Bình đẳng" trong quan niệm của các nhà Cách mạng Pháp.                                    | 40 |
| Nguyễn Anh Thái  | : Bàn về nền dân chủ tư sản được thiết lập trong Đại Cách mạng Pháp 1789.                            | 49 |
| Nguyễn Văn Kiệm  | : Cuộc đấu tranh chống Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã trong Cách mạng tư sản Pháp (1789 - 1801.)     | 58 |
| Đỗ Quang Hưng    | : Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cách mạng Pháp 1789                                                        | 68 |
| Nguyễn Thành     | : Những người cộng sản Việt Nam kỷ niệm 150 năm Cách mạng Pháp (1789 - 1939)                         | 75 |
| Chương Thâu      | : Ảnh hưởng cách mạng tư sản Pháp đối với một số nhà nho Việt Nam yêu nước và tiến bộ đầu thế kỷ XX. | 79 |
| Phan Huy Lê      | : Mối quan hệ giữa hai sự kiện lịch sử cùng thời điểm, khác tính chất.                               | 87 |
| Bửu Nam          | : Vài suy nghĩ về Cách mạng Pháp 1789 và công cuộc đổi mới của chúng ta.                             | 91 |

THÔNG TIN

## THÔNG BÁO

Theo Quyết định của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội V.N. kể từ ngày 1 tháng 4-1989, Giáo sư Sử học NGUYỄN HỒNG PHONG giữ chức **Viện trưởng Viện Sử học**, Giáo sư Sử học CAO VĂN LƯỢNG giữ chức **Tổng biên tập** tạp chí Nghiên cứu lịch sử, thay Giáo sư Văn Tạo nghỉ nhiệm vụ quản lý đề tập trung làm công tác nghiên cứu khoa học.

Vậy chúng tôi xin thông báo đề cộng tác viên và bạn đọc biết.

**VIỆN SỬ HỌC  
TẠP CHÍ NCLS**

# KỶ NIỆM 200 NĂM CÁCH MẠNG PHÁP 1789\*

PHẠM NHƯ CƯƠNG

Thưa các Bạn,

Hôm nay, chúng ta những nhà khoa học xã hội Việt Nam, các bạn Pháp và quốc tế cùng có mặt tại đây để kỷ niệm một trong những sự kiện lịch sử vĩ đại nhất của nhân loại diễn ra cách đây đúng hai thế kỷ. Đó là cuộc *Đại Cách mạng Pháp* mà hình ảnh ngục Bastille sụp đổ trước sức công phá vũ bão của dân thành Paris ngày 14-7-1789 mãi mãi vẫn in đậm trên các trang sách giáo khoa cũng như trong tư tưởng của các thế hệ như một dấu mốc lịch sử quan trọng trên tiến trình phát triển của nhân loại.

Cuộc Cách mạng 1789 không chỉ đưa vua Louis XVI lên đoạn đầu đài, mà nó tuyên bố một cách đồng loạt và dứt khoát sự cáo chung của chế độ phong kiến chuyên chế ở nước Pháp. Mặc dù châu Âu vào thế kỷ XVIII đã có các cuộc cách mạng tư sản ở Anh, Hà Lan..., hé mở những chân trời rộng lớn cho sự phát triển của xã hội loài người bước ra khỏi đêm tối của chủ nghĩa phong kiến để vươn tới một hình thái kinh tế xã hội tiên tiến hơn; nhưng chính, cuộc Cách mạng Pháp năm 1789 mới thực sự mở toang cánh cửa để nhân loại bước sang thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa với những đặc trưng ưu việt hơn xã hội cũ như các nhà tư tưởng của thế kỷ ánh sáng đã soi rọi.

Cuộc Cách mạng 1789 đã để lại cho nước Pháp một di sản thiêng liêng, đó là

sự thống nhất quốc gia với ý thức « dân tộc là một và không thể phân chia ». Sự thống nhất đó vừa là hệ quả, vừa là nền tảng của thiết chế xã hội tư sản trên đó hình thành những nguyên lý cơ bản về nhà nước và pháp luật về kinh tế và xã hội..., tiêu biểu là sự thiết lập nền Cộng hòa, đã để lại cho nhân loại những bài học quý giá về nền dân chủ tư sản cùng những thuộc tính lịch sử của nó. Ý thức thống nhất dân tộc đó cũng tạo nên sức mạnh của nước Pháp cách mạng đương đầu với mọi thế lực phản cách mạng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đó cũng là sự gợi ý về quyền tự quyết của mỗi dân tộc và quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Cuộc Cách mạng 1789 với bản *Tuyên ngôn về quyền con người và quyền công dân* bắt hủ phản ánh sự khao khát tự do không chỉ của nhân dân Pháp dưới nền chuyên chế phong kiến mà là tiếng nói chung của cả nhân loại và của mọi thời đại. Lý tưởng cao cả « *Tự do – Bình đẳng – Bác ái* » ghi trên lá cờ của nước Pháp cách mạng, khẩu hiệu đánh thép « *Sống tự do hay là chết* » vang lên trong những biến cố 200 năm trước đây... mãi mãi trở thành ước vọng và ý chí của con người thuộc mọi thế hệ.

\* Diễn văn khai mạc Hội thảo khoa học về Cách mạng Pháp 1789, tổ chức ngày 10-4-1989 tại Hà Nội của Giáo sư chủ nhiệm UBKHIXHVN.

Những ý nghĩa cao cả và vĩ đại của Cách mạng Pháp 1789 là điều đã được nhiều thế hệ khẳng nhận. Tuy nhiên sự đánh giá về sự kiện lịch sử này không chỉ đơn giản như vậy. Trong suốt 200 năm qua cho tới tận hôm nay, các thế hệ vẫn nối tiếp đặt ra những câu hỏi xoay quanh sự kiện lịch sử này với hy vọng tìm ra cho mình những bài học thiết thực cho những vấn đề của đời sống chính trị nóng bỏng. Người ta vẫn luôn đặt câu hỏi đi tìm dấu gạch nối giữa lý tưởng nhân bản cao đẹp của cuộc Cách mạng nhằm giải phóng con người với hiện thực khốc liệt được biểu trưng bằng « đoạn đầu dài », nơi không chỉ định đoạt số phận vua Louis XVI và bọn bảo hoàng mà lại cũng là nơi kết thúc cuộc đời của người anh hùng tiêu biểu nhất cho cuộc cách mạng – Robespierre – và hầu hết những yếu nhân của thời đại ấy; người ta còn đặt những dấu hỏi e ngại đối với nền chuyên chính Jacobin, đỉnh cao của Cách mạng 1789 khi muốn đồng nhất Cách mạng với bạo lực khủng bố và sự phá hoại; người ta cũng đặt dấu hỏi nghi ngờ tính cao cả của cuộc Cách mạng trước tình cảnh đen tối của những người lao động và đặc biệt là các dân tộc thuộc địa... Ở một cực khác, người ta lại đặt dấu chấm than trong việc đánh giá Cách mạng Pháp như một cánh cửa duy nhất và vĩnh hằng cho sự nghiệp giải phóng con người phủ nhận hoặc hạ thấp mọi cuộc cách mạng tiếp theo như những nấc thang phát triển của nhân loại, đặc biệt là đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa...

Tôi muốn chia sẻ sự đồng tình đối với nhận định của một trong những sử gia nghiên cứu về Cách mạng Pháp nổi tiếng nhất – Albert Sobocul – rằng: « Luôn luôn được chiêm ngưỡng hoặc nghi ngờ, Cách mạng Pháp bao giờ cũng sống động trong ý thức mọi người ». (*La Révolution française*, Gallimard, Paris, 1987, tr. 560).

Quả thật, trải qua hai thế kỷ, Cách mạng Pháp 1789 luôn luôn là nguồn cảm

hứng, là bài học ngụ ngôn cho các thế hệ tiếp tục suy nghĩ về những vấn đề của hiện thực nóng bỏng đã đặt ra. Những người mác-xít trung thành với học thuyết về chủ nghĩa duy vật lịch sử luôn ý thức được tầm vóc lớn lao của Cách mạng Pháp đối với thời đại của nó và những tác động mạnh mẽ của nó đối với sự phát triển về sau của nhân loại. Những nhà khai sáng tư tưởng xã hội chủ nghĩa khoa học như Marx Engels đã đánh giá rất cao những tư tưởng dân chủ và hiện thực cuộc đấu tranh giai cấp sống động trong Cách mạng Pháp. Engels đã nhận xét rằng chủ nghĩa duy vật lịch sử « xuất hiện... như là một sự tiếp tục được phát triển xa hơn, và do đó mà triệt để hơn, những nguyên tắc đã được các nhà triết học khai sáng lỗi lạc của nước Pháp hồi thế kỷ XVIII nêu lên (theo K. Marx, F. Engels – *Tuyên tập*, tập III, tr. 119, bản tiếng Pháp). V.I. Lênin, từ trên tầm cao của hiện thực nước Nga cách mạng đã khái quát tầm vóc của Cách mạng Pháp trong một nhận định như sau: « Toàn bộ thế kỷ XIX, thế kỷ đã đem lại văn hóa và văn minh cho loài người đã trôi qua dưới dấu ấn của Cách mạng Pháp. Thế kỷ đó chỉ làm có một việc ở khắp mọi nơi trên thế giới là thực hiện từng phần, hoàn thành những điều mà các nhà cách mạng vĩ đại của giai cấp tư sản Pháp đã sáng tạo ra; các nhà cách mạng này đã phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản một cách không có ý thức dưới những lời lẽ về Tự do, Bình đẳng, Bác ái (*Lênin Toàn tập*, bản tiếng Việt, tập 38. Nxb Tiến Bộ, Matxcova 1978 tr. 440). Người còn nhấn mạnh rằng: đó là « một cuộc Cách mạng vĩ đại chính vì đã bảo vệ những thành quả của nó, nó đã biết huy động quảng đại quần chúng nhân dân đứng lên chống lại toàn thế giới » (sdd, tr. 63).

Những nhà sáng lập ra chủ nghĩa Marx cũng luôn luôn nhấn mạnh tính liên tục của lịch sử, tính kế thừa trong sự phát triển của nhân loại để đặt dấu gạch nối giữa Cách mạng Pháp 1789 với các cuộc

cách mạng tiếp theo mà Cách mạng Xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga là một đỉnh cao rực rỡ. Cách mạng Pháp 1789 có thể là một ngọn hải đăng đặt ở vị thế rất cao, với những luồng sáng cực mạnh rọi chiếu cho nhân loại ở những thế kỷ tiếp theo. Nhưng, Cách mạng Pháp và những tư tưởng tiến bộ của nó sẽ không đủ sức chiếu xa và chiếu sáng mãi mãi nếu như nó không được những thế hệ cách mạng tiếp theo và những tư tưởng cách mạng tiên tiến hơn kế thừa và phát triển với những chuyển đổi về chất, kịp đáp ứng với sự phát triển không ngừng của nhân loại. Chủ nghĩa xã hội khoa học, cách mạng vô sản và những lý tưởng về xã hội cộng sản chủ nghĩa trong đó có Cách mạng tháng Mười Nga phải được coi là sự nối tiếp biện chứng và những dấu mốc vĩ đại trên con đường tiến hóa tất yếu của lịch sử xã hội loài người, mà thế hệ chúng ta đã, đang và sẽ chứng kiến. Theo tôi, đó là thái độ trân trọng khách quan và khoa học để tiếp thu những di sản quý báu của cuộc Cách mạng Pháp 1789 và làm cho những tư tưởng vĩ đại của cuộc cách mạng ấy vẫn tiếp tục sống trong thời đại đầy biến đổi của chúng ta.

#### Thưa các bạn

Hội thảo về Cách mạng Pháp, còn quan tâm đến một hiện tượng lịch sử quan trọng, đó là những ảnh hưởng của tư tưởng Cách mạng Pháp 1789 với Cách mạng Việt Nam và mối quan hệ lịch sử giữa hai dân tộc.

Vào thời điểm bùng nổ cuộc Cách mạng Pháp, năm 1789, thì lịch sử Việt Nam cũng đang chứng kiến đỉnh cao của phong trào Tây Sơn với những sự kiện chói lọi quang vinh của mùa xuân năm Kỷ Dậu. Giữa hai biên cố này, có phải phát không ít những nét tương đồng thú vị: sự vùng dậy của những người nghèo khổ chống áp bức, sự phát triển thành một phong trào dân tộc chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc, sự xóa bỏ tình trạng cát cứ tạo dựng nên thống nhất quốc

gia, sự ra đi quá sớm của những thủ lĩnh tài ba đang ở độ tuổi sung sức nhất (Quang Trung mất năm 1792 khi 39 tuổi, Robespierre lên máy chém năm 1794 lúc mới 36 tuổi...) Các nhà sử học cũng lục tìm được những bằng chứng liên quan đến các hoạt động thực dân buổi khởi đầu của triều đình Versailles đối với Việt Nam v.v...

Tuy nhiên, phải đến đầu thế kỷ XX trào lưu của những tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây mà sức hấp dẫn nhất vẫn thuộc về những tên tuổi của Thế kỷ Ánh sáng như Montesquieu, J. J. Rousseau mới bắt đầu thâm nhập vào phương Đông, trong đó có dân tộc Việt Nam, trong bối cảnh các dân tộc thuộc địa đang khao khát tự do và tìm kiếm vũ khí để giành tự do.

Cho đến đầu thế kỷ này, đối với người Việt Nam, nước Pháp vẫn đồng nhất với kẻ xâm lược và áp bức, khẩu hiệu « Tự do – Bình đẳng – Bác ái » là giả dối và ngày 14-7 hàng năm kỷ niệm Cách mạng Pháp hẳn sâu trong ý nghĩ người Việt Nam nổi cay đắng về sự mất Tổ quốc và nhân phẩm như nhà thơ Nguyễn Khuyến đã khắc họa trong bài « Hội Tây »... Sự thực là chủ nghĩa thực dân Pháp đã phản bội những lý tưởng cao cả của Cách mạng Pháp, đúng như văn hào nổi tiếng của nước Pháp – Anatole France đã viết: « Sự hư đốn của nền dân chủ phơi bày một cách trắng trợn, lộ liễu ở xứ Đông Dương... những người dân chủ thành tin ở bên Mầu quốc, nhưng ở đây thì tay cầm bản Tuyên ngôn Nhân quyền còn chân lại dẫm vào đầu người bản xứ, bóc thuế tăng gấp 3 lần... » (Avesne. – *En face du Soleil levant*. P., 1909. tr. 7).

Vượt qua được mặc cảm đó, một thế hệ những người Việt Nam yêu nước và cấp tiến đã tìm đến một nước Pháp lý tưởng của những năm 1789, qua « tàn thư » từ Trung Hoa, Nhật Bản tràn tới, và một số khác trực tiếp sang tận nước Pháp... Họ đặt niềm hy vọng vào nền

dân chủ tư sản của nước Pháp sẽ đem lại sức mạnh tự cường dân tộc và giành độc lập. Tiêu biểu cho khuynh hướng này là nhà ái quốc Phan Chu Trinh. Nhưng rồi chính ông, sau nhiều năm ôn áp và phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc bằng con đường không bạo lực và những lý tưởng dân chủ tư sản, đã phải đi đến kết luận cay đắng: « Cái khát vọng Tự do—Bình đẳng—Bác ái mà ông Mạnh Đức Tư Cru, ông Lur Thoa khởi xướng chẳng nhỏ giọt nào trên cái đất An Nam mình. Xem thế thì gần ngay được rằng, một chủng tộc muốn được như một chủng tộc văn minh thì chỉ có tự lập, tự cường ».

Điều đáng chú ý là sự thừa nhận trên được Phan Chu Trinh bày tỏ trong một bức thư đề ngày 18-12-1922, cho Nguyễn Ái Quốc, lúc này đã là một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp.

Cũng mang niềm khao khát từ tuổi thiếu niên đối với lý tưởng « Tự do, Bình đẳng, Bác ái », Nguyễn Ái Quốc sang tới nước Pháp và người đã tìm ngay đến với những chủ nhân chân chính của lý tưởng đó. Chính trong lòng nhân dân lao động Pháp, Người đã được hưởng cái không khí cách mạng mà Người đã ví là « những câu lạc bộ Jacobin » để từng bước nhận chân được những giá trị đích thực của tư tưởng Cách mạng 1789 và sự nghiệp của nhân dân Pháp tiếp tục đấu tranh để những lý tưởng đó trở thành hiện thực ngay trên đất Pháp và với cả các thuộc địa đau thương. Trở thành người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc cũng phát hiện sự liên minh tất yếu giữa lý tưởng chân chính của Cách mạng tư sản 1789 với lý tưởng giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Khi tố cáo việc viên Toàn quyền Lyautey ngăn cấm việc truyền bá bản Tuyên ngôn Nhân quyền vào các thuộc địa châu Phi, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định rằng: « đề xứng đáng với quyền con Người và quyền Công dân, họ còn phải làm tròn bổn phận của họ là những con Người

và những Công dân nữa, nghĩa là phải tổ chức nhau lại và đấu tranh để giành lấy các quyền đó như người Pháp đã từng làm hồi 1789 và như giai cấp vô sản cách mạng ngày nay đang làm » (Hồ Chí Minh *tuyên lập*, t. I, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1980, tr. 67).

Là một nhà tổ chức cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã truyền đạt cho những chiến sĩ yêu nước Việt Nam mà sau này trở thành hạt nhân của Đảng Cộng sản những ý nghĩa và bài học lịch sử sâu sắc rút ra từ cuộc Cách mạng tư sản Pháp 1789 qua những tài liệu xuất bản và các lớp huấn luyện ở Quảng Châu (1925-1927).

Chính vì vậy, thái độ chủ đạo của những người Cộng sản Việt Nam là thái độ trân trọng và sử dụng di sản tích cực của Cách mạng Pháp phục vụ thiết thực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cũng là cuộc cách mạng tư sản dân quyền do giai cấp vô sản Việt Nam lãnh đạo. Một lần nữa, những người cách mạng Việt Nam bày tỏ một cách tập trung nhất quan điểm chính trị của mình đối với cuộc Cách mạng vào dịp kỷ niệm 150 năm sự kiện lịch sử này (1939). Một sự thật lịch sử là một số đông trí thức cách mạng Việt Nam, trong đó có thế hệ chúng tôi, trước khi đến với chủ nghĩa Marx, đã tiếp thu những bài học đầu tiên về dân chủ, tự do, nhân quyền trải qua sự tiếp xúc với lịch sử và văn học Pháp thời Cách mạng 1789.

Cách mạng Tháng 8-1945 thành công nền Dân chủ Cộng hòa của nước Việt Nam được thiết lập với lời *Tuyên ngôn Độc lập* trịnh trọng mở đầu bằng những tư tưởng bất hủ của Cách mạng Pháp 1789. Trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng nền Dân chủ và bảo vệ nền Độc lập của mình, những người Cách mạng Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa đề cập tới những tư tưởng của Cách mạng Pháp, coi đó là lý tưởng tốt đẹp để vươn tới và cũng coi đó là vũ khí chống lại những mưu đồ phản dân chủ, trước hết của chính

nước Pháp thực dân. Đây cũng là thời gian lịch sử, những tình cảm và quan niệm tốt đẹp về Cách mạng Pháp được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần đề cập tới: «Cái mà các bạn coi là lý tưởng cũng phải là lý tưởng của chúng tôi.. Chúng tôi kính phục cái dân tộc lớn lao ấy đã là kẻ đầu tiên truyền bá tư tưởng rộng rãi về Tự do, Bình đẳng, Bác ái và đã cống hiến rất nhiều cho văn hóa, khoa học và cho văn minh... Các bạn cũng tự hiểu cái chủ nghĩa thực dân đã làm đục danh tiếng của nước Pháp» (*Thư gửi những người Pháp ở Đông Dương, Tháng 10 – 1945*).

Đúng vào dịp kỷ niệm 157 năm cuộc Cách mạng Pháp (1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đang có mặt tại Paris đã bày tỏ tình cảm và quan điểm của mình đối với nước Pháp, quê hương của cuộc Cách mạng 1789:

«Nước Pháp của cuộc Cách mạng 1789, nước Pháp của cuộc kháng Đức, của cuộc Giải phóng đã tượng trưng hơn bao giờ hết lý tưởng tự do và dân chủ. Và nước Việt Nam chiến đấu giành độc lập chỉ là người theo những lý tưởng dân chủ mà dân tộc Pháp là người tiên phong». (*Phát biểu ngày 11-7-1946 tại Paris*)

Nhắc lại lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vào dịp này, chúng ta trân trọng khẳng định những ý nghĩa lớn lao của cuộc Đại Cách mạng Pháp 1789, xác định những nền tảng của mối quan hệ giữa hai dân tộc. Những người cộng sản và nhân dân Việt Nam qua kinh nghiệm bản thân, phân biệt rõ «hai nước Pháp»: nước Pháp chân chính, vĩ đại của những truyền thống dân chủ, cách mạng và chủ nghĩa thực dân Pháp, Chúng tôi mãi mãi biết ơn phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp nhằm ủng hộ chúng tôi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới giành độc lập dân tộc.

Là những nhà khoa học xã hội, tôi hy vọng rằng Hội thảo khoa học này sẽ giúp chúng ta nhận thức sâu sắc hơn nữa, một sự kiện tuy cách đây đúng hai thế kỷ nhưng rất gần gũi với những suy nghĩ, những mối quan tâm mà nhân dân Việt Nam cũng như nhân loại tiến bộ đang phấn đấu cho một sự nghiệp đổi mới hướng tới một thế giới Hòa bình Hữu nghị, Dân chủ và Tiến bộ xã hội.

Với tinh thần đó, tôi hy vọng cuộc Hội thảo khoa học của chúng ta về Cách mạng Pháp 1789 sẽ đạt nhiều kết quả tốt đẹp.

• IV – 1989

# NHỮNG CỘT MỐC ĐẶT CHO MỘT MÔN LỊCH SỬ CÁC TRẠNG THÁI TÂM LÝ DƯỚI THỜI CÁCH MẠNG

MICHEL VOVELLE

## LỊCH SỬ CỦA MỘT KHÁM PHÁ

Đề cập tới thực tế cách mạng bằng cách đi vòng qua lịch sử của các trạng thái tâm lý có thể là điều bất thường. Môn lịch sử mới này đã phát triển tại nước Pháp từ hai chục năm nay, chỉ mới bắt đầu phát hiện ra cách mạng, và ngược lại, lịch sử cách mạng đã có một thời gian ngò vức những 'sách báo mới đó.

Đây là một sự hiểu lầm đang bắt đầu tiêu tan; hiểu vì sao, có lẽ là đặt vấn đề chung vào đúng chỗ của nó. Thế mà người ta có thể nói, không nghịch lý, rằng tất cả một lịch sử tiền khoa học về cách mạng Pháp ở thế kỷ vừa qua muốn có một cách tiếp cận, trước khi hoàn bị, các trạng thái tâm lý. Lịch sử lãng mạn, trong con người của Michelet, bị cuốn hút vào hai kẻ chủ chốt của cái được coi là một tấn kịch tập thể, thể hiện bằng những bóng tối và ánh sáng: một bên là người anh hùng, dù xác thực hay không, nhưng thường thường hoạt động và tin ở sức người. Mặt khác là quần chúng, nhân vật tập thể gây hứng khởi và làm lo lắng, một hình tượng có thực hay bị biến dạng của cái « dân chúng » mà người ta nhớ lại sự xuất hiện. Cái lịch sử trực giác này, có tính chất ẩn tượng chủ nghĩa, rung cảm, không còn là của chúng ta nữa: như vậy không có nghĩa là chẳng có ở Michelet những ánh đèn chớp sáng quắc dọi vào trung tâm những vấn đề rất hiện đại, đặc biệt trong việc gọi lại những « ngày » cách mạng, cuộc

chiếm ngục Bastille hôm 11 tháng Bảy 1789, sự trở về của hoàng gia trong những « ngày tháng Mười » cùng năm đó, hoặc cuộc chiếm cung điện Tuileries hôm mồng 10 tháng Tám 1792. Những hình ảnh mà trong đó tập trung đúng thời gian một « không khí » lúc ấy. Chúng ta sẽ sai trái, ngay dù chúng ta hiện giờ làm khác, khi coi lịch sử đó là lỗi thời. Và Jaurès, trong cuốn *Lịch sử xã hội chủ nghĩa* của ông là cuốn sách đã đặt cơ sở của một thứ lịch sử xã hội thật sự về cách mạng Pháp, đã biết cách không quên Michelet.

Theo cách nhìn giản lược, điều đã làm sao lãng những lối tiếp cận đó, có lẽ là cách sử dụng chúng của một lịch sử « thực chứng » nào đấy ở cuối thế kỷ trước. Ông Taine vừa tiếp nối lại vừa trái ngược với Michelet: trong cuốn sách của ông về tâm lý cách mạng mà ông viết dưới ánh sáng làm biến dạng của những kinh nghiệm Công xã Paris, mà ông cho là gây chấn thương tâm thần, trước tiên là không có mối thiện cảm đối với sự kiện cách mạng mà ta thấy ở Michelet. Nhưng bằng một cách nào đó, ông lại làm như Michelet bằng những trực giác đôi khi sâu sắc. Chính nổi tiếng là việc ông gọi lại tâm lý cũng như các thái độ của nông dân trước ngày nổi ra cách mạng: có một hồ nước, anh ta hăng chân, anh ta nghẹt thở và hoảng hốt. Cơn hoảng loạn của sống còn, hay

giá đắt đỏ của thóc lúa, đây là cái hồ nước của người nông dân Pháp, ở ranh giới sự sống sót.

Nhưng Taine ứng dụng vào các đề tài lãng mạn một cách độc mới: nếu vấn đề người anh hùng mờ đi đối với ông, chắc vì ông không tìm thấy những vấn đề như vậy khá hợp với ý thích của mình, thì ông lại bầu chặt lấy vấn đề dân chúng. Chỉ ít cũng nổi tiếng như hình tượng mà chúng ta vừa gọi lại là bài hợp tuyền mà qua đó ông so sánh quần chúng cách mạng với người say rượu: mới đầu vui vẻ, sau đó sáng, khoái và hữu nghị, rồi dần dần không cưỡng được những xung năng dữ dội, bất hợp lý và «câu kính». Đằng sau cái ẩn dụ văn học hiện lên một mô hình thuyết minh – sự thu nhỏ hình người quần chúng thành những cách ứng xử của một người say hay một trẻ thơ – mà sau đây người ta sử dụng tốt: thí dụ tiến sĩ Leben, tác giả một tiểu luận nổi tiếng về *Những quần chúng cách mạng* và là người hệ thống hóa Taine, kể mà ông phỏng theo, thu nhỏ các cách ứng xử thành một số nhất định những tính hướng sơ đẳng. Tác phẩm này, mà chúng ta có thể thấy là cồ lỗ, cho đến ngày hôm qua vẫn còn kiên trì tồn tại. Nó đề nặng lên những suy nghĩ gần bó với vấn đề bạo lực (Georges Sorel). Nó lại được thấy, mới hơi đổi mới tí chút, trong một tập kinh điển được tái bản cho đến ngày hôm nay như *Sự cưỡng bức dân chúng bằng tuyên truyền cách mạng* của S. Tcha-kotino, mới gần đây – thời kỳ chiến tranh Angiêri – còn là một trong những kinh thánh của các nhà lý luận Pháp về chiến tranh tâm lý. Đến với dân chúng từ những con amip, anh học trò này của Pavlov cho họ vay mượn một lối chơi các tính hướng sơ đẳng (nghe, nhìn) chỉ cần vận dụng một cách có ý thức. Ta hiểu rõ sự tiện lợi của một mô hình giản dị như thế trong một cuốn sách bảo thủ; gạt bỏ lịch sử và hệ tư tưởng, để chỉ giữ lại cách thao tác. Ta cũng hiểu vì sao các nhà sử học, ý thức được rằng mình chẳng thấy lợi lộc gì ở đây, đã

chống lại những sơ đồ đó, nhưng qua đó cũng ngờ vực, có lẽ quá đáng, một thứ lịch sử các tâm lý bị coi là đáng ngờ và lừa phỉnh.

Cách phân xét đó không đúng đối với Georges Lefebvre mà ta có thể coi là người sáng lập thật sự một cách tiếp cận hiện đại môn lịch sử các tâm lý cách mạng: trước hết vì, ở một bài viết vẫn còn nổi tiếng về «Quần chúng cách mạng», ông chú trọng đặt lại bàn tay của lịch sử lên lĩnh vực tuột khỏi nó: thay thế huyền thoại về quần chúng bằng một cách phân tích khách quan đặt quần chúng vào bối cảnh của họ, các động cơ của họ, việc nghiên cứu họ về mặt xã hội. Và qua đây, đi đến một hệ thống loại hình nhiều màu vẽ. Trước hết, G. Lefebvre tự mình nêu gương, trên thực địa, như tác giả một tiểu luận cho đến nay vẫn có tính hiện đại đáng ngạc nhiên: trong cuốn *Nỗi khiếp sợ lớn*, ông đã khám phá một cách thích đáng những sự kiện cho đến bây giờ vẫn chưa được người ta hiểu, trong khi dựng lại bằng một cuộc điều tra gần như theo lối cảnh sát những con đường lan truyền nỗi khiếp sợ – một cách kinh hoàng, rồi ở thời kỳ thứ hai, đề ra một bối cảnh thuyết minh, bắt đầu từ cái khung kinh tế – xã hội của khủng hoảng đến huyền thoại về «tên cướp» «âm mưu» trong không khí xúc cảm của thời đại. Phải chăng G. Lefebvre là người đơn độc trong bối cảnh những năm 1920–30 khi ông soạn *Nỗi khiếp sợ lớn*? Tuy nhiên ta chớ quên rằng, cũng chính lúc ấy, Albert Mathiez, vốn là nhà nghiên cứu lịch sử những sự bùng phát cách mạng trước khi là người bảo vệ Robespierre, đã khám phá sự vận động xã hội trong quan hệ với đời sống đắt đỏ dưới thời cách mạng: theo lời ông, dưới ánh sáng những sự hạn chế của cuộc chiến tranh 1914–1918, bắt đầu từ một bối cảnh kinh tế – xã hội, nhận dạng một «bầu không khí» tập thể.

Vì sao, mặc dầu có những tiền đề đó, ta vẫn cứ nên giữ ấn tượng, cho phần

tiếp theo, về một cuộc đối thoại của những người điếc, giữa lịch sử Giacôbanh với lịch sử các trạng thái tâm lý? Chính vì lịch sử các trạng thái tâm lý được xây dựng, cho đến một ngày mới đây, trong khoảng thời gian rất dài của những diễn biến nhiều thế kỷ, dù đây là văn hóa hay là, huống chi, những thái độ vô thức trước sự sống hoặc cái chết. Rồi, từ phía nhiều nhà nghiên cứu lịch sử thời kỳ dài, dựa vào trường phái *Biên niên*, sự rập tâm hạ thấp ý nghĩa biến cố cách mạng đã dẫn tới chỗ đánh giá quá thấp « cái lâm ly thống thiết » công kênh. Chúng tôi mượn tính từ này của Fernand Braudel, người dùng nó trong một bài viết nổi tiếng về « Thời gian dài » (1978), và chúng tôi thấy chắc chắn rằng trong cuộc tiến công dai dẳng của ông chống sự kiện xảy ra ở cách thể hiện cũ môn lịch sử « lịch sử hóa » từ nay bị ngăn cấm, các bậc thầy sáng lập trường phái *Biên niên* có thể đã muốn loại bỏ cái chương ngại công kênh của cách mạng, một loại hình của hiện tượng phụ, thậm chí của cái tai nạn được tăng lên một cách quá quắt trong ký ức tập thể. Và lá bùa trừ tà này không thể có lợi cho việc tỉnh đến năng lực cảm giác, hoặc tính, đến tâm lý cách mạng, nảy sinh từ lúc đó, và rõ ràng là tồn tại ngăn ngui. Theo một truyền thống gần gũi, François Duret và Denis Richet, trong tiểu luận của họ về cách mạng Pháp, không giảm đi, lúc mới thoát nhìn, sức nặng của các trạng thái tâm lý hoặc những năng lực cảm giác mà đôi khi họ liên hệ tới, mà thường coi những cái đó là những sự kháng cự, những tính ý, di sản của một quá khứ rất xa tái hiện trong những ngọn lửa của thuyết cứu thế dân gian, giống như các động tác tự phát nhất—bạo lực, nổi khiếp sợ—nhắc lại bằng tiếng vọng các ảo ảnh cũ nảy ra từ nơi sâu thẳm của các thời đại.

Ngược lại, ta có thể thấy trong lịch sử truyền thống Giacôbanh một thái độ ngập ngừng kéo dài, mặc dầu tầm quan trọng to lớn của cách phân tích tâm lý người cách mạng Paris mà Albert Soboul đề ra

hoặc sự nghiên cứu tỷ mỉ của môn xã hội học quần chúng mượn ở Georges Rudé, nằm trong dòng vấn đề kế thừa của Georges Lefebvre, nhưng tạo cho nó có một tầm rộng mới, chứng tỏ sự đổi mới khoa biên soạn lịch sử cách mạng ở khúc ngoặt của những năm 1960. Nhưng thái độ ngập ngừng này được chứng minh là đúng, khi ta nhìn thấy những cái tái hiện từ sự khám phá lại tâm lý cách mạng, trong một số tiểu luận gần đây. Ta nghĩ đến Richard Cobb, chuyên gia thông thạo, mà chẳng bao lâu nữa ta sẽ lại thấy một vài bài phân tích, dựng lên thành dung diện hình của người chiến sĩ Giacôbanh, thiên cận, tàn nhẫn, nói to và uống khỏe, chú trọng làm nên sự nghiệp riêng của mình bằng bộ máy quan liêu hay quân đội cách mạng: nhân vật thiếu lịch sự ở ngay trong thời anh ta, lúc sự dụng độ cách mạng chỉ là việc của một thiểu số rất nhỏ, ở một thời kỳ mà ai nấy chạy mà trong đó mỗi người chỉ nghĩ đến sự sống sót của mình. Nếu lịch sử các tâm lý, ứng dụng vào mảnh đất cách mạng rủi ro, chung quy chỉ là cách tiếp cận về mặt tâm lý những ảo ảnh của ngày hôm nay, được nuôi dưỡng bằng những ảo ảnh của hôm qua, thì chúng ta chẳng tiến được mấy từ ông Taine.

Cách tiếp cận như vậy, dù giá trị của nó như thế nào đi nữa, may thay không tiêu biểu cho trào lưu hiện thời nói chung, một trào lưu thăm dò lĩnh vực các trạng thái tâm lý cách mạng, và chẳng phải chỉ từ sau năm 1968 những khái niệm như ngày hội, bạo lực và — sao lại không? — cách mạng mới lại trở thành hợp thời. Ở đây, sâu hơn, ở sự vận động của khoa biên soạn lịch sử có lẽ có sự trở lại chống những cái quá đáng của một môn lịch sử về thời gian dài, làm tăng giá trị những mảng dài bất động, biến tâm lý tập thể thành chỗ của « các nhà ngục lâu dài » mà F. Braudel nói đến: điều đó chắc chắn không sai, nhưng chung quy là phủ định những năng lực

sáng tạo của thời điểm đó, sự chuyển dịch bất thần, lúc kích phát, trong đó lẫn lộn quá khứ, đôi khi tương lai, và bao giờ cũng một hiện tại được trải qua một cách mạnh mẽ. Như vậy, ta cũng đề cập đến lịch sử những « sự kháng cự » dưới thời cách mạng (ngôn ngữ địa phương, các tiếng nói của khu vực), và

những sự đổi mới mạnh mẽ, dù được tiếp nhận hay không (việc bỏ đạo Cơ đốc, ngày hội), ở khuôn khổ của một thứ lịch sử không còn bố trí những điểm tốt và điểm xấu nữa, mà rối cục tìm ra ở thời điểm đoạn tuyệt và bập bênh của cách mạng một phạm vi thí nghiệm ưu tiên,

## NHỮNG LĨNH VỰC MỚI, NHỮNG NGUỒN TƯ LIỆU MỚI

Lấy việc nghiên cứu những trạng thái tâm lý tập thể thay cho môn tâm lý học cũ về quần chúng hoặc về các cá nhân, như thế hơn là thay đổi tinh thần, và cả thay đổi phương pháp. Nghiên cứu các thái độ tập thể trong cả khối đồ sộ của chúng hay trong sự ầm danh của chúng, tức là phải ra khỏi cái khung chật hẹp của những nguồn tư liệu truyền thống, và đặc biệt của báo cáo hay lời kể, hình chiếu của một cách nhìn chính thức, đề khảo sát những sự im lặng cũng như những lời công bố của một xã hội đang cách mạng.

Như thế không có nghĩa là, vai trò của tư liệu thành văn, trong một thời kỳ cầu kỳ hoa mỹ và thường thường dễ quan liêu, tăng gấp bội những cuộc đờn tra và bản trưng trình, đã đề mất đi tầm quan trọng của nó. Ta chỉ cần đọc khác đi: diễn văn cách mạng, diễn văn của các hội nghị, của các cuộc tập hợp và các ngày hội, viết tay hay được phát đi cái mới lạ này – báo chí –, được xử lý ở ạt bằng phương pháp mới của từ điển học hay sự phân tích ngữ nghĩa. Bằng cách đó người ta đi đến chỗ khơi động và xác định rõ những giấc mơ đã nuôi dưỡng một thời đại (tự do, tái tạo...) như những giá trị mà nó muốn khuyến khích hay giải thoát (cuồng tín, mê tín). Rồi những nguồn khác của văn bản hay của lời truyền miệng được viết thành văn bản (ít « cao quý » hơn so với những mã cũ) đã được tăng giá trị: ta sẽ tìm kiếm sự diễn đạt trong bài hát, áp phích, « truyền đơn ». Sự ầm danh của những

thái độ bí mật, không để lại dấu vết hoặc chỉ để lại tý chút, lộ ra trong những thống kê của nhân khẩu học lịch sử. Chính trong hồ tịch hoặc những sổ thống kê cách mạng (năm II và IV) mà ta có thể cân sức nặng những động tác và cách ứng xử mới: sự hòa trộn mạnh thêm của các tập đoàn cư dân, ngọn lửa của ly hôn ngay sau hôm sắp xếp yên chỗ, một bước ngoặt đôi khi quyết định trong những tiến bộ của việc ngăn ngừa sinh đẻ, sự bãi bỏ những điều ngăn cấm cũ (tôn trọng những thời gian nghỉ lễ) hoặc sự bền bỉ dai dẳng của chúng... Lịch sử những sự im lặng được tạo nên như vậy từ các nguồn tư liệu khuyết danh và đồ sộ. Những con số thống kê của nhân khẩu học lịch sử có tiếng vang trong xã hội học chính trị. Phân tích thành phần cấu tạo các đám quần chúng bắt đầu từ những kẻ tham gia các đám đó, nêu lên hình dáng điển hình của người cách mạng thành phố Macxây ở các thời kỳ khác nhau từ những sổ đăng ký sự có mặt, như tôi đã làm, tức là gắn lịch sử các tâm lý, mà xét đại thể, lịch sử các tâm lý chỉ là sự kéo dài của lịch sử xã hội định lượng.

Trong những cách tiếp cận mới đã được viết thành văn bản này, một số hướng đi tăng thêm giá trị như đặc biệt có khả năng hơn đề tường thuật hình ảnh diễn ra trong nháy mắt của cách mạng. Đây là trường hợp tất cả những gì, từ gần hay từ xa, có thể được xếp vào mục cách nhìn « trấn áp ». Người ta

có thể cãi lại rằng, những nguồn này ngày càng được nhiều người biết và tăng thêm giá trị ở tất cả các thời đại khác: nhưng cách mạng là một cuộc chiến đấu, một cuộc đấu tranh tạo cho chúng một giá trị đặc biệt. Cách nhìn trần áp có thể vô danh hay được che lấp: đây là cuộc « điều tra », khởi đầu của môn dân tộc học lịch sử, mà chế độ cũ đang tàn lụi đã khám phá. Cách mạng, trong những giới hạn thời gian của nó, biết ứng dụng cách điều tra đó vào những trường hợp khẩn cấp mà nó tự xác định: thí dụ, cuộc điều tra về các tiếng địa phương, được tiến hành theo sáng kiến của thầy dòng Grégoire, khám phá ra sự đa dạng ngôn ngữ của nước Pháp cách mạng. Sự trần áp, nói trực tiếp hơn nữa, đây là cách nhìn cảnh sát: các báo cáo của những kẻ chỉ điểm cho Hội nghị Quốc ước hay cho chế độ Đốc chính không phải không được khoa biên soạn lịch sử truyền thống biết đến..., nhưng chính một trong những thành tích lớn của Richard Cobb là đã làm tăng giá trị những nguồn tư liệu này. Từ các thủ tục điều tra, những cuộc lấy khẩu cung và những tờ « phiếu » của bọn can phạm, cả một mạng lưới những cách ứng xử và thái độ đã bộc lộ, từ lũ cận bã của xã hội đô thị (ở Pari hay Lyon) đến xã hội ngoài lề của những kẻ lang thang ở đồng bằng vùng Beauce. Trước ông ta, tôi đã đếm, theo các giấy tờ xét xử và các sổ nhận tù của các nhà ngục, những phần tử của cái thế giới tội phạm này ở thời kỳ Đốc chính: nhưng thực ra, tất cả những ai, từ hai mươi lăm tuổi, tìm cách lập lại phong trào nhân dân, cũng đều khai thác các hồ sơ cảnh sát hoặc tư pháp của các chiến sĩ, những người ít khi được thưởng công (những người chiến thắng ở Bastille năm 1789 hay ở Tuileries năm 1792), mà thường thường bị truy tố, dù đây là những người cách mạng ở Pari mà Albert Soboul nghiên cứu, hay những kẻ tham gia những ngày cách mạng mà Georges Rudé chẳng những phân tích hình dáng xã hội học, mà cả động cơ và

tư tưởng xuất phát từ ngôn từ. Các nguồn tư liệu cảnh sát, các nguồn tư liệu trần áp: nếu như người ta không tham gia vào cuộc đến mức bị lừa phỉnh bởi các nguồn đó, những yếu tố quý giá để nghiên cứu khả năng nhạy cảm cách mạng.

Có lẽ ta dừng lại đây, dù ta mới chỉ thấy một phần những cái có thể xuyên thủng bức tường im lặng của những ai không viết ra. Nếu đúng là lịch sử các tâm lý, như hiện nay ta làm, yêu cầu phải tìm đến cả một hệ thống tư liệu, trong đó vẫn bản không chiếm một vị trí lẫn át, thì tình tiết cách mạng, do vô số hình thức biểu hiện mới mà nó tạo ra, lại nhấn mạnh đặc điểm. Cách mạng, đây cũng là cách mạng của hình tượng, con bài phải chơi, cái đĩa hay thứ đồ sành được trang trí, vật chống đỡ và biểu hiện của một năng lực cảm giác mới và của một thông báo vừa cổ kính vừa rất đổi mới. Ta sẽ sai lầm nếu giới hạn việc điều tra ở những bằng chứng về cái mà ta nhất trí gọi là văn hóa bình dân. Cách mạng là một trong những mưu toan đầu tiên và đồ sộ nhất nhằm di chuyển, thậm chí phá bỏ ranh giới giữa văn hóa thượng lưu và văn hóa bình dân, bằng cách dề ra cho tất cả một mô hình đạo đức và thẩm mỹ chung. Vì « nghệ thuật lớn » đã nhập cuộc, bước xuống đường để gây cảm hứng cho môn trang hoàng cảnh trí các ngày hội cách mạng, nên nó làm chúng một cách sinh động hơn bao giờ hết cho một năng lực nhạy cảm mới. Mong rằng người ta theo dõi, chẳng hạn, trong bộ tranh rộng lớn tranh vẽ và tranh khắc, các biểu hiện mới của chủ nghĩa anh hùng, tình yêu, nhất là cái chết, có mặt ở bất cứ đâu, dưới những vẻ hào nhoáng bề ngoài, và người ta kiểm kê một mức độ chủ yếu của năng lực nhạy cảm tập thể. Sự biểu hiện bằng họa hình làm chứng ở nhiều mức độ, ở đây là một mức độ hoàn hảo và ẩn dụ. Nhưng ta có thể tin ở nó bằng một chứng cứ trực tiếp hơn nhiều, bằng cách theo dõi, chẳng hạn, mục rất chính

xác (nhưng không phải là trong trắng) của những tranh khắc những ngày cách mạng mà các bậc thầy của môn nghệ thuật này cung cấp: Prieur, Duplessis-Berteaux, Monet và Helman... Một môn ký hiệu học về hình tượng, hiện đang tìm kiếm phương pháp, có thể hỏi những biểu hiện giàu hình ảnh này ở nhiều mức độ. Từ nghệ thuật bình dân đến nghệ thuật thượng lưu, ta có thể đề ra cho âm nhạc một phép biện chứng điều tra song song: nói theo cách của Méhul, thứ âm nhạc đã tự cấm cho nó « những sợi rìa » để làm chói lý tưởng anh hùng của thời đại được chấp nhận. Cho đến khi có cuộc điều tra bằng miệng như hiện nay ta làm, chẳng ai có thể dời một ánh sáng mới vào cái đã được truyền từ cơn choáng của cuộc cách mạng mà người ta đã trải qua hoặc nhận thấy. Ở địa điểm đó, thí dụ, theo những cuộc điều tra hiện hành ở Xavoa, cách mạng ở làng mạc vẫn là một trong những chấn thương chủ yếu mà người ta liên hệ đến, như liên hệ tới một vết cắt chủ yếu trong dòng lịch sử. Ở nơi khác, trong vùng Cévennes theo đạo Tin lành, những cuộc đụng độ cách mạng rất mạnh đã bị tiêu hóa bằng một kỷ niệm khác, kỷ niệm cuộc chiến tranh Camisards: cái công trường đề ngổ chưa công bố hết những bí mật của nó. Theo dòng những cách tiếp cận trái ngược nhau đó, khái niệm tâm lý cách mạng mất tính thống nhất của nó, chia cắt thành nhiều mức độ, trong khi một tấm bản đồ nước Pháp của những chuyển động và những sự khước từ được đưa ra. Trong tình trạng hiện

thời của những công trường khảo cứu, không thể trình bày một bức tranh đa dạng các khía cạnh khác nhau của những tâm lý chịu được thử thách của cách mạng, và trả lời một trong những điều phản kháng mạnh nhất và cơ bản nhất mà người ta từng phát biểu đối với lịch sử các tâm lý: phản kháng việc nằm trong truyền thống Gramsci (tạm dùng công thức kiểu Ý mà một nhà sử học như Ginzburg sử dụng), « giữa các giai cấp », hãy hiểu là thu nhỏ và, qua đó, lừa phỉnh, yêu cầu một không khí chung và – dễ chuyển từ tiếng Ý sang tiếng Đức – một Zeitgeist – một tinh thần tập thể của thời đại – một ý rất ít được chấp nhận bởi cách mạng, tác nhân của chân lý, cái mà trái lại đã làm cho những sự căng thẳng và những đối kháng giai cấp trở thành trầm trọng hơn. Chẳng phải là cách mạng không tiết ra được lời nói riêng của nó về sự nhất trí, về ảo tưởng mà trên đó nó có thể sống. Và, tiếp theo Mona Ozouf, chúng ta sẽ gọi lại theo dòng chúng ta qua, cái cách mà cách mạng dùng để che dấu sau biểu tượng của các thời đại những rạn nứt của xã hội.

Trong khi phân tích tâm lý cách mạng, đây không phải là chìm trong ảo tưởng đó của một thời đại, hay tạo ra một mô hình thu nhỏ khác, theo nghĩa nhất trí xung quanh một tâm lý tập thể duy nhất, mà đúng hơn, phát huy tác dụng tất cả những sự trái ngược này, hoặc những sự xung đột này, những cái biến cách mạng thành một tác nhân đặc biệt của chân lý.

# VAI NÉT VỀ NƯỚC PHÁP

## TRƯỚC NGÀY CÁCH MẠNG 1789 BÙNG NỔ

DƯƠNG KINH QUỐC

**T**RƯỚC ngày cuộc Đại cách mạng Pháp 1789 bùng nổ, về thể chế chính trị, nước Pháp là một nước theo chế độ quân chủ chuyên chế, đứng đầu là vua Lu-i thứ XVI; hoàng hậu là người nước Áo—Mari Āngloanetto. Lu-i XVI lên ngôi từ năm 1774. Vua nắm mọi quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trong tay. Vua tự cho mình là người do Thượng đế đưa lên ngai vàng để trị vì thiên hạ; do đó chỉ chịu trách nhiệm trước thượng đế, và cho rằng không một ai có quyền kiểm soát hoặc hạn chế quyền lực của mình. Vua theo đạo Thiên Chúa và cấm mọi người không ai được theo đạo nào khác ngoài Thiên chúa giáo. Vua có quyền chiếm đoạt ruộng đất của thần dân bằng biện pháp ra lệnh tịch thu. Không một cuốn sách nào, một tờ báo nào được phép xuất bản nếu không được lệnh của nhà vua. Thần dân chỉ có nghĩa vụ đối với nhà vua, mà nghĩa vụ hàng đầu là tuân lệnh vua. Ý vua là pháp lệnh.

Cái « truyền thống » về quyền lực của nhà vua như vừa sơ lược trình bày bên trên, đã được ít nhất ba vị vua liên tiếp kế vị nhau phát biểu công khai như sau: « Vua sinh ra để sở hữu tất cả, và dễ sai khiến tất cả mọi người... » (Lu-i XIV, 1643—1715; «...toàn bộ nền trật tự công cộng đều do từ tay ta mà ra » (Lu-i XV, 1715—1774); và « Điều đó là hợp pháp, bởi vì đó là điều ta muốn » (Lu-i XVI, 1774—1792).

Dưới triều vua Lu-i XVI, chỉ bằng một giấy lệnh gọi là « *Mặt chiếu* », vua

có quyền ra lệnh bắt giữ, bỏ tù bất cứ ai, và giam giữ không kể thời hạn bao nhiêu lâu, tùy ý mình, không cần xét xử. Do đó, từ lâu, lâu dài và đồng thời cũng là pháo đài *Batxliơ* đã trở thành nhà ngục lớn của Nhà nước phong kiến chuyên chế Pháp(1).

Vua Lu-i XVI sống tại Lâu đài Vecxay. Số người trong Cung đình có khoảng 20 nghìn người. Trong số này có từ 1.000 đến 2.000 người được gọi là *Triều thần*, nhưng không có chức năng cụ thể; và 16.000 người chuyên phục dịch nhà vua và gia đình nhà vua. Số còn lại cũng khoảng từ 1.000 đến 2.000 người thì trực tiếp giúp vua làm việc tại hai phủ: *Phủ Văn*, và *Phủ Võ*.

Việc chi phí cho cung đình này rất lớn. Ngoài việc chi phí cho cá nhân mình, cho *Phủ Văn*, *Phủ Võ*, nhà vua còn dùng tiền công quỹ để cấp bổng lộc cho các vương đệ và hoàng hậu, v.v... Số tiền tiêu xài hàng năm này của riêng cung đình, trung bình đã lên tới 50 triệu *livơ* (đơn vị tiền tệ nước Pháp hồi đó), chiếm khoảng 1/10 tổng thu nhập quốc gia.

Việc cai trị đất nước đặt dưới quyền điều hành tối cao của nhà vua, với sự

(1) *Lâu đài Batxliơ* được xây dựng tại Paris trong vòng 12 năm, từ 1370—1382, tức từ cuối triều vua Saclơ V(Charles V, 1364—1380) đến đầu triều vua Saclơ VI(Charles VI, 1380—1422). Lâu đài có tường cao 23 mét, dày từ 1,6 mét tới 2,3 mét. Từ triều vua Lu-i XIV (1643), *Lâu đài Batxliơ*, với tư cách ban đầu là một pháo đài, đã trở thành Nhà ngục của Nhà nước.

phụ tá trực tiếp của sáu đại thần là các chức danh sau đây: *Tề lương*, đứng đầu về mặt tư pháp; *Tổng kiểm soát tài chính*; *Quốc vụ khanh phụ trách Phi Tôn nhân*; *Quốc vụ khanh phụ trách Bộ Ngoại giao*; *Quốc vụ khanh phụ trách Bộ Chiến tranh*; và *Quốc vụ khanh phụ trách Bộ Hải quân*.

Giúp việc cho 6 viên đại thần này là 4 tổ chức cao cấp: *Hội đồng tối cao*, chủ yếu bàn về các chính sách đối ngoại; *Hội đồng tài chính*; *Hội đồng thư tín*; *Hội đồng xét xử*, tức Đại thẩm viện, chuyên xét xử các vụ án đặc biệt.

Tuy là một chế độ quân chủ chuyên chế, quyền lực tập trung trong tay nhà vua, song, xã hội nước Pháp trước cuộc cách mạng 1789 hoàn toàn thiếu hẳn sự thống nhất, điển hình ở một số mặt như: pháp luật, thuế khóa, và về hệ thống tổ chức hành chính thì chưa được hoàn chỉnh.

Về mặt pháp luật, tổ chức của nó rất phức tạp. Nhìn chung có 3 loại: quyền tài phán thuộc các tổ chức tư pháp của nhà vua; quyền tài phán của các lãnh chúa; quyền tài phán của Nhà thờ. Các pháp quan làm việc trong các tổ chức này đều do bổ tiền ra mượn chức của nhà vua. Số lượng pháp quan rất đông, vì chức vụ đó rất « béo bở », họ sẽ thu được lợi nhiều trông quá trình hành nghề « cầm cân nảy mực » của mình. Mặt khác, càng có nhiều người mua chức pháp quan, nhà vua càng thu được nhiều tiền để tiêu xài. Song, cơ sở pháp luật để xét xử ở nước Pháp hồi đó thật là lộn xộn. Nó không có sự nhất quán trên quy mô toàn quốc. Nếu lấy đường ranh giới chạy dài ngang qua nước Pháp, từ cửa sông Sarăngtơ phía Tây, sang Giơnevơ phía Đông, thì chúng ta thấy có tình trạng như sau: toàn bộ địa phận nằm ở phía Bắc ranh giới đó, sẽ xét xử các vụ kiện tụng dựa trên các tập tục mà thời bấy giờ còn tồn tại khoảng 300 tập tục khác nhau, tùy theo từng địa phương; toàn bộ địa phận nằm ở phía Nam ranh

giới đó, sẽ xét xử theo luật thành văn, bắt nguồn từ la-mã. Do đó có một tình trạng điển hình đã xảy ra: Đường ranh giới này đã cắt ngang Khu vực hành chính Riôm. Khu vực hành chính này lại có hai trung tâm hành chính là Clec-mông ở phía Bắc ranh giới, và Ôrillac ở phía Nam ranh giới; loạn bộ. Khu vực hành chính Riôm đều thuộc quyền tài phán của Pháp viện Pari đồng thời mang chức năng như một Tòa Thượng thẩm, song lại chịu sự chi phối của hai loại hình luật pháp khác nhau: luật pháp dựa trên những tập tục, và luật pháp thành văn. Đây mới chỉ là một dẫn chứng thuộc quyền tài phán của các tổ chức tư pháp của nhà vua.

Về mặt thuế má, thì cách thức thu thuế không nhất quán trong toàn quốc; đơn vị đo lường mỗi nơi mỗi khác, cả về tên gọi lẫn số liệu. Đối với việc lưu thông buôn bán cũng đặt ra cả một biểu thuế thương chính hết sức phức tạp. Về mặt này, nước Pháp chia làm 3 khu vực, mà, theo bản đồ năm 1789, có thể xác định tương đối như sau:

— **Khu vực 1** gồm các lĩnh phát nộp thuế lưu thông hàng hóa cho ba đối tượng sau: cho các tỉnh có hàng hóa đó xuất đi; cho các tỉnh mà số hàng hóa đó phải mượn đường vận chuyển qua; cho các tỉnh mà số hàng hóa đó nhập vào. Khu vực này lớn nhất và bao gồm: vùng Brotanho ở phía Tây nước Pháp; vùng Pê-i Ba và Lilo ở phía Bắc nước Pháp; vùng Bodăngxông ở phía Đông nước Pháp; và toàn miền Nam nước Pháp mà đường ranh giới tương đối là đường chạy từ cửa sông Sarăngtơ ở phía Tây, sang tới điểm cao của ranh giới phía Bắc tỉnh Grônôblơ ở phía Đông.

— **Khu vực 2** gồm các tỉnh được tự do buôn bán với nước ngoài, song lại phải nộp thuế một khi buôn bán với các tỉnh khác trong nội bộ nước Pháp. Khu vực này nhỏ nhất, và chỉ bao gồm hai địa hạt Andatxơ và Loren.

— Khu vực 3 gồm các tỉnh không phải đóng thuế lưu thông hàng hóa nếu hàng hóa đó chỉ lưu thông trong nội bộ khu vực mà thôi; còn nếu hàng hóa đó được đưa ra các khu vực khác hoặc xuất ra nước ngoài, đều phải nộp thuế. Khu vực này gồm phần còn lại của nước Pháp, trừ khu vực 1 và 2 như vừa kể trên, và nằm ở trung tâm miền bắc nước Pháp.

Tình trạng không thống nhất đại thể như vừa kể trên, đã được một viên chức cao cấp trong triều đình vua Lu-i XVI lúc đó là Tổng kiểm soát Tài chính—Thượng thư Calonno—phát biểu hồi năm 1787 như sau: «Trên vương quốc rộng lớn này, người ta không thể bước một bước mà không thấy được những luật pháp khác nhau, những tập tục trái ngược nhau, những đặc quyền đặc lợi, những sự miễn thuế, và tha thuế, những phép tắc, những ý muốn về mọi mặt: và cái tình trạng hỗn tạp bao trùm đó đã gây phức tạp cho nền cai trị hành chính, làm đứt đoạn hoạt động của nó, làm rắc rối những khu vực tài phán của nó, và làm tăng thêm những phí tổn và sự lộn xộn ở khắp mọi nơi...».

Ngoài loại thuế thương chính ra, cũng chỉ riêng đối với Nhà nước, còn có các thứ thuế trực thu, gián thu khác khá phức tạp.

Thuế trực thu gồm hai loại chính. Một là thuế phân bổ. Hàng năm, Hội đồng Tài chính ấn định mức thuế tổng quát phải thu về cho Nhà nước. Các địa phương phải chịu trách nhiệm thu cho đủ. Bởi vậy, danh sách những người được miễn đóng thuế càng tăng thì mức thuế phải đóng sẽ càng nặng đối với những người phải đóng thuế. Thứ thuế trực thu này lại phân làm hai loại: loại mang tính chất thuế ruộng đất, kể cả thổ canh và thổ cư, và chỉ áp dụng ở 5 địa bàn là các xứ Languedoc, Provance, Béarn, Buochon, và Brotan; loại mang tính chất thuế thu nhập, áp dụng tại phần còn lại của nước Pháp. Đặc điểm của loại thuế phân bổ này là: mức ấn

định thay đổi theo yêu cầu của từng năm, từng triều vua, và việc phân bổ rất tùy tiện và đặc biệt là rất bất bình đẳng. Hai là thuế thân. Trên nguyên tắc, thuế này đánh vào mọi thân dân, không trừ một ai.

Thuế gián thu có nhiều. Song, nặng nề nhất là thuế muối. Nhà nước nắm độc quyền về muối. Giá muối thay đổi theo từng địa phương. Mọi cá nhân đều buộc phải mua một lượng muối nhất định; tiêu thụ nhiều hơn hoặc ít hơn lượng muối đã quy định, đều phải nộp phạt. Thuế muối này được thiết lập từ năm 1340, và là một tai nạn đối với người dân Pháp trải qua hàng mấy thế kỷ. Cũng chính Thượng thư Calonno đã phải nhận xét hồi năm 1787 rằng muối là một thứ thuế «quá ư không cân đối trong việc phân bổ khiến vùng này phải trả gấp 20 lần so với vùng khác; nó quá ư nghiệt ngã trong khâu thu thuế khiến chỉ nghe đến tên nó cũng đã gây nên mối khiếp đảm; một loại thuế—đánh vào thứ thực phẩm thiết yếu nhất—đã đè nặng lên người nghèo cũng như người giàu,... cuối cùng, đó là một loại thuế mà các khoản chi phí [trong khâu thu thuế—ĐKQ] đã chiếm tới 1/5 giá trị sản lượng muối, và, bởi sức hút mạnh mẽ của nó thể hiện trong việc buôn bán muối lậu, nên năm nào nó cũng đẩy hơn 500 chủ gia đình... vào nhà tù và gây ra trên 4 nghìn vụ tịch thu gia sản hàng năm...».

Vì các loại thuế là nguồn thu chính của Nhà nước nên việc thu thuế được giao phó vào tay các quan chức Nhà nước. Thời kỳ trước cách mạng 1789, toàn bộ nước Pháp được chia làm 33 «Tài chính khu vực», Đơn vị này cũng đồng thời làm cả chức năng đơn vị hành chính. Đứng đầu mỗi «Tài chính khu vực» này là một viên Quan giám sát, nắm trong tay cả ba chức năng: tài chính, hành chính, và tư pháp. Viên chức này do quan Tổng kiểm sát Tài chính bổ nhiệm và bãi miễn. Mỗi

Tài chính khu vực này lại được phân chia thành nhiều đơn vị nhỏ, có thể coi tương đương như cấp *linh*. Đứng đầu cấp này là một viên chức *Dai diện* cho Quan Giám sát cấp khu vực và do Quan Giám sát cấp khu vực bổ nhiệm và bãi miễn. Dưới cấp này là cấp *Thành phố*, do *Hội đồng thành phố* phụ trách.

Ngoài 33 « Tài chính khu vực » này ra mà mỗi viên Quan Giám sát đứng đầu đều kiêm nhiệm cả ba chức năng *tài chính, hành chính, tư pháp*, toàn nước Pháp trước năm 1789 còn có 13 tổ chức *Pháp viện* do các pháp quan phụ trách. Địa bàn ảnh hưởng của mỗi *Pháp viện* này—đồng thời được coi tương đương như một *Tòa Thượng thẩm*—lớn, nhỏ khác nhau. Ví dụ *Pháp viện Ruăng* chỉ phụ trách xứ Noocmăngđi; *Pháp viện Mết* chỉ phụ trách xứ Mết; còn *Pháp viện Pari* lại có địa bàn cực rộng, khoảng 1/3 nước Pháp, trong đó có « Tài chính khu vực » *Riôm* là nơi mà—như bên trên đã nói—dân cư ở đó phải chịu sự xét xử của hai hình thức luật: thành văn, hay tập tục, tùy theo địa bàn cư trú ở phía nam hay ở phía bắc của đường ranh giới cắt ngang. Ngoài số 13 *Pháp viện* mang tính chất là những *Tòa Thượng thẩm* này ra, toàn nước Pháp lúc đó còn có 430 *Tòa Sơ thẩm* thuộc hệ thống tư pháp của triều đình.

Như trên đã nói, ý vua, lời vua, đều có thể trở thành những điều luật của quốc gia. Mọi điều vua phán ra mà mang tính chất pháp luật, mọi đạo dụ vua ban ra, đều phải được các pháp quan ở các *Pháp viện* ghi vào sổ, và đó là Bộ luật của nhà nước. Song, để hạn chế sự độc quyền thái quá này, các pháp quan trong các *Pháp viện* có quyền góp ý trước khi « vào sổ ». Nếu sự góp ý đó vẫn bị nhà vua bác bỏ, các pháp quan của các *Pháp viện* vẫn có thể cũng không « vào sổ ». Trong trường hợp này, nhà vua sẽ phải triệu tập phiên họp bất thường của *Pháp viện* và tự đích thân đến dự hoặc cử người thay mặt đến dự, với cương vị chủ trì. Bởi vậy, trước

sự có mặt trực tiếp hay gián tiếp đó của nhà vua, các pháp quan lúc đó mặc nhiên mất hẳn quyền góp ý của mình, mất hẳn quyền là những người thay mặt vua đề thi hành luật pháp, mà chỉ còn có quyền thực hiện lệnh của nhà vua, nghĩa là phải « vào sổ » ngay lập tức. Quá trình hình thành Bộ luật cho toàn quốc là như vậy, trước khi cuộc cách mạng 1789 bùng nổ.

Xét về mặt *dân cấp* và *giai cấp xã hội* mà nói thì, cho tới trước cách mạng 1789, xã hội nước Pháp đã phân chia làm 3 *dân cấp* và nhiều *giai cấp xã hội* khác nhau. Tư liệu lịch sử cho biết, dân số nước Pháp hồi 1789 có 24 triệu người được phân bổ theo 3 *dân cấp* như sau:

### 1. *Dân cấp Tăng lữ*

*Dân cấp Tăng lữ* có khoảng 130.000 người chiếm gần 0,54 % dân số. *Tăng lữ* là *dân cấp* quan trọng bậc nhất của chính quyền phong kiến. Nó có tổ chức chặt chẽ giữa các thành viên và cứ 5 năm họp *Hội nghị đại biểu* một lần để: bàn bạc về mọi quyền lợi của *dân cấp* mình; bàn bạc những vấn đề thuộc về công việc « bảo vệ đức tin »—tôn giáo; bàn bạc việc phân bổ và thu những khoản mà nhà vua yêu cầu. Nó có hệ thống tổ chức tòa án riêng để phán xử nội bộ gọi là « *Giao hội tài phán sơ* »; song, khi cần, một số vụ việc có thể phải chuyển sang quyền tài phán dân sự của Nhà nước phong kiến. Nhìn chung, tài sản của *dân cấp Tăng lữ* cực kỳ lớn. Tại đô thị, chúng có, hoặc thuê nhiều bất động sản; Tại vùng nông thôn, chúng chiếm khoảng 6 phần trăm đất đai toàn quốc. Chúng thu 1/10 sản phẩm thu hoạch của nông dân trên sở ruộng đất mà nông dân thuê của chúng để canh tác. Sở sản phẩm thu này, chúng gọi là « *thuê thập phân của tăng lữ* ». Với số thuế « *thập phân* » này chúng sử dụng vào những việc chính như: bảo quản, tu bổ, xây dựng các công trình thuộc Nhà thờ; chi phí về y tế và giáo dục, bởi vì thời kỳ này hai lĩnh vực y tế và giáo dục đều nằm trong tay Nhà thờ Thiên chúa giáo; ; trích

một phần để cống nạp cho nhà vua và nộp phần nghĩa vụ «thập phân» cho nhà vua.

Trong số gần 130.000 tăng lữ của đẳng cấp này có khoảng 5 đến 6 nghìn người giữ các chức sắc như : Tổng giáo chủ, Giáo chủ, Giám mục, Tu viện trưởng. Toàn bộ số này tạo thành khối *Tăng lữ lớp trên*. *Tăng lữ lớp dưới* bao gồm : khoảng 60 nghìn mục sư hoặc thầy trợ tế ; khoảng 20 nghìn thay tu và 40 nghìn nữ tu sĩ ; ngoài ra còn khoảng 2 nghìn thầy dòng thuộc các tổ chức thể tục.

Khối *Tăng lữ lớp trên* này hoàn toàn được tuyển lựa từ đẳng cấp quý tộc mà chúng tôi sẽ đề cập dưới đây. Thời kỳ này, toàn nước Pháp chia thành 118 *Giáo khu lớn*, đứng về mặt hoạt động tôn giáo mà xét. Trong số tăng lữ lớp trên này, rất ít người toàn tâm toàn ý hành nghề tôn giáo của mình. Một số được hưởng lợi tức hoàng tộc và do đó sống như những ông hoàng tại ngay Cung đình, hoặc tại *Giáo khu lớn* mà mình cai quản. Một số lớn lại có những hoạt động như những nhà cai trị thực sự. Có rất nhiều tu viện cực giàu. Phần lớn các khu Tu viện được nhà vua dùng để ban cấp cho các dinh thần, coi đó như một thứ bổng lộc. Người được ban cấp bổng lộc này không nhất thiết phải là người thuộc Nhà thờ ; và một khi được ban cấp người đó mặc nhiên sẽ là Tu viện trưởng của Tu viện đó. Do đó một trường hợp điển hình đã xảy ra : con trai của một viên quan đứng đầu một *Tài chính khu vực*, tuy mới 7 tuổi, đã là một Tu viện trưởng và y đã được hưởng 1/3 lợi tức của Tu viện mà y được nhà vua ban cấp, trong khi y không biết làm một việc gì cả ; mọi việc quản lý y đều giao cho một tu sĩ trực tiếp trụ trì.

Khối *tăng lữ lớp dưới* đều được tuyển lựa từ Đẳng cấp thứ ba, cũng sẽ được đề cập dưới đây. Mục sư là chức sắc cao nhất trong khối tăng lữ này. Phần lớn mục sư lại trao quyền quản lý trực tiếp giáo hạt của mình cho các Thầy trợ tế. Cũng như số hoa lợi thu được tại các khu

Tu viện, hoa lợi thu được tại các giáo hạt của mục sư phần lớn cũng bị dùng để cung phụng cho những người không có mấy hoạt động về tôn giáo. Người Trợ tế chỉ được một phần rất nhỏ đủ để sinh sống, và đôi khi phần đó cũng không được lĩnh đủ và đều. Tuy nhiên, nhìn chung, chính số tăng lữ lớp dưới này là số phải gánh chịu tuyệt đại bộ phận những khoản mà toàn bộ Đẳng cấp Tăng lữ phải cống nạp và nộp thuế nghĩa vụ «thập phân» cho nhà vua.

Song, dù là tăng lữ lớp trên hay tăng lữ lớp dưới, họ đều thuộc đẳng cấp được hưởng đặc quyền đặc lợi trong xã hội nước Pháp lúc bấy giờ.

## 2. Đẳng cấp Quý tộc

Đẳng cấp Quý tộc là đẳng cấp xếp thứ nhì trong xã hội. Những *ước quý tộc* chính lúc bấy giờ, kể từ trên xuống, là : Hoàng thân, Công tước, Hầu tước, Bá tước, Tử tước, và Nam tước. Đẳng cấp quý tộc có khoảng từ 300 nghìn đến 400 nghìn người, chiếm từ 1,25% đến 1,67% dân số nước Pháp hồi đó.

Đẳng cấp quý tộc xuất hiện từ lâu trong lịch sử nước Pháp, và lúc đầu chia làm hai loại. Loại «*Quý tộc nội*» hay còn gọi là «*Quý tộc cung kiếm*». Loại «*Quý tộc áo dài*», xuất hiện muộn hơn, do bỏ tiền ra mua *ước quý tộc*, hoặc do có giữ một chức vụ gì quan trọng trong cơ quan nhà nước. Cho đến trước cách mạng 1789 thì toàn bộ đẳng cấp quý tộc được phân làm hai khối. Khối thứ nhất là «*khối Quý tộc cao cấp*», hay còn gọi là «*quý tộc cung đình*». Khối này gồm các thân vương, các đại lãnh chúa, các trưởng giả được tiến cử lên vua, các đại thần sống trong Cung đình. Khối thứ hai là khối «*Quý tộc nhỏ*», hay còn gọi là «*Quý tộc địa phương*». Khối này gồm : các pháp quan, các trưởng giả ở nông thôn.

Cũng như đẳng cấp tăng lữ, đẳng cấp quý tộc - dù cao cấp hay nhỏ - đều có những đặc quyền đặc lợi cụ thể. Đặc

quyền có tính chất hình thức được thể hiện như: được quyền mang huy hiệu cấp bậc *tước quý tộc*, được quyền ngồi ở những dãy ghế riêng khi đến cầu kinh tại Nhà thờ. Đặc quyền có tính chất vật chất được thể hiện đặc biệt rõ nét qua vấn đề *thuế khóa*. Đối với nhà vua: họ không phải nộp loại thuế phân bổ, và mức thuế thân thì rất thấp, không đáng kể; ngoài ra, họ không phải đi lao dịch cho nhà vua. Đối với nông dân: họ được quyền thu tô hiện vật, tức thuế « hái lượm » khi vụ thu hoạch đến: được quyền thu tô lao dịch, thu thuế cầu đường; được quyền thu thuế mua bán tài sản trong phạm vi trang trại của họ; được quyền thu một số khoản « phụ thu » khác như tiền sử dụng máy cối xay bột, sử dụng: lò rèn, lò bánh, máy ép hoa quả, v.v... vốn là độc quyền của các lãnh chúa.

### 3. Đẳng cấp thứ ba.

Đẳng cấp thứ ba là đẳng cấp thấp nhất trong xã hội. Trong tổng số 24 triệu dân Pháp hồi đó, Đẳng cấp thứ ba chiếm từ 23.470.000 đến 23.570.000 người, tức khoảng từ 97,79% đến 98,21% dân số.

Đẳng cấp thứ ba gồm 3 *giai cấp* cụ thể: giai cấp *tư sản* chiếm khoảng 0,21% dân số; giai cấp *thợ thuyền* chiếm khoảng 10% dân số; giai cấp *nông dân* chiếm khoảng trên dưới 88% dân số.

a) *Giai cấp tư sản* có nhiều loại. Loại thứ nhất gồm những viên chức nhà nước cấp thấp làm việc trong hai ngành tư pháp và tài chính. Đây là số người duy nhất trong giai cấp tư sản được hưởng đặc ân miễn đóng thuế phân bổ. Loại thứ hai gồm những người làm nghề tự do như: thầy thuốc, luật sư, nhà văn, nghệ sĩ. Loại thứ ba gồm các nhà doanh nghiệp như: thương gia, kỹ nghệ gia, và các chủ ngân hàng.

b) *Giai cấp thợ thuyền* gồm phần lớn là thợ thủ công, sống tập trung trong các phường hội. Tuy nhiên, thời kỳ này một số ngành kỹ nghệ như đồ sứ, dệt, thủy

tinh, đồ gỗ, hầm mỏ, luyện kim... cũng đã phát triển nên số lượng công nhân cũng đáng kể. Riêng ngành dệt tơ lụa của Lyons đã sử dụng tới 65.000 công nhân; Công ty than Angdanh ở miền cực bắc nước Pháp, năm 1789, đã sử dụng 4.000 công nhân, 600 ngựa và 12 máy hơi nước để bơm nước trong lò.

c) *Giai cấp nông dân*: Tuyệt đại bộ phận nông dân không có ruộng đất. Họ buộc phải làm *tá điền*, hoặc người *bao ruộng* theo chế độ quá canh cho lãnh chúa. Chỉ một số rất ít nông dân là có ruộng đất và được coi là tiểu chủ. Song điền sản của số này rất nhỏ, rất bị phân tán và là loại ruộng đất xấu. Họ tự canh tác và được đương thời gọi là *nông phu*. Số *nông phu* này không thể chỉ dựa vào hoa lợi thu hoạch trên ruộng đất riêng của mình mà sống nổi. Họ buộc phải làm thuê cho các thương nhân ở các đô thị lân cận, hoặc làm thêm nghề phụ thủ công như: dệt; đan mũ, áo, tất bằng chỉ; gò, đúc các đồ dùng bằng đồng hoặc sắt v.v... Những nghề này hồi đó rất thịnh hành ở nông thôn và được mệnh danh là « kỹ nghệ nông thôn ».

Giai cấp nông dân, là giai cấp phải gánh chịu nặng nhất mọi khoản thuế khóa: trực thu, gián thu, phụ thu, v.v...

Đối với nhà vua: mọi người nông dân đều phải đóng thuế trực thu và gián thu. Riêng thuế trực thu đã chiếm trên dưới 50% thu hoạch của họ. Họ phải đi lao dịch cho nhà vua, hoặc phải bỏ tiền ra chuộc lao dịch đó.

Đối với *Tăng lữ*, họ phải nộp thuế « thập phân » tức 1/10 hoa lợi mà họ thu hoạch được.

Đối với *Lãnh chúa* thì *tá điền*, hoặc người *bao ruộng* của lãnh chúa phải nộp cho chúa đất từ 1/2 đến 2/3 thu hoạch, hoặc phải nộp cho lãnh chúa một khoản tiền đã được quy định từ khi lập giao kèo. Còn tiểu chủ—tức người có ruộng riêng nằm trong khu vực đất của lãnh chúa—thì phải nộp cho lãnh chúa cái

gọi là thuế « hái lượm ». Lãnh chúa sai người đến tận ruộng để đếm từng lượm lúa và bắt tiêu chủ đó phải chuyển phần thuế hái lượm này về tận kho của lãnh chúa trước. Ngoài ra, tiêu chủ còn phải nộp cho lãnh chúa các khoản thuế phụ thu khác như : thuế cầu đường, thuế về mua bán tài sản, thuế sử dụng cối xay, máy ép hoa quả, v.v...

Tầng lữ và Quý tộc đều là hai đẳng cấp xã hội được hưởng đặc quyền, đặc lợi, song, trong nội bộ mỗi đẳng cấp đó đều đã tồn tại những hiện tượng bất bình đẳng khiến nảy sinh những mối bất bình, tuy lớn nhưng chưa phải đã là những mâu thuẫn đối kháng. Cuộc sống của khối tầng lữ lớp dưới phần lớn gần gũi với cuộc sống của nông dân. Họ muốn ngoi lên lớp trên nhưng không được phép, vì trật tự trong nội bộ tổ chức của tôn giáo. Họ bị lớp trên coi thường. Cho đến trước cuộc cách mạng 1879, trong khối tầng lữ lớp trên chỉ có mỗi một giám mục thuộc thành phần bình dân, còn toàn bộ xuất thân từ thành phần quý tộc.

Trong đẳng cấp quý tộc cũng vậy. Cuộc sống giữa hai lớp quý tộc cùng đình và địa phương khác nhau rất xa. Trong khi quý tộc lớp trên ăn tiêu cực kỳ xa xỉ, thì lớp dưới cũng phần lớn có cuộc sống tương tự như nông dân. Một quý tộc địa phương người xứ Brétanho, có 12 con, đã phải thốt lên: « Tôi tuy là hậu duệ của Tử tước Ghiôm – Quan ngự thiện dưới triều vua Philip Đờ Valoa, (1328 – 1350, ĐKQ), song tôi cảm thấy sẽ được sung sướng hơn nếu như mình được sinh ra làm một người nông dân lương thiện. Con cái tôi sẽ là nguồn của cái giàu có của tôi, thay vì giờ đây chúng đương là niềm lo âu của tôi và sự nghèo khổ của tôi ». Do đó, giữa quý tộc với nhau, họ đã tranh giành nhau bằng mọi thủ đoạn, từ cái đặc ân nhỏ nhất nhất của vua. Và cũng do đó, cả tầng lữ lẫn quý tộc, lớp trên cũng như lớp dưới, đều tìm mọi

cách để bảo vệ những đặc quyền đặc lợi của mình mà chế độ quân chủ đã ban cho. Một trong những thủ đoạn của cả hai đẳng cấp được hưởng đặc quyền đặc lợi này (chiếm tỷ lệ khoảng trên dưới 2,21% dân số) là tìm cách ngăn chặn không cho những người thuộc tầng lớp bình dân tham gia những công việc gì có khả năng từ đó thâm nhập vào hàng ngũ được hưởng đặc quyền đặc lợi. Giữa bọn chúng với nhau cũng có những thủ đoạn ngăn chặn nhau để tranh nhau những ân huệ lớn hơn. Ví dụ như, ở nhiều địa phương đã tự đặt ra quy định phải là quý tộc thuộc dòng dõi « quý tộc bốn đời » mới được vào làm việc tại các Pháp viện địa phương – một cương vị được hưởng đặc quyền đặc lợi nhiều hơn. Còn trong quân đội thì quy chế năm 1781 có quy định: chỉ cần chứng minh mình là người thuộc dòng dõi « quý tộc 4 đời » sẽ được mang hàm sĩ quan ngay tức khắc, không phải kinh qua các cấp dưới nữa.

Sự phân hóa trong nội bộ của hai đẳng cấp Tầng lữ và quý tộc này – hai đẳng cấp mang nặng tính chất ăn bám xã hội – đã diễn ra trong tình trạng thiếu hụt thường xuyên về tài chính của Nhà nước Pháp. Chính quyền phải vay nợ lãi của giai cấp tư sản là một giai cấp nằm trong Đẳng cấp thứ ba, một đẳng cấp không được hưởng đặc quyền đặc lợi – trừ một số rất ít, như trên đã nói, làm việc trong các ngành tài chính và tư pháp. Tài liệu cho biết, năm 1788, số tiền lãi chính quyền dự kiến trả là 316 triệu livrơ, chiếm trên 62,82% tổng số dự thu (503 triệu livrơ); Quận công Ooclêăng nợ 74 triệu, Vương đệ Rôhăng Ghêmenê nợ 35 triệu !

Toàn bộ cái hậu quả của nền tài chính suy thoái do sự ăn tiêu cực kỳ xa xỉ của tuyệt đại bộ phận tầng lữ và quý tộc này đã đè nặng lên đầu toàn bộ đẳng cấp thứ ba: nợ nần không được thanh toán sông phẳng cho giai cấp tư sản; dự thu lớn bao nhiêu thì giai cấp nông dân

(Xem tiếp trang 25)

# CÁCH MẠNG PHÁP 1789

## TÍNH CHẤT — Ý NGHĨA — ĐẶC ĐIỂM

VĂN TẠO

**N**ĂM nay, nhân dân Pháp và cả nhân loại tiến bộ kỷ niệm lần thứ 200 Đại cách mạng Pháp. Trong lịch sử nhân loại, tuy các cuộc cách mạng tư sản đã nổ ra sớm hơn như ở Hà Lan, ở Anh, Mỹ v.v., nhưng đạt đến đỉnh cao của thắng lợi và có thể được coi là điển hình thì phải kể đến Cách mạng Pháp 1789. Đó là một cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất, đem lại ảnh hưởng to lớn và lâu dài nhất trong lịch sử nhân loại so với các cuộc cách mạng tư sản khác, kể cả các cuộc cách mạng tư sản sau nó. Tính chất vĩ đại của nó đã được biểu hiện ngay trong mệnh danh mà nhân loại đã đặt cho nó là: *Cuộc cách mạng vĩ đại*. V.I. Lênin đã từng nói:

« Không phải không có lý do mà cuộc cách mạng đó đã được gọi là cuộc cách mạng vĩ đại. Đối với giai cấp mà cuộc cách mạng đó đã phục vụ, tức giai cấp tư sản, thì cuộc cách mạng đó đã phục vụ được nhiều, khiến cho cả thế kỷ 19, một thế kỷ đã đem lại văn minh và văn hóa cho toàn thể loài người, đã trôi qua dưới dấu hiệu của cuộc cách mạng Pháp. Thế kỷ đó chỉ làm có một việc ở khắp mọi nơi trên thế giới là thi hành, thực hiện từng phần, hoàn thành những điều mà các nhà cách mạng vĩ đại của giai cấp tư sản Pháp đã sáng tạo ra... »<sup>(1)</sup>.

Sự chuẩn bị về mặt tư tưởng, lý luận cho cuộc cách mạng này thực tế đã diễn ra từ rất sớm. Ngay từ thế kỷ 17, sự phê phán chế độ chuyên chế phong kiến đã trở thành cơ sở tư tưởng của nền văn

học thời kỳ Louis XIV. Nó được biểu hiện rõ nét trong các tác phẩm của ba nhà đại văn hào Pháp—những bậc thầy của nền kịch cổ điển Pháp là Cornille (1606—1682), Racine (1639—1699) và Molière (1622—1673). Tới thế kỷ thứ 18, thế kỷ Ánh sáng, thì các nhà tư tưởng tư sản dân chủ đã xuất hiện và phát huy tác dụng một cách rực rỡ mà tiêu biểu là Rousseau, Voltaire, Montesquieu, Diderot và các nhà Bách khoa toàn thư khác. Lúc này, khi mà mâu thuẫn tư sản—phong kiến đã tới độ chín muồi, thì tư tưởng tư sản dân chủ đã như chất xúc tác mạnh mẽ tạo nên sự bùng nổ cách mạng. Đại cách mạng Pháp 1789 đã nổ ra như vậy với tính triệt để có một không hai của nó.

*Tính triệt để của cách mạng Pháp biểu hiện trước hết ở chỗ nó thủ tiêu tận gốc chế độ phong kiến.*

Về thượng tầng kiến trúc, nó đánh đổ ngai vàng phong kiến, đưa vua Louis XVI và hoàng hậu Marie Antoinette lên đoạn đầu đài, thay thế nền quân chủ chuyên chế bằng nền cộng hòa dân chủ, tước bỏ quyền tối thượng của nhà vua, thay vào đó là quyền tối thượng của đại chúng nhân dân. Còn ở hạ tầng cơ sở, nó thủ tiêu tận gốc đặc quyền chiếm hữu ruộng đất của quý tộc, tăng lữ và địa chủ phong kiến, đưa ruộng đất về tay nông dân. Thắng lợi cao nhất của

(1) Lênin *Toàn tập*, Tập 38 bản tiếng Việt, nhà xuất bản Tiến bộ Malscova—1977 trang 440.

cuộc đấu tranh này là vào thời kỳ chuyên chính Jacobin. Chỉ trong một năm 1793, Hội đồng Dân tộc đã ra ba sắc lệnh về vấn đề ruộng đất: — Sắc lệnh ngày 3 tháng 6 quyết định chia và bán tài sản của bọn lưu vong. — Sắc lệnh ngày 10 tháng 6 quyết định chia vĩnh viễn đất công cho nông dân và quy định chia những đất ấy thành những phần đều nhau theo nhân khẩu. — Sắc lệnh ngày 17 tháng 7 tuyên bố xóa bỏ hoàn toàn và vĩnh viễn mọi đặc quyền phong kiến: mọi tô dịch của chúa đất đều bị xóa bỏ hoàn toàn và không phải bồi thường.

Các vụ kiện tụng có liên quan đến những quyền lợi phong kiến đều bị hủy bỏ. Các chứng thư về tước hàm phong kiến và các văn kiện khác đều bị thiêu hủy và việc giữ những giấy tờ ấy coi như một tội hình sự, có thể bị khổ sai.

Sự xóa bỏ tận gốc chế độ phong kiến đã mở rộng đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. V.I. Lênin đã đánh giá cao sự kiện này. Người viết: « *Quả thật, việc áp dụng phương pháp cách mạng để xóa bỏ chế độ phong kiến lỗi thời, việc chuyển loạn quốc với tốc độ nhanh chóng, với lòng kiên quyết, với nghị lực, với lòng trung thành thực sự cách mạng và dân chủ sang một hình thức sản xuất cao hơn, sang quyền sở hữu ruộng đất tự do của nông dân, đó là những điều kiện vật chất, kinh tế, đã cứu nước Pháp với một tốc độ nhanh « kỳ diệu », cải tạo và đổi mới cơ sở kinh tế của nó* »<sup>(2)</sup>.

*Tinh triệt để của Cách mạng Pháp còn thể hiện ở thái độ đối với giáo hội.*

Nền quân chủ chuyên chế Pháp dựa vào hai đẳng cấp cao nhất là tăng lữ và quý tộc. Không thể thủ tiêu được quyền chiếm hữu ruộng đất và bóc lột nông dân của chúng nếu không thủ tiêu mọi đặc quyền và uy thế của chúng. Vì vậy, từ rất sớm, ngày 2 tháng 11 năm 1789, Quốc hội lập hiến đã ra sắc lệnh đặt mọi tài sản của tăng lữ dưới quyền sử dụng của quốc gia. Tháng 11 năm 1790,

Quốc hội lập hiến thực hiện việc cải cách giáo hội. Một số chức quyền (như việc giữ sổ hộ tịch) từ lâu do tăng lữ đảm nhiệm, nay được chuyển sang nhà nước phụ trách. Tách giáo hội ra khỏi ảnh hưởng của Giáo hoàng La mã và đặt giáo hội lệ thuộc vào chính phủ. Các giám mục và cha xứ do hội nghị tuyển cử ở quận (đối với giám mục) và ở giáo khu (đối với cha xứ) bầu ra. Những giáo sĩ chuyên làm lễ sẽ được chính phủ trả lương và tất cả đều phải tuyên thệ trung thành với hiến pháp... Như vậy cách mạng đã tước bỏ cả quyền lợi kinh tế và chính trị của tăng lữ, tức đập tan một trong những thành trì kiên cố của chủ nghĩa phong kiến (mặc dầu sau này một số quyền lợi của giáo hội và tăng lữ lại được giai cấp đại tư sản chấp chính khôi phục).

— Triệt để thủ tiêu đặc quyền phong kiến và giáo hội, cách mạng cũng kiên quyết thực hiện các quyền tự do, dân chủ của công dân. *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền nổi tiếng* ra đời ngày 26-8-1789 đã được đưa vào đầu bản Hiến pháp 1791, với 17 điều khoản khẳng định các quyền cơ bản của con người như quyền tự do, bình đẳng, sở hữu và quyền chống lại áp bức. Quyền sở hữu được coi là « thiêng liêng và bất khả xâm phạm ». Tuyên ngôn cũng nêu ra những nguyên tắc cơ bản như nguyên tắc về chủ quyền quốc gia về lập pháp, tư pháp và hành pháp, để bảo đảm cho các quyền đã đề ra được tôn trọng và thực hiện.

Đồng thời với việc xóa bỏ các đặc quyền phong kiến là việc cải tổ triệt để bộ máy hành chính và cơ cấu tổ chức chính quyền. Một mặt là bãi bỏ thành phần quý tộc thế tập và mọi tước vị gắn liền với nó, cấm mang những tước vị hoàng thân, công tước, hầu tước, bá tước bãi bỏ cơ cấu tổ chức cũ đã phân chia nước Pháp thành tỉnh, khu tài chính,

(2) Lênin *Toàn tập*, Tập 25, tiếng Nga, tr. 335.

khu tự pháp..., xây dựng một cơ chế hành chính mới, chia nước Pháp thành 83 quận, diện tích gần bằng nhau. Quận chia thành khu, tổng, xã. Tổ chức hành chính này thủ tiêu mọi sự phân cắt phong kiến cũ với những tàn tích cổ xưa như thuế quan nội địa, tòa án lãnh chúa, thuế địa phương v.v... bảo đảm sự thống nhất quốc gia và sự đồng nhất về hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển thương nghiệp, cho sự *hình thành thị trường dân tộc tư bản chủ nghĩa*. Việc cải cách này đưa tới sự thành lập 44.000 thị chính mới với các nhà quản lý mới do cách mạng đào tạo, tạo nên một thứ trường học chính trị cho các tầng lớp cách mạng trong nhân dân Pháp học cách quản lý nhà nước.

Thủ tiêu đặc quyền và sự chia cắt phong kiến, Cách mạng Pháp không những mở đường cho công thương nghiệp mà còn *mở đường cho khoa học, kỹ thuật phát triển*.

Khỏi phải nói, về mặt khoa học nhân văn thì các nhà khoa học của thế kỷ Ánh sáng như Rousseau, Voltaire, Montesquieu và các nhà biên soạn Bách khoa toàn thư như Diderot, d' Alembert và nhiều nhà bác học lỗi lạc khác, đã góp phần to lớn vào việc thúc đẩy xã hội phát triển sang một giai đoạn mới. Còn về khoa học tự nhiên thì các ngành vật lý, toán học, hóa học... đều phát triển mà tiêu biểu như Berthollet, Monge, Perrier, Lagrange, Guilton—Morvau... Đề nghị nhanh chóng ứng dụng khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là sản xuất quốc phòng, một lớp học cách mạng với 800 học viên, đa số là các pháo thủ từ các tỉnh về, đã được triệu tập vào tháng 2-1794 do các nhà bác học như Berthollet, Monge, Perrier... giảng dạy. Khoa học kỹ thuật phát triển đã đẩy nhanh sản xuất xã hội mà trước mắt là nâng cao chất lượng vũ khí, khí tài, đảm bảo cho quốc phòng thắng lợi.

Sức mạnh của Cách mạng Pháp và tính triệt để của nó đã làm cho cả châu Âu

phong kiến hoảng sợ. Chúng xúm lại hòng bóp chết cách mạng. Đội quân xung kích của chúng là liên quân Áo — Phổ gồm khoảng 12 vạn người đã vượt biên giới xâm nhập vào lãnh thổ Pháp ngày 19-8-1792. Do sự phản bội của một số tướng tá theo phái quân chủ nên một số nơi không kháng cự. Con đường tiến tới Paris đã mở ngày 2-9-1792, khi Verdun bị thất thủ. Trong giờ phút quyết định này, công xã cách mạng đã trở thành linh hồn của công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Toàn thể nhân dân Paris đã đứng lên ngăn quân thù. Những đoàn quân tình nguyện hòa mình với quân đội chính quy cùng chặn đường quân Phổ. Cuối cùng, ngày 20-9 ở Valmy, nước Pháp cách mạng đã chiến thắng liên minh phản cách mạng châu Âu.

Sau chiến thắng Valmy tháng 9-1792 nước Pháp cách mạng lại phải đương đầu với cả thù trong, giặc ngoài. Bên trong, tháng 3-1793, bạo động phản cách mạng nổ ra ở Vendée lan ra cả vùng Tây Bắc. Bên ngoài các nước Anh, Phổ, Ba Lan, Tây Ban Nha, Naples, Ardenne, toàn bộ đế quốc La mã thần thánh và cả một lò nước nhỏ, cùng liên hợp lại với nhau để chống phá nước Pháp cách mạng. Sau lưng họ là cả nước Nga chuyên chế cũng đã từ lâu cắt đứt quan hệ với nước Pháp. Mùa xuân năm 1793 nước Pháp cách mạng ở thế phải một mình chống lại tất cả châu Âu phản động.

Ngày 23-8-1793, Sắc lệnh tổng động viên được ban hành. Đại Tổng động viên đầu tiên đã cung cấp cho nước Cộng hòa một đội quân gồm 42 vạn người. Dưới sự lãnh đạo của nền chuyên chính Jacobin, quân đội cách mạng nhanh chóng thu được thắng lợi. Đối nội, đã dập tắt được các cuộc bạo động phản cách mạng. Đối ngoại đã chiến thắng các lực lượng xâm lăng. Liên quân Áo — Phổ phải rút lui ra khỏi biên giới. Lãnh thổ Pháp đã sạch bóng quân thù.

Thắng lợi quân sự kể trên biểu lộ rõ sức mạnh của một lực lượng xã hội đang

lên, một sức mạnh của thời đại. Nó không chỉ quyết định vận mệnh của một dân tộc mà còn quyết định xu hướng phát triển của cả nhân loại liên bộ như Robespierre đã nói:

*« Nếu tự do ở Pháp bị thủ tiêu thì toàn bộ thiên nhiên sẽ bị che lấp trong tăm màn tang tóc và lý trí của con người sẽ lụi sâu vào tận vực thẳm của dốt nát và dã man... Chế độ chuyên chế như một biển đen không bờ bến sẽ ngập tràn lan trên mặt địa cầu... Chúng ta chiến đấu... cho những người đang sống ngày hôm nay... cho tất cả những người sẽ sống... » (3).*

Chính vì vậy mà ảnh hưởng của Đại cách mạng Pháp đã nhanh chóng lan tỏa ra khắp thế giới.

Cách mạng Pháp đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phong kiến già cỗi châu Âu, đồng thời cổ vũ, thúc đẩy các trào lưu tư sản dân chủ đã nẩy mầm trong các xã hội phong kiến nhanh chóng phát triển. Ở những nơi mà chủ nghĩa tư bản đã có những bước phát triển tiến bộ thực sự trong lòng xã hội phong kiến thì ảnh hưởng đó sẽ mạnh hơn, như ở các nước Tây và Trung Âu, (Bỉ, Đức, Ý, Áo, Hung...). Ở nơi nào mà lực lượng tư sản chưa đạt tới lật đổ chế độ phong kiến bằng cách mạng thì cách mạng Pháp đưa đến sự kích thích cần thiết làm cho những lực lượng tiến bộ chống phong kiến thức tỉnh và giác ngộ thêm. Đó là trường hợp những nước vùng Ban-căng đang còn dưới ách thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ, trường hợp nước Nga mà cho đến mãi năm 1905 còn phải thực hiện cách mạng tư sản dân chủ, hoặc ở các nước Viễn Đông như Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam... Ở những nước đã bị chủ nghĩa đế quốc thống trị như Việt Nam chẳng hạn, thì cách mạng tư sản dân chủ đã phải lồng vào làm một với cách mạng giải phóng dân tộc.

Đại cách mạng Pháp như vậy đã là cột mốc đánh dấu sự chuyển biến của lịch

sử nhân loại, từ phong kiến sang tư sản chuyển mâu thuẫn cơ bản của thời đại là mâu thuẫn giữa nông nô với chúa phong kiến sang mâu thuẫn giữa vô sản với tư bản.

Mâu thuẫn giữa vô sản với tư bản đã xuất hiện từ khi giai cấp tư sản bắt đầu hình thành trong lòng xã hội phong kiến, nhưng còn chưa gay gắt. Những người vô sản còn đi theo tư sản để chống lại kẻ thù của kẻ thù của mình. Trong Đại cách mạng Pháp, vô sản cùng tư sản đều nằm trong đẳng cấp thứ ba. Họ đã bắt tay nhau cùng chống phong kiến và chống ngoại xâm. Tuy vậy mâu thuẫn giai cấp cũng đã bộc lộ. Cụ thể, ngay trong thời kỳ trước và trong cách mạng Pháp, công nhân đã phải làm việc cực nhọc và bị tư bản bóc lột tàn tệ. Ngày làm việc kéo dài tới 13-14 giờ. Đời sống thì vô cùng cực khổ. Từ mùa xuân 1790, công nhân nhiều ngành đã bãi công đòi giảm giờ làm và tăng lương. Mùa xuân năm 1791, «Hội Ái hữu» đã được thành lập, tập hợp được khoảng một nghìn thợ mộc. Thợ in cũng đã lập Hội xã nghề nghiệp của mình. Phong trào này đã làm giai cấp tư sản lo sợ. Ngày 14-6-1791, nghị sĩ Le Chapelier đã đưa ra dự án Sắc luật chống công nhân, được Quốc hội lập hiến nhất trí thông qua. Luật này ra đời để bảo vệ quyền lợi của tư sản trong thời kỳ cách mạng tư sản cho nên nó tồn tại lâu dài tới 70 năm mà không hề bị sửa đổi. Điều đó nói lên rõ tính giai cấp của cách mạng Pháp.

Nhìn chung lại, Đại cách mạng Pháp đã có những đặc điểm nổi bật:

Trước hết, đó là một điển hình cao đẹp về thắng lợi của tư tưởng cách mạng, của lý luận cách mạng. Như những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã nói: Không có lý luận cách mạng thì không có

(3) Robespierre - Tài liệu chọn lọc - Tập III: Paris 1958 tr. 76 - 77 (Diễn văn đọc ngày 18-11-1793), trích lại ở « Đại cách mạng Pháp-1789 » của A. Manfret Nxb KH, Hà Nội, tr. 279.

phong trào cách mạng. Thắng lợi của Đại Cách mạng Pháp là thắng lợi của tư tưởng cách mạng đã được các nhà tư tưởng của thế kỷ ánh sáng như Rousseau, Voltaire, Montesquieu, Diderot v.v... đề xướng. Các nhà khoa học đó không những đã để lại cho loài người những tư tưởng, những triết lý, những cơ chế pháp luật, những phương hướng kinh tế nhằm xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn, mà còn đưa lại những áng thơ văn kiệt xuất, mang tính nhân đạo sâu sắc.

*Thứ hai*, Đại cách mạng Pháp với tính tích cực, chủ động vô cùng lớn lao của quần chúng, của đẳng cấp thứ ba (lúc đó chiếm tới 99% dân số) đã có những sáng tạo vĩ đại, không chỉ sáng tạo ra những hình thức đấu tranh mới, mà còn là sáng tạo ra những tổ chức cách mạng mới vô cùng phong phú. Và cao nhất là đã cho ra đời bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền nổi tiếng... Có thể nói, tuy đã là cách mạng thì lúc nào cũng đi đôi với sáng tạo, nhưng sáng tạo trong cách mạng Pháp, nhờ có tính quần chúng rộng rãi nên rất phong phú và màu nhiệm.

*Thứ ba* là Đại Cách mạng Pháp mang tính nhân văn sâu sắc, đặc biệt là sự chú trọng đến *quyền con người*. Có thể nói bất cứ cuộc cách mạng nào, đã là cách mạng thì cũng là *do con người và vì con người*, nhưng ở Đại Cách mạng Pháp, cái độc đáo là nó ra đời vào thế kỷ Ánh sáng, nó xoay quanh và xoay mạnh vào vấn đề quyền con người. Chủ nghĩa nhân văn, biểu hiện rõ rệt nhất trong Bản Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền, đã thấm vào cuộc sống con người để trở thành một động lực cách mạng mạnh mẽ đủ sức lật nhào mọi thế chế, tập tục cổ hủ, lạc hậu từ ngàn xưa.

*Thứ tư* là, trong quan hệ quốc tế, Đại Cách mạng Pháp đã tạo dựng nên một *nền ngoại giao hòa bình mang cả linh cách mạng lẫn tính nhân đạo sâu sắc*. Khẩu hiệu «Chiến tranh với các lâu đài, Hòa bình với các lều tranh» mà quân đội cách mạng Pháp nêu ra khi chiến thắng

liên quân Áo - Phổ trên đất Bỉ, đã được nhân dân các nước vùng sông Rhin tiếp đón nồng nhiệt. Nó cũng thể hiện rõ tính nhân văn cao cả... Bởi vì trong điều kiện bấy giờ, khi mà cuộc đấu tranh giữa lực lượng cách mạng tư sản mới lớn lên với thế lực phong kiến phản động già cỗi, bảo thủ của châu Âu thì chỉ có một nền hòa bình như thế mới là đúng đắn chứ không thể là hòa bình bằng bất cứ giá nào. Có như vậy mới bảo đảm được quyền sống của con người và quyền được hưởng tự do, hạnh phúc của đại chúng.

Tuy vậy, bất cứ một cuộc cách mạng nào, dầu là vĩ đại đến đâu cũng không vượt ra khỏi những *hạn chế giai cấp và hạn chế thời đại của nó*. Đại Cách mạng Pháp cũng là như vậy.

*Trước hết*, đã là cách mạng xã hội thì đi đôi với cách mạng quan hệ sản xuất phải đồng thời quan tâm đầy mạnh phát triển lực lượng sản xuất. Nhưng Đại Cách mạng Pháp, trước những yêu cầu cấp bách của quần chúng đang hướng mạnh vào vấn đề phân phối sản phẩm xã hội, nên các nhà cách mạng đã quan tâm nhiều đến vấn đề cách mạng quan hệ sản xuất. Cũng có thể vì một nguyên nhân khác nữa là, ở Pháp lúc đó, sức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phát triển mà cái kìm hãm trước mắt lại là quan hệ sản xuất, trong đó cơ bản là vấn đề lưu thông, phân phối sản phẩm xã hội nên đã quan tâm nhiều đến việc giải quyết quan hệ sản xuất.

*Thứ hai* là đối với giai cấp công nhân thì Đại Cách mạng Pháp đã coi nhẹ quyền lợi của thợ thuyền. Điều đó cũng không lấy gì làm lạ, vì trong sự thừa nhận quyền tư hữu là bất khả xâm phạm và thừa nhận sự bất bình đẳng về tài sản, cổ vũ cho sự làm giàu của giai cấp tư sản thì không thể lại đồng thời bảo vệ quyền lợi của công nhân được. Mâu thuẫn vô sản - tư sản đã nảy sinh như trên đã nói và ngày càng phát triển đã dẫn tới cao trào cách mạng mới ở Pháp vào những năm 1830, 1848 và 1871. v.v.,

Thứ ba là đối với Giáo hội thiên chúa, cách mạng có thái độ triệt đề chưa từng có. Nhưng cũng như bản thân cuộc cách mạng, lúc đầu thì toàn bộ đảng cấp thứ ba cùng đồng tâm hiệp lực đánh đổ kẻ thù chung. Nhưng rồi trong tiến trình phát triển, đại tư sản đã dần dà chiếm lấy đặc quyền và đến khi đại tư sản chấp chính thì họ đã từng bước nhượng bộ và thỏa hiệp với Giáo hội.

Thứ tư, khi nói đến tính nhân văn của Đại cách mạng Pháp, người ta thường chỉ trích tính *thiếu thủy chung* với nhau giữa các nhà cách mạng (điều này trong cách mạng vô sản rất ít xảy ra). Trong quá trình cách mạng, khi cách mạng tiến lên như vũ bão thì giữa những nhà cách mạng thiếu sự nhân nhượng, thương yêu, thông cảm chờ đợi lẫn nhau. Người cấp tiến hạ sát người chậm tiến hoặc người có đôi chút đi trệch đường, khiến cho bọn đại tư sản chấp chính tranh thủ thời cơ nắm lấy chính quyền. Cuộc chính biến ngày 18 tháng Sương mù đã là kết quả bi thảm của cách mạng. Điều này, Các Mác cũng đã nói rõ:

« Trong cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất, sau sự thống trị của đảng Lập hiến là sự thống trị của đảng Girondin, và sau sự thống trị của đảng Girondin là sự thống trị của đảng Jacobin. Mỗi đảng trên đều dựa vào đảng tiến bộ hơn. Một khi mỗi đảng trong các đảng đó đã đẩy cách mạng đi khá xa khiến nó không thể theo kịp cách mạng nữa—chứ đừng nói gì lãnh đạo cách mạng—thì liền bị bạn đồng minh dùng cảm hơn đi sau nó loại bỏ và đưa lên máy chém...»<sup>(4)</sup>

Nêu lên một vài hạn chế kể trên của Đại cách mạng Pháp để đi đến một hạn chế cơ bản, có tính chất chung cho các cuộc cách mạng tư sản là nó tất yếu dẫn đến một hình thức bóc lột mới, thay thế cho bóc lột nông nô—phong kiến, là bóc lột công nhân. Trong điều kiện đó, một số nước có điều kiện phát triển mạnh đã chuyển sang hàng ngũ đế quốc đi

xâm chiếm thuộc địa, áp bức bóc lột nặng nề cả nhân dân thuộc địa lẫn lao động chính quốc. Từ đó, những nơi như ở Pháp, quê hương của cách mạng, của sự ra đời Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền, thì nay chính chủ nghĩa đế quốc Pháp lại phản lại tư tưởng, hoài bão về nhân đạo và bảo vệ quyền con người của những nhà cách mạng Pháp.

Trong thực tế, tiến bộ xã hội đã khách quan tạo ra lực lượng cách mạng mới và yêu cầu của cách mạng mới. Đó là giai cấp vô sản ngày càng đông đảo và cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày càng bức thiết. Đại cách mạng Nga là biểu hiện điển hình về thắng lợi của xu thế ấy.

Nếu Đại cách mạng Pháp mở đầu cho kỷ nguyên tư bản chủ nghĩa trong lịch sử nhân loại, thì Cách mạng Tháng 10 Nga lại mở đầu cho kỷ nguyên phát triển mới, cao hơn, là kỷ nguyên xã hội chủ nghĩa. Nếu Đại Cách mạng Pháp mới đưa loài người thay thế xã hội bóc lột này bằng xã hội bóc lột khác thì Đại Cách mạng Tháng 10 Nga nhằm xóa bỏ hoàn toàn mọi áp bức, bất công trong xã hội.

Tuy Cách mạng Tháng 10 Nga về vị trí và tính chất lịch sử có cao hơn, mới hơn nhiều so với cách mạng tư sản Pháp như mọi người đã biết, nhưng điều chúng ta cần nhấn mạnh ở đây là, cũng như có văn minh Hy Lạp, La mã cổ đại thì mới có văn minh Tây Âu và Bắc Mỹ cận, hiện đại, có cuộc cách mạng tư sản Pháp và các cuộc cách mạng tư sản khác thì sau đó mới có Đại Cách mạng Tháng 10 Nga và các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tiếp theo. Cách mạng Tháng 10 Nga cũng như các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa khác đều có kế thừa thành quả vĩ đại của cách mạng Pháp, tức phủ định cái tiêu cực, phát huy cái tích cực, đưa nhân loại tiến lên.

(4) Mác—Ăngghen *Tuyển tập*, Tập 11, Nxb ST—1988, trang 141.

Riêng ở Việt Nam, nhiệm vụ dân chủ tư sản của cách mạng Việt Nam đã không được thực hiện bằng cách mạng tư sản dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản hay tiểu tư sản mà chỉ có thể đem lại thành công dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Tuy vậy những kinh nghiệm những bài học của Đại cách mạng Pháp vẫn là bổ ích đối với cách mạng Việt Nam. Chẳng thế mà ngay từ những năm 20 của thế kỷ này, Bác Hồ của chúng ta, khi viết cuốn *Đường cách mạng* đã coi trọng các kinh nghiệm của Đại cách mạng Pháp, trong đó người rút ra 5 bài học bổ ích. Người đặt vấn đề: Cách mạng Pháp làm gương cho chúng về những việc gì? Và người tự trả lời;

« Cách mạng Pháp dạy cho chúng ta:

1. Dân chúng công nông là gốc cách mạng, tư sản là hoạt đầu, khi nó không lợi dụng được dân chúng nữa, thì nó phản cách mạng.

2. Cách mạng thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công.

3. Dân bà, trẻ con cùng giúp làm việc cách mạng được nhiều.

4. Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi.

5. Cách mạng Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ, ta muốn làm cách mạng thì cũng không nên sợ phải hy sinh<sup>(5)</sup>.

Những bài học đó đã giúp ích cho cách mạng Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua. Những thành công của cách mạng Việt Nam, nhất là trong việc hoàn thành các nhiệm vụ dân tộc dân chủ đều có phần cống hiến không nhỏ của kinh nghiệm Đại cách mạng Pháp.

Ngày nay lên chủ nghĩa xã hội chúng ta còn đang trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ, những bài học kinh nghiệm của Đại Cách mạng Pháp vẫn còn tác dụng, đặc biệt nhất là về *nâng cao tinh thần dân chủ*, trong đó nổi bật nhất là quyền con người và quyền công dân.

\* Ngày 15 tháng 3 năm 1989

(5) Hồ Chí Minh *Tuyên tập*, Tập I, Nxb Sự thật, 1980, trang 247.

## MỘT VÀI VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 18)

(chiếm trên dưới 88% dân số) càng bị gánh nặng bấy nhiêu. trong khi nạn đói đe dọa. Việc canh tác vẫn theo chế độ *hưu canh*, cứ một năm làm, một năm nghỉ. Hàng năm đất bỏ hoang chiếm trên dưới 5/6 tổng diện tích đất đai canh tác: miền bắc 1/3, miền nam 1,2.... Ngoài ra phân bón không đủ, công cụ canh tác còn thô sơ như thời trung cổ. Công nhân thì thất nghiệp ngày càng nhiều.

Tóm lại, tình trạng *chính trị - kinh tế - xã hội* của nước Pháp những năm cuối thế kỷ XVIII như vừa sơ lược trình bày bên trên, đã gây nên mối bất bình sâu sắc và rộng lớn trong tất cả ba đẳng cấp xã hội: tầng lớp dưới ở vùng nông thôn; quý tộc lớp dưới cũng như quý tộc lớp trên vốn quen lối sống hưởng lạc, ăn bám; và đặc biệt là toàn bộ Đẳng cấp thứ ba.

# QUA 200 NĂM — NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ CÁCH MẠNG PHÁP

DANIEL HÉMERY

« **C**UỘC Cách mạng Pháp là một sự kiện trọng đại đến mức nhất thiết phải xuất phát từ nó để xem xét những sự việc của thời đại ta. Không một điều hệ trọng nào xảy đến với nước Pháp mà không là hậu quả trực tiếp của hiện tượng gốc đó, hiện tượng đã làm thay đổi tận gốc những điều kiện sống còn của đất nước ta ». Những lời trên do Ernest Renan, một trong những « người cha tinh thần » của nền Cộng hòa đệ tam viết năm 1869, nhấn mạnh một cách đúng đắn hai phương diện của Cách mạng Pháp: một mặt đó là một sự đứt đoạn lịch sử to lớn để mở ra một thời đại mới, một mặt đồng thời nó cũng là hiện tượng làm chuẩn, đặt « mức nền tảng » của toàn bộ cục diện lịch sử Pháp từ hai thế kỷ nay.

Ngày nay các nhà sử học phương Tây lý giải thế nào về tình hình khủng hoảng của cách mạng diễn ra trong suốt mười năm ròng, từ 1789 cho đến năm 1799, chấn động một xứ sở có đông dân nhất (28 triệu người) và hùng cường bậc nhất trong thế giới phương Tây bấy giờ ? Điều ngày nay, sau hai trăm năm, chúng ta có thể khẳng định là sự am hiểu của chúng ta về Cách mạng Pháp đã hoàn toàn đổi khác từ những năm cuối thập kỷ 60.

Trong vòng hai mươi năm qua, đã có một sự đổi khác hẳn về cách nhìn lịch sử, đi theo nó là một bước ngoặt thực sự trong khoa học chép sử đánh dấu bằng qui mô đồ sộ của những trước tác sử học: hơn 500 cuốn sách chỉ trong hai năm gần đây.

**Khoa chép sử cách mạng: Sự chấm dứt một « thời đại hoàng kim ».**

« Thời đại hoàng kim »... ta có thể dùng từ ngữ này của Michel Vovelle để gọi sự phát triển phi thường của tư duy lịch sử về Cách mạng Pháp bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX, gần đúng lúc mà Jaurès, có lẽ là nhà tư tưởng XHCN lớn nhất của Pháp từ một trăm năm nay, cầm bút viết cuốn « Lịch sử Cách mạng Pháp » theo quan điểm xã hội chủ nghĩa giữa cơn khủng hoảng chính trị xoay quanh vụ án Dreyfus (1884–1900). Cuốn sách ra đời trong khoảng 1901–1908. Liên sau đó người ta chứng kiến sự xuất hiện có tính chất « bùng nổ » của hàng loạt công trình nghiên cứu tìm tòi dựa trên nguồn tư liệu đồ sộ được các cơ

quan lưu trữ và các thư viện cung cấp. Đặc biệt là các công trình của Viện Lịch sử cuộc Cách mạng Pháp, trong đó nổi bật lên tên tuổi của Alphonse Aulard, vị giáo sư đầu tiên của bộ môn Lịch sử Cách mạng Pháp thành lập năm 1886 tại trường Sorbonne và người kế cận là Albert Mathiez, hai giáo sư thường chống đối nhau trong vấn đề chủ nghĩa Danton và chủ nghĩa Robespierre. Kế tục các ông là những nhà bác học lớn. Georges Lefebvre tác giả cuốn sách cơ bản về cuộc Cách mạng của nông dân mùa hè 1789 tức là cuốn « Nổi kinh hoàng lớn » xuất bản năm 1932, — Albert Soboul, nhà sử học cộng sản về phong trào quần chúng

Paris trong năm thứ hai Cộng hòa và nhiều tên tuổi khác.

Đặc trưng của thời đại hoàng kim này của lịch sử cách mạng, còn có thể gọi là lịch sử « Jacobin », đó là ảnh hưởng hiển nhiên của chủ nghĩa Mác thời đó. Ernest Labrousse (với các cuốn « Phác thảo về trào lưu giá cả và lợi tức ở Pháp thế kỷ XVIII », 1933 và « sự khủng hoảng của nền kinh tế nước Pháp thời cuối chế độ cũ và đầu cuộc Cách mạng » 1944) – Albert Mathiez (« Phong trào xã hội và sinh hoạt đất đai dưới thời khủng bố », 1927). – Georges Lefebvre (« Nông dân miền Bắc trong cách mạng Pháp », 1924). – Albert Soboul (« Quân chúng binh dân Paris trong năm thứ hai Cộng hòa », 1958) đều đã phân tích xã hội trong thập kỷ cách mạng 1789–1799 bằng cách làm sáng rõ vai trò lịch sử của nông dân và các tầng lớp quần chúng thị dân. Chúng ta biết ơn trường phái lịch sử « Jacobin » này về một loạt công trình rất quan trọng nghiên cứu việc bán nhượng tài sản quốc gia, về sự di chuyển quyền sở hữu mà Chính quyền cách mạng đã thực hiện, về cuộc khủng hoảng lương thực, về những phong trào nổi dậy của quần chúng cũng như vô số chuyên đề khác nhau về từng vùng, từng địa phương. Đáng chú ý hơn hết là tất cả những tài liệu kê trên đã dựng nên một sơ đồ gần khớp với kết luận tóm tắt Mác đã nêu ra trong thời gian 1845–1848 qua các bài viết trên tạp chí « Sông Ranh mới », cuộc Cách mạng Pháp là một cuộc cách mạng tư sản dựa trên sự ủng hộ của quần chúng thành thị và nông thôn, vạch ra *con đường máu mửa* về sự diễn biến chính trị từ chế độ phong kiến lên chủ nghĩa tư bản.

Đối với các nhà sử học thuộc trường phái nói trên, chính sách khủng bố được cắt nghĩa bằng những lý do hoàn cảnh, cuộc chiến tranh, chống thù trong giặc ngoài đã bắt buộc phải làm như vậy, ấy là « thuyết tình thế bắt buộc ». Dĩ nhiên phác đồ trên kia còn là đầu đề của nhiều

cuộc tranh luận. Chẳng hạn, một nhà sử học gần gũi của chủ nghĩa vô chính phủ, Daniel Guérin, đề nghị xem xét trong phong trào quần chúng thành thị từ 1789 đến 1794 những tiền đề, những yếu tố phi công nghiệp của giai cấp vô sản hiện đại (Daniel Guérin « Đấu tranh giai cấp dưới chế độ Cộng hòa đệ nhất của giai cấp tư sản (1793–1797)–1946).

Nhưng nhìn chung, sơ đồ được lập ra từ quan niệm về « cách mạng tư sản » có sức thuyết phục ngày càng rộng rãi nhiều nhà sử học.

... Nét thứ hai của « Thời đại hoàng kim » này là mối quan hệ trực tiếp được thắt chặt giữa cuộc tranh luận về Cách mạng Pháp và những sự lựa chọn chính trị lớn suốt trong thế kỷ 20. Lịch sử Cách mạng Pháp luôn luôn là « Lịch sử tham dự vào », luôn có sự gắn ghép rõ ràng hoặc không rõ giữa những trào lưu chính trị trên thế giới đương thời và những động lực chính trị và xã hội khác nhau thời đó, (trong khoảng từ 1789 đến 1799). Không thể nào không tự coi mình là thuộc phái này hay phái kia, đứng về phía Mirabeau, Danton, Robespierre hay Babeuf.

Hai ví dụ đề minh họa sự gắn ghép mình với những người đó. Jaurès, người thống nhất chủ nghĩa xã hội Pháp nghĩ ra chiến lược chính trị của ông – « tiến trình cách mạng » – xuất phát từ khuynh hướng Cách mạng 1789, ông cho chiến lược có mục tiêu « tổ chức có phương pháp và hợp pháp các lực lượng vô sản theo luật dân chủ và phổ thông đầu phiếu ». Theo ông CNXH là thực hiện dân chủ trong mọi lĩnh vực, nói cho cùng là hoàn thành quá trình bắt đầu từ năm 1789.

Còn Lênin thì tự nhận vào mình truyền thống Jacobin và chủ nghĩa Robespierre của năm Cộng hòa thứ hai (1793–1794). Ông mượn ở đó mô hình đảng tập trung và Ủy ban cứu quốc chuyên chính.

Đặc biệt, năm 1917 ông liên hệ nhiều đến cách mạng Pháp. Ông viết, « Các nhà sử học vô sản nhìn thấy chủ nghĩa

Jacobin là một trong những đỉnh cao nhất mà giai cấp thống trị đạt được trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình».

Đối với ông, những người Jacobin có thể coi như những người Bôn-sê-vich của thế kỷ thứ XVIII. Theo cách nhìn của chủ nghĩa Mác cuối thế kỷ XIX và chủ nghĩa cộng sản những năm 1920-1960, Cách mạng Pháp đã được nêu lên theo mẫu của cách mạng dân chủ tư sản và cuộc khủng bố 1793-1794 được coi là hợp pháp trong lịch sử.

— Nhưng, từ cuối những năm 1960, cách nhìn nhận này về Cách mạng Pháp đã dẫn tới khủng hoảng trong các nhà sử học phương Tây và một số các nhà sử học Liên Xô và Đông Âu. Do đó kỷ niệm 200 năm Cách mạng, tinh thần diễn ra trong bối cảnh lý trí và sử sách rất mới.

Trong 20 năm, một sự di chuyển thật sự của đối tượng sử học đã diễn ra. Có nhiều lý do giải thích, điều đó, không chỉ là những lý do học giả và khoa học, sự chấm dứt các cuộc cách mạng trong thế giới thứ ba và phát hiện những hạn chế của các cuộc cách mạng đó, cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa cộng sản, định vượt thực sự chủ nghĩa tư bản, sự đảo lộn các giá trị văn hóa và sự thay thế nền văn hóa phương Tây ở phương Tây những năm cuối 60 sự đuối hơi của các thứ chủ nghĩa Mác hiện diện nhằm giải thích thế giới một cách chung chung. Sau năm 1970 ở Pháp và ở phương Tây với sự xuất hiện của thứ «chủ nghĩa tự do tân kỳ» và của cái gọi là «văn hóa quyền con người» sáng kiến và tính năng động tinh thần đã chuyển hướng hoàn toàn thì trong lĩnh vực lịch sử của cách mạng Pháp ba khuynh hướng sau đây được xác lập:

Trước hết là sự giảm chân tại chỗ của trường phái lịch sử Jacobin. Nói cho cùng nó không thể đổi mới hơn nữa. Ngược lại, điều thu hút những nhà nghiên cứu trẻ ở phương Tây trước hết là những đề tài mà thế hệ thứ hai của

các trường phái Biên niên sử triển khai được Fernand Braudel cổ vũ (ông này không ngừng nêu lên một thứ chủ nghĩa Mác «cởi mở»), đặc biệt quan niệm về sự «kéo dài» được ông phát triển trong bài viết nổi tiếng của mình in trong cuốn «Biên niên sử» 1958. Đối với Braudel và các học trò của ông những cuộc cách mạng chỉ là những «ran nứt ngắn» trên bề mặt chứ chưa phải là những biến đổi sâu sắc lay động đến tận nền tảng các cấu trúc. Đó mới chỉ là những thời đoạn trong một quá trình biến chuyển rất chậm chạp. Từ đó về sau là thắng lợi của lịch sử kinh tế, lịch sử nền văn minh vật chất (cuốn sách chủ bài của Braudel là tác phẩm rất nổi tiếng của ông: «Nền văn minh vật chất, nền kinh tế và chủ nghĩa tư bản» (thế kỷ XV đến thế kỷ XVII), lịch sử của những nền văn hóa và tâm lý xã hội rồi đến gần một thập kỷ nay lịch sử nhân loại học... cũng mang ý nghĩa đó, ảnh hưởng các ý kiến của các nhà triết học Michel, Foucault, đặc biệt là của việc ông phân tích các hiện tượng về chính quyền, cố gắng vượt lên tầm nhìn chật hẹp của chính sách và của quyền lực Nhà nước để từ một bước chuyển mang tính chất vừa triết học vừa nhân loại học, cầm chốt và nghiên cứu những hiện tượng quyền lực, về ách thống trị tưởng như vắng bóng trong cơ cấu xã hội (hãy xem hai cuốn sách lớn của ông, «Lịch sử của sự điên cuồng» năm 1970, «Theo dõi và trừng trị» 1974)

Khuynh hướng thứ hai là cuộc phản công chống truyền thống Jacobin từ sau khi tác phẩm của A.Cobban xuất hiện («Truyền thuyết về cách mạng Pháp» - 1961) tác phẩm của nhà sử học Mỹ G.Taylor («Sự giàu có phi tư bản thời kỳ đầu cách mạng Pháp») và nhất là cuốn sách đầu tiên của François Furet và Denis Richet «Cuộc Cách mạng Pháp» in năm 1965. Điều mà các nhà sử học đặt thành vấn đề tranh cãi là một loạt «ý kiến đã được tiếp nhận».

Trước hết là quan niệm cách mạng là một cuộc đấu tranh giai cấp theo hình tam giác 3 đỉnh (quý tộc, tư sản, các tầng lớp bình dân). Chẳng hạn họ không thừa nhận ý kiến từ giai đoạn cuối của chế độ cũ, một hiện tượng phản công của giới quý tộc được mệnh danh là « phản ứng của quý tộc » đã làm sụp đổ chế độ quân chủ. Họ cho rằng một phần lớn vốn công nghiệp và thương nghiệp của các xí nghiệp hiện đại nhất trước năm 1789 là tài sản của giới quý tộc và năm 1789 có sự thỏa hiệp chính trị rộng rãi giữa tầng lớp tư sản thương nghiệp giàu có và lớp quý tộc áo dài và một tầng lớp quý tộc tự do được công nhận theo ý kiến của các nhà triết học phù hợp với dự kiến thành lập nền quân chủ lập hiến « kiểu Anh ». Theo các nhà sử học này thì sự thỏa hiệp có thể xảy ra năm 1789 và gần như đạt được vào năm 1790 (xem Liên đoàn liên hợp hội ngày 14-7-1790). Đó là chính sách thỏa hiệp đã được những người như Mirabeau, Barware thực hiện. Luận điểm này vẫn được tranh luận rất nhiều và nhiều nhà sử học như Michel Vovelle và Daniel Roche không chấp nhận. Đối với họ không có gì chứng minh rằng tầng lớp quý tộc có tư tưởng tư bản chủ nghĩa cũng như chứng minh sự kết liên đang tiến hành giữa tầng lớp quý tộc với giai cấp tư sản tạo thành một giới « thượng lưu » mới trong kinh doanh. Nếu thực sự có khuynh hướng ấy thì điều đó cũng chỉ liên quan đến một số ít người trong giới quý tộc. Cuối thế kỷ XVIII giới quý tộc có 40.000 người ở độ tuổi trung niên thì chỉ non 1.000 người có tham gia các hoạt động công thương nghiệp « tầng lớp quý tộc tư bản chủ nghĩa » là ngoại lệ, chiếm nhiều nhất khoảng 10% và phần lớn là những địa chủ và người cho vay lãi. Tư tưởng tư sản rất hiếm có trong giới quý tộc.

Thứ hai là cách nhìn nhận thông thường trong năm Cộng hòa thứ hai (1793-1794), cách mạng chưa phải là kết quả của một phong trào đang lên, chưa

được lịch sử thúc đẩy, nền chuyên chính cách mạng của Tổ chức Cứu trợ Cộng hòa và của phong trào Khủng bố, theo các nhà sử học này được lập nên do một sự trục trặc của cách mạng không kịp gạt bỏ sự đột nhập của các tầng lớp bình dân trên vũ đài chính trị mang theo những yêu sách riêng của họ, chủ yếu hướng về quá khứ với những khẩu hiệu truyền thống nhất là về lương thực. Cuộc vùng dậy của nhân dân nhằm lập lại một trật tự cũ đã bị vi phạm hoặc một sự đổi mới trong khuôn khổ cũ (ví dụ: sự lưu thông ngũ cốc tự do) nhiều hơn là nhằm thiết lập một xã hội mới. Đó là thuyết « phục hồi vận hành cũ ».

Những luận điểm này đã đạt được thành công rất lớn, nhất là sau khi cuốn sách « Suy nghĩ về cuộc Cách mạng Pháp » của François Furet ra đời năm 1978. Trong cuốn sách này tác giả đã phát triển ý kiến về thời Khủng bố, coi chính sách đó là logic của ý thức hệ cách mạng. Ông viết: « Chế độ khủng bố là một bộ phận của hệ tư tưởng cách mạng » Furet làm sống lại ý kiến của các nhà sử học lớn thuộc phái tự do ở thế kỷ XIX, đặc biệt là Michelet và Tocqueville (« Chế độ cũ và cách mạng » 1856) mà một nhà sử học bảo thủ đầu thế kỷ XX là Augustin Cochin đã lại nêu lên khái niệm về « khát vọng chung » của Rousseau, nguyên tắc quyền lực tối cao của nhân dân, về sự phát triển các tổ chức hoạt động tư tưởng và các câu lạc bộ để thường xuyên tìm kiếm sự nhất trí đã thực sự chuẩn bị cho việc tước đoạt tự do theo chủ nghĩa Jacobin cùng với sự đàn áp (ở thời kỳ « Khủng bố » có tới 17.000 người bị các tòa án cách mạng tuyên án tử hình và tổng số người chết có thể lên đến 40.000 chưa kể những nạn nhân chiến tranh vùng Vendée).

Luận điểm của F. Furet có thể tóm tắt theo cách sau đây, từ sáu cuộc khủng hoảng chính trị do việc nhà vua chạy trốn ngày 20-6-1791, câu lạc bộ những người theo phái Jacobin lúc đó mới chỉ

là nơi hội thảo đơn thuần chịu ảnh hưởng đặc biệt của Robespierre đã dần dần biến thành một chính đảng thực sự của các nhà hoạt động chuyên nghiệp về cách mạng đại diện cho quần chúng và nhân dân họ kiểm soát cả một mạng lưới hàng nghìn câu lạc bộ địa phương các tỉnh và có từ 100.000 đến 200.000 chiến sỹ. Từ đó chủ nghĩa Jacobin trở thành công cụ chủ chốt để kiểm soát chính trị trong tay chính quyền và là công cụ của việc tái tập trung các cơ cấu trong bộ máy Nhà nước. Nó bị biến thành « một cái máy sản xuất ra sự nhất trí của nhân dân bằng phép thanh trừng ». Sự đi lên của chủ nghĩa Jacobin năm 1793 dẫn đến kết quả hiển nhiên là thủ tiêu mọi sáng kiến của quần chúng và tính năng động của những « người khổ rách » như Michelet đã thấy. « Cách mạng bị đóng băng... », sau này Saint Just nói như vậy. Theo F. Furet thì những người Jacobin năm Cộng hòa II (hè 1793 - 1794) là nguyên mẫu một đảng chính trị đặc biệt đề các đảng cách mạng những thế kỷ XIX và XX nói chung, đảng Bôn-sê-vich noi riêng dựa theo đấy mà sao chép. Sau cùng, cũng trong thời gian trên những sách sử

chống cuộc cách mạng vô cùng tích cực này đã xuất hiện. Thực ra loại sách sử này được sinh ra cùng với chính cuộc cách mạng (đó là truyền thống của Burke: « Suy nghĩ về cuộc Cách mạng Pháp », 1790) và của Joseph de Maistre: « Những sự đánh giá về nước Pháp 1796 » đã không ngừng được tái bản cho đến thế kỷ XX. Nhưng từ một thập kỷ nay cả một dòng văn học được phát triển xoay quanh hình ảnh một « cuộc cách mạng độc quyền, phòng dơi của Goulag (trại tập trung) và của sự hủy diệt lẫn nhau giữa những người Pháp (chiến tranh Vendée), gắn liền với sự nổi lên của một phái cực hữu mới.

Vậy là, truyền thống sử sách Jacobin và mác xít cổ điển được bảo hộ bởi sự đổi mới cách nhìn nhận tự do của cách mạng từ hai thập kỷ nay và quang cảnh sử sách trong mười năm gần đây đã được xáo trộn lạ lùng. Liệu có cần phải phản nân về điều đó không? Không! mà là ngược hẳn lại. Bởi vì thực tế cuộc tranh luận đã mang lại lợi ích hết sức quan trọng là làm xuất hiện nhiều tiểu phẩm rất mới về hiện tượng cách mạng Pháp và thực chất là lưu lại trong tương lai.

### Những vấn đề mới về cuộc cách mạng Pháp

Những tiểu phẩm mới về lịch sử Cách mạng Pháp rất khác nhau và chúng ta chỉ có thể nêu ra ở đây những nét chính. Rất nhiều lĩnh vực mới trở thành đối tượng của việc nghiên cứu. Ví dụ, người ta đã đặt vấn đề rất nhiều về hậu quả chung mà cuộc cách mạng Pháp đã ảnh hưởng tới sự phát triển của chủ nghĩa tư bản công nghiệp ở Pháp. Người ta tự hỏi liệu cuộc cách mạng này có phá vỡ được tính năng động của các hái căng lớn của thực dân và tăng cường những khuynh hướng phát triển công nghiệp tập trung ở châu Âu, nhất là dưới Đế chế thứ nhất không? Ngược lại cách mạng Pháp có lợi cho cuộc cách mạng công

ngiệp ở Bỉ và suốt chiều dài trục đường vùng Rhénan. Người ta tự hỏi tiếp theo sự đoạn tuyệt với ngành thương nghiệp hàng hải và với sự thiết lập một loại « chủ nghĩa tư bản chiến tranh », liệu cuộc cách mạng này có phải là một thảm họa kinh tế làm gián đoạn sự phát triển kinh tế Pháp ở nửa sau thế kỷ 18 không? Cuộc cách mạng này có phải là một nguyên tố gây nên sự lạc hậu về kinh tế không? Về vấn đề này, người ta bắt đầu xử dụng những tác phẩm mới như tác phẩm của Denis Woronoff về « Nền công nghiệp luyện kim ở Pháp thời Đế chế thứ 1 hoặc của Louis Bergeron về « Các chủ ngân hàng, các nhà thương gia,

những nhà sản xuất ở Paris dưới thời kỳ Đốc chính của Đế chế». (1978).

Ngày nay, những vấn đề mới về lịch sử cách mạng đã được đánh giá một cách khái quát, xếp chung quanh các trục lớn sau:

— Nếu lịch sử kinh tế và xã hội của cách mạng mất đi ưu thế của nó, nó cũng không vì thế mà yếu đi. Người ta đặt vấn đề rất nhiều về tập hợp trong thực tế những phong trào quần chúng và về ý nghĩa của những phong trào đó. Phần nhiều các phong trào của nhân dân Pháp và Mỹ, các tác phẩm trước hết về những nhóm xã hội trong các thành phố và nhất là về thành phố lớn Paris có tới 500.000 dân năm 1789 này, về những người thợ thủ công, thợ nề, những người sống ngoài lề xã hội, v.v... Cuộc khủng hoảng về lương thực đã gây ra vô số những sự lục đục và cường hức trong thời kỳ cách mạng, những xung đột về vấn đề tài sản chung, sự tiến triển của cộng đồng nhân dân là nét nổi bật mới đối với công trình nghiên cứu của S. L. Kaplan (« Bánh mì, nhân dân và nhà vua. Chiến trường của chủ nghĩa tự do », 1986) của R. Cobb (« Sự chống trả của nhân dân ở Pháp, 1789 – 1820 », 1975), của V. Ljubinski (« Chiến tranh bột », 1979), của F. Gauthier (« Con đường của nông dân trong cuộc Cách mạng Pháp », 1977) v.v... Đặc biệt, họ dựa vào tác phẩm của nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa người Áo khoảng giữa hai cuộc chiến tranh, Karl Polanyi (« Sự biến đổi lớn », 1940) và đề coi như có một ý thức cách mạng riêng biệt ở tầng lớp tiểu thị dân và ở tầng lớp nông dân không có ruộng đất (khoảng 70% nhân dân địa phương) ý thức được bộc lộ trong các cuộc nổi dậy và trong nhiều « thứ cảm xúc » của nhân dân.

Ý thức này dựa vào việc chống lại sự tự do tuyệt đối về kinh tế (cần nhớ rằng Quốc hội lập hiến đã thông qua việc tự do buôn bán ngũ cốc ngày 26/8 năm 1789 và tháng 6 năm 1791, đạo luật Le Chapelier về việc bãi bỏ tính tự do trong kinh

tế cấm những « liên minh » công nhân và cấm đình công, chiến thắng thứ logic chợ búa, logic kinh tế, quần chúng cách mạng chiến đấu để có được sự tự do thực sự trong việc trao đổi, sự ổn định giá ngũ cốc, chiến đấu cho quyền sống, cho « nền kinh tế tinh thần », chống « nền kinh tế chính trị ». Qua đó, họ chống lại tư bản một cách « phòng ngừa ». Họ đấu tranh chống lại sự cướp đoạt ruộng đất, đấu cơ về giá cả ngũ cốc đòi hạn chế quyền tư hữu, và áp lực của quần chúng đã phá vỡ những gì còn tồn tại của chế độ phong kiến và quyền của lãnh chúa tháng 7 năm 1793. Tất nhiên cuộc chiến đấu đó cũng chặn đứng được sự biến đổi tư bản chủ nghĩa về quyền tư hữu quý tộc ở nhiều nơi.

Tóm lại, dưới thời cách mạng Pháp, người ta tham gia vào việc thay đổi nội dung đấu tranh của nhân dân. Bởi vì với việc chính trị hóa một đảng quan trọng của các tầng lớp nhân dân, các tầng lớp này sẽ bỏ qua khuynh hướng lịch sử cũ của họ theo kiểu « bạo lực phản ứng » (dành riêng để lập lại sự cân bằng truyền thống bị giai cấp thống trị chủ động làm đảo lộn) và phát triển dự kiến cách mạng riêng của họ, phát triển điều không tưởng về một xã hội bình đẳng, tự do, bác ái... Sự chuyển đổi này có thể thấy được ngay từ ngày 14 tháng 7, nó trở thành hiển nhiên với cuộc cách mạng ngày 10 tháng 8 năm 1792, lật đổ chế độ quân chủ, nó đạt tới đỉnh cao nhất bằng cuộc bạo động từ ngày 31 tháng 5 đến 2 tháng 6 năm 1793 chống lại Hiệp ước của phái Girondin. Bạo lực của quần chúng không còn là « phản ứng » nữa, mà là bằng phương tiện, nó phục vụ cho một dự định mới. Dự định hiển nhiên sẽ thất bại, nhưng sẽ được truyền đi trong công nhân thế kỷ 19. Vậy là có một mối liên hệ giữa dự định cách mạng của các tầng lớp nhân dân thập kỷ 1789 – 1799 và chủ nghĩa xã hội hiện đại châu Âu.

— Lĩnh vực thứ 2 của sử sách được mở rộng một cách đáng kể những tác

phẩm về tính chất và về nền văn hóa chính trị được soạn thảo cùng với cuộc cách mạng Pháp. Sự đổi mới lớn lao là quyền công dân, gắn liền với thắng lợi của quan niệm về con người, nghĩa là về « Con người – cá nhân » không phải những quyền con người không có quyền công dân. Với sự ra đời của quyền này, chính diễn đàn của chính quyền chính trị, giữa xã hội công dân và nhà nước, hoàn toàn bị đảo lộn. Cả một loạt những quan niệm chính trị cách mạng được thảo ra tách rời chính quyền, tự do, « chế độ quyền lực », (« Mục đích của cả quần hội chính trị là sự bảo đảm những quyền tự nhiên và bất khả xâm phạm của con người, những quyền lợi này là quyền được tự do, quyền tư hữu, quyền được sống yên ổn và quyền chống áp bức », điều 2 của Tuyên ngôn về quyền Con người) « Luật bảo đảm quyền tự do cá nhân » (« không người nào là không được xử theo luật pháp đã được lập ra, được ban hành và được thực hiện một cách bình đẳng », điều 8), quyền dân chủ (« Tự do truyền bá những tư tưởng và ý kiến là một trong những quyền lợi quý giá nhất của con người. Mọi công dân đều có quyền nói, viết, in ấn tự do, miễn là chịu trách nhiệm việc lạm dụng quyền tự do ấy trong những trường hợp do pháp luật qui định », điều 11) v.v... Xã hội có thêm những từ ngữ riêng về chính trị, tự tin và tự do, có đặc trưng riêng về chính trị song song với chính quyền nhà nước, các câu lạc bộ, các hội giao lưu tư tưởng, các ban hội bảo chi v.v... mà gần đây đã được nghiên cứu ở Paris. M. Genty (« Nghiên cứu về quyền công dân, 1789 – 1795 », 1987).

– Nhưng để có một định nghĩa mới về con người được coi là chủ thể của xã hội, cần phải có một nền văn hóa mới có tính chính trị chung, về mặt này, cách mạng Pháp cũng đã tạo ra được một bước ngoặt. Người ta đã nghiên cứu nhiều những yếu tố tạo nên nền văn hóa chính trị này « Quần chúng cách mạng », những

lý tưởng, cách hành động (ví dụ trong tác phẩm của G. Rudé « Quần chúng trong cuộc cách mạng Pháp », 1982) tập hợp những ý tưởng mới, những biểu tượng của nền Cộng hòa, những ước mơ mà những biểu tượng bộc lộ, những ngày hội của cách mạng đã được Mona Ozouf đặc biệt nghiên cứu (« Những ngày hội của cách mạng » 1976) và được Maurice Agulhon nghiên cứu, (« Marianne trong chiến đấu. Tranh ảnh và biểu tượng cách mạng từ 1789 đến 1880 », 1979). Ngày nay, cách mạng xuất hiện như một khối văn hóa đồ sộ, mặt khác như một khuynh hướng tự do của xã hội cho những sự gò bó đặt ra trước kia, như thời điểm tập hợp và đặt ra một hệ thống giá trị về tinh thần, đạo đức, chính trị và thậm chí một sự thần thánh mới, (ngoài ra) thường là cội nguồn của bạo động. Mặt khác, việc xây dựng con người mới là những mục tiêu cơ bản nhất của những người cách mạng, như Robespierre hoặc Saint Just.

– Trong việc xuất hiện hệ thống những giá trị mới này những xung đột xung quanh chức năng của nhà thờ và tôn giáo trong xã hội có tính chất quyết định. Từ tháng năm năm 1792 xảy ra việc đàn áp tăng lữ, khước từ tuyên thệ ủng hộ thể chế dân sự của giáo hội (tháng 7 năm 1790), sau đó là những vụ tàn sát và bãi bỏ đạo Cơ đốc 1793 – 1791 (xuất hiện lại trong những năm 1797 – 1799) biểu lộ một ý chí kiên định phá hủy tổ chức Thiên chúa giáo như Michel Vovelle đã chứng minh (« Tín ngưỡng và cách mạng. Sự bãi bỏ đạo Cơ đốc năm Cộng hòa thứ 2 », 1976).

– Thứ ba, những cuộc tranh luận trong 20 năm gần đây dẫn đến việc xem xét lại lịch sử chính trị cách mạng theo đúng nghĩa của nó, với một trọng lượng mà sử sách Jacobine không cho thấy hết lĩnh vực được xem xét ở đây rất rộng lớn và tôi chỉ hạn chế nhận mạnh vào 2 vấn đề.

Cách mạng Pháp tiếp tục xuất hiện như sự kiện cơ bản của lịch sử chính trị trong

thế giới hiện đại, vì với cuộc cách mạng này, « Chính trị coi như một hoạt động xã hội tự chủ, tách rời khỏi tôn giáo thần thánh, trở thành « đời » dứt khoát và trở thành một hoạt động tập thể. Chính cuộc cách mạng Pháp đã cho ra đời Nhà nước – Quốc gia hiện đại, có nghĩa là một hình thức lịch sử của nhà nước được hợp pháp hóa, lý tưởng hóa dựa vào quốc gia « Nguyên tắc của tất cả các quyền hành nằm trong quốc gia » (Điều 3 của Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền). Ngay từ năm 1789, cách mạng đã đặt ra một định nghĩa về nhà nước quốc gia hiện đại, hay đúng hơn là một sự giới thiệu không thể bỏ qua được « Thế nào là một quốc gia? Một cơ thể sống được tập hợp dưới một đạo luật chung và được chính cơ quan lập pháp thể hiện » (Sieyès trong cuốn sách nhỏ của mình « Thế nào là nhà nước thứ 3? », 1789). Gắn liền với sự bành trướng thế giới của chủ nghĩa tư bản; hình thức nhà nước này chỉ kết thúc ở thế kỷ 20 hơn các cách tổ chức chính trị cũ kỹ của các xã hội khác nhau. Năm 1789, xuất hiện tính năng động lịch sử mà không một nhóm người nào lại không nhận thấy. Cuối cùng, chúng ta hãy nhớ lấy rằng cách mạng Pháp đã sáng tạo ra 2 cách tổ chức chính quyền chính trị trong các xã hội đương thời, nền dân chủ và nền chuyên chế mà các hình thức xã hội khác nhau của chúng đều liên tục được thử nghiệm trong những năm 1789 – 1815.

Luận điểm thứ hai cần nêu lên nảy sinh từ cuộc tranh luận trên sách sử về cuộc cách mạng Pháp, đó là vấn đề về những hạn chế của cuộc cách mạng. Điều đập vào mắt ta là thất bại của cách mạng trong việc xác định lâu dài hình thức chính quyền trong xã hội tư sản sau cách mạng. Đó là câu hỏi lớn « Cách mạng kết thúc như thế nào? »

Câu hỏi đó ám ảnh tất cả các nhà cách mạng lớn từ Barnave đến Robespierre rồi đến Napoléon (chiều 19 tháng Srông mù, ông nói « Cách mạng đã gắn chặt với

những nguyên lý mở đầu nó. Cách mạng đã chấm dứt »).

Có điều xảy ra rõ ràng sau 10 năm cách mạng là không thể lập ra một chế độ tự do, hình thức ổn định của chính quyền chính trị ở Pháp được và rút cục là phải lập ra Nhà nước Trọng tài. Chủ nghĩa Bonaparte cho giai cấp thống trị mới và thế kỷ 19 của Pháp sẽ chỉ lập lại một loạt các chế độ cách mạng từ 1815 – 1818 được kéo dài ra từ 1789 – 1815. Cần phải chờ đợi những năm 1880 và tất nhiên là năm 1905 (tức là năm tách rời nhà thờ và nhà nước) để cuối cùng thấy được bối cảnh một xã hội được đổi mới bằng sự công nghiệp hóa, bằng chỗ đứng ổn định của nền Cộng hòa thứ 3, nguồn gốc nhà nước của vấn đề lịch sử được mở ra năm 1789.

Như vậy có rất nhiều vấn đề mới từ 2 thập kỷ nay đã làm thay đổi một cách sâu sắc quan niệm của các nhà sử học phương Tây về cách mạng Pháp. Nhiều vấn đề cũ bị mất phương hướng. Cuối cùng cuộc cách mạng Pháp ngày nay mang 3 chiều tọa độ. Một chiều không gian, cách đây 20 năm người Mỹ R. Palmer đã đưa ra khái niệm cách mạng Đại Tây Dương. Theo khái niệm đó cách mạng chỉ là thời điểm « Mạnh » của một chuỗi dài cách mạng bắt đầu ở Bắc Mỹ vào khoảng 1770 và dịch chuyển, sau 1815 về phía đông và nam châu Âu. Một chuỗi dài trong đó cách mạng Pháp là mô hình chính trị cơ bản nổi bật, một chuỗi về sau trở thành rất phức tạp và hiện nay có lẽ đang chấm dứt vì những vấn đề lịch sử nhân loại đã cạn nguyên liệu cung cấp cho nó. Một chiều thời gian; cuộc cách mạng lớn ở Pháp không chấm dứt năm 1799 mà còn trôi dạt nhiều lần (ví dụ Công Xã Paris 1871) trong xã hội thế kỷ 19 đến tận khoảng 1905. Một chiều xã hội: khái niệm cổ điển « cách mạng tư sản » ngày nay tỏ ra rất đơn giản hóa đối với sự phức tạp của sự kiện. Bởi vì

trong cách mạng Pháp có nhiều cuộc cách mạng xã hội xen lẫn nhau. Cách mạng 1789-1799 không phải là kế hoạch tương lai của một giai cấp tư sản đồng nhất đạo diễn mà nó chia cắt, phá hủy và lập lại giai cấp tư sản Pháp. Giai cấp này sau sự kiện cách mạng bị chia rẽ sâu sắc và không giải quyết được vấn đề đồng hóa chính trị. Nếu công nhận khái niệm « cách mạng tư sản » thì phải có điều kiện là « diễn viên trong những năm 1789 - 1799 là một « giai cấp tư sản đang tự hình thành » với ý nghĩa mà nhà sử học Anh E. Thompson đã phân tích trong một tác phẩm lớn của mình năm 1963 « Sự hình thành giai cấp công nhân Anh ». Cũng chính trong quá trình cách mạng dần dần thấy rõ được giá trị và nguồn gốc lịch sử của giai cấp tư sản hiện đại, đã dần dần được sắp xếp những nhân tố xã hội học của nó, đã khẳng định khả năng lãnh đạo xã hội thất thường của nó. Từ 1789 đến 1799 nó đã phải sáng tạo trên một địa hình biến động lạ thường, không có gì chắc chắn, không tra cứu được lịch sử. Ở thế kỷ 19, thế giới chăm chú nhìn vào 1789

nhưng 1789 không có cái gì đã xảy ra trước là một cuộc cách mạng không có kiểu mẫu...

Tóm lại, từ 2 thập kỷ nay mối liên hệ của xã hội Pháp với cuộc cách mạng tạo nên sự phát triển hiện đại của xã hội đó đã thay đổi. Những cuộc tranh luận sâu về ý nghĩa cách mạng không giảm nhưng người ta ít tìm kiếm trong các kinh nghiệm khác nhau và trong mô hình lịch sử từ 1789 - 1799 những câu trả lời về sự thách thức của thời đại ngày nay lợi ích chính của các cuộc tranh luận này là buộc chúng ta phải đổi mới suy nghĩ về con người, lùi lại mà nhìn hình ảnh của cách mạng, đừng bị hình ảnh đó, trói buộc, giam cầm. « Không nên đánh giá một thời kỳ cách mạng theo nhận thức của chính thời kỳ đó »<sup>(1)</sup>. Mác viết như vậy năm 1857. Nghe thấy được lời cáo truyền đó phải chăng là tự cho mình phương tiện sáng tạo lịch sử

(1) « Phê phán chính trị kinh tế học »

# TUYÊN NGÔN 1789 VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ QUYỀN CỦA NGƯỜI DÂN-Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ THỜI ĐẠI CỦA NÓ

NGUYỄN NGỌC MINH

**C**O những sự kiện, những tư tưởng, với sự thử thách của thời gian, ngày càng trở thành chân lý sáng ngời, chinh phục được trái tim, khối óc của hàng triệu, hàng triệu người trên thế giới

Có những giá trị bắt nguồn từ một số nước, từ một giai cấp, hoặc từ một số nhà tư tưởng lớn, cũng qua thời gian, đã trở thành những giá trị của loài người tiến bộ.

Đó là trường hợp của *Cách mạng tư sản Pháp 1789* với *Bản Tuyên ngôn về quyền con Người và quyền của người Dân*<sup>(1)</sup>.

Có nhà tư tưởng phương Tây nói: « Những cuộc cách mạng chân chính, từ lâu tiến bước một cách vô hình trước khi bùng nổ ra ánh sáng ».

Vận dụng vào Cách mạng tư sản Pháp và Bản Tuyên ngôn 1789, cũng đúng là như vậy.

Trước đó, biết bao thuyết về quyền con người: Thuyết *quyền tự nhiên*, tức là các quyền mà con người bẩm sinh ra đã có, có trước khi có pháp luật của nhà nước; thuyết quyền là do *Thượng đế ban cho*; thuyết *quyền tuyệt đối của Nhà vua*. Mọi người còn nhớ câu nói nổi tiếng của vua Louis thứ XIV: « Nhà nước là trăm dân ».

Nhưng nhiều triết gia, nhiều nhà hoạt động xã hội của thế kỷ XVII và thế kỷ XVIII (Grotius, Hobbes, Locke... rồi các nhà tư tưởng lớn của Pháp như Rousseau, Montes-

quieu, Voltaire v.v...) đã chuẩn bị cho một trào lưu tư tưởng mới – tất nhiên mỗi người với sắc thái riêng. Rồi cuộc cách mạng Cromwell nổ ra ở Anh, năm 1690, Locke cho xuất bản cuốn *Essay on civil Government* (Bản về Chính phủ dân sự), rồi *Tuyên ngôn độc lập* 1776, của Mỹ.

Tất cả những sự kiện lịch sử đó không thể không tác động đến các nhà tư tưởng Pháp và nhân dân Pháp.

Nhân dân Pháp cùng với giai cấp tư sản Pháp đã nổi dậy. Ngày 14-7-1789 ngục Bastille bị phá. Tuy chưa đập đổ được ngay các ngai vàng của chế độ quân chủ chuyên chế, nhưng « bản án tử hình » đã được tuyên bố, và Bản Tuyên ngôn đã long trọng khẳng định được các quyền cơ bản của con Người, và khẳng định được những nguyên tắc cơ bản tổ chức một Nhà nước và các quyền cơ bản của người Dân.

Tuyên ngôn được thông qua ngày 26-8-1789, và sau đó được đưa vào đầu bản Hiến Pháp 1791. Tuyên ngôn có một Lời nói đầu và 17 điều.

Lời nói đầu của Tuyên ngôn khẳng định: Con Người « có những quyền tự nhiên, không thể chuyển nhượng được và thiêng liêng ». Tiếp đó, điều 1 khẳng định: « Người ta sinh ra và tồn tại tự do và bình đẳng về quyền ». Các quyền đó là: « Tự do, quyền sở hữu, an ninh và

1) Chữ *con Người* và chữ *người Dân* được viết hoa trong nguyên bản

quyền chống lại áp bức». *Tự do* có nghĩa là «có thể được làm tất cả những gì không có hại cho người khác» (điều 4). «luật pháp chỉ có quyền cấm những hành vi có hại cho xã hội» (điều 5). *Tự do* còn có nghĩa là «*Tự do* nói, viết, tự do xuất bản, trừ ra phải chịu trách nhiệm về việc lạm dụng quyền tự do đó trong những trường hợp được luật pháp qui định» (điều 11). *Bình đẳng* có nghĩa là «Luật pháp phải như nhau cho tất cả mọi người, hoặc là để bảo vệ con người, hoặc là để trừng phạt con người». *Bình đẳng* còn có nghĩa là «tất cả mọi người dân — đã bình đẳng như nhau — thì đều có thể giành được những vinh dự, vị trí, và công việc công, tùy theo năng lực của họ, chẳng có sự phân biệt nào hết, trừ sự phân biệt về đức độ và tài năng» (điều 6). «*Sở hữu*» (2) là một quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm, không ai có thể bị tước quyền đó, trừ khi đó là do sự cần thiết công cộng, được pháp luật xác nhận đòi hỏi miễn nhiên như vậy, và với điều kiện là có sự đền bù công bằng và thực hiện trước» (điều 17).

Tuyên ngôn còn nêu một nguyên tắc cực kỳ quan trọng là *chủ quyền quốc gia*, với một nguyên tắc đi liền để tổ chức quốc gia đó là *nguyên tắc phân lập các quyền*. Chủ quyền quốc gia có nghĩa là từ đây chủ quyền không phải là tại nơi Thượng đế nữa, chủ quyền cũng không phải ở nơi Nhà vua nữa, mà nằm ngay tại *Quốc gia* hiểu theo nghĩa là một thực thể, một tổng thể mà mỗi người dân là một bộ phận cấu thành. Sức mạnh của quyền lực đó là «*ý chí chung*» của nhân dân. Nhưng *tất cả nhân dân* làm sao mà thể hiện được quyền lực? Mà phải là *chế độ đại diện*. Nhà nước mà Tuyên ngôn 1789 và liền sau đó là Hiến pháp 1791 của Pháp thiết lập là một nhà nước dựa trên *nguyên tắc đại diện* (tức là nhân dân bầu ra những người đại diện cho mình gọi là «*đại biểu*»). Để tránh mọi quyền lực tập trung vào một người như chế độ quân chủ chuyên chế, tổ chức của

Nhà nước mới này phải dựa trên *nguyên tắc phân lập các quyền* «Muốn người ta không thể lạm dụng quyền lực được thì phải làm sao do sự sắp đặt của sự vật quyền lực hạn chế quyền lực» (3). Cụ thể Montesquieu đã đưa ra học thuyết *tam quyền phân lập* (quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp).

Nhà nước đó phải ban hành luật. Luật là gì? Tuyên ngôn viết: Luật là sự biểu hiện của ý chí chung». Luật đó là như nhau cho tất cả mọi người dân, không còn phân biệt đẳng cấp, không còn đặc quyền, đặc lợi nữa, Tuyên ngôn còn đưa ra mấy nguyên tắc mà ngày nay còn giữ nguyên giá trị: «Bất cứ người nào chỉ có thể bị buộc tội, bị giam giữ trong những trường hợp do luật định, và theo những thể thức do luật định, những người ra những lệnh hoặc thi hành những lệnh độc đoán phải bị trừng phạt» (điều 7); «luật không thể có hiệu lực *hình tố*» (điều 8); bất cứ người nào cũng «được suy đoán là vô tội cho đến khi họ bị tuyên bố là có tội» (điều 9) (4); và «không ai có thể bị rầy rà vì những ý kiến của họ, kể cả ý kiến về tôn giáo, miễn là sự biểu hiện những ý kiến ấy không phá rối trật tự công cộng» (điều 10).

Tóm lại những học thuyết lớn của các nhà tư tưởng Pháp học thuyết «*khế ước xã hội*» của Rousseau, *học thuyết tam quyền phân lập* của Montesquieu, *học thuyết «ý chí chung»* của Voltaire, và *học thuyết của nhiều nhà tư tưởng và tự do, dân chủ, bình đẳng, và chủ quyền quốc gia và lý luận về nhà nước* khác với chế độ cũ đều được thể hiện trong bản Tuyên ngôn 1789 và trong Hiến pháp đầu tiên (Hiến pháp 1791) của Pháp.

2) Ở đây hiểu theo nghĩa «quyền tư hữu».

3) Montesquieu — *Esprit des lois*, Quyền XI, chương XV.

4) Ý nói cho đến khi tòa án có thẩm quyền tuyên án họ là có tội.

Tất cả đều hướng vào sự lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, vào đấu tranh chống áp bức. Tinh thần cách mạng cao; giá trị nhân văn của cuộc Cách mạng tư sản Pháp 1789, của Tuyên ngôn 1789 về quyền con Người và quyền của người Dân, của Hiến pháp 1791 là ở đó.

Nhưng tôi muốn đi sâu hơn về tư tưởng lớn « lấy quyền lực hạn chế quyền lực » của Montesquieu. Đây không chỉ nhằm hạn chế quyền lực của chế độ quân chủ.

Tư tưởng của ông đi xa hơn nữa, khái quát nặng hơn nữa. Xin đọc một đoạn trong tác phẩm lớn của ông: *Esprit des lois* (Tinh thần của luật pháp):

« Khi trong cùng một người hoặc trong cùng một đoàn quân chức <sup>(5)</sup>, quyền lập pháp được gán liền với quyền hành pháp, thì không có tự do, bởi vì người ta có thể sợ rằng cùng một ông vua hoặc cùng một Thượng viện sẽ làm ra những đạo luật bạo ngược để rồi đem thi hành một cách bạo ngược. Cũng không còn có tự do, nếu quyền xét xử không được tách ra khỏi quyền lập pháp và quyền hành pháp. Nếu quyền xét xử mà gán với quyền lập pháp thì quyền đối với sinh mạng và tự do của người dân sẽ độc đoán, vì rằng quan tòa lại là nhà lập pháp luôn. Nếu quyền xét xử mà gán với quyền hành pháp thì quan tòa sẽ có sức mạnh của một kẻ áp bức. Tất cả sẽ mất hết nếu cùng một người hoặc cùng một đoàn của các quân vương công <sup>(6)</sup>, hoặc của các nhà quý tộc, hoặc của nhân dân mà thực hành cả ba quyền, quyền làm luật, quyền thi hành các nghị quyết và quyền xét xử các trọng tội hoặc các tranh chấp của tư nhân » <sup>(7)</sup>.

Như vậy là 3 quyền mà tập trung vào một ông vua, một đoàn thể, một giới, một đẳng cấp, thậm chí vào nhân dân, thì cũng có thể xảy ra độc đoán, bạo ngược, không còn tự do.

Tôi nghĩ tuy đã 200 năm, các chế độ chính trị ngày nay cũng nên suy nghĩ

hiều về luận điểm này, nếu người ta muốn chống lạm quyền và độc tài, độc đoán.

Tiếp theo Tuyên ngôn 1789, còn có Tuyên ngôn 1793, Tuyên ngôn 1795. Tiếp theo Hiến pháp 1791, còn có Hiến pháp 1793, Hiến pháp 1795 v.v... Nhưng ý nghĩa mở kỷ nguyên mới vẫn là ở Tuyên ngôn và Hiến pháp đầu tiên.

Chúng ta cũng biết Cách mạng 1789 và Tuyên ngôn 1789 là sự nghiệp của giai cấp tư sản có sự tham gia của nhân dân Pháp. Nhưng chúng ta cũng biết là nhân dân Pháp ủng hộ những tư tưởng đó và tích cực tham gia vào cuộc cách mạng này là vì những tư tưởng đó và cuộc cách mạng đó thuộc trào lưu tiến bộ, phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử loài người. Tiếp sau đó, khi giai cấp tư sản đã lên cầm quyền, họ lại bám lấy những lợi ích giai cấp chật hẹp, ích kỷ của họ, cho nên thái độ, chính sách của họ có những thay đổi.

Tuyên ngôn 1789 và Hiến pháp 1791 đã mở một kỷ nguyên mới trong lịch sử cách mạng nước Pháp:

*Kỷ nguyên và quyền con Người và quyền của người Dân; kỷ nguyên về chủ quyền quốc gia về tam quyền phân lập.*

Từ thần dân của Nhà vua, không có quyền gì hết, người dân Pháp đã cùng với giai cấp tư sản Pháp (thực chất là các nhà xã hội tiến bộ, các nhà tư tưởng lớn của nước Pháp) đã đứng lên tự giành lấy các quyền cơ bản và long trọng tuyên bố là các quyền này là thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

Từ chế độ quân chủ, mọi quyền tập trung vào tay một ông vua, người dân đã đứng lên tự chọn lấy chế độ trong đó mọi quyền hành bắt nguồn từ ý chí

5) Nguyên văn: même corps de magistrature

6) Nguyên văn: même corps des principaux

7) *Esprit des lois*, quyền XI, chương V (NNM - nhấn mạnh)

chung của quốc gia, người dân bầu ra các đại biểu của mình, tổ chức ra Nhà nước của mình với chế độ tam quyền phân lập, « lấy quyền lực hạn chế quyền lực » để chống lại, trước mắt là hạn chế quyền lực của nhà vua, và qui định giới hạn của các quyền lực đó trong một bản Hiến pháp thành văn (một sự kiện từ trước chưa hề có trong lịch sử nước Pháp).

Đó thực sự là một cuộc cách mạng!

Ý nghĩa lịch sử sâu xa của cuộc cách mạng đó còn vang dội đến ngày nay. Nó lay chuyển tận gốc chế độ cai trị trước đó. Nó cũng lay chuyển tận gốc quan niệm về quyền lực, quan niệm về tổ chức quốc gia trước đó.

Thế giới tư bản, tuy màu sắc có thể khác nhau, tổ chức cũng có thể có những đặc thù khác nhau, nhưng về đại thể đến nay cũng chưa tìm ra được những nguyên tắc nào màu nhiệm hơn các nguyên tắc đã được nêu ra từ Tuyên ngôn 1789 và Hiến pháp 1791 của Pháp để bảo đảm nền dân chủ và để chống lại một chế độ chuyên quyền độc đoán.

Đặc biệt về quyền con người, những tư tưởng lớn của 1789 ngày càng có sức sống, lan rộng, cùng với diễn biến của loài người tiến bộ, cùng với sự phát triển của tư duy dân chủ ở nhiều nước.

Thành tựu cụ thể chung đúc những tư tưởng lớn đó là bản *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người* được Đại Hội đồng Liên hiệp quốc thông qua ngày 10-12-1948.

Trong Lời nói đầu, Tuyên ngôn 1948 nêu rõ 3 nguyên tắc lớn đã có mầm mống từ trong Tuyên ngôn 1789 của Pháp và được phát triển thành một lý luận có tầm khái quát rộng hơn:

1. Tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng và có những quyền không thể chuyển nhượng được, đó là *nền tảng của tự do, của công lý và của hòa bình trên thế giới*.

2. Sự phủ nhận và coi thường các quyền đó dẫn tới các hành vi man rợ, làm phần nộ lương tâm của loài người, và một thế giới, trong đó mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và tự do tín ngưỡng, thoát khỏi sự khủng bố và sự nghèo khổ được coi là khát vọng cao nhất của con người.

3. Các quyền của con người phải được một chế độ pháp luật bảo hộ, để con người không buộc phải dùng đến biện pháp cuối cùng là *nổi dậy chống bạo ngược và áp bức*.

Tuyên ngôn 1948 tuyên bố các quyền con người là lý tưởng chung mà tất cả các dân tộc và các quốc gia đều mong đạt được.

Tuyên ngôn có 30 điều với danh sách các quyền đầy đủ hơn Tuyên ngôn 1789 của Pháp, trong đó có những quyền bắt nguồn từ Tuyên ngôn 1789 của Pháp: Mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về nhân phẩm và về quyền (Điều 1) Tuyên ngôn 1948); không có một sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc bất cứ tư tưởng nào khác, về nguồn gốc quốc gia hoặc xã hội, về tài sản, nguồn gốc sinh trưởng hoặc vị trí (Điều 2). Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và quyền an ninh về thân thể (Điều 3). Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo hộ như nhau, không phân biệt (Điều 7). Bất cứ người nào bị cáo về một hành vi phạm tội đều được suy đoán là vô tội cho đến khi tội phạm của họ được xác định một cách hợp pháp trong quá trình một vụ tố tụng công khai mà sự bảo đảm cần thiết cho quyền bào chữa của họ được thực hiện (Điều 11). Mọi người đều có quyền: tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo, có quyền tự do ngôn luận và phát biểu, không ai có thể bị rầy rà vì ý kiến của họ; quyền tự do họp và lập hội hòa bình, cũng không ai có thể bị bắt buộc tham gia một hội nào đó (các Điều 18, 19, 20). Một quyền

rất quan trọng nữa và trở thành cơ sở lý luận về nguồn gốc của quyền lực được khẳng định trong điều 21: Mọi người đều có quyền tham gia điều khiển công việc chung của đất nước, một cách trực tiếp, hoặc thông qua các đại biểu, mà mình tự do lựa chọn. *Ý chí của nhân dân là nền tảng của quyền lực*; ý chí đó được biểu hiện ra bằng các cuộc bầu cử trung thực được tiến hành một cách có định kỳ bằng bầu cử phổ thông, bình đẳng và bỏ phiếu kín hoặc bằng mọi thủ tục tương đương bảo đảm tự do bầu cử.

Danh sách các quyền còn dài hơn nữa, phát triển cụ thể hơn nữa, cả trong phạm vi một nước, cả trong phạm vi quốc tế, với quan điểm rộng rãi về các mối quan hệ tự do, bình đẳng giữa các quốc gia và các dân tộc.

Vẫn một luồng tư tưởng tự do, bình đẳng, tôn trọng giữa con người với nhau, giữa từng người với cơ quan quyền lực Nhà nước, chống mọi hành động bạo ngược và áp bức.

Giá trị phổ biến của các tư tưởng của Tuyên ngôn Pháp năm 1789 và của Tuyên ngôn thế giới năm 1948 là ở chỗ đó.

Mỗi một quyền cụ thể là nhằm chống lại một sự lạm quyền, một sự bất công của chế độ cũ, chống lại đặc quyền, đặc lợi của các đẳng cấp cũ, cũng như chống lại sự áp bức của Nhà nước và nói chung là của các nhà cầm quyền dưới chế độ cũ.

Mỗi một quyền cụ thể còn là một khát vọng về tự do, bình đẳng chính trị, bình đẳng pháp lý mà con người vươn tới.

Giá trị lâu dài của các tư tưởng của các Tuyên ngôn là ở chỗ đó.

Hai trăm năm đã trôi qua. Xã hội loài người đang phát triển. Các quyền của con người trong cộng đồng hẹp là một nước, một dân tộc, cũng như trong cộng đồng lớn và toàn nhân loại đang cùng nhau sống trên hành tinh chúng ta, tất nhiên có những mục tiêu mới phải vươn tới và cũng có những tệ nạn, thậm chí những tai họa mới phải chống.

Nhưng chúng ta tin rằng những giá trị văn minh của các dân tộc, cũng như những giá trị văn minh của toàn thể loài người nhất định tồn tại vĩnh viễn và tiếp tục phát triển.

Tháng 1 năm 1989

## «TỰ DO — BÌNH ĐẲNG»

trong quan niệm của các nhà cách mạng Pháp

NGUYỄN XUÂN TRÚC

**Y** nghĩa vĩ đại của cuộc Cách mạng Pháp cuối thế kỷ thứ 19 là ở chỗ nó đấu tranh vì lí tưởng nhân đạo *giải phóng con người*, đập tan xiềng xích của chế độ quân chủ chuyên chế đè nén trói buộc con người, đấu tranh giành nhân quyền và dân quyền. Đó là điểm gặp gỡ giữa tất cả các tầng lớp nhân dân Pháp thuộc đẳng cấp thứ ba, đưa đến sự kiện phá ngục Baxti, chém đầu vua Lu-i 16 và sự ra đời của bản Tuyên ngôn nhân quyền nổi tiếng tháng 8-1789, trong đó khẳng định hai quyền cơ bản của con người là *tự do và bình đẳng*. Hai quyền này được ghi ngay trong điều I của Tuyên ngôn, chứng tỏ vị trí hàng đầu, trung tâm của chúng trong mục tiêu cách mạng.

Song hiểu thế nào là tự do và bình đẳng, hai khái niệm mà bao nhiêu thế hệ các nhà cách mạng và nhà tư tưởng đã bàn cãi. Mỗi tầng lớp xã hội, xuất phát từ lợi ích của mình và ý thức hệ của mình, có những quan niệm khác nhau, thậm chí đối kháng nhau. Chính điều đó đã dẫn đến những cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt, đẫm máu, kéo dài từ 1789 đến 1794, người nọ lần lượt đẩy người kia lên máy chém, tạo nên tính chất «bi hùng» của Cách mạng Pháp. Cách mạng dường như tiến triển theo «*lối sinh sản tách đôi*» đối kháng, ngày càng ngã về phía tả, cho đến ngày 9 Téemide khi chiếc lò xo căng thẳng đứt gãy. Thực ra cuộc đấu tranh này không

phải chỉ dừng ở đó, mà còn tiếp tục mãi sau này cho đến Cách mạng 1830, Cách mạng 1848, đến Công xã Pari 1871 là đỉnh cao của cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp vì tự do và bình đẳng của con người

Trên sân khấu của cuộc đấu tranh chính trị cuối thế kỷ 18, ta thấy có đầy đủ các lực lượng xã hội, từ cực hữu đến cực tả. Tất cả đã bỏ phiếu thông qua bản Tuyên ngôn nhân quyền, với một «sự thành tâm như nhau», nhưng với những quan niệm hoà toàn khác nhau về tự do và bình đẳng

La Fayét tin rằng mình đã trung thành với bản Tuyên ngôn, với lý tưởng «tự do», bằng cách thiết lập một nền «quân chủ sáng suốt» theo quan điểm của «chủ nghĩa bảo hoàng tự do». Cho nên tháng 7-1830, khi ôm hôn Công tước Oóc-lêăng — người trở thành vua Lui Philip — trên ban công tòa Thị chính, La Fayét đã nói với nhân dân: «Đây là nền cộng hòa tốt nhất» — một khái niệm kỳ lạ: «nền quân chủ cộng hòa» (*monarchie républicaine*)! Chính Các Mác đã nói: «Năm 1830 giai cấp tư sản cuối cùng đã đạt được ý muốn của nó hồi 1789». Một thứ vương triều tư sản kiểu Lui Philip, đó chính là lý tưởng của giai cấp đại tư sản về «tự do».

Còn phái Girông tanh — đại diện tư sản công thương — lúc đầu cũng muốn duy trì chế độ quân chủ. Giống như đại tư sản, cái mà nó chống chỉ là nền quân

chủ chuyên chế, nó muốn một chế độ quân chủ lập hiến mà quyền hành tối cao trong tay Quốc hội do tư sản nắm. Nhưng về sau, do áp lực của quần chúng lao động, do cuộc khởi nghĩa nhân dân ngày 10-8-1792 lật đổ chế độ quân chủ, phái Girôngđanh buộc phải công nhận Cộng hòa, nhưng trong quan niệm của họ, tự do chỉ là một chế độ đại nghị tư sản, trong đó luật pháp công nhận « không giới hạn » quyền tư hữu tài sản đã được giải phóng khỏi những lệ thuộc phong kiến và quyền « tự do hoàn toàn » cho các xi nghiệp và thương mại. Họ muốn chế độ « kinh tế tự do », cho nên họ chống lại kịch liệt kinh tế chỉ huy, luật tối đa, luật ruộng đất, luật chia tài sản của công xã, tài sản của bọn di cư v.v.. Còn quan điểm của họ về bình đẳng, chỉ là bình đẳng chính trị bình đẳng công dân (égalité civile) — thực ra ngay về mặt này họ cũng phân biệt công dân có quyền bầu cử và công dân không có quyền bầu cử tùy theo mức đóng thuế — còn bình đẳng xã hội, bình đẳng về hưởng thụ thì theo họ là không thể có được trong xã hội. Quyền tư hữu tài sản đã được ghi trong Tuyên ngôn nhân quyền 1789 là « quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng ».

Như vậy sự xung đột đầu tiên trong Cách mạng Pháp chỉ là sự xung đột giữa quân chủ chuyên chế và quân chủ lập hiến, giữa nước Pháp của quý tộc phong kiến và nước Pháp của đẳng cấp thứ ba do tư sản đứng đầu. Giai cấp tư sản lúc đó tất nhiên phải là giai cấp lãnh đạo cách mạng tư sản, mặc dù nó dựa vào sức mạnh đấu tranh của quần chúng lao động. Nhưng trong bản thân giai cấp tư sản cũng tách ra làm đôi: tư sản bảo hoàng, bảo thủ và phản động, lúc đầu tập hợp chung quanh phái Phoiăng, về sau chung quanh phái Girôngđanh, và tư sản cấp tiến bao gồm cả trung và tiểu tư sản, tập hợp chung quanh phái Núi, phái Giacôbanh. Phái Phoiăng và Girôngđanh kịch liệt chống lại quan điểm

tự do, bình đẳng và dân chủ của tư sản phái Núi và của quần chúng lao động. Cho nên ngay sau khi phá ngục Baxti khi triều đại của tự do vụt lóe lên trong ánh chớp của tháng Bảy, thì những người cách mạng sáng suốt nhất đã bắt đầu hoài nghi. « Chúng ta sẽ được tự do? », Rôbexpie hỏi trong một bức thư gửi ban Buylxa. Luxotatô còn bi quan hơn, viết vào tháng 8-1789: « Chúng ta đã chuyển nhanh từ chế độ nô lệ sang tự do, chúng ta còn đi nhanh hơn từ tự do đến chế độ nô lệ ». Bây giờ người ta hiểu rằng cách mạng không phải là một sự bùng nổ duy nhất dẫn ngay đến việc lập ra một chế độ hoàn hảo và bất biến, mà là một quá trình vận động, một con đường dài đi tới « Đất hứa », rải đầy xương máu của các chiến sĩ ngã xuống vì tự do của nhân dân.

Đối với quần chúng nhân dân Pháp năm 1789, tự do và bình đẳng không thể tách rời, như là hai từ để chỉ cùng một vật thể. Có thể có tự do không có bình đẳng? và có thể có bình đẳng chính trị không có bình đẳng xã hội, không có bình đẳng về kinh tế? Rõ ràng yêu sách tự do bình đẳng đã trở thành cái đòn bẩy chủ yếu của cách mạng từ 1792 đến đến 1794, là điểm chia rẽ sâu sắc giữa các phe phái cách mạng. Và ngay trong một phe phái, cũng có nhiều quan niệm khác nhau về hai từ này, thể hiện qua tư tưởng của nhiều gương mặt cách mạng khác nhau.

Trong khuôn khổ hạn chế của bài này, tôi không có tham vọng trình bày tất cả các quan điểm khác nhau của các nhà cách mạng Pháp về tự do và bình đẳng, mà chỉ tập trung vào hai lực lượng — phái tư sản cấp tiến Giacôbanh và những người không quần chen Pari — là hai động lực chính của cách mạng, đã đẩy Cách mạng Pháp đi tới giới hạn xa nhất mà không một cuộc cách mạng tư sản nào trước và sau đó đạt tới được, đem lại cho Cách mạng tư sản Pháp tính chất dân chủ và nhân dân sâu sắc. Hai lực lượng này dựa vào nhau, liên minh

với nhau để chống quý tộc, chống phái Phoiăng và Girôngđanh, nhưng lại mâu thuẫn với nhau, đấu tranh với nhau, đẩy nhau lên máy chém. Qua đó tôi muốn phân tích cái mâu thuẫn không thể vượt qua nổi của Rôbexpie, đại biểu nổi bật nhất của phái Giacôbanh, cũng

như những ưu điểm và những hạn chế của những người không quần chen Pari. Cuối cùng tôi muốn nói một ít về Babóp, người đã muốn vượt qua cái mâu thuẫn đó, khởi xướng một xã hội mới, vượt quá tầm vóc của thời đại ông, nên đã rơi vào không tưởng và thất bại.



**T**HEO tôi, Rôbexpie là một con người rất đáng kính, nhưng cũng có những mặt hạn chế, bảo thủ đáng tiếc.

Cái đáng kính của Rôbexpie – con người mà tất cả dân chúng Pháp lúc đó từ kẻ thù đến bè bạn của ông đều phải gọi là « người không thể nũa chuộc » (l'incorruptible) – là ở chỗ ông đã đấu tranh kiên quyết, không khoan nhượng chống mọi kẻ thù của cách mạng để bảo vệ các quyền của con người theo lý tưởng nhân đạo mà ông quan niệm. Ngay từ mùa xuân 1789, ông đã là người phát ngôn kiên quyết nhất chống quý tộc. Ở Quốc hội lập hiến, ông đã tố cáo một cách gay gắt âm mưu của quý tộc và sự phản bội của Triều đình. Ở Quốc hội lập pháp khi phái Girôngđanh đề nghị một cuộc chiến tranh phòng ngừa, với âm mưu « đẩy cách mạng ra xa Pari » để làm suy yếu cách mạng, ông kiên quyết phản đối, cho rằng một cuộc chiến tranh với bên ngoài sẽ làm trầm trọng nguy cơ bên trong, chiến tranh không thể dung hợp với tự do, « chiến tranh chỉ có lợi cho bọn sĩ quan quân sự, bọn đầu cơ chứng khoán... cho bọn bộ trưởng, cho Triều đình... cho liên minh của bọn quý tộc, bọn ôn hòa đang cai trị nước Pháp », « cách mạng cuối cùng có nguy cơ chìm đắm dưới nền độc tài của một tên tướng nhiều tham vọng ». Lời cảnh cáo đó của Rôbexpie thật chí lý, đã được lịch sử chứng minh với sự thiết lập nền độc tài của tướng Bônápác sau này.

Nhưng khi chiến tranh nổ ra mà ông không ngăn nổi, thì chính ông lại là người động viên, lãnh đạo kiên quyết nhất cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và

Cách mạng. Để chiến thắng, ông đã không ngần ngại sử dụng phương pháp khủng bố để bóp chết những phần tử phản động muốn phá hoại cách mạng từ bên trong và liên kết với kẻ thù bên ngoài, đẩy chúng lên máy chém không chút thương xót. Tuy nhiên, trong khi thừa nhận một cách thẳng thắn sự cần thiết của bạo lực để giành thắng lợi ông cũng không che giấu nguy cơ mà sự khủng bố bằng bạo lực có thể làm tổn hại đến nhân quyền và dân quyền, đến tự do. Để bổ sung và uốn nắn, ông đề ra « đạo đức », theo ông, « đạo đức không phải là cái gì khác là tình yêu Tổ quốc và luật pháp của nó ». « Nếu động lực của Chính phủ nhân dân trong thời bình là đạo đức, thì động lực của Chính phủ nhân dân trong thời cách mạng vừa là đạo đức và khủng bố: đạo đức, không có nó thì khủng bố là gây tai họa; khủng bố, không có nó thì đạo đức là bất lực. Khủng bố không là cái gì khác là công lý nhanh chóng, nghiêm khắc, không gì lay chuyển được, vậy nó chính là sự biểu lộ của đạo đức » (5-2-1794). Xanh Giuyét, một trợ thủ gần gũi của Rôbexpie cũng nói: « Hãy đề cho luật pháp đầy cứng rắn đối với kẻ thù của Tổ quốc, hãy làm cho nó hiền dịu và đầy tình mẫu tử đối với các công dân ».

Rôbexpie không những dùng khủng bố bóp chết bọn phản cách mạng, bọn quý tộc, bọn Phoiăng, Girôngđanh, mà còn dùng khủng bố trấn áp cả những người quá tả, quá khích như phái Cooedoliê và phái « Điện khủng », để giữ cho cách mạng không đi quá cái

khuôn khổ mà ông quan niệm. Rôbexpie cũng như Xanh Giuyt là những người trung thành cho đến lúc bước lên máy chém với lý tưởng cách mạng của mình.

Nhưng cái mặt hạn chế, bảo thủ của Rôbexpie và phái của ông, theo tôi, chính là những quan niệm hạn hẹp của ông về tự do bình đẳng. Phái Rôbexpie đại diện cho tâm lý, tư tưởng của những người tiểu và trung tư sản, người tiểu sản xuất chiếm số đông ở nước Pháp thời đó. Nước Pháp thế kỷ 18 là nước Pháp của những nông dân, thợ thủ công, chủ xưởng và chủ tiệm (boutiquier), những người tư sản nhỏ và trùng bình với các nghề tự do. Là những người tiểu và trung tư hữu, họ gần bó với trật tự tư sản, coi quyền tư hữu, là «thiên liêng, bất khả xâm phạm» như đã ghi trong Tuyên ngôn Nhân quyền 1789. Nhưng họ lại căm ghét bọn quý tộc phong kiến, bọn tư sản giàu có bóc lột eo thềm đẩy họ xuống hàng ngũ những người làm công tay trắng. Cho nên trong bài diễn văn ở Hội nghị Quốc ước ngày 21-4-1793, chính Rôbexpie nói rằng «bình đẳng về tài sản là một ảo tưởng», và ông lên án luật ruộng đất, nhưng mặt khác ông cũng khẳng định không kém mạnh mẽ rằng «sự chênh lệch quá đáng về của cải là nguồn gốc của bao nhiêu điều xấu và tội ác» và ông muốn giới hạn nó. Lý tưởng xã hội của phái Rôbexpie là một xã hội của những người tiểu sản xuất độc lập, mỗi người có mảnh ruộng của mình, cửa hiệu hay quán hàng của mình, và có khả năng nuôi gia đình mình mà không cần đến lao động làm công. Con người sống bằng lao động của mình, không phụ thuộc vào ai, nói như Xanh Giuyt là «không giàu, không nghèo». Trong cuộc thảo luận về bản Tuyên ngôn mới về Nhân quyền và Dân quyền đề đi đến Hiến Pháp 1793, Rôbexpie đã nói rõ ý của mình: «Trong khi định nghĩa tự do là quyền thứ nhất của con người, là quyền thiên liêng

nhất mà Tạo hóa ban cho họ, chúng ta đã nói một cách có lý rằng nó có *giới hạn* là quyền của người khác. Tại sao các anh đã không áp dụng nguyên tắc đó vào sở hữu tài sản là một thể chế xã hội? Các anh đã đưa ra biết bao nhiêu điều khoản để bảo đảm tự do lớn nhất cho việc sử dụng tài sản mà các anh không nói một chữ nào để xác định bản chất và sự hợp pháp của nó, khiến cho bản Tuyên ngôn của các anh không phải được làm cho những con người, mà cho bọn giàu có, cho những kẻ chiếm đoạt, cho bọn buôn tiền bạc và bọn bạo chúa». Do đó, Rôbexpie đề nghị bổ sung 4 điều khoản, điều 1 là «Sở hữu là quyền mà mỗi công dân được hưởng và sử dụng cái phần tài sản mà luật pháp bảo đảm cho họ», điều 2 «Quyền sở hữu được giới hạn, cũng như các quyền khác, bởi nghĩa vụ tôn trọng những quyền của người khác», điều 3 «Nó không thể làm tổn hại đến an ninh, đến tự do, đến sự sống, đến sở hữu của đồng loại», điều 4 «Mọi sự chiếm đoạt, mọi sự buôn bán vi phạm nguyên tắc này là bất chính và vô luân».

Từ đó, đã ban hành những luật của phái Núi về sự phân chia đều của cải thừa kế để đi đến sự chia nhỏ tài sản, về việc bán các tài sản quốc gia thành từng lô nhỏ để người nghèo có thể mua được, bán tài sản của bọn di cư và bọn nghi vấn chính trị v.v... Cho đến các quyền bảo hiểm xã hội như chữa bệnh không mất tiền, trợ cấp cho người già, người tàn tật, gia đình đông con. Như vậy sẽ thực hiện được cái mục đích của xã hội được Tuyên ngôn nêu lên là «Hạnh phúc chung».

Rôbexpie cũng là người chủ trương «kinh tế tự do», phản đối kinh tế chỉ huy. Chỉ trong hoàn cảnh chiến tranh bắt buộc (ông luôn khẳng định rằng người ta không thể cai trị trong chiến tranh như trong thời bình), ông mới đành chấp nhận kinh tế chỉ huy, luật trưng dụng và định mức tối đa, coi đó chỉ là biện pháp tạm thời áp dụng cho

đến khi chiến thắng mà thôi. Để duy trì sự cân bằng, Chính phủ cách mạng do ông đứng đầu quy định mức tối đa về giá hàng và cả mức tối đa về lương. Bởi vì lương của người lao động đi vào giá thành của sản phẩm hàng hóa. Nếu chỉ kiểm chế giá hàng mà không kiểm chế tiền lương như tình hình đã diễn ra từ mùa thu 1793 đến mùa xuân 1794 khi Công xã Pari thuộc về nhóm Êbo (thuộc phái Cooedolié), người thợ lợi dụng tình hình khan hiếm nhân công, trong chiến tranh để giành lấy sự tăng lương, thì lợi nhuận của các xí nghiệp bị giảm sút mạnh, giai cấp tư sản bất mãn. Sau khi Êbe và nhóm của ông bị kết án (24-3-1794) và thành lập Công xã của phái Rôbexpie, Chính phủ cách mạng đã khôi phục lại tình hình bằng cách công bố lương tối đa vào ngày 5 Técmido (23-7-1794), thì lập tức những người lao động không quân chèn đã bùng bùng nổi giận chống lại luật tối đa. Đó cũng là một trong những nguyên nhân đưa đến sự kiện bi thảm 9 Técmido. Là người lãnh đạo cuộc cách mạng theo *hướng tư sản* nhưng phải dựa vào lực lượng quần chúng lao động, Rôbexpie chịu sức ép của hai phía – chủ và thợ, – muốn cân bằng lợi ích của hai bên.

Về vấn đề nông nghiệp, nhà sử học Lophevre cũng cho rằng Rôbexpie thiếu « một chính sách ruộng đất có hiệu quả và có thể hiểu được » (1). Đó cũng là vì họ phải giữ sự cân bằng của các lực lượng cách mạng để duy trì sự thống nhất của mặt trận chống quý tộc. Đứng về phía những người nông dân không

có đất, những tiểu nông và những người làm thuê, thì có nguy cơ vấp phải sự chống đối của những nông dân có đất và trại chủ giàu có. Và ngược lại. Vì thế, Rôbexpie ở vào cái thế chệnh vênh, ông vấp phải những mâu thuẫn mà ông không thể giải quyết được và cuối cùng đã thất bại.

Tóm lại, lý tưởng xã hội của phái Rôbexpie là một nền « Cộng hòa bình quân » của những người tiểu sản xuất độc lập. Lý tưởng đó phù hợp với tâm vóc của nước Pháp tiểu tư sản thế kỷ 18, phù hợp với nguyện vọng của người tiểu và trung nông ở nông thôn, người thợ thủ công, chủ xưởng và chủ tiệm ở thành thị. Do nhãn quan giai cấp và thời đại hạn chế ông không nhìn thấy, được sự phát triển tất yếu của lịch sử, ông muốn một xã hội « không có người quá giàu, không có người quá nghèo », trong khi việc tự do công thương mà ông chủ trương, quyền tư hữu tài sản mà ông kiên quyết bảo vệ, sự phát triển khách quan của lực lượng sản xuất, tất cả tất yếu hướng tới sự lập trung tư bản chủ nghĩa, sự phân hóa xã hội sâu sắc. Quan niệm của ông về tự do và bình đẳng, tuy rất nhân đạo, nhưng là ảo tưởng, và đứng trên quan điểm lịch sử phát triển mà xét, là bảo thủ, kéo lịch sử đứng lại ở trình độ sản xuất nhỏ, thủ công. Chính vì vậy mà ông và những người cùng chính kiến với ông đã chết một cách « bi hùng » như là những nạn nhân của thời đại và của những mâu thuẫn của bản thân mình.



Về tầng lớp bình dân, những người không quân chèn Pari. Nếu phái Rôbexpie tức phái Giacôbanh là tầng lớp giữa trong đẳng cấp thứ ba, thì những người không quân chèn Pari là tầng lớp dưới cùng. Họ là chỗ dựa chính của cách mạng, là đội quân chiến đấu thực sự trong những bước ngoặt quan trọng của cách mạng

– những ngày 14-7, 10-8, 31-5 đến 2-6. Họ đã giúp cho giai cấp tư sản cách mạng đánh đổ chế độ cũ, thắng bọn phản cách mạng và liên minh phong kiến châu Âu. Nhưng họ cũng là một thành

(1) G. Lefebvre – *Questions agraires aux temps de la Terreur*, 1954, p.131.

phần xã hội trên nhiều điểm đối lập với giai cấp tư sản, kể cả tư sản phái Núi, phái Giacôbanh. Quan niệm của họ về tự do bình đẳng, về chế độ dân chủ nói chung có những điểm gần gũi với phái Giacôbanh, nhưng có những điểm khác biệt và đối lập. Liên minh giữa họ và giai cấp tư sản cách mạng là dựa trên lòng căm thù quý tộc và đại tư sản và ý muốn chiến thắng. Khi những mục tiêu đó đạt được, thì hai lực lượng đó lại tách đôi và hai nước Pháp mới lại đụng đầu nhau: nước Pháp « không quần chèn » và nước Pháp của các chủ trại, chủ xưởng, chủ xí nghiệp.

Quan niệm về tự do và dân chủ của những người không quần chèn rất cấp tiến. Nền dân chủ theo họ là « *sự cầm quyền trực tiếp* » (*gouvernement direct*) của dân. Nhân dân là người chủ tối cao. Lợi dụng những thể chế hợp pháp do Quốc hội lập hiến tạo ra, họ thành lập những Hội đồng phường (*section*) ở Pari (2). Các phường bầu các đại biểu theo lối đại bầu cử công khai: bỏ phiếu nói to hoặc bỏ phiếu bằng hoan hô (*vote à haute voix ou par acclamations*). Theo họ, các Hội đồng phường là *người chủ đứng dậy* (*le souverain debout*), hai nguyên tắc cơ bản chỉ đạo sự hoạt động của nó là *sự công khai* (*la publicité*) và sự thống nhất hành động. Nhân dân có quyền kiểm tra các đại biểu được ủy quyền của mình, cách chức họ nếu họ không làm tròn trách nhiệm hoặc phản bội sự nghiệp của nhân dân. Tuyên ngôn Nhân quyền tháng 8-1789 còn ghi nhận *quyền phản kháng sự áp bức*, và Tuyên ngôn tháng 6-1793 ghi nhận thêm *quyền nổi dậy*. Nhân dân đã sử dụng các quyền này trong tất cả các cuộc khủng hoảng từ 1792 đến 1794. Họ thực hiện quyền này dưới mọi hình thức biểu tình, vây quanh trụ sở Hội nghị Quốc ước, cho đến hình thức cao nhất là khởi nghĩa vũ trang. Khi tiếng chuông báo động khởi nghĩa vang lên khắp thành phố, thì lúc đó Hội nghị Quốc ước không còn là gì nữa, nhân dân khởi nghĩa trực tiếp thực hiện quyền

làm chủ của mình, nắm toàn quyền hành động, cho đến khi họ giao lại cho những người được ủy quyền mới việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân để rồi lại tiếp tục kiểm tra họ trong hoạt động thực tế. Tất cả những điều đó chứng tỏ rằng họ không bằng lòng với một nền dân chủ hình thức, mà muốn một *nền dân chủ nhân dân trực tiếp*, như A. Xôbun nói. Họ quan niệm nền cộng hòa là một *nền dân chủ trong hành động*. Rõ ràng, trong quan niệm dân chủ và tự do, có mâu thuẫn cơ bản giữa giai cấp tư sản phái Núi hoặc Giacôbanh và những người không quần chèn Pari. Giữa Chính phủ cách mạng và các hội đồng phường Pari đã hình thành nên một tình thế *hai chính quyền song song* tồn tại, có phần nào hơi giống với tình hình chính trị của nước Nga sau cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai 1917 (Chính phủ lâm thời tư sản và các Xô-viết) — có một chính quyền thực thụ của giai cấp tư sản nắm cơ quan Nhà nước và một « chính quyền bổ sung, bổ trợ, làm nhiệm vụ giám sát » của quần chúng lao động bên dưới. Lịch sử của « những bi kịch của Pari cách mạng », theo cách nói của Misoilê, phát triển trên hai bình diện: bình diện của Hội nghị Quốc ước và các Ủy ban của Chính phủ đó là lịch sử « nhìn từ bên trên » trong phong trào chung của cách mạng, và bình diện của các phường Pari, các hội đồng của nó, các ủy ban cách mạng của nó, đó là lịch sử « nhìn từ bên dưới » thuộc trào lưu nhân dân của cách mạng. Hai trào lưu này cùng tồn tại và phát triển song song với nhau, lúc kết hợp, lúc đối lập nhau.

Các tầng lớp dân nghèo Pari phần nọ trước nạn đói cơ tích trữ, nạn đắt đỏ do bọn con buôn giàu có vét hàng rồi bán với giá cắt cổ, đặc biệt là vào mùa thu khủng khiếp năm 1793 khi nạn đói hoành hành. Họ đòi trừng trị thẳng tay bằng khủng bố « treo cổ » những tên đầu cơ phá hoại và phản cách mạng, đòi áp

(2) Theo luật ngày 21-5-1790. Pari chia làm 48 phường (*section*).

dụng luật tối đa về giá lương thực thực phẩm, nhưng không chấp nhận mức tối đa về lương.

Đối với họ, tự do gắn liền với bình đẳng, và bình đẳng trước hết là bình đẳng về kinh tế, bình đẳng về hưởng thụ. «Cần gì đến tự do cho người không có bánh mì ăn hàng ngày? – Giacc Ru, người «điên khủng» của phường Gravi-liê nói trên diễn đàn Hội nghị Quốc ước ngày 26-6-1793 – Tự do chỉ là một bóng ma hão huyền khi một giai cấp có thể làm cho người khác chết đói mà không bị trừng trị. Bình đẳng chỉ là một bóng ma hão huyền khi người giàu, bằng độc quyền, nắm quyền sinh quyền sát đối với đồng loại của họ. Nền cộng hòa chỉ là một bóng ma hão huyền khi nạn phân cách mạng diễn ra hàng ngày bởi giá cả các thực phẩm mà ba phần tư công dân không thể đạt tới được mà không chảy nước mắt». Và ông kêu to lên: «Chẳng lẽ sở hữu của những tên bất lương lại thiêng liêng hơn là đời sống của những con người hay sao?».

Tuy nhiên những mâu thuẫn nội tại của những người không quần chèn đã dẫn họ đến thất bại. Các tầng lớp bình dân Pari, do sự phân hóa xã hội ở Pháp lúc đó chưa cao, chưa thành một giai cấp đồng nhất. Thợ thủ công và chủ tiệm, thợ bạn và thợ làm công nhật hợp thành một liên minh. Nhưng ngay bên trong cái liên minh đó diễn ra sự đối lập giữa thợ thủ công và chủ tiệm hưởng lợi nhuận rút ra từ sở hữu các tư liệu sản xuất, với thợ bạn và thợ làm công nhật chỉ có lương. Ngoài ra, trong những người không quần chèn còn có những viên chức và nhà giáo, thậm chí cả một số tư sản đích thực cũng tự nhận danh hiệu «không quần chèn» và hành động

như những người không quần chèn. Với thành phần không thuần nhất như thế, những người không quần chèn không thể có một ý thức giai cấp rõ rệt. Họ đấu tranh chống quý tộc, và về sau chống bọn nhà giàu, không phải vì cùng một lý do. Thợ thủ công sợ rơi xuống hàng ngũ người làm công. Thợ bạn chưa thể có ý thức của người công nhân nhà máy. Như Ăngghen nhận xét, «giai cấp vô sản chỉ mới tách ra khỏi khối quần chúng tay trắng nói chung, là mầm mống của một giai cấp mới vừa ra đời, họ hoàn toàn chưa thể làm một cuộc vận động chính trị độc lập được»<sup>(3)</sup>

Chính vì vậy, ta thấy trong nội bộ những người không quần chèn, cũng tồn tại nhiều khuynh hướng khác biệt nhau, như phái Coccodolê, phái «Điên khủng», và ngay trong Coccodolê cũng không phải hoàn toàn nhất trí với nhau. Mặc dù có những cố gắng thống nhất hành động, Những người «không quần chèn» không bao giờ có một kỷ luật chặt chẽ, có đường lối nhất quán từ đầu chí cuối. Những hành động quá khích của phái «Điên khủng» vào mùa thu 1793, âm mưu giành chính quyền thất bại của phái Ébe tháng 3-1794 đã đưa một số người lãnh đạo nổi tiếng của họ lên máy chém. Ngày 9 Técmido chính là ngày họ đã bị bọn tư sản phản cách mạng lừa bịp, lợi dụng. Bất bình vì giá hàng và lương tối đa, họ chửi rủa và hô «Đá đảo luật tối đa», ủng hộ phái Técmido bắt xử tử Rôbexpie và các bạn của ông. Mười tháng sau, kiệt sức vì nạn đói khổ và đói kém, thấy được cái gì họ đã mất, họ yêu cầu trở lại kinh tế chỉ huy và nổi dậy lần cuối cùng để sẽ bị đè bẹp và quét khỏi vũ đài lịch sử.



Cuối cùng xin nói một ít về Babóp. Babóp là người đầu tiên trong Cách mạng Pháp đã vượt qua được cái mâu thuẫn mà tất cả các phe phái nói ở trên

đã vấp phải và không giải quyết được – đó là mâu thuẫn giữa sự khẳng định

(3) C. Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập, tiếng Nga, t.19, tr.193–194.

quyền tồn tại bình đẳng của con người với việc duy trì quyền tư hữu và tự do kinh tế. Babóp chịu ảnh hưởng tư tưởng của Rút-xô («Diễn văn về nguồn gốc của bất bình đẳng»), Mably (công thức về «bình đẳng hoàn hảo»), Mòrelly, Còl-linhông, nhưng ông đã vượt qua các vị đó. Qua việc quan sát thực tế quê hương ông (xứ Picardi) và qua việc trực tiếp tham gia đấu tranh cách mạng, ông dần dần hình thành những tư tưởng vượt quá thời đại của ông. Giống như những người không quần chèn và phái Giacôbanh, ông tuyên bố rằng mục đích của xã hội là *hạnh phúc chung*, cách mạng phải bảo đảm cho tất cả các công dân quyền *bình đẳng về hưởng thụ*. Nhưng khác với hệ tư tưởng của phái không quần chèn và Giacôbanh được đặc trưng cả hai bởi sự gắn bó với quyền tư hữu dựa trên lao động cá nhân. Babóp cho rằng quyền tư hữu tất yếu dẫn đến bất bình đẳng, và luật ruộng đất, tức là sự chia đều các sở hữu, chỉ có thể «kéo dài được một ngày» («ngay ngày hôm sau của sự thiết lập nó, sự bất bình đẳng lại xuất hiện trở lại»), cách duy nhất để đạt tới sự *bình đẳng trên thực tế* là sự *cộng đồng về của cải và lao động*. Trong thời kỳ mà sự giải phóng xã hội tất yếu phải trải qua chủ nghĩa cá nhân tư sản, dự án của ông về sự thành lập các nông trại tập thể, các cộng đồng sản xuất, phân phối và tiêu thụ là một bước ngoặt táo bạo về tư tưởng.

Chủ nghĩa cộng sản của Babóp thể hiện rõ ràng trong *Tuyên ngôn của những người bình dân* (manifeste des Plébéiens) do tờ báo «Người bảo vệ dân» (Le Tribun du peuple) công bố ngày 30-11-1795. Nhưng, cái chủ nghĩa cộng sản của ông được quan niệm ở một thời kỳ mà trình độ kinh tế của nước Pháp còn thấp kém. Hoàn cảnh xã hội lúc đó hạn chế tầm mắt của Babóp. Nhân dân đang sống cùng khổ, chết đói, cho nên quy tắc xã hội cộng sản của ông không phải là một xã hội dựa trên sự

dồi dào về sản phẩm xã hội, không phải là «hưởng thụ theo nhu cầu», hoặc «theo lao động» mà là hưởng thụ theo «khả năng cho phép»: vấn đề là phân phối một cách công bằng sự thiếu thốn. Những nhu-cầu được giới hạn ở mức cần thiết: đủ ăn, đủ mặc, một chỗ ở sạch sẽ, một nền giáo dục sơ đẳng, việc chữa bệnh cho mọi người... thế thôi! Mọi thứ thừa được loại bỏ, nhưng tương lai được bảo đảm chắc chắn.

Về quan niệm tự do, Babóp cũng là người chủ trương nền *dân chủ trực tiếp*. Ông đòi cho nhân dân, người chủ tối cao, quyền phủ quyết. Ông bảo vệ quyền tự trị của các phường của Pari, giống như quan điểm những chiến sĩ không quần chèn. Sự gắn bó với nền dân chủ trực tiếp đó giải thích thái độ của Babóp trước và sau ngày 9 Témido. Lúc đó, ông cũng chống lại Rôbexpie, chống lại chế độ khủng bố. Nhưng về sau, những sự tàn phá của lạm phát và sự nghèo khổ, không tả xiết của nhân dân đã làm cho Babóp thấy được giá trị của luật, tối đa, của kinh tế chỉ huy, của sự trưng dụng và quốc hữu hóa, tóm lại chính sách kinh tế của chính phủ cách mạng trong chiến tranh, cho nên trong Tuyên ngôn của những người bình dân, ông đã ca ngợi chính phủ Rôbexpie là chính phủ «duy nhất» có thể đem lại «hạnh phúc chung, mục đích của xã hội».

Chủ nghĩa Babóp không phải chỉ là một hệ thống tư tưởng. Babóp, một nhà cách mạng thực sự, là một con người hành động. Tờ chúc «Âm mưu của những người bình đẳng» (Conjuration des égaux) của ông là mưu toan đầu tiên đưa chủ nghĩa cộng sản vào thực tế xã hội và chính trị. Nhưng quan niệm có tính chất không tưởng và hoạt động theo sách lược âm mưu của ông đã dẫn ông đến thất bại và bị kết án tử hình (5-1797).

Nhìn chung, chủ nghĩa Babóp không những đánh dấu sự phá vỡ khối liên

minh giữa những người bị bóc lột bình dân với giai cấp tư sản, mà còn phản ánh về mặt chính trị và tư tưởng bước

đầu quá trình tách giai cấp tiền vô sản ra khỏi toàn bộ khối quần chúng bình dân đã tham gia Cách mạng Pháp.



**C**ách mạng Pháp cuối thế kỷ 18 là một cuộc cách mạng thuộc loại hình tư sản, nhưng mang tính chất dân chủ và nhân dân sâu sắc, vì nó đã lôi cuốn được vào phong trào những tầng lớp nhân dân đông đảo nhất, kể cả những dân nghèo ở thành thị và nông thôn. Chính vì vậy, nó đã phá hủy được triệt để những xiềng xích của chế độ quân chủ chuyên chế, giải phóng con người, đưa ra được những tư tưởng vĩ đại về tự do và bình đẳng—những tư tưởng đó đã được các thế hệ sau tiếp nối cho đến ngày nay và đưa lên một tầm suy nghĩ cao hơn.

Tình hình phát triển kinh tế và xã hội của nước Pháp cuối thế kỷ 18 không cho phép những nhà cách mạng thời đó tìm ra được một mô hình xã hội đáp ứng được những yêu cầu về tự do và bình đẳng thực sự cho con người. Tầm mắt của họ bị hạn chế bởi nhân quan giai cấp và thời đại. Họ muốn tìm một sự công bằng xã hội. Nhưng họ vấp phải những mâu thuẫn mà họ không thể giải quyết được trong khuôn khổ một xã hội tư sản chưa phát triển đầy đủ. Robespierre muốn bình đẳng, không muốn nhìn thấy cảnh « người quá giàu, người quá nghèo » trong xã hội, nhưng giải pháp của ông lại là kim hàm xã hội trong nền tiêu sản xuất hàng hóa, mà tiêu sản xuất hàng hóa thì lại « hàng ngày hàng giờ đẻ ra chủ nghĩa tư bản » như Lenin nói. Babouv muốn xóa bỏ nguồn gốc của bất bình đẳng là chế độ tư hữu, nhưng ý muốn của ông xây dựng một xã hội cộng sản trên sự nghèo nàn, « vừa đủ » (ông nói: « rien que la suffisance ») thì lại là không tưởng và không khoa học.

Lịch sử phát triển theo những quy luật khách quan của nó. Những ý muốn chủ quan muốn kéo lùi lịch sử, hoặc dừng lại, hoặc đi quá cái mức mà hoàn cảnh khách quan của thời đại lúc đó quy định, đều dẫn đến thất bại.

Tuy nhiên những tư tưởng táo bạo của những nhà cách mạng Pháp thời đó vẫn là những cột mốc chói lọi trên con đường dài của loài người đi tìm CHÂN LÝ và TIẾN BỘ XÃ HỘI. Và nhiều tư tưởng của họ khiến chúng ta ngày nay phải suy nghĩ trong việc xây dựng xã hội mới của chúng ta và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Để kết thúc, tôi muốn trích dẫn lời của Ăngghen nói về Mara, người mà nhân dân Pháp thời đó gọi bằng tên triu mến « Người Bạn dân ». Ăngghen viết : Khi tôi đọc quyển sách của Bugia và Mara, tôi thấy rằng về nhiều mặt chúng ta đã bắt chước một cách không có ý thức tấm gương vĩ đại của người Bạn dân. Tôi cũng thấy rằng những lời hô hét và xuyên tạc mà một trăm năm nay đã làm biến chất gương mặt của Mara, được giải thích rất đơn giản. Trước hết, trong khi vạch trần những kẻ đang chuẩn bị phản bội cách mạng, Mara đã xé toạc không thương tiếc cái mặt nạ của những thần tượng lúc đó. Mặt khác, cũng như chúng ta, ông ta không coi Cách mạng như đã kết thúc mà ông muốn nó được tuyên bố thường trực <sup>(1)</sup>

(1) Trích lại theo cuốn « Marat » của Jean Massin, C.1960, tr. 2.

# **BÀN VỀ NỀN DÂN CHỦ TƯ SẢN ĐƯỢC THIẾT LẬP TRONG ĐẠI CÁCH MẠNG PHÁP 1789**

NGUYỄN ANH THÁI

**T**RƯỚC đây thường hiểu một cách không đầy đủ hoặc máy móc ý kiến của V.I. Lênine cho rằng nền dân chủ vô sản dân chủ gấp một triệu lần nền dân chủ tư sản; từ đó thường nhìn nhận nền dân chủ tư sản ngay từ khi nó mới ra đời đã đầy rẫy những hạn chế, tiêu cực, và ngày nay trở nên hoàn toàn

lỗi thời, phản động. Nay rất cần phải nhìn nhận, đánh giá lại sao cho thật khách quan, thật « lịch sử ». Mặt khác, cũng qua đó rút ra những điều có thể tham khảo, vận dụng vào việc đổi mới lại hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội và thực hiện dân chủ, công bằng xã hội ở đất nước ta hiện nay.

## **I—Những tiền đề dẫn đến sự ra đời của nền dân chủ tư sản sâu sắc, tiến bộ nhất ở thời kỳ cận đại—nền dân chủ tư sản được thiết lập trong đại Cách mạng Pháp 1789.**

Không phải ngẫu nhiên cuộc cách mạng Pháp 1789 đã thiết lập nên một nền dân chủ tư sản sâu sắc, tiến bộ nhất thời kỳ cận đại, mà là do có những tiền đề khách quan, chủ quan cần thiết, và không một nước châu Âu, Bắc Mỹ nào có đầy đủ như ở Pháp lúc này.

Về khách quan, cách mạng tư sản Hà Lan, cách mạng tư sản Anh rồi cách mạng công nghiệp Anh, cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ dẫn đến sự ra đời của bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng năm 1774 và Hợp chủng quốc châu Mỹ năm 1776; tất cả những thắng lợi này đã cổ vũ và tác động mạnh mẽ đến giai cấp tư sản, nông dân và binh dân Pháp. Mặt khác, trên phạm vi thế giới, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã vững mạnh hơn nhiều so với thời kỳ cách mạng tư sản Anh. Có thể nói diễn ra muộn hơn, nhưng

do hoàn cảnh quốc tế thuận lợi hơn và tình hình nội bộ chín muồi hơn, nên cách mạng tư sản Pháp đã thừa hưởng và phát triển tới đỉnh cao những thắng lợi và tinh hoa của những cuộc cách mạng tư sản trước nó.

Về mặt chủ quan, do tác động của cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và trình độ sản xuất ở Pháp đã vượt xa Anh khi cách mạng tư sản Anh bùng nổ, và sự phát triển này lại vấp phải những chướng ngại nghiêm trọng về mọi mặt của thể chế kinh tế, chính trị, xã hội của chế độ phong kiến chuyên chế. Mặt khác, mạnh hơn hẳn giai cấp tư sản Anh trước ngày cách mạng, từ nửa sau thế kỷ XVIII, giai cấp tư sản Pháp đã trở thành một giai cấp mạnh nhất, giàu nhất và có thế lực nhất về kinh tế (quý tộc đều mắc nợ tư sản, triều đình và ngân khố

không lúc nào là không vay tiền tư sản). Ngoài ra, nền thống trị tàn bạo phản động của chế độ phong kiến đã đẩy nước Pháp lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng về mọi mặt, đời sống của nhân dân lao động cùng cực, nông dân bị phá sản, phải rời bỏ nông thôn hàng đoàn đi sống lang thang. Đó là bối cảnh dẫn đến hình thành một cách tự nhiên một trận tuyến chống phong kiến của cả đẳng cấp thứ ba (chiếm 99% dân số) và liên minh giữa tư sản với nông dân, một yếu tố và một động lực thúc đẩy tính triệt để của cuộc Cách mạng Pháp 1789.

Một tiền đề quan trọng nữa là sự chuẩn bị lâu dài, chu đáo về tư tưởng và lý luận cho công cuộc cách mạng của giai cấp tư sản Pháp. Văn học cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII đã công khai phê phán, đả kích mạnh mẽ những thói nát, bất công của chế độ phong kiến chuyên chế và nêu lên những ý niệm sơ khởi về nhân dân, về dân chủ. Jean de la Bruyère (1645 – 1696) trong « Những tính cách hoặc thói đời của thế kỷ » (1688), đã viết những câu sau sắc, điển hình về chế độ chuyên chế Pháp: « Muốn thành công ở các triều đình, chỉ cần một sự vô liêm sỉ chân thực và ngây thơ ». Ở thế kỷ « hao hoa » của vua Louis XIV – đỉnh cao của nền chuyên chế và phong kiến Pháp – ông dám viết, như công khai thách thức với triều đình bọn tăng lữ quý tộc: « Tôi không cần nhắc, tôi muốn là nhân dân »<sup>(1)</sup>. Để chống lại công thức của Louis XIV – « Vua mặt trời »: « Nhà nước, chính là Trẫm », F.Fénelon (1651 – 1715) trong « Đối thoại của những người chết » (1718) đã đưa ra một công thức đối lập: « Vua vì dân mà có, chứ không phải dân vì vua mà có »<sup>(2)</sup>. Chính những tác phẩm nổi tiếng của văn học cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII đã thúc đẩy, tạo tiền đề cho sự phát triển tới đỉnh cao của trào lưu tư tưởng chuẩn bị cho cách mạng Pháp thế kỷ XVIII, trong lịch sử gọi là « thế kỷ Ánh sáng ». Lúc này, những nhà văn, nhà triết học, nhà sử học, nhà kinh tế học...

không chỉ dừng lại ở góc độ phê phán, đả kích chế độ phong kiến chuyên chế như trước đây, mà còn tiến lên một bước kêu gọi lật đổ chế độ phản động, lỗi thời này, khởi xướng chủ nghĩa nhân văn, những tư tưởng tự do, dân chủ và xây dựng những nguyên tắc cho việc thiết lập một thể chế chính trị, xã hội mới trong tương lai. Montesquieu (1687 – 1755) trong « Thư Ba Tư » (1721) ngoài việc lên án chế độ độc tài « Vua mặt trời » còn luận chứng rõ về quyền được hưởng tự do của con người, và cho rằng trong tất cả các hình thức chính quyền, tốt nhất là nền Cộng hòa theo kiểu Thụy Sĩ. Trong « Tinh thần pháp lý » (1748), ông nêu rõ phân quyền và hạn chế quyền hành là những bảo đảm chủ yếu của tự do: quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp, phải triệt để phân lập và hoàn toàn độc lập với nhau. Theo Montesquieu, với cái lõi là chủ quyền nhân dân và tinh tối cao của pháp luật, thì quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp độc lập với nhau, nhưng là những biểu hiện của một quyền lực Nhà nước thống nhất trong khuôn khổ của chế độ đại nghị. Voltaire (1694 – 1778), một trong những đại biểu lỗi lạc của « Thế kỷ Ánh sáng », trong « Thư triết học » (1733), đã đả phá không thương tiếc sự dã man, chèn ép ngu dân, tinh thần phản động và tình trạng lạc hậu của những thể chế chính trị của nước Pháp chuyên chế, của giáo hội Thiên chúa và của những phong tục phong kiến lỗi thời. Để chống lại những đặc quyền to lớn của giới tăng lữ và sự thao túng quyền lực Nhà nước của giáo hội Thiên chúa, Voltaire coi giáo hội Thiên chúa là kẻ thù chính và sẽ không ngừng chống lại cho đến hơi thở cuối

1) Jean de la Bruyère – « Les caractères ou les mœurs de ce siècle » – Paris, 1896, tr. 567.

2) François de Salignac de la Mothe, hay F.Fénelon – « Dialogue des morts » – Paris, 1718.

cùng. Ông viết: «Hãy dè bẹp lên hèn mặt». Voltaire là một trong những người khởi xướng và tuyên truyền mạnh mẽ cho chủ nghĩa nhân đạo, tuyên bố cương quyết chống cường quyền và bênh vực quần chúng chống cường quyền. Dưới sự lãnh đạo của nhà triết học duy vật nổi tiếng Denis Diderot (1713–1784) và có sự cộng tác của nhiều học giả lỗi lạc đương thời như Montesquieu, Voltaire, Rousseau, Quesnay, Turgot... «Bách khoa toàn thư» từ điển lý luận về khoa học, nghệ thuật và công nghệ» hoàn thành năm 1765 được coi như là sự tổng kết toàn bộ những trí thức tinh hoa nhất của thời đại trình bày theo quan điểm của những người có tư tưởng tiên tiến nhất. Với những thành tựu đạt được, phái «Bách khoa toàn thư» đã «nổi sừng» vào toàn bộ trận tuyến những thành lũy tư tưởng, chính trị, pháp luật, tôn giáo và tín ngưỡng của chế độ phong kiến chuyên chế. Là những nhà triết học duy vật, dù chỉ là chủ nghĩa duy vật máy móc, công lao của họ đã khẳng định được lòng tin tưởng vào sự tiến bộ không ngừng của khoa học và năng lực tinh thần đến cao nhất của tư tưởng con người. Phái «Bách khoa toàn thư» chủ trương các hoạt động kinh tế được hoàn toàn tự do với khẩu hiệu nổi tiếng: «Hãy dè cho làm, hãy dè cho đi», và bảo vệ triệt để quyền tư hữu với lập luận: «Mọi vi phạm của pháp luật vào quyền tư hữu chính là sự lật đổ xã hội».

Jean Jacques Rousseau (1712–1778), xuất thân từ bình dân, sống cuộc đời sống gió, cực nhọc và lang thang của người bình dân, đã mang tâm hồn và nguyện vọng của những người bình dân vào trong các tác phẩm của mình, nên đã vượt qua tất cả những người đi trước ông (Montesquieu, Voltaire ...), trở thành đại biểu lỗi lạc nhất của hệ tư tưởng dân chủ thế kỷ XVIII. Trong «Luận về khoa học và nghệ thuật» (1750), Rousseau đã

phê phán kịch liệt nền văn minh của thời đại ông và biện hộ cho những «người tay trắng», tức người nghèo. Trong «Bàn về nguồn gốc và cơ sở của bất bình đẳng» (1755), ông tấn công vào quyền tư hữu, cho là căn nguyên chính sản sinh ra mọi bất bình đẳng và mọi thảm họa xã hội. Trong «Khế ước xã hội» (1762) Rousseau đã phát triển một cách hoàn chỉnh lý luận của ông về chủ quyền của nhân dân và khẳng định chế độ cộng hòa là chính thể tốt nhất. Những tư tưởng giải phóng người nghèo, bảo đảm chủ quyền của nhân dân, vừa lên án quyền tư hữu tài sản nhưng vừa thừa nhận nó và chủ trương hạn chế nó, hợp thành một cương lĩnh mang tính tích cực, một hệ tư tưởng tiến bộ, có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Pháp và xã hội đương thời.

Chính những tư tưởng «Ánh sáng» lỗi lạc nêu trên đây đã soi đường cho nhân dân Pháp hành động và đưa cách mạng Pháp đi đến thắng lợi triệt để, hay nói một cách khác, diễn biến của cách mạng 1789 là quá trình đấu tranh giai cấp quyết liệt để thực hiện những tư tưởng này, và thể chế kinh tế, chính trị, xã hội mới được thiết lập nên, cũng xây dựng trên nền tảng của những tư tưởng lớn này.

F. Engels viết: «Những vĩ nhân ở Pháp đã soi sáng đầu óc mọi người dè chuẩn bị cho cuộc cách mạng sắp bùng nổ, cho nên chính họ là những nhà cách mạng phi thường. Họ không chịu khuất phục trước bất kỳ một thứ uy quyền nào bên ngoài. Tôn giáo, quan niệm về tự nhiên, xã hội, trật tự xã hội, tất cả đều bị phê phán hết sức nghiêm khắc; tất cả đều phải chứng minh lý do tồn tại của mình trước tòa án lý tính hoặc là thôi không tồn tại nữa»<sup>(3)</sup>.

(3) F. Engels – «Chống Duy linh».

## II – Những nội dung và biểu hiện của nền dân chủ tư sản được thiết lập trong cách mạng Pháp 1789.

Từ « dân chủ » vốn phiên âm từ chữ Hán, nguyên gốc của nó bắt nguồn từ tiếng la tinh « Demoskratos » (Demos: Dân chúng, Kratos: Chính quyền), có nghĩa là chế độ chính trị, trong đó quyền lực thuộc về nhân dân, do nhân dân tự lựa chọn, bầu cử, ra những cơ quan quyền lực đại diện cho ý chí và quyền lợi của mình. Trong lịch sử, chế độ dân chủ bao giờ cũng mang tính chất giai cấp, và thực ra chỉ là một hình thức chuyên chính về chính trị của giai cấp thống trị, như nền dân chủ chủ nô ở Athène thời kỳ cổ đại, nền dân chủ tư sản ở Anh, Mỹ, Pháp... thời kỳ cận đại, và nền dân chủ vô sản từ sau Cách mạng tháng Mười ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Việc thiết lập nền dân chủ tư sản ở Pháp gắn chặt với quá trình phát triển của cách mạng qua các giai đoạn từ thấp lên cao, trải qua những đợt đấu tranh giai cấp quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng, trong đó quần chúng nhân dân đã đóng vai trò như một động lực chính và một nhân tố quyết định thắng lợi về chiều hướng tiến lên của cách mạng.

Trong giai đoạn đầu, từ 14.7.1789 đến 10.8.1792, thắng lợi của hạ ngục Bastille ngày 14-7 dẫn tới cuộc « cách mạng đô thị » ở tất cả các thành phố và phong trào nổi dậy của nông dân trong tháng bảy, tháng tám ở nhiều tỉnh khác nhau, đã lật đổ nền quân chủ chuyên chế và dẫn tới sự ra đời của bản « Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền » bất hủ ngày 26-8. Bản Tuyên ngôn được coi như một cương lĩnh công bố những nguyên tắc cơ bản của xã hội mới do cách mạng lập nên, gồm 17 điều. Tuyên ngôn khẳng định rõ « những quyền cơ bản, những quyền tự nhiên, bất di bất dịch và thiêng liêng » của con người và của người công dân cùng với những nguyên tắc cơ bản tổ chức một nhà nước với các công dân

của nó. Tuyên ngôn ghi rõ: « Mọi người sinh ra và tồn tại tự do và bình đẳng về pháp luật » (Điều 1); và tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, an ninh và tự do chống áp bức được coi là những quyền tự nhiên và tuyệt đối của con người và của người công dân. Tuyên ngôn đã nêu lên phương châm nổi tiếng: « Tự do, Bình đẳng, Bác ái ». Tuyên ngôn khẳng định quyền tự hữu là một « quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng » (Điều 17). Chính điều cuối cùng này đã xác định rõ giới hạn và tính chất giai cấp của Cách mạng. Pháp 1789 cũng như nền dân chủ tư sản mà cuộc cách mạng này thiết lập nên. Ngoài ra, Tuyên ngôn còn xác nhận rõ những khái niệm về chủ quyền quốc gia nguyên tắc đại diện qua bầu cử, nguyên tắc phân lập các quyền, dựa theo tư tưởng lớn của Montesquieu « lấy quyền lực hạn chế quyền lực », và những khái niệm về luật pháp và pháp chế xã hội...

Nhưng rồi thành quả cách mạng đã rơi vào tay phái tư sản tài chính. Lên cầm quyền, với bản chất giai cấp của nó, đại tư sản tài chính đã thỏa hiệp với quý tộc, tầng lữ và chấp nhận nền quân chủ lập hiến. Đó là bối cảnh dẫn đến bản Hiến pháp 1791 được Quốc hội thảo ra theo cách thảo từng điều khoản một, thông qua đến đầu thi hành đến đây, kéo dài hai năm mới hoàn thành. Tuy bản « Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền » được dùng như Lời mở đầu của Hiến pháp, nhưng thực chất của Hiến pháp 1791 là một bước thụt lùi so với những tinh thần cơ bản của Tuyên ngôn.

Hiến pháp 1791 quy định quyền lập pháp thuộc về Quốc hội, nhưng quyền hành pháp vẫn do vua nắm (chỉ định Bộ trưởng và Tư lệnh quân đội, và có quyền phủ quyết, đình chỉ). Tuy Hiến pháp công nhận nguyên tắc chủ quyền của quốc dân – « mọi chính quyền đều bắt nguồn từ quốc dân » – nhưng lại chia

công dân Pháp thành hai loại: «tích cực» và «tiêu cực». Công dân «tiêu cực» bị mất quyền bầu cử và ứng cử, và ngay công dân «tích cực» lại chia thành ba loại với quyền hạn khác nhau trong bầu cử và ứng cử (trong tổng số 26 triệu dân, chỉ có 4 triệu 30 vạn dân có quyền công dân «tích cực», và chỉ có rất ít người có quyền được bầu làm Nghị sĩ). Hiến pháp không giải quyết vấn đề ruộng đất, vấn đề quan trọng nhất của cách mạng tư sản Pháp. Ngoài ra, qua luật Le Chapelier, Hiến pháp cấm công nhân thành lập tổ chức hay hội xã của mình, cấm bãi công và sẽ trừng trị nghiêm ngặt những trường hợp vi phạm. Tuy thế Hiến pháp cũng có những mặt tích cực, như xóa bỏ quý tộc thế tập và tước vị phong kiến, quốc hữu hóa tài sản của tăng lữ, cải cách giáo hội, cải tổ hành chính ở Pháp...

Ngày 13-9-1791, vua Louis XVI buộc phải phê chuẩn Hiến pháp, tuyên thệ trung thành với quốc dân, nhưng thực ra vẫn âm mưu dựa vào nước ngoài và gây ra chiến tranh với Áo, Phổ để chống lại cách mạng. Đầu tháng 7-1792, quân Phổ tràn vào Pháp, cách mạng lâm nguy. Trước tình hình này, các đội quân tình nguyện được thành lập, kéo về Paris, và cuộc khởi nghĩa của nhân dân Paris ngày 10-8-1792 đã bắt giam vua Louis XVI và vợ y, bầu ra Quốc hội mới, nhân dân tự đảm nhiệm lấy việc quốc phòng. Đến đây nền quân chủ Pháp sụp đổ, kéo theo sự sụp đổ của phái lập hiến của đại tư sản tài chính.

Bước sang giai đoạn thứ hai của cách mạng, từ tháng 8-1792 đến tháng 6-1793 đại tư sản công thương nghiệp lên cầm quyền mà đại diện là phái Girondins chia nhau giữ những chức vụ chủ chốt trong chính quyền. Lúc này, bên cạnh hai cơ quan của chính quyền: Hội nghị Quốc dân tức Quốc hội và Ủy ban Chấp chính tức Chính phủ, còn xuất hiện một cơ quan thứ ba là Công xã cách mạng do cuộc khởi nghĩa nhân dân Tháng Tám sáng lập ra và nó dựa vào nhân dân

cách mạng. Cũng từ đó đã diễn ra cuộc đấu tranh giữa Công xã cách mạng với Hội nghị Quốc dân và Ủy ban Chấp chính, và cuộc đấu tranh giữa phái Montagnards, đại diện cho tầng lớp tư sản dân chủ hạng trung và nhỏ, các tầng lớp tiểu tư sản, nông dân, công nhân với phái Girondins trong Quốc hội lập pháp đề quyết định chiều hướng tiến lên của cách mạng. Trong bối cảnh đó, chiến thắng Valmy của quân đội cách mạng Pháp đánh bại quân đội của liên minh phản cách mạng châu Âu ngày 20-9-1792 đã dẫn đến sự ra đời của Hội đồng Dân ước (Quốc hội lập pháp mới), và trong buổi họp đầu tiên của Quốc hội ngày 21-9, đã quyết định thủ tiêu chế độ quân chủ ở Pháp. Ngay ngày hôm ấy, nước Cộng hòa được tuyên bố thành lập.

Dưới áp lực đấu tranh của nhân dân và của Công xã cách mạng, ngoài ý muốn của phái đại tư sản công thương nghiệp cầm quyền, Quốc hội đã phải thông qua nhiều pháp lệnh tiến bộ: luật ruộng đất, luật xóa bỏ hoàn toàn mọi nghĩa vụ phong kiến, sắc lệnh trừng trị bọn phản cách mạng, và đặc biệt có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với tiến trình cách mạng là Hội đồng Dân ước đã buộc phải đưa vua Louis XVI ra xét xử và quyết định xử tử tên vua này ngày 21-1-1793.

Sau khi vua Louis XVI bị chặt đầu, các nước châu Âu có thêm Anh tham gia, lại liên minh với nhau chống lại nước Pháp cách mạng. Trước tình hình này, bọn đại tư sản công thương nghiệp cầm quyền, mà đại diện là phái Girondins đã quay sang phản bội lại cách mạng. Trong hoàn cảnh nguy ngập ấy, dưới sự lãnh đạo của phái Jacobins, phái dân chủ cách mạng chủ trương đưa cách mạng đi đến thắng lợi triệt để, cuộc khởi nghĩa nhân dân ngày 31-5-1793 đã thắng lợi, đưa phái Jacobins lên cầm quyền.

Đến đây cách mạng Pháp đã phát triển lên đỉnh cao nhất của nó – thời

*kỳ chuyên chính Jacobins dân chủ và cách mạng (2-6-1793 đến 27-7-1794).*

Ngay sau khi lên cầm quyền, ngày 24-6, Quốc ước Jacobins đã thông qua bản Hiến pháp mới, thường gọi là Hiến Pháp Jacobins, bản Hiến pháp dân chủ nhất trong thời kỳ cận đại. Thấm nhuần những tư tưởng của Rousseau và những nguyện vọng chân chính của nhân dân đòi hỏi quyền tự do chính trị rộng rãi, Hiến pháp 1793 là một bước tiến lớn so với Hiến pháp 1791.

Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền mới do Robespierre thảo ra nêu rõ: «mục đích của xã hội là hạnh phúc chung», chính phủ lập ra là để đảm bảo cho con người hưởng «những quyền tự nhiên và bất khả xâm phạm của nó: tự do, bình đẳng, an ninh và tư hữu. Tự do cá nhân, tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do lập hội, quyền góp phần vào xây dựng pháp luật, quyền kiến nghị, quyền lao động và bảo hiểm xã hội trong trường hợp bị tàn tật, quyền phản đối áp bức, quyền bạo động «khi chính phủ vi phạm quyền lợi của nhân dân» được Tuyên ngôn và Hiến pháp 1793 thừa nhận là quyền thiêng liêng nhất trong mọi quyền.

Theo hiến pháp, cơ quan tối cao về mặt lập pháp là Quốc hội lập pháp do tất cả những người Pháp từ 21 tuổi trở lên bầu ra, và những dự án được Quốc hội thông qua phải được nhân dân phê chuẩn trong những Hội nghị cử tri cơ sở. Quốc hội lập pháp cử ra một Hội đồng Chấp chính (tức Chính phủ) gồm 24 Ủy viên, lựa chọn trong danh sách những cử tri do các Đại hội các quận lập ra và hàng năm một nửa số Ủy viên này được bầu lại.

Về quyền tư hữu được Hiến pháp định nghĩa một cách rộng rãi hơn khiến cho những người hữu sản đều có thể chấp nhận được: «Quyền tư hữu là quyền của mọi công dân được hưởng và sử dụng tùy ý mình những của cải và hoa lợi, thành quả của lao động và kỹ nghệ của mình (Điều 16).

Cách mạng càng tiến triển thì các thế lực phản động trong và ngoài nước càng điên cuồng chống phá. Bọn Girondins, tầng lớp quý tộc... nổi loạn ở nhiều nơi. Năm đạo quân của nước ngoài lần công vào ba mặt Bắc, Đông và Đông Nam nước Pháp. Đề động viên lực lượng toàn dân, đề dân áp bọn phản cách mạng và đánh bại cuộc tấn công của quân đội liên minh các nước châu Âu. Hiến pháp 1793 trở nên không thích hợp. Trong bối cảnh đó, Hội đồng Dân ước đã thành lập một Nhà nước chuyên chính dân chủ và cách mạng vào tháng chạp 1793, thường gọi là nền chuyên chính Jacobins.

Cơ quan tối cao của nền chuyên chính Jacobins là Hội đồng Dân ước tập trung trong tay nó quyền lập pháp và hành chính. Hội đồng Dân ước ban bố các đạo luật, cử ra Ủy ban Cứu quốc, mà thực chất là Chính phủ cách mạng của nước Pháp, và tất cả mọi cơ quan chính quyền đều trực thuộc Ủy ban này. Ủy ban Cứu quốc đã tổ chức lại Ủy ban An ninh toàn quốc để trấn áp bọn phản cách mạng bên trong và cải tổ lại quân đội để chống giặc ngoại xâm. Một sự tập trung quyền lực cao độ ở trên kết hợp với việc thực hiện dân chủ và sáng tạo rộng rãi của nhân dân ở cơ sở, đó là một đặc điểm và ưu điểm của nền chuyên chính Jacobins. Ở các cấp địa phương, nhân dân trực tiếp bầu ra các Ủy ban cách mạng và thông qua các Ủy ban này, quần chúng nhân dân tham gia rộng rãi và việc xây dựng Nhà nước và đường lối cách mạng. Câu lạc bộ Jacobins, với hàng trăm phân bộ rải ra trong toàn quốc, đã giữ một vai trò to lớn trong việc tổ chức chính quyền cách mạng và thực hiện đường lối chính trị của Chính phủ cách mạng. Trên thực tế, câu lạc bộ Jacobins là trụ cột chính trị của nền chuyên chính dân chủ và cách mạng.

Với nền chuyên chính Jacobins dân chủ và cách mạng, nước Pháp cách mạng đã lần lượt đập tan được những cuộc nổi loạn của các thế lực phản động bên trong, và đến tháng 12-1793, quân đội

Áo, Phổ, Anh, Hà lan hoàn toàn bị đuổi ra khỏi bờ cõi. Với tinh thần cách mạng kiên quyết và năng lực tuyệt vời, chỉ trong vòng mấy tháng trời những người cầm quyền Jacobins đã làm được những công việc mà 4 năm trước đó cách mạng không giải quyết được, đã quét sạch mọi tàn tích và chướng ngại của chế độ phong kiến chuyên chế, mở rộng đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Đến đây, giai

cấp tư sản, dù là phái dân chủ và cấp tiến nhất, cũng thấy không cần đến nền chuyên chính dân chủ và cách mạng này nữa. Đó là nguyên nhân dẫn đến sự phản hóa trong nội bộ hàng ngũ những người Jacobins và sự sụp đổ của nền chuyên chính Jacobins, nền dân chủ tư sản cao nhất và tiến bộ nhất của Cách mạng tư sản Pháp 1789 và của cả thời kỳ cận đại vào ngày 9 tháng Thermidor (27-7-1794).

### III - Nên đánh giá như thế nào cho thỏa đáng về nền dân chủ tư sản được thiết lập trong cách mạng Pháp 1789?

Nền dân chủ tư sản được thiết lập trong Cách mạng Pháp đã tiến triển từ thấp lên cao từ Nhà nước quân chủ lập hiến sang Nhà nước Cộng hòa, rồi Nhà nước chuyên chính Jacobins dân chủ và cách mạng qua các văn kiện có tính cách pháp lý, « Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền », Hiến pháp 1791, Hiến pháp 1793. Qua sự mạng lịch sử mà Cách mạng Pháp và nền dân chủ tư sản được thiết lập nên trong quá trình cách mạng đã thực hiện được việc thủ tiêu mọi tàn tích của chế độ phong kiến chuyên chế; giải phóng nhân dân Pháp khỏi ách thống trị tàn bạo, phản động trung cổ; thực hiện các quyền tự do, dân chủ; mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển và toàn xã hội Pháp tiến lên mạnh mẽ. Có thể nói rằng cái gì mà một cuộc cách mạng tư sản có thể làm được trong thời kỳ cận đại thì Cách mạng tư sản Pháp 1789 đã làm triệt để hết mức của nó—vượt quá khuôn khổ này chỉ có thể là một cuộc cách mạng vô sản. V.I. Lênine đã viết: « Hãy lấy Đại cách mạng Pháp làm thí dụ. Người ta gọi đó là cuộc Đại cách mạng thật là xứng đáng. Nó đã làm bao nhiêu việc cho giai cấp của nó, giai cấp mà nó phục vụ, giai cấp tư sản, đến nỗi toàn bộ thế kỷ XIX, cái thế kỷ đã đem lại văn minh và văn hóa cho toàn thể nhân loại đã trôi qua dưới dấu hiệu của cách mạng Pháp. Từ đầu này đến đầu kia thế giới, thế kỷ này chỉ có việc

thi hành và thực hiện từng phần, hoàn thành những điều mà các nhà cách mạng vĩ đại Pháp của giai cấp tư sản đã sáng tạo ra... »<sup>(4)</sup>.

Đoạn viết trên đây của Lênine được coi như sự đánh giá một cách tổng quát hết sức khách quan, hết sức « lịch sử » về Cách mạng Pháp 1789 và về thể chế dân chủ tư sản được thiết lập nên trong cách mạng.

Từ góc độ của một chế độ chính trị, hay cụ thể hơn nữa từ một hình thức chuyên chính về chính trị của giai cấp thống trị, nên rút ra những nhận xét, đánh giá về nền dân chủ tư sản được thiết lập trong Cách mạng Pháp 1789 như thế nào cho thỏa đáng?

Thứ nhất, trong thời kỳ cận đại, chế độ chính trị này đã thực hiện các quyền tự do, dân chủ không chỉ đối với giai cấp tư sản, mà ở mức độ nào đó cả với giai cấp tiểu tư sản, nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và ngay cả với giai cấp công nhân, dù là có đạo luật Le Chapelier. Nếu so với chế độ phong kiến chuyên chế, đó là một sự giải phóng về nhân quyền đối với con người. Truyền thống tự do, dân chủ này tiếp tục tồn tại kéo dài đến tận ngày nay, và không kể giai cấp tư sản, đồng đảo các tầng

4) V.I. Lênine - Toàn tập - Tập 29, tr. 342, bản tiếng Nga.

lớp nhân dân Pháp vẫn chấp nhận nó và phần nào tự hào về nó. Đó là một sự thật lịch sử, vì hai lẽ: 1. Nhân dân Pháp vẫn có các quyền tự do, dân chủ. 2. Vẫn chưa xuất hiện một chế độ chính trị nào mà nhân dân thực sự có các quyền tự do, dân chủ cao hơn, rộng rãi hơn để họ so sánh (về nền dân chủ vô sản thì chúng ta đã làm sai bản chất tốt đẹp của nó cả về lý luận cũng như về thực tiễn, nên đang phải «cải tổ» hoặc «đổi mới»). Trước đây, thường xem nhẹ hoặc coi thường tính dân chủ và tính tiến bộ của chế độ chính trị này, sẽ không thỏa đáng nếu tiếp tục suy nghĩ như thế.

Thứ hai trước đây thường hay nhận định rằng nếu đã coi quyền tư hữu là «quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng» thì có nghĩa là phủ định hoặc trái ngược với phương châm «tự do, bình đẳng, bác ái» và các quyền tự do, dân chủ mà bản «Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền» đã vạch ra. Có cơ sở để nói như thế, nhưng cũng không phải hoàn toàn đúng như thế. Trong các quyền tự do, dân chủ thì quyền tự do, dân chủ về kinh tế là điều quan trọng và thiêng liêng nhất, nó là cơ sở hoặc là nền tảng cho tất cả mọi quyền tự do, dân chủ khác. Trong thời kỳ cận đại để xóa bỏ chế độ phong kiến chuyên chế và đưa toàn xã hội tiến lên, thử hỏi chúng ta có thể làm được điều gì khác nữa ngoài việc thực hiện và bảo vệ quyền tư hữu như là một «quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng»? Thử hỏi nếu lúc này xóa bỏ ngay quyền tư hữu thì các tầng lớp tiểu tư sản, nông dân thợ thủ công và tiểu thương sẽ suy nghĩ như thế nào về các quyền tự do, dân chủ mà cách mạng đã đem lại cho họ? Nên nghĩ rằng việc thực hiện quyền tư hữu là một bước mà loài người phải trải qua và là một quy luật tất yếu trong thời kỳ cận đại, không nên coi nhẹ quy luật này đối với sự phát triển nhanh chóng về kinh tế và chính trị, xã hội của xã hội loài người trong thời kỳ cận đại. Và ngày

nay chúng ta cũng không nên quá phê phán hoặc coi thường quyền tư hữu, nhất là thành phần sản xuất nhỏ, vì nó vẫn còn rất cần thiết và có ích cho xã hội. Trước đây thường hay phê phán Rousseau là ảo tưởng, là biểu hiện tính dao động «hai mặt» của người tiểu tư sản khi ông ta vừa lên án chế độ tư hữu là nguồn gốc của mọi bất bình đẳng và mọi thảm họa xã hội, nhưng lại vừa thừa nhận nó và tìm cách hạn chế nó. Nay có lẽ phải suy nghĩ lại cách đánh giá này, vì thực ra hiện nay ở các nước xã hội chủ nghĩa, trong những điều kiện hiện tại, mặc dù chúng ta không ưa thích chế độ tư hữu, nhưng vẫn phải thừa nhận nó, tìm cách hạn chế nó và vẫn buộc phải duy trì nó ở mức độ nào và trong một thời gian lâu dài nào đó.

Thứ ba, công thức tiêu biểu của chế độ phong kiến chuyên chế Pháp mà Louis XIV – «Vua mặt trời» đã khái quát là: «Nhà nước chính là trăm». Để thay thế Nhà nước độc đoán, chuyên quyền phong kiến này, Montesquieu đã đưa ra một công thức «tam quyền phân lập» với lập luận rằng phân quyền và hạn chế quyền hành là những bảo đảm chủ yếu của tự do. Vì thế quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp phải triệt để phân lập và hoàn toàn độc lập với nhau. Nền dân chủ tư sản ở Pháp và ở các nước tư bản châu Âu, Bắc Mỹ hiện nay đều xây dựng trên nền tảng công thức «tam quyền phân lập» này. Trước đây thường coi thường hoặc phê phán tính chất hình thức giả dối và tiêu cực của chế độ «tam quyền phân lập» này. Thực ra, chế độ «tam quyền phân lập» với tư tưởng «lấy quyền lực hạn chế quyền lực» lấy việc đi vào luật pháp làm kỷ cương chuẩn mực để quản lý Nhà nước và xã hội đã có những mặt ưu điểm mà chúng ta cần phải xem xét và suy nghĩ. Chính nhờ có chế độ này, ở Pháp và ở nhiều nước tư bản đã hạn chế được việc quá tập trung quyền lực vào trong tay một người hoặc một nhóm người nào đó, hoặc một chính đảng tư sản nào đó để dẫn

đến độc đoán, chuyên quyền, vi phạm luật pháp. Chế độ này một mặt bảo đảm giữ vững nền chuyên chính giai cấp của nó, nhưng mặt khác lại vẫn thể hiện được tính dân chủ rộng rãi ở mức độ nào của nó, và đặc biệt từ người cao nhất là Tổng thống. Thủ tướng cho đến người thường dân, nhất nhất ai cũng đều phải tuân theo kỷ cương, luật pháp, dù là những điều nhỏ nhặt nhất.

Thứ tư, trước đây khi nói về nguyên nhân dẫn đến tính triệt để của Cách mạng Pháp 1789 và tính tiến bộ của nền dân chủ tư sản Pháp, người ta nói nhiều về vai trò của quần chúng nhân dân Pháp và coi quá nhẹ về vai trò của giai cấp tư sản Pháp. Có ý kiến cho rằng tính chất dân chủ tư sản của cách mạng Pháp không phải là có ngay từ đầu mà chỉ dần dần thể hiện rõ từng bước sau này qua tác động của vai trò quần chúng nhân dân vào tiến trình cách mạng. Vai trò của quần chúng nhân dân được coi như là một động lực chính và một nhân tố quyết định chiều hướng đi lên (khác với cách mạng Anh 164) theo chiều hướng đi xuống) và cuối cùng đi đến thắng lợi triệt để của Cách mạng Pháp 1789 là một sự thật lịch sử, ngay cả giai cấp tư sản Pháp cũng buộc phải thừa nhận điều này. Nhưng không nên vì

thế mà coi nhẹ quá đáng vai trò của giai cấp tư sản Pháp trong toàn bộ quá trình phát triển của cuộc cách mạng 1789. Là một lực lượng mạnh nhất trong xã hội Pháp nửa sau thế kỷ XVIII, và lại là một giai cấp đang lên, đại diện cho một phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tư sản Pháp rất có ý thức về vai trò của nó trong việc lãnh đạo toàn dân chống phong kiến chuyên chế, thực hiện chế độ tư hữu và các quyền tự do, dân chủ mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển và toàn xã hội Pháp tiến lên. Như thế, lúc này nó đã kết hợp được quyền lợi giai cấp với quyền lợi dân tộc, những tư tưởng lớn của «Thế kỷ Ánh sáng» mà nó có công lao chuẩn bị chu đáo, cuộc cách mạng chống phong kiến mà nó khởi xướng, rồi từng chặng đường phát triển của Cách mạng 1789, giai cấp tư sản Pháp đã luôn luôn giữ vai trò là người khởi xướng và người lãnh đạo cuộc cách mạng này. Vì thế công lao và vinh quang của Đại cách mạng Pháp 1789 thuộc về giai cấp tư sản Pháp, hay nói cho chuẩn xác hơn theo cách diễn đạt của V. I. Lênine, nó thuộc về những «nhà Cách mạng vĩ đại» của giai cấp tư sản Pháp và nhân dân cách mạng Pháp.

Tháng 4 - 1989

# CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG GIÁO HỘI THIÊN CHÚA LA MÃ TRONG CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP (1789 — 1801)

NGUYỄN VĂN KIÊM

**T**RONG thời trung cổ, Giáo hội Thiên chúa La Mã là một thế lực phong kiến bao trùm hầu hết các quốc gia phong kiến Tây Âu. Thế lực tôn giáo này vừa là một thành tố vừa là chỗ dựa tinh thần, tư tưởng của chế độ phong kiến, là thủ phạm của sự trì trệ xã hội trong hàng ngàn năm tình trạng thường được các sử gia gọi là «*đêm trường trung cổ*». Đương đầu với thế lực này, một sự dấy lên nhọc nhằn, phức tạp, danh đồn nó, giành những thắng lợi cơ bản, đó quả là một thành tích to lớn không những cho nhân dân Pháp, nhân dân các nước Tây Âu, mà còn là một cống hiến lớn lao cho cả nhân loại.

Chỉ riêng cuộc đấu tranh này của Cách mạng Pháp đã đáng là đề tài cho một

công trình nghiên cứu lớn. Trong hoàn cảnh và điều kiện ở Việt Nam, với số tài liệu quá ít ỏi trong tầm tay, với sự hiểu biết rất có hạn, tôi không nghĩ sẽ viết được gì nhiều về vấn đề này mà chỉ muốn trình bày đôi điều hiệu biết chắc chắn còn sơ sài, để bày tỏ sự khâm phục đối với cuộc cách mạng của một dân tộc nhiệt thành cách mạng đã tạo nên một chuyển biến lịch sử xuất sắc, một cột mốc đồ sộ trong bước tiến hóa của nhân loại. Mặt khác do khuôn khổ của tạp chí có hạn, tôi xin được bắt đầu ngay vào cuộc đấu tranh trực diện chống Giáo hội Thiên chúa La Mã trong cách mạng Pháp, mà bỏ qua phần nguyên nhân và những bước chuẩn bị của nó.

## A — Những chính sách khởi đầu

Cuộc đấu tranh chống Giáo hội Thiên chúa La Mã của Cách mạng Pháp được thực hiện ngay từ những ngày đầu, được đánh dấu bằng hiến pháp dân sự về tăng lữ, được Quốc hội lập hiến thông qua ngày 12 tháng 7 năm 1790 và được Louis XVI chuẩn y ngày 24 tháng 8 cùng năm, với những nội dung nhằm xóa bỏ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị và ảnh hưởng xã hội của giáo hội và tăng lữ.

\* Đáng chú ý trước tiên là sắc lệnh tịch thu tài sản của giáo hội đem bán để dùng cho lợi ích quốc gia. Lý do trực tiếp của quyết định này là sự cấp bách phải cứu vãn tình trạng thiếu hụt tài chính nghiêm trọng của nhà nước, song ý nghĩa thực tế của nó ở chỗ nó là đòn quyết liệt nhằm xóa bỏ địa vị kinh tế của giáo hội và tăng lữ. Một tài sản trị giá khoảng 2 tỷ livres cộng thêm lợi tức hàng năm, nhất là dimes, không những

là nguồn gốc quan trọng nếu không muốn nói là chủ yếu của sự nghèo hèn, đau khổ của nhân dân, mà còn là sự thêm muốn của giai cấp tư sản. Quyết định này của Quốc hội lập hiến đã đạt được thông qua những cuộc tranh luận gay gắt. Trước hết trong cuộc họp đêm 4-8-1789, Quốc hội lập hiến tuyên bố hủy bỏ thuế dîmes, một thứ thuế mà nông dân phải trả cho nhà thờ (giá trị bằng 10% thu hoạch của nông dân) bằng phương thức chuộc. Song ngày 11 cùng tháng Quốc hội quyết định hủy bỏ hoàn toàn không phải bồi thường. Tầng lớp phản đối kịch liệt nhưng cuối cùng phải chấp nhận. Ngay hôm đó, Tổng Giám mục Paris nhân danh tầng lớp ở Paris, tuyên bố xóa bỏ dîmes để nêu gương. Tiếp đó Quốc hội chuyển sang vấn đề trưng thu tài sản.

Phải bảo thủ đã viện lý do quyền tư hữu thiêng liêng và bất khả phạm đã được ghi trong Tuyên ngôn nhân quyền để phản đối. Song đại đa số các đại biểu, nhất là đại biểu của đảng cấp thứ 3, đã nhấn mạnh rằng điều khoản 17 của Tuyên ngôn cũng lại ghi rõ « Khi mà nhu cầu công cộng, đã được thừa nhận là hợp pháp, đang được đặt ra một cách rõ rệt » thì nhà nước cũng vẫn có quyền trưng dụng. Vả chăng, « tầng lớp đầu có phải là kẻ sở hữu » « Họ chỉ là người quản lý những tài sản mà lợi tức được sử dụng vào việc thành lập những tổ chức từ thiện hoặc các cơ quan công cộng như bệnh viện, trường học... Vậy nếu từ nay nhà nước tự đảm nhiệm những tổ chức như vậy, thì những tài sản ấy đương nhiên phải trở về tay của nhà nước ». Cuộc tranh luận đã được kết thúc bằng việc ra sắc lệnh 2-9-1789 với 568 phiếu thuận và 346 phiếu chống. Quốc hội lập hiến dự tính sẽ bán ngay một phần trong năm đó và năm sau để có món tiền 400 triệu livres cho ngân sách. Các tòa thị chính của các thành phố và địa phương chịu trách nhiệm thu hồi tài sản của Giáo hội, bán cho tư nhân và nộp tiền cho

ngân sách. Song vì quỹ của các cơ quan hành chính này không có tiền mặt. Người ta nghĩ tới một loại tín phiếu có giá trị như tiền để nộp vào ngân sách nhà nước. Tín phiếu mang tên assignats, một thứ tiền thân của tiền giấy. Tầng lớp tìm mọi cách để ngăn cản. Họ xin cho nhà nước vay 400 triệu để khỏi phải bị tịch thu tài sản, song đề nghị này bị bác bỏ. Họ lại tìm cách ngăn cản các cơ quan hành chính thi hành lệnh. Ở phía nam họ xui người Thiên chúa chống người Tin lành; trên bục giảng họ kích thích giáo dân; reo rắc sự hoài nghi vào Quốc hội... Song quyết định trên vẫn được Quốc hội kiên quyết thi hành, chấm dứt một đặc lợi kinh tế lâu đời của giáo hội và tầng lớp, đồng thời đó là một thắng lợi rất cơ bản của cách mạng.

★ Quyết định tiếp theo của Quốc hội lập hiến là việc giải thể các Hội Thánh của tầng lớp dòng (régulier) (những tầng lớp phát thế, tuân thủ theo giáo luật giáo quy của nhà thờ) không còn cơ sở để tồn tại khi tài sản đã bị trưng thu và nhà nước sẽ trực tiếp lo liệu các vấn đề giáo dục và cứu tế xã hội mà trước nay vẫn ở trong tay các tổ chức này. Nhiều đại biểu nêu ý kiến phản đối, song đại số các đại biểu đều chứng minh sự vô ích và có hại của các tổ chức này và nêu lên sự cần thiết phải xóa bỏ chúng. Pétion nói « xã hội có quyền hủy bỏ chúng nếu chúng có hại » v.v... « Về mặt giáo dục liệu có thể quan niệm rằng các Hội Thánh là đáng quý đối với việc giáo dục các công dân? Giữ lại bất kỳ một hội nào chính là chuẩn bị cho sự tái sinh tất cả ». Barnave còn nói gay gắt hơn: « Công cuộc giáo dục công dân cần phải được thực hiện bởi những người có quyền công dân, biết thương yêu họ để dạy họ biết thương yêu. Các Hội Thánh không thể dung hợp được với trật tự xã hội và hạnh phúc công cộng. Các ngài hãy triệt bỏ chúng tận

gốc». Tranh luận cũng diễn ra khá gay gắt. Ngày 13-2-1790 Quốc hội ra quyết định còn có ít nhiều nhân nhượng:

– Các Hội thánh của tầng lớp dòng sẽ bị hủy bỏ trừ các hội đang phụ trách giáo dục và xã hội tạm thời vẫn giữ nguyên cho đến khi có lệnh mới.

– Các hội viên, nam, nữ khi ra hội cần đến khai báo với chính quyền để được lĩnh trợ cấp.

– Từ 20 tháng 3-1790 các cơ quan chính quyền sẽ đến các cơ sở của các Hội Thánh dòng để lập bản thống kê tài sản, lợi tức, nhân sự và lập biên bản về những trường hợp ra Hội hoặc ở lại.

Song từ thời Quốc hội lập pháp trở đi (1791) việc hủy bỏ các Hội Thánh dòng trở nên triệt để hơn với những nhận xét đánh giá khắc nghiệt hơn. Trong phiên họp 4 và 31 tháng 7, có đại biểu nói: «Các hội tu đều là các ngục Bastilles của nền quân chủ mà tu sĩ phản kháng (réfractaires) là những kẻ canh ngục. Một trong những người cha của cách mạng, Voltaire, năm 1763 đã viết rằng «cần phải tiêu diệt các thầy tu vì lợi ích của tổ quốc và lợi ích của chính họ. Đó là những con người mà Circe<sup>(1)</sup> đã biến thành những con heo mà Ulysse đã xử sự khôn ngoan để biến chúng trở lại thành người. «Ngày 4 tháng 8 năm 1792, Quốc hội ra sắc lệnh: «Xét rằng những dinh thự và đất đai rộng lớn, quý giá mà hiện nay các tu sĩ dòng đang chiếm lĩnh đều là tài sản quý của quốc gia trong thời điểm mà những chi phí quốc gia không cho phép bỏ rơi bất kỳ một tài sản nào; cần làm cho các nam nữ tu sĩ được hưởng sự tự do mà pháp luật đã đảm bảo cho họ; lại càng cần phải hủy bỏ mọi tàn tích của chủ nghĩa cuồng tín mà những nhà tu kia là nơi ẩn náu thuận lợi và sau hết có thể áp dụng biện pháp gia tăng trợ cấp để dung hòa lợi ích của những nữ tu đã xa rời cuộc sống công cộng với lợi ích của quốc gia bằng sự triệt tiêu tuyệt đối đời sống tu hành». Sắc

lệnh này định rõ kể từ 1 tháng 10 tất cả

các Hội Thánh dòng đều phải giải thể, tài sản đem bán ngoài trừ các nữ tu phục vụ tại bệnh viện hoặc các hội từ thiện. Ngày 7 tháng 8, công bố phụ cấp từ 500 – 700 livres hàng năm cho các tu sĩ, nam nữ tu sĩ lấy vợ lấy chồng vẫn được tiếp tục hưởng trợ cấp.

☆ Quốc hội lập pháp tiếp tục xem xét sự tồn tại của các Hội thánh triều (séculier) mà Quốc hội lập hiến chưa bàn tới. Đó là các Hội thánh không phát thệ, chỉ là các hội các thầy tu hoặc dân thường (laïques) làm các công việc từ thiện hoặc giáo dục, trong đó có dòng Oratoire nổi tiếng, đã cung cấp cho Quốc hội lập hiến những nhân vật có tiếng như Fouché, Billaud, Varenne, Joseph Lebon, Danou v.v... đã có lúc được coi như một trong những cái lò của cách mạng. Nhưng từ năm 1790 nội bộ của các hội đã có sự phân hóa khi phải tuyên thệ trung thành với cách mạng, và đa số đã chống Hiến pháp dân sự về tầng lớp, có nghĩa là gián tiếp chống cách mạng.

Năm 1791, Massieu, một đại diện của Ủy ban tầng lớp của Quốc hội nêu vấn đề về các Hội thánh triều. Ông nói: «Trong rất nhiều tổ chức này, tinh thần hội bao giờ cũng mạnh hơn ý thức công cộng; đa số các hội viên tỏ ra có lòng ái quốc, song các kẻ đứng đầu và bản thân các hội ấy đều chống lại cách mạng và câu kết với kẻ thù của chúng ta. Giải thể các Hội ấy là mang lại sự tự do cho những công dân đóng đức để họ sẽ trở thành những nhân viên phục vụ cho những tổ chức giáo dục quốc gia». Quốc hội ủng hộ ý kiến này song vẫn cho phép các Hội giáo dục tiếp tục hoạt động (sắc lệnh 26-9-1791). Vấn đề lại được tiếp tục thảo luận. Lần này Gaudin vẫn lặp lại ý kiến của Massieu, đề nghị hủy bỏ hẳn các Hội thánh triều. Ông cho rằng các Hội truyền bá thần học đều là những «cái ổ của chủ nghĩa cuồng tín». Ông

(1) Nữ phù thủy trong truyện Odyssée của Homère.

cũng phải nhận vai trò giáo dục của các Hội này. « Chủ nghĩa độc tài đã tin nhiệm chúng như là một phương thức để giới hạn tư tưởng của nhân dân trong một cái vòng nhỏ hẹp mà nó vạch ra... Làm sao mà tinh thần công cộng lại có thể được hình thành trong các tổ chức phân tán với những phương châm khác nhau... Điều thực sự cần thiết cho Tổ quốc là nền giáo dục phải hoàn toàn phù hợp với pháp luật, nó phải làm sáng tỏ lòng nhân ái đồng thời làm dậy lên tinh cảm nhiệt thành đối với tự do, những thành quả cao quý nhất của Hiến pháp chúng ta, những vũ khí hữu hiệu để bảo vệ Hiến pháp ». Cuộc tranh luận gay go, sôi nổi, lan sang cả vấn đề y phục của tăng lữ, thứ y phục mà nhiều đại biểu đã coi là « bộ đồng phục phản cách mạng ». Cho đến 18 tháng 8 năm 1792, Quốc hội ra sắc lệnh hủy bỏ « Tất cả các Hội thánh tăng lữ triều trong cả nước Pháp như các Hội Oratoire de Jésus, Doctrine Chrétienne, Mission de France, Saint Lazarre v.v., (trong đó có cả Hội Thừa sai Paris chuyên đào tạo giáo sĩ đi truyền giáo ở Viễn Đông và Việt Nam), và nói chung là tất cả các tổ chức tôn giáo các Hội thánh triều nam và nữ, tăng lữ hay thế tục (laïques), ngay cả những hội chỉ phục vụ trong bệnh viện hoặc cứu đỡ bệnh nhân dù dưới cái tên nào đang hiện diện trong nước Pháp ». Sắc lệnh ghi nhận sẽ tuyển dụng các nữ tu vào làm việc ở bệnh viện với tư cách cá nhân và những ai phục vụ trong giáo dục vẫn tiếp tục hành nghề song cũng chỉ với tư cách cá nhân. Đồng thời sắc lệnh cũng quy định trợ cấp phù hợp cho từng loại tu sĩ sau khi các hội của họ đã bị giải tán, đồng thời từ 21 tháng 8 năm 1791, nhà nước cũng thu hồi việc quản lý các việc cưới xin, ma chay xưa nay vẫn do nhà thờ coi giữ.

Vậy là, cho đến lúc đó, với hai sắc lệnh 4-8-1792 và 18-8-1792, Quốc hội lập pháp đã hủy bỏ hoàn toàn các Hội Thánh dòng và triều. Chỉ vài tháng sau, trong toàn nước Pháp tất cả mọi thứ hội thánh

đều bị giải thể, và cho đến Consulat, không hội nào tái hiện nữa. Đây cũng lại là một thành tựu lớn của cách mạng tư sản Pháp, loại trừ ảnh hưởng của giáo hội, tăng lữ khỏi đời sống tinh thần và xã hội của dân chúng. Cùng với sự tan rã của các hội thánh trong nước, hoạt động truyền giáo ở nước ngoài cũng bị đình đốn. Điều ước ký kết giữa Pigneau de Béhaine với Chính phủ, quân chủ Pháp về việc viện trợ cho Nguyễn Ánh bị đình chỉ vì tình hình khẩn trương của Pháp hai năm trước cách mạng. Từ 1789, hoạt động truyền giáo của các giáo sĩ Thừa sai của Pháp ở trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng cũng bị đình đốn vì tài sản bị tịch thu, khả năng vật chất khô kiệt. Ngày 10 tháng 2 năm 1798 Rome bị quân đội của Chính phủ chấp chính chiếm đóng, Giáo hoàng Pie VI bị bắt đem về giam ở Valence ở Pháp và chết ngày 23-8-1799. Khi thông báo cái chết của Pie VI, đại diện Chính phủ chấp chính nói: « Ông Giáo hoàng này đã chết và thế là từ nay chấm dứt sự mê tín ». Cũng trong chiến dịch đánh chiếm Rome, Thánh bộ truyền giáo bị giải thể, tài sản cũng bị tịch thu. Và cuộc truyền giáo của giáo hội La Mã trong những năm của cách mạng bị sa sút chưa từng có. Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, giáo sĩ của Hội Thừa sai Paris ở Ấn Độ, Trung Quốc và Đông Dương chỉ còn có 33 người kể cả 6 giám mục. Các tu viện của Hội hầu như tê liệt. Các giáo sĩ Thừa sai lâm vào cảnh túng thiếu phải sống nhờ vào lợi nhuận của các công ty thương mại hoặc phải trực tiếp hoạt động thương mại. Giáo sĩ Dupois ở Ấn Độ, trong những bức thư gửi về Pháp cho các đồng đạo đã viết những câu kêu cứu thê thảm « Chúng tôi, những kẻ còn ở lại đây, người thì già yếu, người thì tàn tật, các bạn giáo hữu chẳng lẽ không thể gửi đến đây một vài người để họ chôn chúng tôi sao »?.

✧ Đồng thời với hai chính sách trên, các Quốc hội kế tiếp nhau, chủ yếu Quốc hội lập hiến, thi hành các biện

pháp bắt giáo hội và tăng lữ phải phục tùng nhà nước và pháp luật, thủ tiêu quyền lực chính trị của Giáo hội. Theo tinh thần của Hiến pháp dân sự về tăng lữ, Giáo hội Pháp phải được tổ chức lại theo cơ cấu của tổ chức chính quyền. Số lượng các khu giám mục từ con số 134 giảm xuống 83, con số của các départements mới được kết cấu lại: từ mỗi départements (tương đương như tỉnh) chỉ có một khu giám mục. 83 tòa giám mục ấy được lại, hợp thành 10 tòa tổng giám mục (métropole). Các tổng giám mục (métropolitains) và các giám mục do các ủy ban bầu cử cấp tỉnh (département) bầu, các cha xứ (curé) do ủy ban bầu cử cấp huyện (districts) bầu. Tất cả đều được coi như các viên chức do nhà nước điều động. Các giám mục đã được bầu sẽ nhận lễ phong chức do các tổng giám mục (métropolitains) mà không phải do Giáo hoàng. Giáo hoàng chỉ cần duyệt thông báo Hiến pháp cũng quy định từ nay các đoản sắc (brefs) của giáo hoàng phải được cảnh phủ duyệt; các niên kim đóng cho Tòa thánh La Mã (annates) bị hủy bỏ. Giáo hoàng vẫn được Giáo hội Pháp tôn trọng về mặt tinh thần song không được có quyền xét xử (jurisdiction). Những quyết định trên thẩm quyền tinh thần gallicanisme của Pháp, nhằm quốc gia hóa tôn giáo, nói lỏng mối quan hệ với giáo hoàng, song không hề có ý định cắt đứt hoàn toàn quan hệ với Tòa thánh La Mã. Quốc hội vẫn giành cho giáo hoàng cái danh dự được thừa nhận (baptiser). Hiến pháp dân sự về tăng lữ, hứa/không khuyến khích vụ dân chúng Avignon (lãnh địa

của giáo hoàng) xin nhập trở lại Pháp. Song Giáo hoàng Pie VI vẫn kiên quyết muốn duy trì cơ quyền tể lục lẫn tôn giáo, không chấp nhận Hiến pháp dân sự về tăng lữ; trước tình hình ấy Quốc hội lập hiến ra sắc lệnh 27 tháng 11 năm 1790 đòi hỏi tăng lữ phải tuyên thệ trung thành với Hiến pháp bao hàm cả Hiến pháp dân sự về tăng lữ. Chỉ có 7 giám mục tuyên thệ, còn các chức mục thì phân hóa thành 2 nhóm gần như tương đương: nhóm tuyên thệ (assermentée) hay lập hiến (constitutionnelles) chủ yếu ở vùng Đông Nam Pháp và, nhóm không tuyên thệ (insementée) hay phản kháng (réfractaire), hình thành trong nội bộ Giáo hội Pháp một sự chia rẽ mang tính chất chính trị, một trong những nguyên nhân của những cuộc xung đột kéo dài trong suốt lịch trình của cuộc cách mạng. Hai Đoàn sắc 11 tháng 3 và 13 tháng 4 năm 1791 của Giáo hoàng Pie VI nghiêm khắc lên án các nguyên lý của Cách mạng Pháp, của Hiến pháp dân sự về tăng lữ tục đẩy thêm sự phản liệt và sự xung đột tôn giáo ở Pháp làm cho sự xung đột chính trị trở nên nghiêm trọng hơn.

Những hậu quả tiêu cực do những chính sách nói trên của cách mạng mà chúng ta sẽ đề cập tới trong một phần tiếp theo, hẳn là không nhỏ, song trước hết phải ghi nhận việc thực hiện những chính sách trên là những thắng lợi rất cơ bản, vì đã gạt bỏ được địa vị kinh tế, chính trị và xã hội của Giáo hội Thiên chúa và tăng lữ, một trong những yêu cầu rất cơ bản đặt ra cho cách mạng dân chủ tư sản Pháp.

## B – Cuộc đấu tranh tiếp tục và trở nên quyết liệt.

Cuộc đấu tranh chống giáo hội và tăng lữ trở nên quyết liệt hơn dưới thời Quốc ước và Chấp chính được đánh dấu bằng cuộc vận động phi công giáo hóa.

cuộc tiến công trực diện vào chính công giáo.

Sự phản kháng của tăng lữ đối với Hiến pháp dân sự về tăng lữ đương

nhiên là quyết liệt. Ngay từ 1790 các tầng lớp phản kháng đã đứng hẳn về phía đẳng cấp quý tộc, dần dần các tầng lớp lập hiến (a-sermentés) cũng ngã về phía quân chủ. Xu thế ấy lộ rõ vào năm 1793. Đó là một nguy cơ vào lúc mà các thế lực phản cách mạng ở Âu châu đang lập hết liên minh này đến liên minh khác để chống lại Cách mạng Pháp. Những người lãnh đạo cách mạng thời Quốc ước và Cách mạng thấy cần phải ngăn chặn ngay cơ cấu kết giữa giáo hội chống cách mạng ở trong nước với thế lực phản cách mạng ở nước ngoài bằng những biện pháp cứng rắn. Đồng thời cũng muốn nhân độ tiêu diệt tận gốc nội tôn giáo không phù hợp với xu thế nhân đạo, tự do của một xã hội mới mà đại diện là giai cấp tư sản thâm nhuần những chủ thuyết duy vật, vô thần của các triết gia ánh sáng, và đưa nước Pháp thoát ly khỏi sự ràng buộc của tôn giáo và thế lực của Tòa thánh La Mã, tức muốn phi công giáo hóa nước Pháp và thay thế tinh thần công giáo ấy bằng một tín ngưỡng có nội dung cách mạng hơn, nhân bản hơn, trong đó con người được hoàn toàn giải phóng khỏi các thế lực thần bí. Phong trào phi công giáo hóa ở Pháp đã hình thành và phát triển trong bối cảnh lịch sử như vậy.

Nhiệt thành và sôi nổi nhất trong cuộc đấu tranh này là những đại biểu của phái Jacobins và Girondins, với những lời lẽ và hành vi bài xích công giáo một cách quyết liệt và muốn thay thế nó bằng một tín ngưỡng phù hợp với nội dung của cách mạng, với thời đại mới. Chamette sáng tác bài thơ «Chống Chúa». Fourcroy muốn chà nát «cái thứ tôn giáo xấu xa», Thuriot muốn đổi tên nhà thờ Notre Dame thành Đền thờ Nữ thần Lý trí. Người ta tổ chức những vũ hội phàm tục trong Chapelles de la Saint-Vierge; người ta lập luận: nếu cần phải có một tín ngưỡng thì tốt nhất là tín ngưỡng cộng hòa, một tín ngưỡng phổ cập đối với toàn dân, và tín ngưỡng tôn

quốc, Tự do, Lý trí, Tự nhiên; Isnard người phái Jacobins tuyên bố: «Chúa của tôi, đó là Pháp luật, ngoài ra chẳng là gì hết». Người phái Girondins kêu gọi tôn thờ Tự nhiên, tôn thờ «Tự do, ái nữ của Thiên nhiên, thần tượng của trái tim nhân loại». Từ những quan niệm trên, Nhà nước cấm các cuộc lễ nghi công giáo công khai, đóng cửa nhiều nhà thờ, cắt trợ cấp cho các tầng lớp. Tiếp đó là những quyết định thực hiện hàng loạt các lễ hội dân sự, mang tính quốc gia, nổi đầu là lễ hội Fédératien, kỷ niệm 1 năm ngày phá ngục Bastille ở Champ de Mars do Giám mục Autun, Tallierand làm chủ lễ, La Fayette đứng đầu đội binh danh dự tuyên thệ trung thành với Hiến pháp, trong niềm hân hoan phấn khởi cực độ của toàn dân. Ngày này sau trở thành Quốc khánh Pháp hàng năm.

Từ 22 tháng 9 năm 1792, Quốc hội cho ban hành lịch cộng hòa thay thế cho lịch công giáo, chia mỗi năm thành 12 tháng, mỗi tháng 30 ngày, cộng thêm 5 hoặc 6 ngày bổ sung lấy tên là những ngày sans-culottides, mỗi ngày giành cho một ngày lễ. Ngày 1 lễ của Tài năng (Génie), ngày 2: lễ của Lao động (Travail), ngày 3 lễ của Hành động (Actions), ngày 4 lễ của sự Ban thưởng (Récompenses), ngày 5 lễ của Công luận (Opinions). 12 tháng được đặt tên theo mùa: Vendémiaire, brumaire, frimaire (mùa thu), Nivose, pluviôse, ventose (mùa đông), Germinal, florial, prairial (mùa xuân), messidor, thermidor, fructidor (mùa hạ). Mỗi tháng chia làm 3 thập nhật (décades) và mỗi ngày trong thập nhật lại có một tên riêng. Nhân lệnh ban hành lịch cộng hòa, Quốc hội quyết định trong toàn quốc phải bỏ lễ công giáo ngày chủ nhật và làm lễ Thập nhật (décadaire), tức là nghỉ việc vào các ngày thứ 10 thay vì nghỉ việc ngày chủ nhật.

Tiếp đó ngày 5 tháng 11 cùng năm (15. brumaire) Quốc hội ra sắc lệnh ấn định các ngày lễ dân sự, có đoạn viết: «không bị ràng buộc bởi những thành

kiến và xứng đáng là những người đại diện cho quốc gia Pháp, các ngài có thể trên những mảnh vụn của những di đoan đã bị sụp đổ đề lập nên một tôn giáo phổ cập không có gì bí mật, huyền bí mà tín điều duy nhất là sự bình đẳng mà luật pháp của chúng ta là người truyền giảng, luật sư là những nhà chức sắc và chỉ thấp hươg thờ phụng của đại gia đình trước bàn thờ Tổ quốc, người Mẹ và Đấng thiêng liêng công cộng (trích báo cáo của Marie Joseph Chenier). Ngày hôm sau (16 brumaire) Quốc hội ra tiếp sắc lệnh cho phép các công xã (communes) có quyền từ bỏ các lễ nghi công giáo.

Từ sau sắc lệnh này, phong trào phi công giáo hóa đặc biệt dâng cao từ năm 1793. Chỉ trong năm này, thêm nhiều lễ dân sự được tổ chức: Lễ Thống nhất và Bất khả chia cắt (Unité et Indivisibilité), Lễ thờ thần Lý trí, Lễ thập nhật, Lễ thờ Đấng Vô thượng (l'Être suprême) và sang năm 1794 thêm Lễ Prairial năm II (8-6-1794). Nhà nước cũng ấn định 4 ngày lễ quốc gia tưởng niệm những sự kiện lịch sử lớn: 14-7-1789, 10-8-1792, 21-1 và 31-5-1793.

Song song với việc hình thành các ngày lễ dân sự được gọi chung là sự tôn thờ nền Cộng hòa (Culte républicain) là một trào lưu tôn thờ những người đã hy sinh cho Tự do, Cách mạng như Lepeletier, Chalier, và nhất là Marat. Tháng 8 năm 1794, nhiều tổ chức nhân dân ở Paris tổ chức lễ tang tượng trưng cho Marat và dựng tượng ông, kể đến là các đám rước tưởng niệm và suy tôn bộ 3 bộ mình cho cách mạng, làm sôi sục cả Paris, biến thành như một thứ tôn giáo mới lần át mọi lễ nghi công giáo truyền thống. Cũng khoảng thời

gian này, Ủy ban trung ương các tổ chức quần chúng kiến nghị hủy bỏ ngân sách lễ nghi, rồi ép giám mục Paris là Gobel từ chức, tổ chức lễ Tự do ở nhà thờ Notre Dame, coi đó là đền thờ Thần Tự do. Ngày 5 frimaire, tất cả các nhà thờ ở Paris đều phải giành cho thần Lý trí và ngày 3 frimaire (23.11.1793) Công xã ở Paris quyết định đóng cửa các nhà thờ.

Sự hưởng ứng phong trào phi công giáo hóa ở các địa phương cũng không kém phần sôi nổi. Ngày 21 tháng 9 năm 1793, Fouché dựng tượng Bruteis (người sáng lập nền cộng hòa La Mã cổ đại) trước nhà thờ Nevers, thủ phủ của Nivernais, ngày 20 ông tuyên bố muốn hủy bỏ những lễ nghi mê tín và giả dối. Ngày 10 tháng 10, tuyên bố cấm mọi lễ nghi công giáo ngoài nhà thờ, tục hóa các tang lễ và cho ghi ở nghĩa địa câu « Cái chết chỉ là một giấc ngủ vĩnh viễn ». Ở Rochefort, Lequinio đổi nhà thờ thành đền của thần Chân lý. Ở Somme, Dumont cấm các ngày lễ công giáo chủ nhật và thay bằng lễ Thập nhật. Ở Maubeuge Drouet tịch thu các vật lễ quý và coi đó chỉ là đồ trang sức cho sự cuồng tín và sự ngu tối.

Phong trào vào cuối năm 1793 đã bộc lộ khá rõ tính chất quá tả khiến những nhà lãnh đạo cách mạng lo ngại. Robespierre cho rằng tình trạng đó sẽ dẫn tới tình trạng làm cho những người trung lập chạy sang phía kẻ thù. Câu lạc bộ Jacobin cũng tuyên bố sự vi phạm quá đáng vào tự do tín ngưỡng là vô chính trị vì nước Pháp đang có quá nhiều kẻ thù, không nên gây hấn với phần lớn quần chúng đang còn gần gũi với tôn giáo cũ và lên án những kẻ quá tả như là những người phản cách mạng.

### C - Tiến tới một chính sách tôn giáo mềm dẻo và hợp lý hơn

Thấy rõ nguy cơ của một phong trào bài xích công giáo, Chính phủ Quốc ước và Chấp chính đã kịp thời ban bố và thi

hành những biện pháp mềm dẻo nhằm hạn chế những hậu quả bất lợi cho cách mạng, đặc biệt là những nhượng bộ

đáng kể đối với phong trào nổi dậy của nông dân ở Vendée có sự tham gia tích cực của quý tộc và tầng lớp phản kháng.

Sắc lệnh 16 frimaire năm II (6.11.1793) của Chính phủ Quốc ước công bố thừa nhận quyền tự do tín ngưỡng của công dân.

Biểu hiện tập trung nhất cho một chính sách mềm dẻo của Chính phủ cách mạng là sự nhượng bộ đối với vấn đề tôn giáo trong việc bình định cuộc nổi dậy ở Vendée. Đó là một vùng đất cằn cỗi, sống tách biệt với đô thị, do đó những trào lưu tư tưởng, chính trị tiên tiến của thời đại chưa tạo được ảnh hưởng sâu sắc. Nhân dân địa phương, chủ yếu là nông dân còn gắn bó nhiều với truyền thống cũ, đặc biệt là truyền thống công giáo. Do vậy, đó là địa bàn thuận lợi để quý tộc và tầng lớp lợi dụng hoàn cảnh để phát động một phong trào chống cách mạng, làm hậu thuẫn cho những tham vọng gìn giữ và phục hồi đặc quyền đặc lợi của họ. Song nguyên nhân rất cơ bản khiến quý tộc và tầng lớp ở đây có thể lợi dụng để kích động nông dân chống cách mạng là việc bán tài sản quốc gia, bao gồm cả tài sản trưng thu của giáo hội ở đây đã diễn ra hoàn toàn có lợi cho giai cấp tư sản. Bị rơi vào tình trạng ham mê về lợi ích vật chất và hoang mang về đời sống tinh thần, nông dân đã bị quý tộc và tầng lớp lợi dụng vào một hành động nổi dậy chống lại cách mạng. Cuộc nổi dậy bùng nổ vào đầu năm 1792, kéo dài đến 1796, đã trở thành mối lo ngại mà hai chính phủ Quốc ước và Chấp chính đã phải hao tốn nhiều công sức đáng lý có thể sử dụng để tập trung cho việc phát huy thêm sức mạnh của cách mạng. Tuy nhiên, Chính phủ cách mạng đã tỏ ra khôn khéo khi kết hợp cuộc bình định cuộc nổi dậy bằng biện pháp quân sự song song với những nhượng bộ về tín ngưỡng.

Ngày 29 fructidor năm III (15-9-1794) chỉ huy quân đội cách mạng Hoche, tuyên bố đình chỉ kháng bố, thả các tù nhân và không đàn áp những người bất phục tùng.

Ngày 12 frimaire năm III (2.12.1794) hai bên thỏa thuận đình chiến trong một

tháng để bắt đầu cuộc thương lượng từ đầu tháng 1-1795.

Cuộc thương lượng ở La Jaunaye gần Nantes đã đi đến một bản ký kết ngày 17-2-1795 trong đó hai bên thỏa thuận đình chiến, nhà nước trả lại hoặc bồi thường những tài sản giáo hội đã bị tịch thu và đem bán, chấp nhận tự do và tôn giáo, kể cả với những tầng lớp phản kháng. Mặc dù vậy, quân đội Chính phủ do Hoche chỉ huy cũng phải đến 1796 mới hoàn toàn dẹp yên được cuộc nổi dậy.

Cuộc bình định và thương lượng với phong trào bảo hoàng (chouannerie), nổ ra trước và song song với cuộc nổi dậy ở Vendée ở vùng Hạ Maine, một phần Anjou, Bretagne dưới sự chỉ đạo Jean Cottereau tục gọi là Jean Chouan, vào ngày 1 floréal (20.4.1795) cũng diễn ra tương tự, nghĩa là phía Chính phủ cũng chấp nhận những điều kiện như đã thỏa thuận cho phong trào Vendée.

Thái độ nhượng bộ đối với giáo hội của chính phủ Quốc ước và chấp chính đã dọn đường cho một đường lối hòa hoãn với giáo hội của Bonaparte dưới thời Tổng tài.

Sau khi đã đạt những thắng lợi rực rỡ trong các cuộc chiến tranh chính phục châu Âu và đập tan các thế lực phản cách mạng ở nước ngoài, Bonaparte tập trung sức lực lo củng cố và phát triển đất nước trong một tinh thần hòa giải các thế lực đối lập nhau dưới một sự chỉ huy thống nhất Bonaparte cho phép các quý tộc và tầng lớp di tản được trở về nước, như những công dân chứ không phải, và trong thực tế không còn cơ sở để còn là những đảng cấp xã hội. Các linh mục phản kháng (refractaires) chỉ cần tuyên thệ quy phục chính quyền là được hành đạo và được phát trợ cấp. Chủ trương này góp phần ổn định thêm tình hình nội bộ, vì quý tộc và tầng lớp, do đã bị triệt tiêu cơ sở kinh tế, quyền lực chính trị không còn đủ sức để phản kháng.

Từ sau khi tập trung quyền lực trong tay với cương vị đệ nhất Tổng Tài cá dôi, Bonaparte có ý đồ thực hiện những chương trình lớn để tiếp tục củng cố quyền lực, trong đó có chương trình tổ

chức lại giáo hội để biến nó thành có ích cho mục đích trên, theo một quan niệm: tôn giáo là một phương thức để an dân, Nhà thờ là một công cụ để cai trị, Thiên Chúa giáo là tôn giáo của đại đa số người Pháp, song không thể coi là tôn giáo của Nhà nước mà bắt nó phải phụ thuộc vào nhà nước, một nhà nước tục hóa (laïcisé). Với chủ trương như vậy Bonaparte bắt đầu những cuộc thương lượng với Giáo hoàng La Mã lúc ấy là Pie VII từ chức từ năm 1800, người mà trước đây khi còn là giáo chủ giám mục (Cardinal évêque) ở Imola, năm 1776 đã tuyên bố ủng hộ tư tưởng dân chủ. Cuộc thương lượng cũng gay go vì mỗi bên đều có những ý đồ riêng, song đến 15-7-1801 hai bên cũng đã ký kết xong một concordat (Hiệp ước) ký kết giữa một nhà nước với giáo hội. Ở Paris và được duyệt y ở Rome ngày 15-8-1801, chủ yếu giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước với Tòa thánh La Mã và giữa Nhà nước với giáo hội. Theo điều ước này, người đứng đầu nhà nước Pháp chỉ định các Tổng giám mục (archevêques) và giám mục do Giáo hoàng ban lễ thụ phong (investiture canonique). Các giám mục sau khi đã tuyên thệ với chính phủ được quyền chỉ định các cha xứ (cures): Giáo hoàng tuyên bố hủy bỏ mọi khiếu nại về việc trưng thu và bán các tài sản của giáo hội. Ngược lại, Nhà nước Pháp sẽ đảm nhiệm việc đại thọ cho các giám mục và cha xứ. Điều ước này được Bonaparte đưa ra thông qua trước Quốc hội mà ông ta đã vận dụng từ trước. Điều ước được thông qua với đa số phiếu tán thành rất lớn ngày 6-4-1802 và ngày 18-1 cùng năm được ban bố để thi hành. Ngày chủ nhật công giáo và 4 ngày lễ công giáo được phục hồi. Ngày lễ Thập nhật bị bãi bỏ và cùng với nó là lịch cộng hòa. Lễ hoan nghênh

concordat được cử hành trọng thể và linh đình ở nhà thờ Notre Dame trong sự hân hoan của mọi người: chỉ có phái quân nhân bày tỏ một thái độ miễn cưỡng. Khi được hỏi cảm tưởng về buổi lễ, tướng Delmas trả lời Bonaparte: «Đó là một buổi lễ thô thiển đẹp mắt (belle capucinade), chỉ phải cái đã vắng mặt một triệu con người đã bị bỏ mạng để phá hủy cái mà ông đã dựng lại». Những nội dung của concordat này đã được duy trì ở Pháp gần một thế kỷ cho đến khi thi hành luật 9-12-1905 về giáo hội. Những chính sách được các chính phủ Quốc ước và Chấp chính thực hiện như Tuyên bố quyền tự do tín ngưỡng của công dân, một số nhượng bộ đối với Vendée và Chouannerie, thể hiện sự mềm dẻo trong sách lược đấu tranh. Đó là sự tôn trọng quyền tự do đã được nêu trong Tuyên ngôn Nhân quyền, giúp cho dân chúng Pháp, và số còn gần bó với công giáo, an lòng hơn, tin cậy hơn vào cách mạng. Đó cũng là sách lược khôn khéo trong đấu tranh cách mạng nhằm tranh thủ tới mức tối đa sự đồng tình của quần chúng nhất là quần chúng nông dân.

Những chính sách tôn giáo thời Tổng tài kết thúc bằng concordat 1801 là sự tiếp nối sự mềm dẻo đó và có tính hợp lý và lôgic, vì một nhà nước của một giai cấp thống trị không thể bỏ qua bất kỳ một vũ khí thống trị tinh thần nào. Mà ở Pháp thì công giáo là một vũ khí hữu hiệu vì bản thân giáo lý của nó không tuyệt đối bài trừ địa vị thống trị của giai cấp tư sản. Phục hồi lại hoạt động của một tôn giáo như thế, sau khi đã tước bỏ địa vị kinh tế chính trị cũ của nó, dùng nó như một công cụ thống trị tinh thần phục tùng và phục vụ giai cấp tư sản, đó là việc làm hợp lý và lôgic của Bonaparte.

## D – Thắng lợi to lớn của cuộc đấu tranh

Cuộc đấu tranh chống giáo hội Thiên chúa ở Pháp, diễn ra trong một hoàn

cảnh đấu tranh giai cấp gay gắt, phức tạp, lúc đầu có phần nào nhân nhượng,

sau đó ngày càng quyết liệt, rồi lại đi đến những nhân nhượng và cuối cùng đi đến một phương thức hòa hoãn trong bối cảnh lịch sử cụ thể của nước Pháp. Song, thông qua diễn biến của cuộc đấu tranh, có thể kết luận khẳng định là: những gì cuộc đấu tranh đã tiến hành và đạt được là rất cơ bản, những gì lệch lạc hoặc không đạt được chỉ là thứ yếu, ngay cả những nhượng bộ và đường lối hòa hoãn thời Tổng Tài của Bonaparte cũng không ảnh hưởng gì lớn đến những thành tựu đã đạt được của cuộc đấu tranh.

Thắng lợi cơ bản cần đề cập đến trước tiên của cuộc đấu tranh này là thắng lợi trong lãnh vực kinh tế. Quyết định của Quốc hội lập niên trưng thu và đem bán tài sản của giáo hội trị giá tới 2 tỷ livres vì lợi ích quốc gia, có ý nghĩa rất lớn lao. Với quyết định này, một khối lượng tư liệu sản xuất đồ sộ được chuyển qua tay giai cấp tư sản và nông dân, đề thông qua phương thức sản xuất mới nâng cao sản phẩm cho xã hội, thúc đẩy nền kinh tế Pháp vượt hẳn lên một trình độ mới một khi tình hình nội bộ của Pháp đã ổn định.

Thắng lợi này lại được tiếp nối bằng một loại những cải tổ nhằm triệt tiêu quyền lực chính trị của Giáo hội thông qua việc nói lỏng mối ràng buộc với Tòa thánh La Mã, giải thể các tổ chức tôn giáo xưa nay vẫn thao túng đời sống chính trị, xã hội, và văn hóa, và, quan trọng nhất là sự tách nhà thờ ra khỏi nhà nước, nói cách khác tục hóa nhà nước, đề giai cấp tư sản nắm lấy chính quyền, xây dựng chế độ chính trị mới, nền cộng hòa, tuy chưa phải đã là một hình thức

nhà nước lý tưởng, song tiến bộ hơn nhiều so với nhà nước quân chủ chuyên chế trong một chừng mực nhất định tạo điều kiện cho sự tham gia của nhân dân vào việc quản lý xã hội để bảo vệ lợi ích của mình.

Phong trào phi công giáo hóa, tuy có lúc quá tả, song để lại những dấu ấn sâu sắc trong đời sống tinh thần của nhân dân. Đó là thời cơ để những tư tưởng tiến bộ như triết học duy vật, vô thần, tư tưởng nhân đạo, tự do, được phổ cập, giúp con người tự tin vào khả năng sáng tạo của mình, giúp nhân dân vén được bức màn đen của tôn giáo huyền bí, tiếp xúc với những chân trời sáng sủa hơn của lý trí, của khoa học và nghệ thuật mang tính nhân văn sâu sắc.

Khía cạnh quá tả của phong trào phi công giáo hóa cũng như ý đồ xóa bỏ công giáo để thay thế bằng một tín ngưỡng cộng hòa như đã diễn ra trong cuộc đấu tranh, thể hiện một cách nhìn nhận và đánh giá có phần còn đơn giản về đặc trưng của tôn giáo, về vị trí của nó trong lịch sử, trong đời sống xã hội. Đó cũng là một bài học lịch sử lớn cho những người lãnh đạo Nhà nước mỗi khi có những quyết định lớn có liên quan đến những vấn đề tôn giáo.

Và để kết thúc bài viết này nhân kỷ niệm 200 năm Cách mạng tư sản Pháp, xin được bày tỏ sự ngưỡng mộ về tất cả những gì cuộc cách mạng đã đem lại cho nhân dân Pháp, cho nhân loại, đặc biệt về những thành tựu đã đạt được trong cuộc đấu tranh chống giáo hội, đại diện của thế lực phong kiến vững mạnh ở châu Âu.

#### SÁCH THAM KHẢO

- K Marx and F. Engels — *On Religion* Moscow, 1957.
- Oulard — *La révolution française et les congrégations*. Paris. 1903.
- Florin Aftalion — *L'économie de la Révolution française*. Hachette, 1987.
- François Furet et Denis Richet — *La Révolution française*. Hachette. Paris, 1973.
- Manfred — *La grande révolution française* Moscow, 1961.
- Mignet — *Histoire de la révolution française*, Bruxelles 1833. 6<sup>e</sup> édition.
- Pierre Barrière — *La vie intellectuelle en France du 16<sup>e</sup> siècle à l'époque contemporaine* Paris. 1974.
- A. Soboul — *Précis d'histoire de la révolution française* E. S. Paris 1962. — *La révolution française*. 1951.
- Soreau — «*La Religion et la révolution française*» dans *Histoire générale des religions*, tome IV, Paris VII<sup>e</sup>. 1947.
- *Histoire universelle des missions catholiques*. E. Grund Paris. 1957.

(X) Thầy Quốc học mai Thành?

(X) Thầy dạy của anh Sĩ Sãi  
là "Thầy Kô" của J.J. Rút-xô

## CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH và Cách mạng Pháp 1789

ĐỖ QUANG HÙNG

**P**HAN lớn các nhà sử học khi viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh đều khẳng định sự kiện ngày 5-6-1911, khi Người bước chân xuống tàu đi Pháp là sự định hướng đúng đắn của một thiên tài chính trị ở lứa tuổi 21, vượt qua những hạn chế bẩm sinh của các sĩ phu tư sản hóa đương thời ngay khi con đường cách mạng của họ chưa hẳn đã bế tắc.

Để làm rõ vai trò của cách mạng Pháp như một yếu tố tâm lý tạo nên bước ngoặt đó, tốt nhất khảo sát kỹ những hoàn cảnh lịch sử cụ thể lúc ấy.

Trước hết, cần lưu ý rằng, những tư tưởng của cuộc cách mạng Pháp đến Việt Nam theo đường vòng, qua lăng kính của các nhà cải lương Trung Hoa, vì thế không tránh khỏi sự sơ lược và biến dạng <sup>(1)</sup>. Những cuốn *Am băng thất*, *Trung quốc hồn* với tên tuổi Khang Lương trong làn sóng Tân thư quả có làm «20 triệu dân Nam phần khởi, thay lòng người như chớp, như thang thuốc hay cho kẻ mắc bệnh trầm kha» (báo *Thần Chung*, 25-1-1929, Sài Gòn), nhưng chưa giúp dân tình chí sĩ nước ta hiểu được bao nhiêu bản chất của cuộc cách mạng Pháp.

Các nhà sử học đã cố gắng rọi sáng những «điều kiện lịch sử cụ thể» của bước nhảy vọt đầu tiên ấy của anh Nguyễn Tất Thành. Tác giả Trần Dân Tiên từ lâu đã hé mở động cơ tâm lý và chí quyết tâm của Bác đi về phương Tây: «Tôi muốn đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem họ

làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta» <sup>(2)</sup>.

Từ 1906-1908, anh Thành vào học trường tiểu học Đông Ba và trường Quốc học Huế. Dù rằng, dưới mái tranh trường Quốc học có không ít thầy giáo giỏi (cả người Pháp lẫn người Việt), nhưng những dấu ấn của văn hóa Pháp và nhất là tinh thần của cách mạng Pháp đương như không nhiều trong tâm trí anh Nguyễn.

Trái lại, thời điểm ấy, «Người đã tiếp xúc với một số tờ báo tiến bộ của Pháp, qua những người lính có tư tưởng chống đối trong quân đội Pháp» <sup>(3)</sup>.

Do có điều kiện tìm hiểu lịch sử nước Pháp, tìm hiểu những tư tưởng của các nhà Khai sáng vĩ đại của nước Pháp, và hẳn do tính nhạy cảm bẩm sinh, anh đã dần dần có ý nghĩ chỉ có châu Âu, nơi diễn ra biết bao cuộc cách mạng trong đó có Cách mạng Pháp 1789 và Công xã Pa-ri 1871, nơi lần đầu tiên vang lên những chữ *Tự do, Bình đẳng, Bác ái*, nơi có khoa học kỹ thuật tân kỳ, mạnh mẽ so với các lục địa khác — chỉ có nơi đó mới có thể giúp anh những tri thức cần thiết cho việc tìm ra con đường giải phóng dân tộc.

Có tác giả nước ngoài còn viết cụ thể rằng, «ý tưởng đó lần đầu tiên nảy sinh ở Thành khi anh đọc tác phẩm của G. Rút-xô. Qua tác phẩm Thủ tội của Rút-xô Thành hiểu được rằng chàng thanh niên Rút-xô trước khi trở thành

nhà khai sáng vĩ đại đã có tới 10 năm lưu lạc trên các nẻo đường của các nước châu Âu. Vậy là ông đã học được nhiều ở ngành quan trọng và khó khăn nhất – khoa học về cuộc sống. Rồi chính cuộc sống cung như thế giới bất bình đẳng, thế giới đau khổ, đói nghèo xung quanh ông, đã giúp ông sau này trở thành người đề xướng những tư tưởng cao quý về tự do, bình đẳng, bác ái và trở thành sứ giả của cuộc Đại cách mạng Pháp (4).

Có thể nói, tinh thần yêu tự do, thái độ xem thường những khuôn phép giáo lý truyền thống và chủ nghĩa vô thần chiến đấu trong cuốn sách của một người Pháp vĩ đại mà anh vô tình phát hiện trong tủ sách của cha mình làm anh sửng sốt. Đến đây, ta có thể khẳng định, Cách mạng Pháp 1789 với bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền do Hội đồng lập hiến của Quốc hội Pháp thông qua ngày 26-8-1789 đã tạo nên động lực tâm lý đến mức nào với người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành.

Sau này, khi trả lời phỏng vấn của phóng viên tạp chí *Ngon lửa nhỏ* Liên Xô, nhà thơ và nhà phê bình có tên tuổi Ôxíp Mandenstam, vào tháng 12-1923, trên chuyến tàu rét mướt từ Pêtôgôrát về Mátxcova, chính Người đã giải thích rõ như sau: « Vào trạc 13 tuổi, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn náu đằng sau những từ ấy » (5). Quả thực, đó là sự bộc lộ suy nghĩ của một thanh thiếu niên có thiên tư đặc biệt, với phương pháp tư duy đúng đắn, mong đi tìm những truyền thống chân chính của Cách mạng Pháp.

Theo hướng suy nghĩ đó, anh Thành quyết tâm vào Sài Gòn, nơi mà mọi người cảm thấy châu Âu không xa lắm. Năm 1910, trên đường vào Nam, Anh có ghé lại Phan Thiết, giao thiệp với các sĩ

phụ còn lại của *Duy Tân hội*, dạy học ở trường Dục Thanh do các cụ mở với mục đích đào tạo mầm non cho đất nước. Anh từ chối lời mời đi Nhật, tâm niệm ý đồ đi Pháp.

Sài Gòn lúc ấy đã là thương cảng lớn nhất nước ta, công nghệ khá nhộn nhịp. Tờ báo chữ quốc ngữ đầu tiên do Trương Vĩnh Ký làm, tờ *Gia Định báo* có từ 1865. Năm 1881, Pháp cho đặt đường ray Sài Gòn – Mỹ Tho. Tư tưởng *Duy Tân*, *Minh Tân* vẫn phổ biến tuy Trần Chánh Chiếu và đồng chí của ông trong đoàn thể của Phan Bội Châu, nguyên chủ bút 2 tờ báo quan trọng của Sài Gòn là *Lục tỉnh tân văn*, *Nông cổ mín đàm* – đã bị bắt giam.

Tàu đi Pháp tuần nào cũng có, trên các hè phố, nhiều áp-phích vẽ hình những con tàu rẽ sóng đại dương tới các thành phố, bến cảng hấp dẫn: Xanhgapo, Côlômbô, Mácxây, Beócđô, Lơ Havơ, Gibuti... « Hẳn là tình hình kinh tế xã hội Sài Gòn có kích thích thêm Nguyễn Tất Thành vốn sẵn ý chí đi Âu Mỹ « xem họ làm ăn thế nào » để rồi « trở về giúp đồng bào chúng ta » » (6).

Trước khi xuất dương sang Pháp, Anh Thành có theo học một thời gian ngắn tại trường kỹ nghệ thực hành Sài Gòn, mà nhà sử học Pháp Charles Fourniau nhận xét rất tinh tế rằng đó là dấu hiệu chứng tỏ Người muốn tiếp xúc thực sự với kỹ thuật phương Tây như một người thợ: « Việc chuyển từ một thầy giáo thành một học sinh trường kỹ nghệ là một điều kỳ lạ ở một nước vốn khinh rẻ công nghệ và nghề thợ... Cho nên anh thanh niên cách mạng này đến với trường kỹ nghệ không phải để tập sự một nghề nghiệp mà để tiếp xúc với phương Tây, với kỹ thuật phương Tây, với những con người tiến hành kỹ thuật đó, nghĩa là với giai cấp công nhân (7).

Vào năm 1910 – 1911, số người Việt Nam đi sang phương Tây còn ít ỏi, chỉ

vào khoảng trên, dưới 100 người, phần đông người Nam Kỳ, nhất là lại sang Pháp hoặc các nước châu Âu khác với tư cách nhà cách mạng chuyên nghiệp.

Cuộc hành trình của anh Thành từ 1911 cho đến cuối 1917, khi anh quyết định ở lại làm ăn và hoạt động cách mạng ở Pháp thực kỳ thú và bổ ích. Trong tháng 6 và 7-1911 anh ghé lại các cảng Marseille, Le Havre, làm công ở đó. Cuối 1912, anh làm thuê cho chủ tàu thuộc hãng « Năm Sao » chạy vòng quanh châu Phi, dừng chân ở Algérie, Tunisie, Congo, Dahomoy, Sénégal, Réunion, Guinée. Năm 1913, anh đi Mỹ, dừng chân ở New-York một thời gian rồi trở về Pháp. Đầu 1914, anh sống và làm việc ở nước Anh cho đến cuối 1917.

Giai đoạn thứ nhất của cuộc hành trình nhận thức đã chấm dứt. Chả bao lâu, sống trên đất Pháp, anh được sự giúp đỡ của các nhà cách mạng trẻ tuổi và nổi tiếng của thủ đô Paris, đứng như nhận xét của Jean Lacouture trong lời mở đầu cuốn *HỒ CHÍ MINH*, Paris, 1967, « Ông Hồ đã được cuộc Cách mạng Pháp khích lệ, đã trở thành chiến sĩ của Đảng Xã hội từ thời Cách mạng Tháng Mười... ».

Ngay sau đó ít lâu, tại Đại hội lần thứ 18 Đảng Xã hội (SFIO), vào ngày 29-12-1920, anh cùng 160 đại biểu bỏ phiếu tán thành gia nhập ngay Quốc tế Cộng sản, cũng không nên hiểu giản đơn rằng. Anh đã cùng các đồng chí mình đoạn tuyệt hẳn quá khứ. Trong một công trình hợp tác với các nhà sử học Việt Nam gần đây, nhà sử học Pháp Alan Rútxiô đã viết: « Đảng cộng sản Pháp mới ra đời vừa là sự đoạn tuyệt, vừa là sự kế tục những truyền thống nhân văn chủ nghĩa Pháp cổ xưa (thời kỳ Ánh sáng, những tác giả lớn của thế kỷ 19...), vừa kế tục những quan điểm của phong trào công nhân Pháp trước năm 1920 (với những quan điểm tích cực và tiêu cực), và chủ nghĩa Mác đang trong quá trình, trở thành chủ nghĩa Mác-Lênin » (8).

Trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành quyết định sang Pháp, trước hết để tìm hiểu nước Pháp – nơi đã nở ra những sự kiện rung chuyển châu Âu năm 1789, nơi phát sinh bản *Tuyên ngôn* bất hủ về quyền con người và quyền công dân, nhưng cũng chính nước Pháp lại cũng sinh ra chế độ thực dân tàn bạo, phản nhân văn như Anh đã chứng kiến ở Việt Nam. Cần phải đi tới ngọn nguồn của cái *bi kịch và nghịch lý* đó của văn minh và dã man, mà chính nước Pháp vĩ đại đã sản sinh ra. Đó là một mặt quan trọng của *giai đoạn thứ hai*, thực ra không tách rời với *giai đoạn trước*, nhưng hoàn toàn có ý nghĩa của một chặng nhận thức khác nói chung về *Cách mạng*, hay nói riêng là về cách mạng Pháp.

Nhờ cuộc hành trình qua nhiều lục địa, Anh đã hiểu rõ thực trạng nhiều dân tộc thuộc địa, tệ phân biệt chủng tộc và tội ác thực dân trên mọi quốc gia có ách thực dân. Anh khâm phục ý chí giành độc lập tự do của nhân dân Mỹ, đồng thời cũng hiểu rõ mặt trái của tượng thần Tự do sừng sừng trước cổng Nữ-uớc, nơi ra đời bản *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng 1776. Với nước Pháp, thì sự nhận nhận còn sớm hơn. Theo Charles Fourniau, kinh nghiệm đầu tiên của Anh Thành lại chính ở cảng Marseille khi lâu anh vừa cập bến, khi thấy cảnh những cô gái diêm rẻ tiền ở bến cảng, nghĩa là ở người vô sản phương Tây cũng có những vấn đề giống với phương Đông bị áp bức.

Tất cả những điều ấy được thể hiện một cách khoa học, độc đáo trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, in ở Paris năm 1925, mà nhiều nhà nghiên cứu đánh giá là sự tiếp nối truyền thống văn học của phương Tây chống chế độ nô lệ cuối thế kỷ 19 đầu 20 với những tên tuổi như V. Hugo, J. Valles, J. Guesde, J. Jaurès...

Chính giai đoạn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục tìm hiểu và khai thác thêm

những di sản tư tưởng tích cực của Đại cách mạng Pháp.

Trước hết là việc người thanh niên của «châu Á trẻ tuổi» ấy luôn luôn tranh thủ tiếp xúc học hỏi văn hóa phương Tây mà thủ đô Paris ai cũng biết là trung tâm văn minh châu Âu lúc ấy. Anh Thành tham gia Hội nghệ thuật, tham dự các cuộc hội thảo về vấn đề triết học, văn học, chính trị, kinh tế ở các câu lạc bộ, đọc sách ở thư viện. J. Fori kể lại: «Anh Nguyễn hay đi thăm các nhà máy và bảo tàng, danh lam cổ tích và năng đến Câu lạc bộ Ngoại ô theo truyền thống cách mạng 1789»<sup>(9)</sup>. Trong các nhà văn phương Tây mà anh Thành đọc, như Trần Dân Tiên kể cho chúng ta, thì Anatole France, Lev Tolstoi «là những người đỡ đầu văn học cho ông Nguyễn»<sup>(10)</sup>.

Am hiểu và có cảm tình sâu sắc với văn hóa phương Tây, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người sớm tìm thấy cái truyền thống quý báu nhất của Cách mạng Pháp cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc mà mình đang theo đuổi là *truyền thống dân chủ về vang của nó*. Điều đó cũng cắt nghĩa sự say mê Dickens, A. France, E. Dola và cả cuốn Túp lều của bác Tôm của H. Stom, một cuốn sách phê phán chế độ nô lệ ở Mỹ, góp phần đáng kể trong cuộc giải phóng chế độ nô lệ ở Mỹ thế kỷ trước.

Những năm tháng đó ở Việt Nam thực u uất, đen tối. Đời sống tâm lý xã hội thực ngột ngạt, thất vọng sau những thất bại của những kỳ vọng. Từ Diễn Đồng hình dung tình thế cách mạng ấy như một đêm «đêm sao, đêm mai, tối mò mò». Trong cái đêm ấy chỉ có đôi ba «tiếng trẻ u ơ khóc», vài tiếng cụ già «thúng thảng ho» khiến nhà thơ nhận xét cay đắng «Ngọn đèn giữ trộm khêu còn bé». Tâm trạng ấy cho đến cả những năm chiến tranh thế giới thứ nhất và là «thẹn cùng sông, buồn cùng núi, tủi cùng trăng. Hai mươi năm lẻ đã từng bao đau xót». Vẫn tiếng gọi «hồn cố quốc». Vẫn tiếng kêu, tiếng hỏi lớn mà không hề có lời

đáp: «Nào người Dục Cát, Lư Thoa» hay «Từ khi đá lở sóng cồn. Nước non trở đó, nào hồn ở đâu?»...

Phải đợi đến *Bản án* cái không khi tuyệt vọng ấy mới chấm dứt, một luồng sinh khí mới đã thổi vào nước ta trên cơ sở sự kết hợp tài tình những nhận thức mác-xít, sự hài hòa giữa các giá trị truyền thống phương Đông và phương Tây, giữa «mưa Âu gió Mỹ» và «đồng giống Lạc Hồng». Sự kết hợp ấy lại không phải là một thứ chủ nghĩa cải lương của Tây Hồ Phan Chu Trinh người say mê văn minh Pháp, chế độ đại nghị tư sản dân chủ đáng thêm khát với một tri thức xứ thuộc địa hà khắc, mà bỏ qua biết bao truyền thống, những di sản tư tưởng đích thực của Cách mạng Pháp. Chính vì thế trong cuốn sách khá quen thuộc ra mắt đã 25 năm nay, đồng chí Phạm Văn Đồng viết: «Hồ Chủ tịch thu góp tất cả tinh hoa của dân tộc Việt Nam... Người cũng thu góp những tinh hoa của thế giới văn minh, của nhân loại tiến bộ», và «Bác hiểu biết nước Mỹ... là người bạn cố tri của nhân dân Pháp»<sup>(11)</sup>.

Ở đây, cũng cần nhắc lại sự kiện ngày 18-6-1919 khi cái tên nổi tiếng *Nguyễn Ái Quốc* xuất hiện, khi đồng chí thay mặt *Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp* gửi đến Hội nghị Versailles bản *Yêu sách của nhân dân Việt Nam* (Re-vendications du peuple annamite) đòi Chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do dân chủ và bình đẳng cho nhân dân Việt Nam.

Điều đáng lưu ý là *Bản yêu sách 8 điểm* ấy được các bạn Pháp coi là tiếng nổ của «quả bom chính trị» lại sử dụng ngay những vũ khí tinh thần của cách mạng Pháp. Sau khi nêu 8 điểm yêu sách, Nguyễn Ái Quốc kết luận: nhân dân An-nam biết rằng *nhân dân Pháp đại biểu cho tự do và công lý*, và không bao giờ từ bỏ lý tưởng cao cả của mình là *tình bác ái toàn thế giới*. Vì thế, nghe theo tiếng nói của những người bị áp bức, là nhân dân Pháp sẽ làm tròn nhiệm

vụ của mình đối với nước Pháp và đối với nhân loại».

Sau này, trên tờ *Le Paria*, Nguyễn Ái Quốc còn có nhiều dịp đề cập đến những vấn đề ấy, với mạch suy nghĩ ấy.

Như vậy là, với tầm nhìn của một nhà cách mạng kiêu mới, chính Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay khi hoạt động ở Pháp bên cạnh nhiều bậc đàn anh, những lãnh tụ tinh thần, đã có nhận thức nhất định về tinh thần của Đại cách mạng Pháp 1789. Chính Phan Chu Trinh cũng tự thừa nhận thật sòng phẳng rằng, những hạn chế chính trị và nhận thức của mình khi tự so sánh với Nguyễn Ái Quốc. Phan Chu Trinh viết: «Tôi đọc chữ Pháp bập bẹ nên không am tường hết sách vở ở cái đất văn minh này. Cái đó tôi thua anh xa lắm... Tôi ví tôi ngày nay như con ngựa đã hết nước tể... thân tôi như cá chấu chìm lòng. Vả lại cây già thì gió dễ lay, người già thì trí lẫn, cảnh tôi như hoa sắp tàn... Từ xưa đến nay tôi cứ cho phương pháp của tôi có nhiều cái hay hơn nhiều cái dở, vì rằng người nước mình trên có chính phủ bảo hộ trông, dưới là một bầy tham quan lại nhúng, học thức trong đám dân chúng kém cỏi, thì còn gì tốt bằng cái tôi dựa vào lý thuyết nhân quyền để mà cổ động chí sĩ dân tình...»<sup>(12)</sup>.

Như vậy là, sau 7 năm sống và hoạt động ở thủ đô của Cách mạng Pháp 1789 (1917 – 1923), nơi trung tâm những dòng xoáy chính trị thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã dần trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp, khi anh lần đầu tiên đặt chân lên đất nước Xô-viết 30-6-1923, mở ra chặng đường mới của cuộc đời hoạt động chính trị sôi nổi và phong phú. Nhớ lại những hoạt động của Anh ở Pháp trong hàng ngũ Đảng xã hội Pháp, và sau đó từ 12-1920, trong Đảng cộng sản Pháp, người đã góp phần khai thác truyền thống tốt đẹp và nhân văn của những tư tưởng dân chủ Pháp, đồng chí J. Duclos đã nói: «Đối với tôi, đây là điều mới lạ. Vì lúc ấy ở Pháp, người ta giới thiệu chính sách thuộc địa như công

cuộc xuất cảng văn minh sang các nước lạc hậu»<sup>(13)</sup>.

Từ 1924 đến 1929, trong lịch sử cách mạng Việt Nam được coi là giai đoạn hình thành các tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam, giai đoạn đấu tranh sôi nổi giành quyền lãnh đạo cách mạng giữa hai khuynh hướng dân tộc xã hội chủ nghĩa và khuynh hướng dân tộc tư sản với sự kết thúc thắng lợi trọn vẹn của giai cấp công nhân Việt Nam.

Ngày 21-1-1926, Tổng bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội quyết định ra tờ báo *Thanh niên*, làm cơ quan ngôn luận của mình, đó cũng là tờ báo đầu tiên của nền báo chí cách mạng Việt Nam do chính đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập, điều khiển và là cây bút chủ yếu, có khi không ký tên.

Đọc tờ báo đặc biệt này, thấy có tới hàng chục bài về lịch sử cách mạng các nước Âu, Á, Mỹ. Phi từ cận đến hiện đại, nhằm mở mang kiến thức cho bạn đọc, rút ra những kinh nghiệm cơ bản về những cuộc cách mạng ấy. Những bài viết ngắn gọn, súc tích, với một bút pháp giản dị mà hiệu quả dành cho những bạn đọc trong nước còn đang xa lạ với những khái niệm, kiến thức về cách mạng và dân tộc, chính trị và xã hội, quốc tế và trong nước...

Trong loạt bài giới thiệu *Lịch sử châu Âu trong thế kỷ 19*, báo đã dành liên tiếp 2 số 65 (ngày 17-10-1926) và 66 (24-10-1926) với số chữ đáng kể của một tờ tuần báo chỉ có 4 trang, khổ nhỏ, để trình bày lịch sử Cách mạng Pháp 1789. Ngòi bút của Nguyễn Ái Quốc thực gọi cảm, sinh động. Ngay mở đầu: «Đoạn sau thế kỷ 18, vua Pháp là Louis 14 là một người rất lếu láo (nguyên văn). Kòn 150.000 quan to và quí tộc thì chỉ biết nịnh vua và ép bức dân. Nịnh vua đến nỗi những người rất quyền quí thì lấy được vào koi áo mặc quần cho vua làm vinh hạnh lắm, ép bức dân đến nỗi bắt dân đi khua ngoài đồng cho cóc nhái đừng kêu, làm cho các ngài ngủ không ngon.

Zói vua và qui tộc lại còn hơn tham quan những lại, kiếm hết cách để dân lấy tiền cực khổ nhiều bề: thuế chợ, thuế bò, thuế ngựa, chẳng khác gì dân Annam bây giờ, chỉ hơn ta một chút rằng dân không phải hút rượu cồn và á phiện...»

Sau đó tác giả bài báo trình bày tình thế của Cách mạng Pháp, cũng thật giản dị: «Lúc bấy giờ, phong trào cách mệnh bên Mỹ (1776), phần thì vì những kẻ nhơ gia như ông Ru-xô, ông Von-te, ông Mông-tes-qui làm ra sách vở cổ xúy cho sự tự do, bình đẳng. Còn học trò thì dần dần tỉnh dậy ai cũng chăm xem sách chính trị, ham bàn việc kinh rồi lại đi bí mật truyền cho dân. Đến năm 1787, gió cách mạng đã hù hi thổi...»

Tác giả không quên so sánh tình thế cách mạng đó với thực tiễn ở Việt Nam, một cách tự nhiên mà đầy ẩn ý: «Chính trị vua Pháp khi ấy cũng giống như bên nước ta ngày nay. Nó thấy lòng dân náo nức thì nó đặt ra hội đại biểu này hội đại biểu kia, nhưng nó cố ý cho đại biểu nó đông hơn ta và bao nhiêu quyền thì nó chiếm hết. Song đại biểu dân Pháp khi đó nhiều người tốt, còn đại biểu dân ta giờ thì là những đồ nịnh tây...».

Sau đó, ngòi bút Nguyễn Ái Quốc dừng lại ở sự kiện ngày 14-7-1789 với nhận xét nhẹ nhàng mà sâu sắc về cuộc Cách mạng Pháp: «Đến ngày 14 tháng 7 quần chúng đem nhau tới phá kho súng. Lấy được ít súng lại kéo nhau đi phá khám Basti khách mệnh Pháp kỷ nguyên từ ngày ấy, cho nên dân Pháp lấy ngày ấy làm ngày tết...».

Từ đó về sau, dân thế ngày càng thịnh, quí tộc và giám mục (tụi giám mục chiếm đất đai của dân 1/3) đều trốn ra ngoại quốc. Vua tuy chưa bị giết, nhưng quyền đã vào tay cách mệnh cả. Bao nhiêu luật lệ hủ xấu, sưu nặng thuế nhiều đều bỏ cả...».

Phần Kách mệnh Pháp, cùng với phần Lịch sử cách mệnh Mỹ, Lịch sử cách mệnh Nga, được trình bày trong sách

này, xem như 3 cuộc cách mạng tiêu biểu nhất của loài người từ trước tới đó. Trong các tiêu mục *Vì sao Pháp có phong trào cách mệnh?* và *Cách mệnh Pháp khởi từ bao giờ?*, khác với sự trình bày trên báo *Thanh niên* năm trước, tác giả nói kĩ càng hơn những nguyên nhân của Cách mạng Pháp 1789 cũng như lực lượng cách mạng. Thí dụ, sự tranh chấp và thuộc địa Canada và Ấn Độ giữa Pháp với Anh, ảnh hưởng của cách mạng Anh 1653 với nước Pháp, ngoài phong trào cách mạng Mỹ 1776, cũng như kỹ càng hơn sự kiện 5-10-1789 khi quần chúng thủ đô Paris kéo nhau về Véc-xây bắt nhà vua phải kí vào *Tuyên ngôn xóa bỏ chế độ phong kiến nông nô, lập hiến pháp xóa bỏ chế độ chuyên chế*»<sup>(14)</sup>.

Tác giả đã có cái nhìn bao quát, khi gắn sự kiện 1789 với các sự kiện lớn tiếp theo của nước Pháp như «Năm 1848 lại cách mạng lần thứ 2» và đặc biệt Công xã Paris 1871. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn dành đáng kể cho việc rút ra những bài học cụ thể của Cách mạng Pháp đối với Việt Nam. Sau khi nêu rõ ảnh hưởng to lớn của sự kiện 1789 với đời sống chính trị châu Âu «Dân các nước thì đều mừng thầm và tán thành. Nhưng vua và quí tộc các nước thì sợ dân mình bắt chước dân Pháp...», đồng chí đã ea ngòi cái «gan cách mệnh của dân Pháp, nhờ đó mà trong dẹp nội loạn, ngoài phá cường quyền...»: Thế mới biết, một người cách mệnh có gan, hơn một ngàn người vô chí»<sup>(15)</sup>. Nhưng điều quan trọng hơn nữa là *Cách mệnh Pháp đối với cách mệnh Việt Nam thế nào?* và *Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì?* Người viết: «Tư bản nó dùng chữ Tự do, Bình đẳng, Đồng bào để lừa dân xúi dân đánh đổ phong kiến, rồi nó lại thay phong kiến mà áp bức dân. Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là tư bản cách mệnh cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kì thực bên trong thì nó tước lục công

nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hằng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi áp bức. Cách mệnh Việt Nam nên nhớ những điều ấy»<sup>(16)</sup>.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công. Ngày 2-9 năm ấy, trong cuộc mít tinh tại Quảng trường Ba Đình Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Những lời bất hủ trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ và của bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp 1789 đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng một cách trang trọng cho lời mở đầu của *Tuyên ngôn độc lập* 1945 của nước Việt Nam mới: «Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc».

Lời bất hủ ấy trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng: dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

«Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi».

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được»<sup>(17)</sup>.

Như vậy là, những truyền thống về vang của Cách mạng Pháp 1789, trong cuộc đời chính trị sôi động của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như nhân dân Việt Nam luôn luôn yêu tự do độc lập, bình đẳng và công bằng xã hội, trở thành một trong những vũ khí tư tưởng lợi hại cho cuộc chiến đấu lâu dài, gian khổ cho chính những mục tiêu có tính cách toàn nhân loại của Cách mạng Pháp.

Tháng 2-1989

## CHÚ THÍCH

1. Một sự đối chiếu cần thiết: Ở Nhật Bản, năm 1875 tức năm Minh Trị thứ 8, đã xuất bản bằng tiếng Nhật cuốn *Tinh thần pháp luật* của Montesquieu và cuốn *Lịch sử cuộc cách mạng Pháp* của A. Mignet do Kido Taka Yoshi và Kava Suke — Yuki dịch. Xem Ishida Kadu — Yoshi *Nhật, bản tư tưởng sử*, T. 2, Sài Gòn, 1973, tr. 165.

2. Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Hà Nội, 1970, tr. 11.

3. Bảo tàng Hồ Chí Minh. *Hồ Chí Minh, — những sự kiện*, HN, 1987, tr. 12

4. E. Côtélep, *Đồng chí Hồ Chí Minh* NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1985, tr. 37.

5. Ôxíp Mendênstam (1891 — 1938). *Đến thăm một chiến sĩ Quốc tế cộng sản*, số 39, ngày 23-12-1923, theo *Tác phẩm mới*.

6. *Địa chỉ văn hóa thành phố Hồ Chí Minh* t.p. HCM., 1980, tr. 21.

7. Charles Fourniau *HỒ CHÍ MINH Notre camarade*, Paris, 1970, tr. 21.

Xem *Tinh đoàn kết vô sản Việt Nam*, Hà Nội, 1986, tr. 71.

9. Xem *Bác Hồ*, hồi ký, Văn học, 1960, tr. 49.

10. Trần Dân Tiên, sđd, tr. 35.

11. Phạm Văn Đồng. *Tổ quốc ta nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*, Văn học, 1969, tr. 166.

12. Thu Trang. *Phan Chu Trinh ở Pháp*, Paris, 1979, tr. 124.

13. Xem *Bác Hồ ở Pháp*, Hồi ký, Văn học Hà Nội, 1975, tr. 77.

14. Xem *Hồ Chí Minh tuyển tập*, T.I. Sự thật, Hà Nội, 1980.

15. 16. 17. *Hồ Chí Minh tuyển tập*, sđd, t. 1, 244 247, 315.

# NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN VIỆT NAM

## kỷ niệm 150 năm Cách mạng Pháp (1789—1939)

NGUYỄN THÀNH

VÀO năm 1939, những người cộng sản Việt Nam đã chủ trương tổ chức kỷ niệm lần thứ 150 cuộc Cách mạng Pháp theo tinh thần chiến đấu cách mạng trên hai mặt: tuyên truyền cổ động và tổ chức đấu tranh.

a) Tất cả các báo chí của Đảng và có sự lãnh đạo của Đảng đều được huy động viết những bài nghiên cứu, giới thiệu tư liệu, khai thác những nội dung cách mạng có ý nghĩa quốc tế, nhân đạo của Cách mạng Pháp và vận dụng tinh thần ấy vào trong tình hình đấu tranh chính trị đương thời ở Việt Nam. Đồng thời Đảng Cộng sản tổ chức liên minh với phái tả trong chi bộ Đảng Xã hội Pháp ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, với chi hội Hội Nhân quyền Pháp ở Đông Dương với nhóm « Ngày nay », mở một đợt tuyên truyền trên các báo của họ theo cùng một hướng, phối hợp với sự chỉ đạo của Đảng Cộng sản.

Những bài nghiên cứu, diễn văn của những người cộng sản và trí thức liên bộ Pháp đăng trên các báo chí xuất bản ở Pháp gửi sang Việt Nam là những nguồn tư liệu rất quan trọng, bổ sung và làm phong phú thêm cho trận địa lý luận, chính trị và văn hóa ở Việt Nam trong dịp kỷ niệm này.

Từ giữa tháng 5-1939, báo chí của Đảng Cộng sản bắt đầu lên tiếng về kỷ niệm Cách mạng Pháp. Đợt tuyên truyền kéo dài trong hai tháng.

Cuộc đấu tranh đòi thực hiện các quyền tự do, dân chủ sơ đẳng nhất và

cải thiện đời sống tối thiểu cho nhân dân lúc này đang bị thế lực phản động thuộc địa phản công, giành giật lại sau khi chúng buộc phải lùi bước trong những năm trước, đồng thời việc phòng thủ Đông Dương, chống nguy cơ bọn phát xít Nhật nhảy vào chiếm Đông Dương, đã trở thành một vấn đề thời sự nóng hổi. Bọn phản động thuộc địa Pháp cũng lo phòng thủ Đông Dương, sợ phát xít Nhật tiến vào chiếm mất độc quyền của chúng, nhưng lại đề ra chính sách phòng thủ đối lập lại với yêu cầu và nguyện vọng tự do, dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân Đông Dương. Rõ ràng là đấu tranh cho tự do, dân chủ, cải thiện đời sống, và hòa bình, chống phản động thuộc địa và chủ nghĩa phát xít lúc này đang gắn chặt với nhau. Tất cả những vấn đề bức thiết trong đấu tranh chính trị — xã hội ở Đông Dương đương thời hầu như đều có thể tìm thấy trong suy nghĩ và cách giải quyết của các nhà cách mạng Pháp, nói như G. Giôrex từ cuối thế kỷ thứ XIX: « Trong cách mạng Pháp, người ta tìm thấy lời giải cho tất cả các vấn đề chính trị đặt ra hiện nay » (1).

Nhân dân Đông Dương đấu tranh vì cơm áo lúc ấy cũng tìm thấy trong lời nói nổi tiếng của Mirabô ngày 26-9-1789: tìm cơm áo cho những người lao động ở trong các nhà giàu; tăng thêm các

(1) Trích lại báo cáo của G. Bruyha ở Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Pháp, đăng trên báo *Notre Voix*, số 13, ngày 14-5-1939.

khoản và mức đóng góp từ nhà giàu dễ nhẹ gánh cho quần chúng nghèo khó. Nhà cách mạng tư sản có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa Hôbe viết trên báo *Le Père Duchesne*, tháng 12-1792 đã nói về những nhà tư sản như là những con đũa hút máu của nhân dân. Cách mạng Pháp đã giải quyết khó khăn lúc ấy về tài chính để phục hưng đất nước bằng phương châm: vay của nhà giàu, cấm xuất khẩu tư bản và kiểm soát ngân hàng. Xanh Guytx hết sức quan tâm giải quyết điều kiện sống của con người bằng những nguyện vọng tốt đẹp, mặc dầu còn mang theo ảo tưởng: Cách mạng không cho phép còn có một người nghèo đói, một người chịu đau khổ trong đất nước. Muốn được như thế, chỉ có thể với điều kiện là có một cuộc cách mạng và một nước Cộng hòa chân chính.

Trung tuần tháng 5-1939, Hội đồng Kinh tế - Tài chính Đông Dương họp phiên bất thường, đã nhân danh yêu cầu phòng thủ Đông Dương, quyết định đặt ra một khoản phụ thu là 10 triệu đồng. Chính sách của chính quyền thuộc địa ở Đông Dương là thống nhất phòng thủ với bản cùng hóa nhân dân, nhất là nhân dân lao động, trái ngược hẳn với chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương là phải mở rộng dân chủ, cải thiện đời sống để tăng cường khả năng phòng thủ. Chính cuộc Cách mạng Pháp đã giải quyết thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền dân tộc với mở rộng các quyền tự do cho nhân dân không tách rời nhau, chống lại bọn chuyên chế phong kiến liên minh với nhau lẫn công nước Cộng hòa Pháp mới ra đời, với những chiến công vang dội ở Vanmy, Gian máppơ, Phlorúytr... Chính sách của những người Giacôbanh cứu nước Pháp khỏi tay bọn bạo chúa trong các năm 1792, 1793 là những bài học quý báu của lịch sử, nhưng luôn luôn giữ được ý nghĩa thời sự nóng hổi để giải quyết trong những tình huống phức tạp mối quan hệ giữa bảo vệ đất nước và tự do dân chủ, cơm áo cho nhân dân.

Sau cách mạng, vật giá đắt đỏ, đời sống của nhân dân gặp khó khăn. Những người Giacôbanh nhấn mạnh phương thức khắc phục khó khăn là phải có nhân dân tham gia giải quyết đề cửng cổ cơ sở của nền Cộng hòa mới ra đời và Nhà nước ban hành những sắc lệnh, nghị định hết sức nghiêm ngặt, chống nạn đầu cơ, nâng giá tùy tiện.

Trong dịp kỷ niệm này, Trung ương Đảng có Chỉ thị nội bộ trong toàn Đảng. Căn cứ vào Chỉ thị của Trung ương, các Xứ ủy, Tỉnh ủy có chủ trương cụ thể về cách tiến hành trong Đảng bộ và địa phương mình. Xứ ủy Bắc Kỳ biên soạn một cuốn sách nhỏ lưu hành nội bộ, dày 25 trang, in thô sơ, nhan đề: *Kỷ niệm 150 năm cuộc Đại Cách mạng nước Pháp*, đề ngày 25-6-1939, giải thích nội dung lịch sử, phân tích ý nghĩa lần kỷ niệm này và hướng dẫn đảng viên tổ chức quần chúng hành động theo những khẩu hiệu của Đảng: « phải kiên nhẫn » giảng giải những cuộc tàn sát của phát xít Nhật, về tình cảnh thê thảm của dân Cao Ly, Đài Loan thuộc Nhật, cho quần chúng có ý thức chống phát xít. Đồng thời vận động quần chúng chống phản động thuộc địa, đòi tự do cải cách, chứ không phải chống phát xít Nhật nghĩa là ủng hộ đế quốc Pháp lấy chế độ hiện giờ làm mãi nguyên.

Ta phải giải thích rõ khẩu hiệu của Đảng tán thành phòng thủ chống phát xít không phải là tăng thuế lên lưng dân nghèo, trái lại phải bắt bọn giàu sẽ trả chi phí quốc phòng. Nếu có nhà chức trách đi hiểu dụ, ta phải biến những đám quần chúng đi nghe thành một cuộc biểu tình hô các khẩu hiệu dân chủ (tr. 25).

Về tuyên truyền công khai, Đảng cho biên soạn và công bố cuốn sách *Lịch sử cuộc Đại Cách mạng Pháp*; trên báo *Notre Voix* đăng một bài dài nhan đề: *Cuộc Cách mạng Pháp, một cuộc xung đột rộng lớn giữa các giai cấp*, tác giả Hồng Trạch, đăng liên tục trên 4 số 25, 26, 27, 28, ra các ngày 7, 14, 21, 28-7-1939. Đây là những tư liệu về Cách mạng

Pháp viết theo quan điểm mác xít, tương đối cụ thể, lần đầu tiên ra mắt bạn đọc đông đảo ở nước ta, khác hẳn với những cuốn sách, bài báo viết về Cách mạng Pháp, nội dung nghèo nàn, trình bày sai lạc lịch sử theo quan điểm của các sử gia tư sản phản động đã lưu hành ở nước ta.

b) Trong hai ngày 13, 14-7, các Đảng bộ cơ sở tổ chức mít tinh quần chúng ở nhiều nơi trong cả nước, nhất là ở các thành phố: 1600 công nhân và quần chúng lao động biểu tình trên đường phố Hải Phòng và ngoại ô; 700 nông dân Thái Bình họp mít tinh, hô to các khẩu hiệu dân chủ; 4.000 công nhân, viên chức và lao động Hà Nội tham gia các cuộc mít tinh, biểu tình kỷ niệm. Ở các vùng nông thôn Thiệu Hóa, Yên Định, Thọ Xuân thuộc tỉnh Thanh Hóa; ở Cam Lộ thuộc tỉnh Quảng Trị; ở Điện Bàn, Duy Xuyên thuộc tỉnh Quảng Nam, và ở nhiều huyện, tổng, xã ở các tỉnh miền Nam tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình, mang theo biểu ngữ có các khẩu hiệu dân chủ, lời cuốn hàng nghìn người tham gia.

Ngày 15-7, những người cộng sản hoạt động công khai liên minh với phái tả trong chỉ bộ Đảng Xã hội và chỉ hội. Hội Nhân quyền Pháp ở Hà Nội tổ chức một cuộc mít tinh ở Nhà hát lớn có 3.000 người dự. Đoàn viên Thanh niên Dân chủ và đoàn viên Thanh niên Xã hội trong bộ đồng phục cùng nhau hát những bài hát cách mạng Pháp, làm cho không khí buổi lễ nhộn nhịp, nghiêm trang mà tươi vui. Cùng với các diễn giả Pháp đại biểu chỉ bộ Đảng Xã hội Duytoroi, đại biểu chỉ hội Hội nhân quyền Lacôxtô; Việt Nam có bác sĩ Phạm Hữu Chương, đảng viên Xã hội, đại biểu lao động (Cộng sản công khai) Văn Tiến Dũng. Cuối cùng là đại biểu Đoàn Thanh niên Dân chủ Đào Duy Kỳ (đảng viên cộng sản) đọc lời kêu gọi thanh niên đoàn kết đấu tranh thực hiện các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, chống

chủ nghĩa phát xít, tham gia và tích cực ủng hộ Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Trong cuộc mít tinh, lấy danh nghĩa công khai, trực tiếp là người cộng sản phát biểu trên diễn đàn thì nhà cầm quyền không thể chấp nhận, do đó ngày 14-7, báo *Notre Voix* ra số đặc biệt kỷ niệm Cách mạng Pháp (số 26), đăng bài diễn văn «Tiếng nói của những người cộng sản», kêu gọi những người lao động, những người trí thức và những người Cộng hòa Pháp ở Đông Dương và ở Hà Nội. Diễn văn viết: Trong dịp kỷ niệm này, những người cộng sản Đông Dương hòa cùng nhịp đập của trái tim và tâm hồn với các bạn phái tả, kêu gọi nhân dân Đông Dương. Những người dân Đông Dương thấy ý nghĩa sâu sắc riêng trong ngày kỷ niệm. Đất nước của chúng ta không phải ở thế kỷ thứ XX mà dường như là nước Pháp trước cuộc Cách mạng 1789, đất nước của chuyên chế và áp bức, của những người mù chữ. Do đó cuộc Cách mạng Pháp không phải chỉ cần thiết cho nước Pháp mà nó có ý nghĩa phổ biến cho nhiều nước, trong đó có Đông Dương. Những nhà cách mạng 1789 không phải chỉ công bố Tuyên ngôn quyền con người của nước Pháp mà còn tuyên bố quyền con người cho tất cả mọi người.

Sức mạnh của sự kiện to lớn này vẫn soi sáng cho chúng ta, thức tỉnh mạnh mẽ những yếu tố của ý thức đấu tranh, kể cả giai đoạn hiện nay. Những người cộng sản Đông Dương nhận thức rằng cuộc Cách mạng Pháp không phải là cứu cánh mà là một giai đoạn cần thiết một tiến bộ to lớn trên con đường giải phóng hoàn toàn nhân loại, một mắt xích trong cả chuỗi xích của các cuộc cách mạng từ 1789 đến Cách mạng tháng Mười 1917.

Trong tình hình quốc tế lúc này, bọn bạo chúa dùng hành động để xô đẩy nhân loại trở lại thời kỳ dã man, do đó đòi hỏi mọi người phải tỉnh táo và đấu tranh, phải dùng những phương pháp

đấu tranh của giai cấp vô sản để giành thắng lợi trong việc đòi các quyền tự do, dân chủ, lập nghiệp đoàn, chống nguy cơ phát xít, bảo vệ tư tưởng của phái Giacóbanh ở Đông Dương, buộc nhà giàu phải chi phí cho phòng thủ Đông Dương, thắt chặt tinh đoàn kết quốc tế với các dân tộc theo tinh thần đã tuyên bố của năm Cộng hòa thứ nhất.

Tờ báo in đậm khẩu hiệu: « Đoàn kết trong Mặt trận dân chủ Pháp – Đông Dương để tổng đại xá, thực hiện các quyền tự do, dân chủ và nghiệp đoàn, chống chủ nghĩa phát xít và chế độ phản động thuộc địa ».

c) Một số tờ báo xuất bản ở Pháp đưa tin: ngày 25-7-1939, Tổng thống Pháp Lơbrông ký Sắc lệnh sáp nhập Bắc Kỳ với Trung Kỳ, đặt dưới quyền Nam triều. Tờ *La volonté indochinoise* đưa tin nhà cầm quyền Đông Dương về bên Pháp đề bàn việc thực hiện cụ thể Sắc lệnh này. Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương phát động một cuộc đấu tranh rộng lớn trong cả nước, trên báo chí và tổ chức quần chúng chống đưa Bắc Kỳ trở lại Hiệp ước 1884. Trọng điểm đấu tranh là Bắc Kỳ mà trung tâm là Hà Nội. Với nguyện vọng của quần chúng và phương thức đấu tranh có sách lược đúng đắn, ngày 5-8-1939, 93 trên 121 thành viên của Viện Đại biểu nhân dân Bắc Kỳ ký tên vào đơn trong một cuộc họp ở trụ sở Hội Khai trí Tiến đức, gửi Bộ trưởng Bộ thuộc địa Măngđen yêu cầu hủy Sắc lệnh do Tổng thống ký. Một thắng lợi đáng chú ý là có chừng 70 người đã từng không đi với ta trong nhiều yêu sách, không đồng tình với ta trên nhiều chủ trương, lần này lại cùng nhau biểu thị thái độ chống trở lại Hiệp ước 1884.

Một cuộc mít tinh quần chúng và biểu tình có gần 1.000 người tham gia ở vườn hoa Canh nông, bên cạnh tượng đài Lênin trên đường Điện Biên Phủ ngày nay. Mọi người cùng nhau hô to khẩu hiệu: « Chống trở lại Hiệp ước 1884 ».

« Trung, Nam, Bắc xum họp một nhà ». Nhiều truyền đơn, áp phích, biểu ngữ dán trên tường ở các cửa hiệu, cửa Tòa án và Tòa Đốc lý chống việc tăng quyền hạn cho vua, quan bằng cách trở lại Hiệp ước 1884.

Với sức mạnh của quần chúng được giác ngộ, có tổ chức, tranh thủ được một bộ phận lớp trên vốn là công cụ của địch, sát cánh đấu tranh dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản; chúng ta đã chủ động tiến công và buộc địch phải chấp nhận thất bại ngay vào lúc các lực lượng phản động đang hung hăng phản công cách mạng. Chúng không dám đàn áp, chỉ đứng bên rìa theo dõi một cách bất lực.

Bộ Thuộc địa Pháp phải lau mặt cho bọn tay sai của chúng bằng một lời ngượng ngùng: « Tin sáp nhập Bắc Kỳ vào Huế chỉ là một tin đồn nhằm mà thôi! ».

Trong cuộc đấu tranh này, ta kết hợp khéo léo hai khẩu hiệu, gắn hai vấn đề: Vừa chống trở lại Hiệp ước 1884, vừa biểu thị tinh thần thống nhất dân tộc, y chí đoàn kết Trung, Nam, Bắc một nhà. Điều này chứng tỏ rằng trong thời kỳ vận động dân chủ, chúng ta vẫn đề cập đến nội dung dân tộc trong điều kiện nhất định.

Những hoạt động kỷ niệm Cách mạng Pháp tuy kết thúc, nhưng cuộc đấu tranh bảo vệ chính sách của Đảng Cộng sản Đông Dương và tinh thần Cách mạng Pháp soi sáng cho bước đi của xã hội ta trong tình thế mới, chống xu hướng cơ hội hữu khuynh, vẫn tiếp tục trên mặt báo. Những hoạt động ấy đã nâng cao uy tín chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương trong các tầng lớp nhân dân trong nước, mở rộng việc tranh thủ những người dân chủ Pháp ở Đông Dương tham gia Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương, có ảnh hưởng lớn trong giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản và những người dân chủ ở Pháp đang đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

# ẢNH HƯỞNG CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP ĐỐI VỚI MỘT SỐ NHÀ NHO VIỆT NAM YÊU NƯỚC VÀ TIẾN BỘ ĐẦU THẾ KỶ XX

## CHƯƠNG THẦU

**C**UỘC cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII đã đem lại những thành quả to lớn cho tư tưởng, lý luận cách mạng, làm phong phú thêm kho tàng văn hóa thế giới và có một ảnh hưởng lớn về tư tưởng, đặc biệt là về tư tưởng dân chủ đối với những bộ óc tiên tiến của loài người. Ở Việt Nam chúng ta, từ giữa thế kỷ XIX cũng đã

có nhiều bậc thức giả như Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Lộ Trạch biết đến nền dân chủ tư sản Pháp. Nhưng phải đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó mới có điều kiện đến với các nhà nho yêu nước nhiều hơn, thông qua sách báo « tân thư » Trung Quốc, qua ảnh hưởng của cuộc duy tân của Minh Trị ở Nhật Bản.



**S**au khi « bình định » đất nước ta về quân sự, thực dân Pháp liền đẩy mạnh chính sách khai thác thuộc địa. Chế độ thực dân — nửa phong kiến được thiết lập thay thế cho chế độ phong kiến đã đầu hàng, phân biệt dân tộc Việt Nam. Từ đây một trạng thái ý thức xã hội cũng bắt đầu chuyển biến theo thời đại, cũng là điều phù hợp với trào lưu chung của thế giới, tức là xu thế tư sản hóa. Sự hiện diện của hệ tư tưởng tư sản có nguồn gốc từ phương Tây, là nhân tố mới, có vai trò khá quan trọng trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam.

Đường lối chống giặc cứu nước của nhân dân ta từ nay cũng phải khác trước. Ngọn cờ chống thực dân Pháp xâm lược của phong trào Văn thân — Cần vương trước đây đã thất bại, chấm

dứt luôn cả vai trò lãnh đạo kháng chiến của giai cấp phong kiến. Bài học thực tế rút ra là với một kẻ thù có trình độ văn minh, có khoa học kỹ thuật tiên tiến, nếu chỉ dùng vũ khí thô sơ và nhiệt tình không thôi để đối phó thì không thể được. Vì vậy muốn đánh thắng thực dân tư bản chủ nghĩa, cũng cố xây dựng đất nước, thì phải làm cho dân giàu nước mạnh, phải thực hành cải cách, đổi mới xã hội theo hướng tư bản chủ nghĩa. Thời đại mới quy định những nhiệm vụ mới và phải có một giai cấp tiên tiến đảm nhận. Giai cấp tiên tiến cách mạng mà lịch sử đòi hỏi phải là giai cấp tư sản. Nhưng giai cấp tư sản Việt Nam đầu thế kỷ XX đang trong quá trình hình thành, lại rất yếu ớt, phụ thuộc vào tư bản nước ngoài và mang tính chất thỏa hiệp với đế quốc đế mưu

sự sống còn. Cách mạng Việt Nam ở vào tình trạng «khủng hoảng giai cấp lãnh đạo». Trong khi đó cả dân tộc ta đang phải đắm chìm vì cảnh mất nước, mất quyền, chịu trăm đường áp bức, khổ cực, tối tăm.

Trước tình hình «nước sôi lửa bỏng» ấy, một tầng lớp sĩ phu yêu nước – bộ phận tiên bộ nhất được phân hóa từ giai cấp phong kiến dân tộc – có hấp thụ ít nhiều «tân học» đứng ra lãnh đạo công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách thống trị của thực dân Pháp xâm lược và bè lũ tay sai của chúng. Khác với tuyệt đại bộ phận người của giai cấp phong kiến đã đầu hàng giặc, những sĩ phu này ý thức được trách nhiệm trước lịch sử, họ lấy lại lòng tin, biết dựa vào đồng bào nhân dân yêu nước và họ cố tiến lên cùng với thời đại, tích cực tìm phương cứu nước.

Vừa lúc đó họ tiếp nhận được nguồn ảnh hưởng «gió Mỹ mưa Âu đã làm ồn ào vũ trụ»<sup>(1)</sup>, những «ngọn triều Âu tràn vào bốn mặt» làm cho tỉnh giấc mộng. Đúng như cụ Huỳnh Thúc Kháng nói: «Đồng nội mịt mù, đêm dài dằng dặc, bỗng đâu gà hàng xóm gáy lên một tiếng, giấc mộng quân chúng chợt tỉnh dậy. Sau cuộc Trung – Nhật chiến tranh (1894), Canh Tý liên binh (1900), người Trung Hoa đã dịch các học thuyết Đông – Tây, sách báo của các danh nhân như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, tạp chí của phái cách mạng Tôn Dật Tiên lần lượt lọt vào nước ta. Trong học giới có bạn đã sẵn có tư tưởng quốc gia, cùng đau lòng với giống nòi, được đọc loại sách báo nói trên, như trong buồng tối, bỗng chợt thấy tia ánh sáng lọt vào, những học thuyết mới như «cạnh tranh sinh tồn», «nhân quyền tự do» gần chiếm cả cái chủ đích môn khoa cử ngày trước, mà một tiếng sét nổ đùng, có sức kích thích mạnh nhất thấu vào tâm não người Việt Nam ta»<sup>(2)</sup>.

Nội dung tư tưởng của những sách báo ấy đem lại cho các nhà nho tiên bộ

này nhiều nhận thức mới mẻ. Những học thuyết «tân dân» đã lóe lên trong đầu óc những nhà nho Việt Nam yêu nước đang đi tìm đường cứu nước, biến thành những gợi ý đầy sức hấp dẫn để giải đáp các vấn đề lịch sử đang đặt ra. Nhà tư tưởng cải lương dân chủ tư sản Trung Quốc đã cổ vũ họ bằng những lời thiết tha như: «Một quốc gia sở dĩ thành lập được là vì dân tập hợp nên mà thành. Nước mà có dân cũng như thân thể có tứ chi, ngũ tạng, gân cốt, huyết mạch. Chưa bao giờ có chuyện tứ chi bị cắt, ngũ tạng bị lao, gân cốt bị thương, huyết mạch bị kiệt mà thân thể tồn tại được. Cũng chưa bao giờ có chuyện dân tộc ngu lậu, khiếp nhục, tản mát, hỗn loạn mà quốc gia có thể đứng vững được...»<sup>(3)</sup>.

Những đoạn văn đầy hình tượng nhằm diễn dịch những tư tưởng dân chủ, dân quyền của cuộc Cách mạng Pháp như trên thật có sức hấp dẫn, kích động lòng người. Các sĩ phu yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ này đã đón nhận nó như là một thứ vũ khí mới để ứng dụng trong cuộc chiến đấu của mình. Nhưng vũ khí thuộc hệ tư tưởng tư sản đó, một thứ vũ khí vay mượn không phải được hình thành và tôi luyện trong cuộc đấu tranh chống phong kiến của chính bản thân những người yêu nước tiên bộ này, nên không khỏi có nhiều điều phiến diện, hạn chế và tiêu cực. Đó là chưa kể chính hệ tư tưởng tư sản này đối với thế giới ở vào thời điểm đầu thế kỷ XX đã là thứ «quả cuối mùa». Người sinh ra nó, chủ nghĩa 'tư bản giờ đây đã biến thành chủ nghĩa đế quốc và nó đã trở nên vũ khí trong tay của những tên đao phủ đối với các dân tộc thuộc địa. Tuy vậy các sĩ phu yêu nước «tân học» ở

(1) Phan Bội Châu. *Ngục trung thư*. Nxb Nippon – Bunka – Kaikan. H., 1915. tr. 25.

(2) Huỳnh Thúc Kháng *Bức thư bí mật*. Nxb Anh Minh, Huế, 1957, tr. 36.

(3) Âm Bạng Thất. *Văn tập. Tân dân thuyết*. Hương Cảng Thiên Hàng xuất bản xã, 1950. T. 36. (CT tr. 4).

nước ta lúc này cũng đã cố gắng tìm hiểu, chọn lọc và đem ứng dụng những tư tưởng tư sản vào trong đường lối cứu nước của mình. Họ đã xóc lên được một phong trào cứu nước ở đầu thế kỷ XX mà sử sách còn trân trọng ghi nhận. Đó là Phong trào Duy tân hội — Đông du — Việt Nam Quang phục hội theo xu hướng bạo động cách mạng do Phan Bội Châu lãnh đạo; Phong trào Duy tân — Cải cách do Phan Châu Trinh đứng đầu; Phong trào cải cách tư tưởng, văn hóa — xã hội của nhóm Đông Kinh Nghĩa thực chủ trương.

Dưới đây chúng ta lần lượt tìm hiểu sơ qua về các phong trào và các nhân vật tiêu biểu đó, để thấy dấu ấn tư tưởng dân chủ tư sản đậm nhạt khác nhau ở trong họ.

PHAN BỘI CHÂU (1867 — 1940). Quê ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ Tĩnh, là một nhà nho eo hẹp danh vọng, có lòng yêu nước nhiệt thành, từng kiên trì tìm đường cứu nước, cố gắng tiến lên kịp với thời đại trong chủ trương cứu nước của mình. Từ năm 1898, trên bước đường hoạt động, tìm kiếm, lập hợp đồng chí, tại Huế, Phan Bội Châu đã được đọc những «tân thư» như *Phổ - Pháp chiến kỷ*, *Trung Đông chiến kỷ*, *Doanh hoàn chí lược*, rồi lại được đọc bài *Thiên hạ đại thế luận* của Nguyễn Lộ Trạch (người tiếp thu nhiều tư tưởng cải cách, duy tân của Nguyễn Trường Tộ trước đó), làm cho «tư tưởng thế giới» của Phan Bội Châu «bắt đầu nảy mầm». Phan viết: «Tôi xem những sách ấy mới hiểu sơ qua về tình hình cạnh tranh trên thế giới và thảm trạng mất nước, nơi giống diệt vong, lòng tôi càng được kích thích thêm... Từ đây tư tưởng thảo cừ sỏ lông của tôi bắt đầu rung động. Dù đứng vào hoàn cảnh uất ức chưa trở ra được, tôi vẫn sẵn sàng đợi chờ cơ hội, mãi hơn hai năm sau mới được phát triển chí nguyện của mình» (4).

Tiếp đến, qua những năm tháng ngược xuôi, kiên nhẫn tìm kiếm bạn bè, đồng chí, tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm vận

động cách mạng của các nước, Phan Bội Châu dần dần xác lập đường lối cứu nước của mình theo hướng mới của thời đại. Trong *Lưu Cầu huyết lệ tân thư* viết năm 1903, một văn kiện chứa đựng nhiều tư tưởng mới, có ý nghĩa lý luận, góp phần chỉ đạo một giai đoạn hoạt động thực tiễn của Phan Bội Châu, nói rõ: «thảm trạng thành tan nước mất, những nỗi như nhục đời chúa làm tôi» nên «dân trí phải gấp mở mang, dân khí phải gấp bồi dưỡng để làm nền tảng cho việc cứu nước» và «hy vọng những nhà đương đạo, những bậc hao kiệt làm nên sự nghiệp bất hủ, lưu truyền sử sách» (5). Qua nội dung của cuốn sách này, ta thấy trong chương trình cứu nước của Phan Bội Châu, tuy chỉ mới nhấn mạnh về dân trí, dân khí, chưa trực tiếp đề cập nhiều đến dân quyền, dân sinh... nhưng đã có thái độ phê phán đối với trật tự xã hội cũ, một xã hội do những ông vua đầu hàng bán nước đứng đầu. Trước kia, theo quan niệm phong kiến cho rằng nước là của vua, trong nước không có đất đai nào không phải là của vua, không có người dân nào không phải là tôi con của vua. Vua với nước là một. Vua có nhiệm vụ giữ nước, bề tôi có bổn phận tuyệt đối trung thành với vua, cũng tức là với nước. Nhưng đến nay phải quan niệm lại: «Quyền bính của nước là ở quan lại, ở nhân dân». «Quyền bính thu về dân thì quan lại là quan lại của ta, nhân dân là nhân dân của ta. Làm được ba điều ấy, tức là giữ được quốc thể», mà «ba điều nói trên thì châu dân khí là trước hết». Phan Bội Châu lớn tiếng kêu gọi: «Dân tộc Việt Nam ta ơi! Dân tộc ta thì tuyệt diệt! Vì các ông vua, các ông ấy muốn lấy cái uy quyền chuyên chế mà tuyệt diệt ta!

« Dân tộc Việt Nam ta ơi! Dân tộc ta thì tuyệt diệt! Vì chính ta lại

(4) Phan Bội Châu *niên biểu*. Nxb Văn Sử Địa, H. 1957, tr. 32.

(5) Phan Bội Châu. *Ngục trung thư*. Sđd tr. 21.

muốn lấy cái vỏ ý thức của ta mà tự diệt!»<sup>(6)</sup>.

Tác giả của những dòng trên đây khó lòng xem là một người còn yêu thích gì chế độ quân chủ. Hơn nữa, trước đó khi trao đổi ý kiến với những người đồng chí tâm phúc như Ngự Hải, Tiểu La, ... Phan Bội Châu cũng nói: «Phải bắt buộc làm theo châu Âu...»<sup>(7)</sup>, có nghĩa là bắt buộc các cuộc cách mạng dân chủ tư sản phương Tây.

Năm 1904, Phan Bội Châu sáng lập ra *Duy tân hội*, vạch rõ cương lĩnh: Đánh đổ giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, lập ra một Chính phủ độc lập theo thể chế quân chủ lập hiến<sup>(8)</sup>, vua chỉ có danh mà không có thực quyền. Với sự kiện lịch sử thành lập *Duy tân hội*, chúng ta có thể nói rằng Phan Bội Châu là người Việt Nam đầu tiên đã khai sinh ra một đảng chính trị theo đúng ý nghĩa hiện đại của từ này. Xét về hình thức tổ chức và tôn chỉ, mục đích của *Duy tân hội*, nó đã khác với những tổ chức hội đảng dưới thời phong kiến, chỉ là sự tập hợp những người vũ dũng có tính chất địa phương và gắn liền trực tiếp với cá tính của một người cầm đầu. Đó là những hội đảng tập hợp nhau theo kiểu «uống máu ăn thề» của những đảng Hào hay Hắc Long, những hội Tam diêm, Tam hợp v.v... Trái lại, *Duy tân hội* đã có một «cương lĩnh hành động» được ghi lại thành một văn kiện chính thức trong cuộc họp lần thứ hai tại Quảng Đông năm 1906. Rồi từ *Duy tân hội*, những chi hội của nó như Công hiến hội hoạt động ở Nhật Bản nhằm điều hành công việc học tập của gần 200 lưu học sinh Việt Nam trong thời gian Đông du 1905—1909. Đồng thời các chi nhánh của *Duy tân hội* cũng được thiết lập ở nhiều địa phương trong nước và ở nước ngoài. Cho đến năm 1912, *Duy tân hội* được cải tổ thành *Việt Nam Quang phục hội* và đến năm 1924, lại cải tổ thành *Việt Nam Quốc dân đảng* có cương lĩnh, điều lệ, Chính sách cụ thể ngày càng hoàn thiện, tương tự như

*Hưng Trung hội*, *Đồng Minh hội* và *Trung Quốc Quốc dân đảng* là các hội đảng chính trị của giai cấp tư sản Trung Quốc trong những năm 20 trở về trước, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của bác sĩ Tôn Dật Tiên.

*Duy tân hội* đánh dấu bước phát triển mới của tư tưởng Phan Bội Châu và phong trào cách mạng do Phan Bội Châu lãnh đạo trên con đường tiến lên, hoàn chỉnh dân hệ tư tưởng tư sản. Trong tác phẩm *Hải ngoại huyết thư* (1906) và nhất là trong tác phẩm *Tân Việt Nam* (1907), ta thấy Phan Bội Châu đã xác định đúng đắn mục tiêu chiến lược của cách mạng dân tộc dân chủ. Đó là nhờ, như Phan nói: «được nghiên cứu kỹ nguyên nhân cách mạng nước ngoài và chính thể ở các nước, rất say sưa về lý luận của Lu Thoa (Rousseau)»<sup>(9)</sup>. Trong tác phẩm *Tân Việt Nam*, Phan Bội Châu đã dự định xây dựng một nước Việt Nam mới theo mô hình Nhà nước dân chủ tư sản: «Giữa đô thành nước ta đặt một Tòa Nghị viện lớn, Bao nhiêu việc chính trị đều do công chúng quyết định», pháp luật cũng «bắt buộc theo hình pháp của nước Nhật Bản và của các nước châu Âu» v.v... Sự tồn tại của một ông vua ở đây không hề làm mất tính chất dân chủ tư sản của xã hội đó. Bởi vì chính Phan Bội Châu cũng phê phán uy quyền chuyên chế của nhà vua, và khẳng định: «Trên là vua, nên đề hay nên truất; dưới là quan, nên thăng hay nên giáng; dân ta đều có quyền quyết đoán cả»<sup>(10)</sup>. Song nội dung dân chủ mà Phan Bội Châu đề cập đến trong thời *Duy tân hội* cũng như trong thời *Việt Nam Quang phục hội* với tôn chỉ «đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc», cũng chỉ

(6) Trích theo Bùi Đình, *Vụ án Phan Bội Châu*. Nxb Tiếng Việt, Hà Nội, 1950, tr. 72.

(7), (8) *Phan Bội Châu niên biểu*, Sđd, tr. 69

(9) Phan Bội Châu niên biểu Sđd, tr. 60.

(10) Phan Bội Châu, *Tân Việt Nam*, Bản chữ Hán Chương Thâu dịch chưa xuất bản.

giới hạn trong phạm vi tổ chức bộ máy nhà nước và bảo đảm những quyền tự do, dân chủ về mặt pháp luật mà thôi. Phan Bội Châu chưa bao giờ vượt ra khỏi giới hạn đó để nêu ra và giải quyết yêu cầu dân chủ cơ bản của cách mạng ở nước ta là vấn đề ruộng đất. Có thể nói đó là sự hạn chế chung của thời đại mà tất cả các sĩ phu yêu nước đương thời đều không thể vượt được. So với cuộc cách mạng tư sản Trung Quốc do Tôn Dật Tiên lãnh đạo thì khẩu hiệu chính trị của nó, ngoài việc « đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc », còn có hai vấn đề rất quan trọng là « bình quân địa quyền » và « tiết chế tư bản ». Nhưng hai vấn đề cuối này, Phan Bội Châu và Việt Nam Quang phục hội đã không đặt ra. Rõ ràng đó là một sự bất cập, một sự hạn chế trong tư tưởng dân chủ tư sản của Phan Bội Châu. Sự hạn chế có tính chất lịch sử này phải đợi đến khi có những người mắc xit xuất hiện trên vũ đài chính trị và cách mạng Việt Nam ở cuối những năm 20, thì nó mới được đề ra trong « Cương lĩnh chính trị » của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Công lao của Phan Bội Châu đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam chủ yếu là nằm trong giai đoạn này. Phan Bội Châu là người chỉ huy sĩ tiên phong đứng ra gánh lấy những nhiệm vụ lịch sử lớn lao nhất của thời đại. Nhiệt tình yêu nước và tinh thần chiến đấu tích cực của Phan Bội Châu đã bộc lộ rõ ở chủ trương cách mạng dân tộc, tương đối triệt để, ở thủ đoạn bạo động, ở chính sách đoàn kết, ở tranh thủ ngoại viện, ở giáo dục truyền thống, ở chủ nghĩa anh hùng v.v...<sup>(1)</sup>, nhằm thực hiện tốt công cuộc cách mạng đó. Đồng thời với quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách này, tư tưởng dân chủ tư sản của Phan Bội Châu cũng đã hình thành một cách tương đối trọn vẹn. Có thể nói vào những năm đầu thế kỷ XX cho đến Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ý chí diệt thù cứu nước của Phan Bội

Châu là tiêu biểu cho nguyện vọng của cả một dân tộc. Và cũng vì vậy tư tưởng chính trị của Phan Bội Châu trong giai đoạn này có nhiều yếu tố tích cực và là đỉnh cao trong sự nhận thức về chính trị của cả nước. Phan Bội Châu đã đóng góp nhiều công sức nhất vào việc xây dựng một nội dung tư sản cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta đầu thế kỷ XX. Những tư tưởng dân chủ của Phan Bội Châu đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân ta đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và bẻ gãy tay sai của chúng là triều đình Huế phản động, để giành độc lập dân tộc và dân chủ cho nhân dân. Cái danh hiệu « nhà yêu nước lớn » với sự tôn kính rất mực của người đương thời và của các thế hệ sau đối với Cụ cũng là do những cống hiến lịch sử đó.

PHAN CHÂU TRINH (1872 – 1926). Quê ở huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Ông đậu Phó bảng, làm quan trong một thời gian ngắn rồi cáo về, đi khắp trong nước và sang Nhật Bản để xem xét thời cuộc. Ông sớm có tư tưởng yêu nước, lại chịu ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản qua « tân thư ». Con đường cứu nước của Phan Châu Trinh khác với Phan Bội Châu. Ông chủ trương bãi bỏ chế độ quân chủ phong kiến, thực hiện dân chủ, khai thông dân trí, mở mang công thương nghiệp. Không bạo động, không nhờ ngoại viện, ông muốn nhờ vào chính buyền thực dân, vin vào những lời tuyên bố hứa hẹn của chúng mà làm chính trị công khai, mở dân quyền, dân chủ và hạnh phúc cho nhân dân. Ông nói: « Tôi có định kiến rồi, công việc của chúng ta làm ngày nay chỉ nên chú trọng về việc khai hóa cho đồng bào mình, tiến được bước nào chắc chắn bước ấy, mới có hy vọng về sau được. Còn như chủ trương muốn làm mau, muốn lấy võ lực mà bạo động trong nước, hay là nhờ sức một nước

(1) Xem thêm: Chương Thâu. Phan Bội Châu. Con người và sự nghiệp cứu nước. Nhà Nghệ Tĩnh. Vinh 1982.

ngoài đề nổi quân cách mạng, việc ấy tất nhiên phải thất bại, sau một cuộc thất bại, tiếp đến dân bị khùng bỏ, nhuệ khí thêm nhụt đi không có ích gì, tôi không tán thành chủ trương ấy »<sup>(12)</sup>

Chủ trương, đường lối cứu nước của Phan Châu Trinh thể hiện khá hoàn chỉnh trong *Bức thư gửi Toàn quyền Beau* ngày 15/3/1906, trong đó Phan Châu Trinh tố cáo mạnh mẽ bọn quan lại hà hiếp, bóc lột nhân dân vì do Chính phủ dùng tống đề dễ sai bảo, Nhà nước bảo hộ lại khinh rẻ sĩ phu, gia tăng thuế khóa, khiến cho «tình ý» giữa Chính phủ và nhân dân không thông, tạo nên một tình thế hết sức nguy hiểm. Cuối cùng, tác giả yêu cầu cải lương chính sách bảo hộ. Huỳnh Thúc Kháng cũng là một nhà nho yêu nước, người đồng hương và có gần quan điểm, tư tưởng với Phan Châu Trinh lúc đó, đã nói về «kế hoạch cứu nước» của Phan Châu Trinh qua bức thư nổi tiếng ấy như sau: «Tiên sinh nghĩ rằng lấy nội tình ngoại thế và thời cuộc mà nói, ngày nay không có quốc dân nội lực, thì làm chi cũng không có kết quả được. Người mình không lo khai thông dân trí, liên lạc đoàn thể, để làm cơ sở mà chỉ ngồi trông người ngoài. Không những thế, học hội, dân đoàn là cần nhất, không có không được, và nên tổ chức đầu tiên đã, mà theo tình thế trong nước ngày nay, thì phải lấy công lý yêu cầu, làm việc quang minh chính đại, chứ không thể làm vụng, làm lén được. Nước Pháp là một nước đề ra Dân quyền cho thế giới... nay bảo hộ ta... Các nước láng giềng lại có lòng dòm ngó như thế này, mà cứ để cho dân thuộc địa mình đã ngu lại hèn, thì chắc không phải là lợi cho nước bảo hộ. Nếu có người chỉ rõ cuộc nguy hiểm ra thế này, nguồn tệ lại ra thế kia mà bàn bạc một cách lương lợi lâu dài, biết đâu chính sách bảo hộ người ta không thay đổi lại?»<sup>(13)</sup>

Kiên trì tư tưởng cải lương bất bạo động, Phan Châu Trinh đã cùng với các nhà duy tân khác như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... triển khai đường

lối cứu nước của mình theo khẩu hiệu «chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh».

Năm 1907, Phan Châu Trinh ra Bắc tham gia thành lập, giảng dạy, diễn thuyết cho Đông Kinh Nghĩa thực, ra sức phát huy tư tưởng duy tân, cải cách dân chủ. Năm 1908, khi nổ ra phong trào «xin sưu chống thuế» ở các tỉnh Trung Kỳ, Phan Châu Trinh bị coi là «người chịu trách nhiệm về tinh thần» của phong trào này, và đã bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Tại đây, Phan Châu Trinh lại nói với anh em ở đảo rằng: «Nước Pháp là một nước làm tiền đạo văn minh của hoàn cầu, nay hiện bảo hộ nước ta, mình nhân đó mà học theo, chuyên tâm về mặt khai trí trị sinh, các việc thực dụng; dân trí đã mở rộng, trình độ ngày sẽ một cao, tức là cái nền độc lập ngày sau ở đây»<sup>(14)</sup>.

Năm 1911, nhờ có sự can thiệp của Hội Nhân quyền Pháp, Phan Châu Trinh được trả lại tự do, sau đó xin sang Pháp «cư trú chính trị». Ở Pháp, trong suốt 14 năm ròng rã, Phan Châu Trinh vẫn kiên trì tư tưởng dân chủ cải lương tư sản của mình. Năm 1922, khi Khải Định sang Pháp, Phan Châu Trinh viết bức thư kể bày tội của hắn nhằm tố cáo Khải Định cùng với chế độ phong kiến Nam triều thối nát trước dư luận. Năm 1925, Phan Châu Trinh về nước. Cuối năm đó, tại Sài Gòn, Phan Châu Trinh có hai cuộc diễn thuyết trước đông đảo công chúng về đề tài «Quản trị và Dân trị chủ nghĩa», và «Đạo đức và luân lý Đông-Tây». Đến lúc này (1925), Phan Châu Trinh vẫn mang tư tưởng cũ, vẫn tin vào sự khai hóa «chân thành» của thực dân Pháp (1), vẫn chống lại đường lối

(12) Dẫn theo Huỳnh Thúc Kháng-Thi từ tống thoại. Nxb Nam Cường. Sài Gòn, 1951, tr. 167.

(13) Huỳnh Thúc Kháng, *Phan Tây Hồ tiền sinh lược sử*. Nxb Anh Minh, Huế, 1960, tr.44.

(14) Dẫn theo Huỳnh Thúc Kháng, *Thi từ tống thoại*. Sđd. tr. 176.

cách mạng bạo động, và văn chủ trương «muốn có một nền đạo đức luân lý vững vàng, thì không chỉ bằng ta hết sức đem dùng các chủ nghĩa dân chủ châu Âu. Chủ nghĩa dân chủ chính là một vị thuốc hay dùng để chữa cái độc chuyên chế của mình»<sup>(15)</sup>

Phong trào Duy tân do Phan Châu Trinh và các đồng chí của Phan phát động, cổ vũ, thực hiện đã có tác dụng nâng cao tình cảm dân tộc và chí tiến thủ của nhân dân. Từ chỗ hưởng ứng phong trào, nhân dân miền Trung tiến tới cuộc đấu tranh rầm rộ hơn vào năm 1908 để chống lại sự bóc lột sưu thuế nặng nề của thực dân Pháp.

Những hoạt động của Phan Châu Trinh từ 1905 đến thời gian trước và sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất chứng tỏ Phan là một nhà nho yêu nước, sớm giác ngộ tư tưởng dân chủ tư sản, dù là cải lương chủ nghĩa, vẫn là những tư tưởng tiến bộ của thời đại bấy giờ, có những đóng góp lớn vào công cuộc vận động cứu nước ở nước ta đầu thế kỷ XX. Lòng nhiệt thành yêu nước với cả cuộc đời hoạt động cứu nước sôi nổi, đầy sóng gió, gian khổ của Phan Châu Trinh đáng để cho hậu thế noi gương và lịch sử mãi mãi trân trọng.

**ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC**, xuất hiện ở Hà Nội từ tháng 3-1907 đến tháng 12-1907 dưới hình thức một trường học hợp pháp và mở rộng phạm vi hoạt động của nó ra các tỉnh xung quanh trên các lãnh vực: tư tưởng, văn hóa, giáo dục, xã hội, kinh tế... Nó có ý nghĩa như là một phong trào cải cách tư tưởng, văn hóa, đã góp phần vào công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX theo quỹ đạo «dân chủ tư sản».

Sáng lập ra Đông Kinh Nghĩa thực là các nhà nho yêu nước tiến bộ, có ít nhiều «tân học» và có tư tưởng mới (tư sản) như các cụ Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Hoàng Tăng Bí v.v.. nhằm mục đích thông qua những hoạt động đa dạng và phong phú của nhà trường để:

— Bồi dưỡng và nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc và chí tiến thủ cho quần chúng.

— Truyền bá một nền học thuật mới và nếp sống văn minh.

— Phối hợp hành động với các sĩ phu đã xuất dương và hỗ trợ cho phong trào Đông du.

*Trường Đông Kinh Nghĩa thực* từng phổ biến một văn bản quan trọng được coi như là «Cương lĩnh hành động», đó là tác phẩm *Văn minh tân học sách* (chủ trương nền tân học văn minh). Nó có chủ trương rõ ràng về mặt tư tưởng là: «Xét ra các nước ở châu Âu, trên có nghị viện duy trì quốc trị, dưới có báo quán đề đạo đạt hạ tình. Đại trước tác thì có *Dân ước luận* của Lư Thoa (Rousseau), *Tiến hóa luận* của Tư Tàn Tắc (Spencer), *Dân quyền thiên* của Mạnh Đức Tư Cửu (Montesquieu). Suy rộng ra, nào diễn thuyết, nào thi ca, đều cốt để phát huy cái chủ nghĩa yêu nước, yêu nòi giống»<sup>(16)</sup>... Về mặt chính trị, nhằm học tập ở: «Người châu Âu, họ tổ chức chính quyền trong nước có chính thể lập hiến, có chính thể quân dân cộng hòa. Cứ số bao nhiêu người dân thì cử một người làm Nghị viên. Hết bản đến một vấn đề gì thì trước phải khai hội, kẻ bàn người nói, sớm sửa đi, chiều sửa lại, cốt làm cho đúng chân lý, hợp với tình hình»<sup>(16)</sup>.

Đông Kinh Nghĩa thực, một nhà trường «vi nghĩa», trước hết giáo dục cho nhân dân lòng yêu nước, thương nòi và trách nhiệm của mỗi người dân trước nạn nước. Trong tài liệu giáo khoa dạy cho học sinh, có những bài đầu tiên: «quyền lợi và trách nhiệm», «lòng yêu nước», «lòng ái quần», «lòng trung nghĩa», «chí tiến thủ», «óc cạnh tranh» v.v...

«Lòng yêu nước của quốc dân mà sâu nặng thì nước sẽ mạnh. Nước ta là cha

(15) Phan Châu Trinh. *Đạo đức và luân lý Đông Tây*.

(16) Xem Chương Thâu. *Đông Kinh Nghĩa thực*... Nxb Hà Nội, 1982, tr. 107 - 108.

mẹ chung của hơn hai mươi triệu người chúng ta. Không yêu cha mẹ mình và không yêu nước mình đều là trái với thiên tính của loài người»! (17).

Yêu nước thì phải có lòng trung nghĩa, phải biết thiên chức của mình là phải có óc cạnh tranh, lòng tự trọng, chí tiến thủ, phải biết hợp quần, cũng tức là phải biết đoàn kết, đồng lòng, đồng sức... đề bảo vệ, xây dựng đất nước.

Bài học «vỡ lòng» của Đồng Kinh Nghĩa thực nhấn mạnh: «Có được sự cùng sinh, cùng dưỡng từ mấy ngàn năm nay là nhờ có sự hợp quần vậy. Bể gầy một mũi tên thì dễ, bể mười mũi tên thì khó. Có mười người mà mỗi người chèo một thuyền thì chậm, nhưng mười người cùng chèo một thuyền thì nhanh. Bầy càng lớn thì sức người càng dày. Cho nên người ta, trên thế giới chưa ai lìa bỏ xã hội, mà lại có thể sống được. Đã cùng chung một xã hội, mà sự đoàn kết có độ dày mỏng là do lòng ái quần của người ta có độ dày mỏng, rộng hẹp khác nhau» (18).

«Quốc dân ta mà còn muốn tồn tại trên đời, thì ắt là phải đem sức lực, sắt máu để cùng cạnh tranh. Nếu cứ chịu dễ mất chủ quyền, một ngày chưa lấy lại, thì là một ngày không còn mặt mũi nào để đứng trên trái đất vậy» (19).

Và Đồng Kinh Nghĩa thực của các nhà nho tân tiến nhằm hướng mọi người đến mục tiêu:

«Sống trong thời buổi cạnh tranh lớn ngày nay, kẻ kia tiến một bước, ta cũng

phải tiến một bước. Cần phải biết tự cường vậy. Bọn thiếu niên chúng ta nếu ai ai cũng cố gắng làm quốc dân biết tiến thủ thì ở thế kỷ XX này biết đâu cái thế giới của người da trắng kia lại không là thế giới của người da vàng vậy» (20).

Đồng Kinh Nghĩa thực còn tổ chức nhiều buổi diễn thuyết, bình văn, đọc thơ ca để phổ biến trong các giới đồng bào những thơ văn yêu nước và cách mạng của các nhà Đồng du như thơ ca của Phan Bội Châu, của Nguyễn Thượng Hiền và của các nhà cải cách như thơ ca của Phan Châu Trinh, của Trần Quý Cáp và thơ ca của chính các nhà nho, nhà giáo của Đồng Kinh Nghĩa thực. Qua nội dung thơ văn đó, những tác phẩm đã khá quen thuộc với chúng ta ngày nay như *Hải ngoại huyết thư*, *Đề lĩnh quốc dân ca*, *Hợp quần doanh sinh thuyết*, *Tỉnh quốc hồn ca*, *Cáo hủ lậu văn*, v.v... đều nói lên tinh thần dân tộc, dân chủ, chống đế quốc, chống phong kiến, phê phán các tệ nạn xã hội rất mạnh mẽ.

Đồng Kinh Nghĩa thực tuy hoạt động khá sôi nổi trên địa hạt văn hóa – xã hội, nhưng nó không nhằm giải phóng dân tộc về mặt văn hóa – xã hội, mà trước hết và bao trùm là yêu cầu giải phóng về mặt chính trị và tư tưởng dân chủ, nét đặc sắc của thời đại cách mạng tư sản dân quyền. Quá trình hoạt động của nó đã nói lên đầy đủ mặt bản chất đó. Vì vậy thực dân Pháp đã nhanh chóng tìm cách đàn áp, dập tắt và ra lệnh đóng cửa nhà trường sau hơn 9 tháng tồn tại ngắn ngủi của nó.



Trở lên trên, chúng tôi đã lướt qua mấy nét về ý nghĩa cách mạng tư sản Pháp và ảnh hưởng của nó đối với lớp nhà nho tân tiến, yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX. Đây có thể coi là «thế hệ thứ hai» của các nhà trí thức Việt Nam chịu ảnh hưởng nền dân chủ tư sản Pháp (sau thế hệ thứ

nhất: Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ ở giữa thế kỷ XIX) và đã thể hiện rõ trong đường lối cứu nước của mình. (xem tiếp trang 90)

(17), (18), (19) Chương Thâu – *Đồng Kinh Nghĩa thực Sứ*.

Phần thứ hai: «Tài liệu giảng dạy, học tập và tuyên truyền của Đồng Kinh Nghĩa thực»

## MỐI QUAN HỆ GIỮA HAI SỰ KIỆN LỊCH SỬ CÙNG THỜI ĐIỂM, KHÁC TÍNH CHẤT

PHAN HUY LÊ

**N**ĂM 1989 này, ngày 5 Tết Kỷ Tỵ (ngày 10-2-1989) nhân dân Việt Nam vừa kỷ niệm 200 năm đại thắng Xuân Kỷ Dậu của phong trào Tây Sơn và ngày 14-7 sắp tới, nhân dân Pháp kỷ niệm 200 năm Đại cách mạng Pháp.

Hai sự kiện trọng đại của lịch sử Việt Nam và lịch sử Pháp của hai đất nước ở hai phương trời Đông và Tây cách xa nhau đến vạn dặm, thuộc hai đại lục khác nhau, nhưng lại xảy ra cách đây 200 năm, gần như cùng một thời điểm chỉ sớm muộn hơn nhau 165 ngày (tính từ 5 Tết Kỷ Dậu tức 30-1-1789 đến 14-7-1789). Về một phương diện nào đó, hai sự kiện lịch sử trên cùng biểu thị sức mạnh quật khởi của quần chúng nhân dân với sự liên kết và đấu tranh giữa các tầng lớp xã hội khác nhau, cùng mang tính chất chống thù trong gặc ngoài, cùng phản ánh tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc sâu sắc và những khát vọng về quyền sống con người của quần chúng.

Nhưng dĩ nhiên hai sự kiện trên mang tính chất, qui mô, tần cỡ lịch sử hoàn toàn khác nhau, diễn ra trong những điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa tư tưởng cũng hoàn toàn khác nhau.

Đại thắng Xuân Kỷ Dậu - 1789 là đỉnh phát triển và thắng lợi cao nhất của một phong trào nông dân và phong trào dân tộc của nhân dân Việt Nam khi mà những tiền đề cho một cuộc cách mạng xã hội hoàn toàn chưa có, khi mà Việt Nam và cả phương Đông nói chung đang lâm vào tình trạng trì trệ của một xã hội

tiền tư bản chủ nghĩa kiểu Á châu. Vì vậy, phong trào Tây Sơn sau khi đánh đổ các vương triều thống trị trong nước, xóa bỏ tình trạng chia cắt, bước đầu lập lại nền thống nhất đất nước, và đập tan quân xâm lược từ hai phía nam và bắc bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, đã không thể vươn lên một cuộc cách mạng xã hội. Chính trên vũ công oanh liệt mùa Xuân Kỷ Dậu - 1789, một vương triều Tây Sơn đã thành lập với một số chính sách dựng nước tích cực dưới triều vua Quang Trung (1788 - 1792), nhưng rồi vương triều Tây Sơn cũng nhanh chóng suy thoái và bị thay thế bằng một vương triều Nguyễn năm 1802, trong lúc kết cấu kinh tế - xã hội và hệ tư tưởng về cơ bản không có gì thay đổi lớn. Những thắng lợi vẻ vang của phong trào Tây Sơn để lại những dấu ấn sâu đậm trong lịch sử Việt Nam và tác động đến một số nước láng giềng, nhưng cũng chỉ giới hạn trong một mức độ và khu vực nhất định.

Cách mạng Pháp năm 1789 là một cuộc cách mạng tư sản vĩ đại đã được cả một quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản trong lòng xã hội phong kiến chuẩn bị về mặt kinh tế - xã hội và thế kỷ ánh sáng trước đó chuẩn bị về mặt tư tưởng. Sự kiện phá ngục Bastilles ngày 14-7-1789 là mốc mở đầu (tất nhiên trong giới sử học đang thảo luận về sự mở đầu và kết thúc của cách mạng Pháp) cho một tiến trình cách mạng quyết liệt dẫn đến sự thủ tiêu chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập nền

cộng hòa, chấm dứt thời đại phong kiến, mở ra thời đại phát triển của chủ nghĩa tư bản trong lịch sử nước Pháp. Cách mạng Pháp còn đập tan các cuộc tiến công của các liên minh phong kiến phản động châu Âu, gây chấn động mãnh liệt đối với toàn bộ lục địa châu Âu và cắm một cột mốc lớn trong lịch sử phát triển của nhân loại.

Có người coi phong trào Tây Sơn là cách mạng Tây Sơn, rồi đem so sánh cách mạng Tây Sơn với cách mạng Pháp, so sánh Quang Trung Nguyễn Huệ với Napoléon Bonaparte. Theo tôi, đó là những so sánh hết sức khiên cưỡng, không những không giúp ích gì cho nhận thức lịch sử mà còn dẫn đến những quan niệm mơ hồ làm sai lệch bản chất các sự kiện lịch sử. Đây tôi muốn nói đến sự so sánh không phân biệt đúng điều kiện và bản chất của lịch sử, còn sự so sánh tổng quát đề coi Nguyễn Huệ và Napoléon đều là hai thiên tài quân sự lại là vấn đề khác.

Tuy nhiên giữa hai sự kiện lịch sử trên không phải không có những mối quan hệ, ảnh hưởng dù là gián tiếp và khách quan.

Trước khi Cách mạng Pháp bùng nổ gần 2 năm, một hiệp ước đã được ký kết giữa vương triều Louis XVI với Nguyễn Ánh. Đó là hiệp ước Versailles ký ngày 28-II-1787 giữa bá tước Montmorin đại diện cho Louis XVI và giám mục Pigneau de Béhaine đại diện cho Nguyễn Ánh. 10 điều khoản của hiệp ước bộc lộ rõ một âm mưu và tham vọng của triều đình Versailles muốn lợi dụng cuộc xung đột giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh, dưới danh nghĩa viện trợ cho Nguyễn Ánh để can thiệp vào nội tình nước ta, giành một số quyền lợi chuẩn bị cho sự thâm nhập và xâm lược về sau. Nhưng lúc bấy giờ, chế độ quân chủ chuyên chế Pháp đang trong cuộc khủng hoảng, tài chính lại kiệt quệ, và tình thế cách mạng đang đến gần. Vì vậy, vua Louis XVI cũng tỏ ra do dự

khi giao cho bá tước De Conway ở Ấn Độ «quyền tổ chức đoàn quân viễn chinh hay trị hoãn việc thi hành...»<sup>(1)</sup>. Rồi sự bùng nổ và thắng lợi của *Cách mạng Pháp đã ngăn chặn việc thực hiện hiệp ước Versailles*, và khách quan đã có tác dụng giúp Việt Nam thoát khỏi một âm mưu can thiệp của chính quyền Versailles.

Tuy nhiên, giám mục thành Adran vẫn không chịu bỏ mắt cơ hội, ra sức vận động bọn tư bản ở các thuộc địa Pháp quyên tiền, mộ lính, sắm vũ khí giúp Nguyễn Ánh. Ngày 24-7-1789, 10 ngày sau sự kiện phá ngục Bastilles, tàu Méduse chở Pigneau de Béhaine và hoàng tử Cảnh cập bến vùng Tàu đem theo viện trợ quân sự cho Nguyễn Ánh lúc đó đã chiếm được vùng Gia Định.

Lực lượng viện trợ do giám mục thành Adran tổ chức vận động, không bao nhiêu về số tàu (2 chiếc), số người (18 người Pháp và một số người Âu, sau khi Bá Đa Lộc chết vào tháng 10-1799 chỉ còn 5 người Pháp) và số vũ khí. Lực lượng viện trợ quân sự này cũng không phải là nhân tố quyết định làm thay đổi tương quan lực lượng giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Năm 1782, thủy quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã đánh đắm một chiếc tàu Pháp do Manuel chỉ huy. Trong bài hịch gửi quan lại và quân dân hai phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn ngày 27-8-1792, 19 ngày trước khi tử trận, Quang Trung đã coi bọn lính đánh thuê đó chỉ là «những xác chết bị sóng biển Bắc đánh giạt vào» và «có gì lạ đề tàu trình với ta về những chiếc tàu đồng và khinh khí cầu của bọn chúng»<sup>(2)</sup>.

(1) Ch. Maybon *Histoire moderne du pays d'Annam*, Paris 1919, p. 232.

(2) Bản dịch tiếng Pháp trong *Etat actuel du Tonkin, de la Cochinchine et des royaumes de Cambodge, Laos et Lac Tho của De La Bissachère*, Paris 1812 và *La relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mr. De La Bissachère của Ch. Maybon* Paris 1920.

Nhưng mặt khác, cũng phải thấy rằng, qua sự viện trợ và tiếp xúc này, chính Nguyễn Ánh đã tiếp thu được một số thành tựu kỹ thuật phương Tây như việc đóng chiến thuyền, sử dụng vũ khí, tổ chức quân đội và xây thành theo kiểu Vauban. Thư của giáo sĩ Le Labousse ngày 24-4-1800 ghi nhận: «xưởng đóng tàu có hàng nghìn người làm việc dưới sự chỉ bảo trực tiếp của Nguyễn Ánh: đóng được 4 tàu theo kiểu Tây Âu, tàu lớn mang 26, có cái mang 36 đại bác, mỗi tàu chở trên 300 thủy thủ»<sup>(3)</sup>.

Nhưng như nhà sử học Pháp giáo sư J. Chesneaux đã nhận xét đúng khi viết: «một nhóm bọn phiến lưu, đào ngũ và di cư mà ông ta (Bá Đa Lộc) chiêu mộ khi mà đất nước (nước Pháp) đang phải đương đầu với những cuộc tiến công liên tiếp của quân đội toàn châu Âu, không nghi ngờ gì sẽ bị xử bắn ngay nếu chúng rơi vào tay những người cầm quyền của nước Pháp cộng hòa»<sup>(4)</sup>. Những viện trợ và thành tựu kỹ thuật phương tây mà Nguyễn Ánh tiếp nhận được không chứng tỏ mối quan hệ và ảnh hưởng trực tiếp giữa cách mạng Pháp và lịch sử Việt Nam lúc đó, lại càng không liên quan gì đến những tư tưởng vĩ đại của Cách mạng Pháp thời bấy giờ. Khi phong trào Tây Sơn đang phát triển và thắng lợi cũng như khi triều Quang Trung đang tồn tại, những nhân tố ngoại viện đó có tăng cường thêm ít nhiều lực lượng Nguyễn Ánh, nhưng hầu như không phát huy được tác dụng gì đáng kể. Cuộc phản công thắng lợi của Nguyễn Ánh sau đó có phần tác dụng của nhân tố này, nhưng nguyên nhân chủ yếu là sự mâu thuẫn và thoái hóa nhanh chóng của vương triều Tây Sơn sau khi Quang Trung từ trần.

Cuộc cách mạng Pháp rồi cuộc chiến tranh ở châu Âu đã làm gián đoạn trong một thời gian nền thương mại giữa nước Pháp và phương Đông. Trong hoàn cảnh đó, bọn tư bản thuộc địa không đại diện cho cho những tư tưởng

tiến bộ của cách mạng Pháp, đều có thái độ muốn hướng sự buôn bán và viện trợ cho Nguyễn Ánh chống lại Tây Sơn, xa lánh chính quyền Tây Sơn dù họ thừa nhận rằng chính quyền Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ tỏ ý mở rộng quan hệ buôn bán với phương tây và khoan dung hơn đối với tôn giáo.

Năm 1777, Charles Chapman với hai chiếc tàu Jenny và Amazone do toàn quyền Anh ở Ấn Độ phái đến Đàng Trong, có cập bến Qui Nhơn, yết kiến Nguyễn Nhạc tại thành Hoàng Đế. Chính Nguyễn Nhạc đã tỏ ý mời người Anh đến buôn bán, giúp tàu chiến và cử chuyên gia đến huấn luyện quân sự, nhưng Ch. Chapman đã thoái thác và không quay lại.

Thư của Sérard gửi Blandin ngày 1-5-1792 và thư của Girard gửi Boriet ngày 25-11-1792 cho biết, tại Phú Xuân Quang Trung có sử dụng Girard làm ngự y và nhờ ông ta mời người châu Âu đến buôn bán<sup>(5)</sup>. Thư của Longer gửi Letondal ngày 6-6-1793 cho biết, trước đó Quang Trung đã từng cấp mớn bài cho một số thuyền phương Tây đến thông thương<sup>(6)</sup>.

Trong số các lãnh tụ Tây Sơn thì Quang Trung Nguyễn Huệ là người có tinh thần dân tộc mạnh mẽ, lại thông minh, quyết đoán và mẫn cảm nhất, có khả năng tiếp nhận những tư tưởng và thành tựu kỹ thuật mới mẻ. Nhưng trong nước thì chưa có điều kiện hình thành một tầng lớp xã hội mới, một hệ tư tưởng mới có thể tác động đến nhận thức và chủ trương xây dựng đất nước của Quang Trung. Thái độ thù địch và xa lánh của bọn tư bản thuộc

(3) Archives des Missions étrangères de Paris, Cochinchine Volume 746, p 870.

(4) J. Chesneaux *Contributio à l'histoire de la nation vietnamienne*, Paris 1955, p. 63.

(5) Đặng Phương Nghi — *Triều đại Quang Trung dưới mắt các nhà truyền giáo phương Tây*, Sử địa số 13, tr. 151.

(6) Đặng Phương Nghi — *Triều đại Quang Trung dưới mắt các nhà truyền giáo phương Tây*, Sử địa số 13, tr. 172.

địa làm cho Quang Trung không được tiếp xúc với những trào lưu tư tưởng, văn hóa, những thành tựu kỹ thuật phương Tây và những lý tưởng cao cả của đại cách mạng Pháp cùng những đại biểu chân chính của những xu thế tiến bộ đó.

Quang Trung lúc bấy giờ chỉ có những võ tướng tài ba dũng lược đã dày dạn chiến trận và những sĩ phu yêu nước thương dân nhưng tầm nhìn và suy nghĩ vẫn trôi buộc trong hệ tư tưởng Nho giáo đã lỗi thời.

Đó là những lý do quan trọng cắt nghĩa tại sao những chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa của Quang Trung, tuy có mặt tiến bộ và tích cực, nhưng không vượt qua được những khuôn mẫu có sẵn và không thể vươn tới những cải cách mạnh mẽ.

Đại cách mạng Pháp trong cao trào đấu tranh quyết liệt chống thù trong giặc ngoài đã đạt đến những tư tưởng cách mạng tiến bộ nhất của thời đại bấy giờ. Cuộc cách mạng đó cũng diễn ra trong thời điểm gần với phong trào Tây Sơn ở Việt Nam. Nhưng do những điều kiện lịch sử khác nhau, cuộc cách mạng đó đã ngăn chặn và thi hành hiệp ước Versailles, còn những tư tưởng cách mạng của nó thì chưa có ảnh hưởng gì đến phong trào Tây Sơn cũng như lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XVIII. Phải hơn một thế kỷ sau, những nhà yêu nước và cách mạng Việt Nam mới tiếp nhận được những tư tưởng tiến bộ của Đại cách mạng Pháp, trong điều kiện bối cảnh lịch sử của hai nước và thời đại đã thay đổi. Đó là vấn đề khác ngoài phạm vi bài viết này.

## ẢNH HƯỞNG CÁCH MẠNG TƯ SẢN...

(Tiếp theo trang 85)

Đặc điểm của thế hệ nho sĩ này khi tiếp thu ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản Pháp là tiếp thu một cách gián tiếp qua sách báo «tân thư» và qua tư tưởng của các chính khách Trung Quốc hồi cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX. Những tư tưởng dân chủ của cuộc Đại cách mạng tư sản Pháp đối với lớp nhà nho Việt Nam yêu nước ấy đã bị khúc xạ qua thời gian và không gian nên đã không còn nguyên dạng nữa. Hơn nữa, các cụ vốn là nhà nho, còn chứa đựng trong mình nhiều tư tưởng Nho giáo, nên khi tiếp thu «cải mới»: tư tưởng tư sản mà các cụ gọi là «mưa Âu gió Mỹ» ấy cũng vấp phải nhiều hạn chế chủ quan và khách quan, nên tư tưởng dân chủ tư sản ở thế hệ các cụ cũng pha tạp khá nhiều tính chất của xã hội cổ truyền phương Đông; nhưng dù sao đó cũng là một sự tiến bộ xã hội đáng được ghi nhận.

Tiếp theo thế hệ các cụ Phan và nhóm Đông Kinh Nghĩa thực, sau Chiến tranh

thế giới thứ nhất, nhất là vào những năm 20, lịch sử cận đại Việt Nam sẽ ghi nhận tiếp một thế hệ «những nhà trí thức tư sản «Tây học» như Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh là những người trực tiếp tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây với những đặc điểm khác. Cho đến những năm 30, 40 của thế kỷ này, những người mác xít tiền bối ở Việt Nam vẫn còn tiếp tục gạn lọc những tư tưởng dân chủ tư sản tiến bộ nhất để tiếp thu và thể hiện trong «Chương lĩnh chính trị» cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930) và trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945.

Tháng 02 năm 1989

(20) Chương Thâu. *Đông Kinh Nghĩa thực*, Sđd. Phần thứ hai: «Tài liệu giảng dạy, học tập và tuyên truyền của Đông Kinh Nghĩa thực»:

## Vài suy nghĩ về

## CÁCH MẠNG PHÁP 1789

## VÀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA CHÚNG TA

BỬU NAM

**J**EAN Noel Jeanneney, Chủ tịch Ủy ban kỷ niệm 200 năm cách mạng Pháp và bản Tuyên ngôn những quyền con người và quyền công dân, đã viết đại ý như sau :

« Năm nay chúng ta kỷ niệm cách mạng Pháp, một bà rất già (une très vieille dame), bà đã 200 tuổi (1789—1989). Nhưng cách mạng Pháp đã lỗi thời chưa ? Người ta chỉ kỷ niệm nó bằng cách chôn vùi nó dưới những vòng hoa của lời tụng ca hay còn một cái gì khác nữa ? Một trong những thành tựu sáng chói của Cách mạng Pháp là bản Tuyên ngôn về những quyền, quyền con người và quyền công dân đặt cơ sở trên một thứ chủ nghĩa công dân lịch cực và có trách nhiệm vẫn không ngừng cõ vũ những nghị lực ». Và ông kết luận : « Cách mạng Pháp, ngược lại vẫn chứng tỏ sức trẻ trung của nó, sự năng động như đang tự làm mới lại và nó vẫn còn có giá trị phổ quát »<sup>(1)</sup>.

Cuộc Cách mạng Pháp 1789 đối với ngày nay như thế nào ? Đó là những bài học, những điều bổ ích được rút ra từ đó ? Nhất là đối với cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa đang tự đổi mới và riêng với đất nước chúng ta công cuộc đổi mới càng cấp thiết hơn.

Cuộc đổi mới vĩ đại ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu hiện nay thực ra là một cuộc cách mạng

không đồ máu với ý nghĩa toàn diện và triệt để, nhằm dân chủ hóa toàn bộ xã hội, nhằm giải phóng tư tưởng và giải phóng lực lượng sản xuất khỏi chủ nghĩa quan liêu trì trệ, bảo thủ. Đó là một cách vận dụng bài học về « cách mạng dân chủ » của cách mạng Pháp (một trong những bài học lớn mà người ta thường nhắc đến về cuộc cách mạng vĩ đại này) trong một ý nghĩa nào đó, dĩ nhiên với một sắc thái khác trong một điều kiện khác (trong điều kiện của Đảng cộng sản cầm quyền, mục tiêu xây dựng xã hội văn là chế độ xã hội chủ nghĩa).

Nhiều sử gia đã so sánh thời kỳ chuyển chính Giacobanh với chủ nghĩa cộng sản thời chiến của Stalin. Cả hai thời kỳ này có một số đặc điểm giống nhau như hoàn cảnh đất nước bị lâm nguy, kẻ thù bên ngoài đe dọa, kẻ thù bên trong nổi dậy, vận dụng một chính sách kinh tế chỉ huy, kiểm soát lương thực thực phẩm gắt gao, đặc biệt là một chính sách khủng bố mạnh mẽ (có hiệu quả lúc ban đầu đối với kẻ thù, nhưng sau trở thành việc thanh trừng nội bộ vì quyền lực một cá nhân hay một nhóm), Thời kỳ chuyển chính Giacobin này có hiệu quả trong một thời kỳ nhất định, nhưng khi hoàn cảnh đã trở lại

(1) Le Monde (1989), số đặc biệt về Cách mạng Pháp.

gần như bình thường hay bình thường, tình hình đã trở nên ổn định, thời chiến đã trở sang một phần thời bình, việc tiếp tục nó sẽ làm cho xã hội không phát triển, tư tưởng con người hải sự bị tê liệt, giảm sức năng động sáng tạo, lực lượng sản xuất bị cản trở, đình trệ. Chính ở thời kỳ này, theo một số sử gia, đã nảy sinh chủ nghĩa quan liêu (bởi chính quyền có quyền lực vô hạn không ai có thể kiểm soát).

Ở Liên Xô và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa đang diễn ra một quá trình cải tổ mạnh mẽ về cơ chế, về nhân sự, về luật pháp, về các cơ quan dân cử, về sự mở rộng ngôn luận, báo chí mang tính công khai, tính dân chủ, với chính sách đối ngoại chuyển từ đối đầu sang đối thoại, cắt giảm chi phí quân sự, rút quân ở nước ngoài về... Bài học về dân chủ của cách mạng Pháp đã được vận dụng hoàn thiện và nâng cao trong một hoàn cảnh mới, trên một chất lượng mới. Sự có mặt và sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đảm bảo cho quá trình dân chủ mà không bị quay ngược trở lại một thời kỳ phản động như sau ngày 9 tháng Tết mardo của thời kỳ cách mạng Pháp. Bài học về cách mạng dân chủ cũng gắn hữu cơ với bài học về phong trào cách mạng của quần chúng: Chưa bao giờ phong trào quần chúng có ý thức về nhiệm vụ lịch sử của chính mình như bây giờ (có lẽ chỉ trừ thời kỳ của Cách mạng Tháng Mười), họ là một lực lượng có ý thức đề phi quan liêu hóa xã hội, đề đưa cách mạng tiến lên trong sự sáng tạo của mình và trong sự đổi mới của Đảng.

Ở phương Đông, Trung Quốc đang làm một cuộc đổi mới quan trọng. Ở đây cũng đang diễn ra một quá trình phi Mao hóa. Ngoài bài học về cách mạng dân chủ đầu không rậm rạp bằng Liên Xô, và các nước Đông Âu, có thể nói Trung Quốc đang vận dụng phần nào bài học về cuộc cách mạng tư sản, đặc biệt là những bài học về quan hệ sản xuất tư

bản, quy luật thị trường và quy luật hàng hóa, sự kích thích vật chất đối với người lao động và các cơ sở sản xuất.

Ở Việt Nam chúng ta sự nghiệp đổi mới như thế nào?

Chúng ta thấy trước Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam, tình hình tài chính, ngân sách đang lâm vào khủng hoảng, nền kinh tế kiệt quệ chưa khôi phục đề phát triển, các tập thư khiếu nại, thỉnh nguyện thư, kiến nghị, phổ biến của mọi giới kể cả Việt kiều ở hải ngoại gửi liên tục đến Ban trị bị Đại hội.

Đảng ta đã nêu cao khẩu hiệu « Lấy dân làm gốc », « dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra », thực chất là phát triển, nâng cao bài học về phong trào quần chúng gắn bó với những người lãnh đạo tiên tiến của các quốc hội trong nhiều thời điểm của cách mạng Pháp (Đảng ta đã có nhiều kinh nghiệm này hồi 1945, thời chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ). Chúng ta biết phong trào nông dân vùng dấy đề xóa bỏ tô thuế, đốt các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu phong kiến, đốt các láu dãi phong kiến trong thời kỳ nổi sợ hãi lớn (la grande peur) đã đem lại đêm 4 tháng 8 - 1780 vĩ đại của phiên họp Quốc hội Pháp, quyết định xóa bỏ những đặc quyền về phong kiến ruộng đất, đêm đó đã trở thành một biểu tượng của Đại cách mạng Pháp. Phong trào mạnh mẽ của quần chúng « sans culottes » của Paris và các tỉnh đã nhiều lần cứu thoát Quốc hội và chính quyền cách mạng khỏi những âm mưu phản cách mạng, thúc ép Quốc hội và chính quyền cách mạng ban hành những sắc lệnh tiến bộ trừng trị bọn quý tộc phản động, bọn đầu cơ, ấn định giá tối đa đối với lương thực, thực phẩm cơ bản, xung phong trong các đạo quân tình nguyện đánh bọn xâm lăng và dẹp nội chiến. Gắn bó với phong trào cách mạng của quần chúng, gắn bó với những đòi hỏi về dân quyền, dân sinh, dân chủ thì những tư tưởng cách mạng mới có

máu thịt, chính quyền cách mạng mới vững mạnh. Khi xa rời khỏi quần chúng thì cách mạng dễ có nguy cơ mất chính quyền, như trường hợp phái Robespierre, sau khi đã lên tới độ quyền hành đã thanh trừng phái Hébert có gốc rễ gần với phong trào Sans-culottes, cho nên đến khi nhiều thành viên của Quốc ước sợ bị Robespierre chia mũi dùi khủng bố vào họ, họ đã vận động đa số Quốc ước bắt ông và phe ông, mặc dầu tiếng chuông cấp báo khắp Paris kêu gọi quần chúng đến cứu nguy cho lãnh tụ của mình, nhưng quần chúng đã không hưởng ứng.

Bài học về cách mạng dân chủ trong đó bài học đầu tiên « lấy dân làm gốc » là một trong những đặc điểm cơ bản của cuộc đổi mới của chúng ta.

Việc cải tổ cơ chế, Hội đồng nhân dân các cấp và Quốc hội mặc dầu chỉ mới là bước đầu cũng đem lại không khí trao đổi, bàn bạc, thảo luận sôi nổi, các đại biểu mang nguyện vọng của các cử tri đến xem xét lại các chính sách, tổ cáo những sự lạm quyền, kiến nghị các sửa đổi, đề nghị những phương thức mới bảo đảm quyền của người dân, kiểm tra các hoạt động của chính quyền, đề xuất những biện pháp mới cải tổ luật pháp và quản lý kinh tế nhà nước...

Một điểm mới khác nữa là phong trào báo chí và tự do ngôn luận.

Phong trào báo chí rầm rộ và phong phú dưới thời cách mạng Pháp là quyền thứ 4 của công dân để bảo đảm cho tự do của người dân, quyền của công luận tố cáo những lạm quyền và kêu gọi hành động cách mạng của quần chúng. Ở Paris đầu năm 1789 chỉ có một tờ báo hàng ngày là tờ *Nhật báo Paris* (Le Journal de Paris) tồn tại trước đó đã 20 năm, đến cuối năm đã có 23 tờ báo hàng ngày. Từ tháng 5 đến tháng 12-1789 đã có thêm 184 tờ báo và năm sau có 335 tờ báo. Phong trào báo chí thời cách mạng Pháp đã góp phần cổ vũ nhiệt tình cách mạng của quần chúng, phổ biến vào quần chúng

những sắc lệnh cách mạng, nói lên nguyện vọng bức thiết của quần chúng. Nổi tiếng là tờ *Bạn dân* (*L'Ami du peuple*) của Marat; mĩa mai và châm biếm với tờ *Những người cách mạng Pháp và pháp luật* (*Les Révolutions de France et de brabant*) của Dextmulanh; bình dân và thường cực đoan như tờ *Cha Dụysonơ* (*Le Père Duchesne*) của Êbê và tờ *Người bảo vệ nhân dân* (*Le Tribun du peuple*) của Babôp.

Trên tinh thần dám nhìn thẳng vào sự thật, chống những hiện tượng tiêu cực, đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư của Đảng đã ra lời kêu gọi « Những việc cần làm ngay ». Có mối liên hệ tương ứng giữa hai thời kỳ, thời cách mạng Pháp và thời kỳ đổi mới của chúng ta về tự do báo chí. Dĩ nhiên, tự do báo chí, tự do dân chủ của chúng ta là tự do, dân chủ xã hội chủ nghĩa; dân chủ có lãnh đạo. Như Bộ chính trị đã chỉ rõ, để bảo đảm mở rộng tính dân chủ, công khai, cần xây dựng Luật báo chí, Luật xuất bản.

Một bài học lớn của cách mạng dân chủ là cai trị bằng pháp luật « Quốc gia và luật pháp » là khẩu hiệu lớn của thời Cách mạng Pháp 1789. Khẩu hiệu « Mọi người dân hãy làm theo luật pháp » của thời kỳ đổi mới của chúng ta có cái gì tương tự như thế.

Một trong những nguyên tắc lớn của cách mạng dân chủ là nguyên tắc phân quyền, gồm ba quyền độc lập với nhau mặc dầu gắn bó hữu cơ, là: quyền hành pháp, quyền lập pháp, quyền tư pháp do ba cơ quan độc lập là chính quyền, quốc hội, các tòa án tư pháp đảm nhiệm. Sự phân quyền này bảo đảm vững chắc cho quyền công dân. Quyền lực sẽ hạn chế quyền lực, hạn chế sự lạm quyền. Nguyên tắc lớn này dựa trên cuốn « Tinh thần pháp luật » (*L'Esprit des Lois*) của Môngtexkiơ đã được vận dụng trong mọi thể chế dân chủ. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của chúng ta cũng nên chẳng tiếp thu và vận dụng nền tảng khoa học này.

«Tuyên ngôn về những quyền con người và quyền công dân» là một thành tựu sáng chói của Cách mạng Pháp 1789, đó là một công trình tập thể, biểu hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân Pháp. Dù được viết trong một thời điểm lịch sử nhất định, cách đây 200 năm, nhưng do phát ngôn thay cho mơ ước của toàn nhân loại bị áp bức, cho nên nhiều điểm của bản Tuyên ngôn này vẫn có giá trị phổ quát, chừng nào mà nhân loại chưa đi ra khỏi những hoàn cảnh, những giới hạn tương đối của các chính quyền và cơ chế xã hội mà con người thiết lập nên. Bác Hồ của chúng ta đã nhắc tới bản Tuyên ngôn này trong «Tuyên ngôn Độc lập» năm 1945 của nước ta đề nhấn mạnh quyền được tự do và hạnh phúc của một dân tộc phải được giải phóng khỏi chế độ thực dân. Chúng ta đã bảo vệ được quyền của một dân tộc độc lập và tự do. Nhưng do chiến tranh và do một thứ «chủ nghĩa cộng sản thời chiến», quyền của người dân, quyền công dân chưa được tôn trọng và chú ý đúng mức. Cái chung đã lấn át cái riêng, quyền của dân tộc, quyền quốc gia đã được chú trọng nhiều hơn quyền mỗi người dân và đôi khi có sự trừu tượng hóa dễ làm nổi bật quyền dân tộc. Thực ra việc đổi mới là phải trở về lại một nguyên tắc cơ bản: cái chung dựa trên cái riêng, đặt cơ sở trên cái riêng, chỉ tồn tại có hiệu quả trên cái riêng. Quyền của một dân tộc phải đặt nền tảng trên quyền mỗi công dân, quyền mỗi người dân. Sự đổi mới của nền dân chủ hóa là trở về với cội nguồn

của quyền công dân này. Nguyên lý về Khế ước xã hội (Le contrat social) của J.J. Rút-xô là cội rễ cho bản Tuyên ngôn này, cần được chúng ta nghiên cứu lại, tiếp thu và vận dụng trên cơ sở mới: cơ sở quyền công dân xã hội chủ nghĩa.

Một điều nữa có thể học hỏi trong cách mạng Pháp là bài học về nhân sự. Hàng trăm con người mới trước đó còn vô danh không ai biết đến, những nhà bác, những trạng sư, những nhà văn, những nhà khoa học, những đại biểu của các tầng lớp nhân dân khác nhau... phụng chức cuộc cách mạng nở ra và trong tên trình cách mạng, do đại biểu cho nguyện vọng của nhân dân họ đã trở thành những nhân vật lãnh đạo sáng chói, lung lẫy cả thế giới như Robespierre, Danton, Marat, Xanh Giuýt, Êbe, Ôsơ Canô, Dexamianh... (Giăng Nôen Giannone cho biết tuổi trung bình của các đại biểu Quốc hội lập pháp 1791 chỉ là 25 tuổi), cuộc phỏng vấn Élen Côtônông với Chủ tịch Ủy ban kỷ niệm 200 năm cách mạng Pháp. Tạp chí Lịch sử Pháp số đặc biệt về cách mạng Pháp, 113, trang 123). Do vậy theo ý chúng tôi, chúng ta không lo là không có những người tài, những người có năng lực đủ sức quản lý quốc gia. Một khi có không khí đổi mới thực sự với sự cải tổ mạnh mẽ các cơ quan dân cử, sẽ có những người tài mới xuất hiện từ chân trời vô danh.

Trên đây là một số suy nghĩ sơ bộ, bước đầu về những bài học của cách mạng Pháp 1789 và công cuộc đổi mới của chúng ta.

# HỘI THẢO KHOA HỌC :

## « 200 NĂM CÁCH MẠNG PHÁP: 1789 - 1989 »

**N** GÀY 10-4-1989 tại Hà Nội, UBKHXHVN đã tổ chức Hội thảo khoa học « 200 năm Cách mạng Pháp: 1789 - 1989 », với sự tham gia của nhiều Giáo sư, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy của các Viện thuộc UBKHXHVN, Viện LSQSVN, Viện BICMVN, khoa Lịch sử của các trường ĐHTH Hà Nội, ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Huế; các nhà nghiên cứu sử học và nghiên cứu văn học lão thành. Hai Giáo sư Pháp: Michel Vovelle và Daniel Hémerly cũng gửi báo cáo khoa học tham gia Hội thảo.

Giáo sư Phạm Như Cương, Chủ nhiệm UBKHXHVN, đọc diễn văn khai mạc Hội thảo nêu lên ý nghĩa lịch sử vĩ đại và những cống hiến lao động của Cách mạng Pháp đối với lịch sử loài người đề cập đến những ảnh hưởng sâu sắc của Cách mạng Pháp đối với lịch sử cách mạng VN.

Hơn 30 bản tham luận khoa học gửi đến tham gia Hội thảo đã tập trung theo hai chủ đề chính sau đây:

1) Về Cách mạng Pháp. Các bản tham luận chú ý đi sâu nghiên cứu, thảo luận về các vấn đề quan trọng của cuộc cách mạng này như: ý nghĩa thời đại, tính chất dân chủ tư sản, tính chất nhân dân, bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền, thuyết « tam quyền phân lập », tư tưởng dân chủ tư sản: tự do - bình đẳng, v.v...

Các tác giả cũng nêu lên những thành tích nổi bật của Cách mạng Pháp đã đạt được

trong thời kỳ này như: lật đổ chế độ phong kiến ở trong nước, mà tiêu biểu là triều đình Louis XVI, thiết lập nên Đế nhất Cộng hòa. Nhà nước dân chủ tư sản; đánh thắng ngoại xâm bảo vệ độc quốc; thiết lập nên chuyên chính Giacôbanh, đấu tranh chống Thiên chúa giáo La Mã (1789 - 1801), giải quyết từng bước vấn đề ruộng đất cho nông dân, v.v...

Ngoài ra, các tác giả còn giới thiệu về: tình hình nước Pháp trước khi bùng nổ Cách mạng 1789, những gương mặt tiêu biểu của Cách mạng Pháp, v.v...

2) Ảnh hưởng của Cách mạng Pháp đối với cách mạng Việt Nam. Các bản tham luận đã nghiên cứu về việc vận dụng tư tưởng dân chủ tư sản của Cách mạng Pháp vào cách mạng VN qua hai thời kỳ: thời kỳ do giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc lãnh đạo, và thời kỳ do giai cấp vô sản lãnh đạo; ảnh hưởng của Cách mạng Pháp đối với các sĩ phu yêu nước, tiến bộ VN đầu thế kỷ XX và các trí thức VN yêu nước từ Đại chiến lần I đến Cách mạng Tháng Tám 1945, v.v...

Đặc biệt, các tác giả đã chú ý nghiên cứu việc những người cộng sản VN đã tiếp thu và vận dụng những bài học tích cực mà Cách mạng Pháp để lại cho nhân loại vào sự nghiệp giải phóng dân tộc ta; mà tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Ái Quốc sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

P.V.

### SUMMARY

**PHAM NHU CUONG** - Bicentennial of the French revolution of 1789.

This opening speech for a scientific symposium on French revolution highlights the influence exerted by the great event of 1789 on the French nation, and on the world in general, over the past 200 years. According to the author, this event also had an impact on several Vietnamese patriots, on Communist militants. It has been conducive to the development of Vietnamese revolution since the early XX century.

**MICHEL VOVELLE** - Milestones for a history of mentalities under the Revolution.

The author sums up the views expressed by such historians as Michelet, Jaurès, Taine, Georges Sorel, G. Lefebvre... He also gives an analysis of several opinions on collective mentalities. He discards the former psychology dealing with the role assumed by the masses and by individuals.

This article sheds a further light on the merciless battle waged by French people in 1789.

**DUONG KINH QUOC** - An outline of France before revolution.

The political and socio-economic situation in France prior to 1789 is described in broad outlines so as to find out the cause of the 1789 explosion.

**VAN TAO - The French revolution of 1789. Nature, meaning and particularities.**

The democratic — bourgeois tendency of the revolution had given rise to the highly developed capitalism. This historical event acquired a national, international and epoch — making character, and exerted a considerable influence on the evolution of mankind from middle to Modern ages, in spite of a number of short comings due to historical conditions.

**DANIEL HEMERY - Problems of French revolution after 200 years.**

Numerous publications dealing with the French revolution have appeared in the last two centuries. However, an end has been put to the golden age of the historiography of the revolution by 500 books published in the last 20 years, in which several scholars try to answer to our question about the revolution and its participants.

**NGUYEN NGOC MINH - The Declaration of 1789 of human and civil rights. Its epoch — making meaning.**

This declaration is a produce of an epoch — making event, in which were participating millions of people under the guidance of the rising bourgeoisie. Its sizable meaning made of it a valuable treasure for mankind.

**NGUYEN XUAN TRUC - «Freedom-Equality» as conceived by French revolutionaries.**

Due to the disparity in the conceptions of Freedom and Equality, a cleavage had arisen in the ranks of the revolution, and led to the coup d'Etat of 9 Thermidor that paved the way to the seizure of power by the reactionary bourgeoisie.

**NGUYEN ANH THAI - On the bourgeois democracy set up in the course of the French revolution.**

There have been existing some mistaken judgments of the bourgeois democracy established under the revolution. The author of this article tries to re-examine the positive and negative aspects of this democracy in order to draw some instructive lessons for our restructuration now being in progress.

**NGUYEN VAN KIEM - The struggle against Roman Catholic church.**

The author documents the victory over Roman Catholic church. In spite of the fact that he had made a few concessions, Napoleon Bonaparte succeeded in setting up a State that gets rid of the influence of the Church.

**DO QUANG HUNG - The president Ho Chi Minh and the French revolution of 1789.**

An abundance of materials enables the author to get an insight into the periods of 1911 — 1919 and 1921 — 1929, in which Nguyen Ai Quoc perceived the revolution of 1789 as a psychological motive force «search after a way of national salvation» in the West and in France. Nguyen Ai Quoc drew from the French revolution some lessons for a strategic line of Vietnamese revolution.

**NGUYEN THANH - The 150th anniversary of French revolution celebrated by Vietnamese communists.**

The sizable meaning of the French revolution was highlighted by Vietnamese communists in 1939. Several demonstrations and meetings were staged by them to fight for democratic freedoms, for an improved welfare, and against fascism and colonial reaction.

**CHUONG THAU - Influence of the French revolution upon a number of patriotic intellectuals of the early XX century.**

Phan Boi Chau, Phan Chu Trinh and some other important people in Dong Kinh Nghia Thue received positively, through progressive publications and contacts with several Chinese and Japanese statesmen, the influence of French revolution and Occidental democracy. This influence was incarnated in their line of national salvation.

**PHAN HUY LE - 200 years of French revolution and the Tay Son movement.**

These two historical events occurred concurrently in 1789, of several similar characteristics. However, their interaction is analysed by this article on the basis of historical facts.

**BUU NAM - The French revolution of 1789 and our restructuration.**

Some opinions are voiced by the author about the French revolution: democratism, popularity, human and civil rights. Those aspects are associated by him with the restructuration being in progress in our country as well as in other socialist ones.

Editor in chief :

**CAO VĂN LƯỢNG**

Address : 38 Hàng Chuối,  
Hà Nội

Tel. N° 53200

---

## **CONTENTS**

|                         |                                                                                                    |    |
|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <b>Pham Nhu Quong</b>   | - Bicentennial of the French revolution of 1789.                                                   | 1  |
| <b>Michel Vovelle</b>   | - Milestones for a history of mentalities under the Revolution                                     | 6  |
| <b>Duong Kinh Quoc</b>  | - An outline of France before revolution.                                                          | 12 |
| <b>Van Tao</b>          | - The French revolution of 1789. Nature, meaning and particularities.                              | 19 |
| <b>Daniel Hemery</b>    | - Problems of French révolution after 200 years.                                                   | 26 |
| <b>Nguyen Ngoc Minh</b> | - The Declaration of 1789 of human and civil rights. Its epoch-making meaning.                     | 36 |
| <b>Nguyen Xuan Truc</b> | - « Freedom - Equality » as conceived by French revolutionaries                                    | 40 |
| <b>Nguyen Anh Thai</b>  | - On the bourgeois democracy set up in the course of the French revolution.                        | 46 |
| <b>Nguyen Van Kiem</b>  | - The struggle against Roman Catholic church (1789 - 1801)                                         | 58 |
| <b>Do Quang Hung</b>    | - The president Ho Chi Minh and the French revolution of 1789.                                     | 68 |
| <b>Nguyen Thanh</b>     | - The 150th anniversary of French revolution celebrated by Vietnamese communists (1789 - 1939)     | 75 |
| <b>Chuong Thau</b>      | - Influence of French revolution upon a number of patriotic intellectuals of the early XX century. | 79 |
| <b>Phan Huy Le</b>      | - 200 years of French revolution and the Tay Son movement.                                         | 87 |
| <b>Buu Nam</b>          | - The French revolution of 1789 and our restructuration                                            | 91 |

## **INFORMATION**

Главный редактор  
КАО ВАН ЛЫОНГ

Адрес редакции:  
38 Hàng Chuối Hà Nội  
Тел 53206

СОДЕРЖАНИЕ

|                 |                                                                                                                                 |    |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| ФАМ НЫ КЫОНГ    | — 200 лет французской революции.                                                                                                | 1  |
| МИШЕЛ ВОВЕЛ     | — Вехи в истории психологических ситуаций в период революции.                                                                   | 6  |
| ЗЫОНГ КИН КУОК  | — Франция на кануне революции 1789 г.                                                                                           | 12 |
| ВАН ТАО         | — Французская революция: Характер. Значение особенность.                                                                        | 19 |
| ДАНИЕЛ ГЕМЕРИ   | — Проблемы французской революции после 200 лет.                                                                                 | 26 |
| НГУЕН НГОК МИНЬ | — Декларация 1789 г. о правах человека и граждан. Историческое и современное ее значение.                                       | 36 |
| НГУЕН ЦУАН ЧУК  | — «Свобода — равенство» в понимании французских революционеров.                                                                 | 40 |
| НГУЕН АН ТХАИ   | — О буржуазной демократии установленной во французской революции                                                                | 49 |
| НГУЕН ВАН КИЕМ  | — Борьба против римской церкви католицизма в буржуазной французской революции. 1789 — 1801 гг.                                  | 58 |
| ДО КУАНГ ХЫНГ   | — Президент ХО ШИ МИН и французская революция.                                                                                  | 68 |
| НГУЕН ТХАН      | — Празднование Вьетнамскими коммунистами 150 лет французской революции (1789 - 1939 г.г.).                                      | 75 |
| ЧЫОНГ ТХАУ      | — Влияние французской революции на некоторых прогрессивных и патриотических ученых конфуцианцев Вьетнама в начале XIX в.        | 79 |
| ФАН ХЫО ЛЕ      | — 200 лет французской революции и тайшонновского движения — связь двух исторических событий одновременно и различного значения. | 87 |
| БЫУ НАМ         | — Некоторые мнения об французской революции 1789 г. и нашем обновлении настоящего времени.                                      | 91 |

ИНФОРМАЦИЯ